

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở xây dựng

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2775/QĐ-UBND ngày 19 tháng 11 năm 2019 của UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết, quản lý của Sở Xây dựng tỉnh An Giang;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh An Giang tại Tờ trình số 416/TTr-SXD ngày 14 tháng 02 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết và phạm vi quản lý của Sở xây dựng. cụ thể:

Phụ lục 1. Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở xây dựng và thực hiện tại một cửa điện tử.

Phụ lục 2. Quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND các huyện, thị xã, thành phố và thực hiện tại một cửa điện tử.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng và các đơn vị có liên quan trên cơ sở quy trình được ban hành kèm theo Quyết định này cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính vào hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các Sở, Ban, Ngành tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; UBND xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

CHỦ TỊCH

Nơi nhận:

- Cục kiểm soát TTHC - VPCP;
- Bộ Xây dựng;
- TT.Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Trung tâm Hành chính công;
- Website tỉnh;
- Lưu: VT, TH.

Nguyễn Thanh Bình

PHỤ LỤC 1
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ XÂY DỰNG
TỈNH AN GIANG

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2020
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

I. Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng

1. Quy trình thẩm định nhiệm vụ (nhiệm vụ điều chỉnh) quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	B-BXD-- TT
	Thẩm định nhiệm vụ (nhiệm vụ điều chỉnh) quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh	Ngày BH/.../20. ...

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, điều kiện để thực hiện nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh.

2. PHẠM VI

Áp dụng cho các tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPV HHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang
- CV: Chuyên viên
- QH: Quy hoạch
- QHCT: Quy hoạch chi tiết

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: <ul style="list-style-type: none">- Luật Xây dựng.- Luật Quy hoạch đô thị.- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ ban hành về thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng.
------------	--

	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 44/2015 /NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng. - Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị. - Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù. - Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị. - Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được chuẩn hóa; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực Quy hoạch - Kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. 		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	<p>5.2.1. Dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh.</p> <p>5.2.2.Nội dung nhiệm vụ quy hoạch xây dựng phải bảo đảm các yêu cầu chung sau đây: phải xác định giới hạn về chỉ tiêu sử dụng đất, dân số; yêu cầu, nguyên tắc về tổ chức không gian kiến trúc, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong khu vực lập quy hoạch, bảo đảm phù hợp với quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đã được phê duyệt và khu vực xung quanh; yêu cầu đánh giá môi trường chiến lược; danh mục, số lượng hồ sơ, sản phẩm, tiến độ và tổ chức thực hiện; tổng dự toán kinh phí lập quy hoạch phân khu đô thị.</p>		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1 Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, (nhiệm vụ điều chỉnh) đồ án quy hoạch chi tiết.	02 bản	
	<p>5.3.2 Thuyết minh:</p> <p>a) Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch; phạm vi ranh giới, diện tích, chức năng, sơ bộ hiện trạng khu vực lập quy hoạch chi tiết. Quy hoạch chi tiết phải thống nhất, cụ thể hóa quy hoạch phân khu đã được</p>		

	<p>phê duyệt.</p> <p>b) Đánh giá sơ bộ hiện trạng, xác định những vấn đề, nội dung cơ bản cần giải quyết trong đồ án quy hoạch chi tiết.</p> <p>c) Dự kiến các chỉ tiêu cơ bản áp dụng trong đồ án về quy mô dân số, nhu cầu sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật trên cơ sở các quy định của quy hoạch phân khu, quy hoạch chung đô thị đã được phê duyệt.</p> <p>d) Yêu cầu cụ thể về việc điều tra khảo sát hiện trạng và thu thập tài liệu.</p> <p>đ) Dự kiến các hạng mục công trình cần đầu tư xây dựng trong khu vực lập quy hoạch chi tiết đô thị; xác định các yêu cầu đối với việc nghiên cứu tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan, sử dụng đất, kết nối hạ tầng kỹ thuật và những yêu cầu khác.</p> <p>e) Xác định danh mục bản vẽ, thuyết minh, phụ lục kèm theo; số lượng, quy cách của sản phẩm hồ sơ đồ án; kế hoạch và tiến độ tổ chức lập quy hoạch.</p>		
	<p>5.3.3 Các bản vẽ in màu thu nhỏ bao gồm: Sơ đồ vị trí khu vực quy hoạch trích từ quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chung đô thị đã được phê duyệt theo tỷ lệ thích hợp và bản đồ ranh giới, phạm vi nghiên cứu, quy mô khu vực lập quy hoạch chi tiết đô thị. Thẻ hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500;</p>		
	<p>5.3.4 Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch. <i>(Dự thảo nội dung quyết định phê duyệt nhiệm vụ: nêu đầy đủ các nội dung về phạm vi ranh giới, diện tích khu vực lập quy hoạch chi tiết; các chỉ tiêu cơ bản về dân số, đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật; các yêu cầu và nguyên tắc về không gian, kiến trúc, cảnh quan, kết</i></p>		

	nổi hạ tầng kỹ thuật và những yêu cầu nghiên cứu khác; danh mục các hạng mục công trình cần đầu tư xây dựng trong khu vực quy hoạch; danh mục hồ sơ đồ án.)			
	5.3.5 Tổng hợp lấy ý kiến nhiệm vụ quy hoạch;			
	5.3.6 Các văn bản pháp lý có liên quan			
5.4	Số lượng hồ sơ: 03 bộ.			
5.5	Thời gian xử lý: 35 ngày làm việc (280 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	- Lệ phí: Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch được xác định bằng 20% so với chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch quy định tại Bảng số 11, phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 35 (ngày làm việc) x 08 giờ = 280 giờ.			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Phiếu Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng QH-KT	04 giờ	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có).	Chuyên viên	132 giờ	Dự thảo Tờ trình trình

	- Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo Tờ trình.	phòng chuyên môn		UBND tỉnh hoặc văn bản hướng dẫn
Bước 3	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở ký Tờ trình hoặc Văn bản	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	12 giờ	Tờ trình trình UBND tỉnh hoặc văn bản hướng dẫn
Bước 4	Trình UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt	UBND tỉnh	120 giờ	Quyết định phê duyệt.
Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ	Quyết định hoặc Văn bản
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	Quyết định hoặc Văn bản

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1		Theo mẫu tại Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ, (nhiệm vụ điều chỉnh) đồ án quy hoạch chi tiết.
2	Thuyết minh nhiệm vụ, (nhiệm vụ điều chỉnh) đồ án quy hoạch chi tiết.
3	Các hồ sơ pháp lý có liên quan tại thành phần hồ sơ đầu vào.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó, chuyển lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.

2. Quy trình thẩm định đồ án (đồ án điều chỉnh) quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Thẩm định đồ án (đồ án điều chỉnh) quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang	Mã hiệu:	B-BXD-- TT
		Ngày BH/.../20. ...

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần	Ngày ban hành

	sửa đổi		sửa đổi	
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, điều kiện để thực hiện **đồ án (đồ án điều chỉnh)** quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh.

2. PHẠM VI

Áp dụng cho các tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPV HHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang
- CV: Chuyên viên
- QH: Quy hoạch
- QHCT: Quy hoạch chi tiết

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	<p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng. - Luật Quy hoạch đô thị. - Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ ban hành về thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng. - Nghị định số 44/2015 /NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng. - Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị. - Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về
------------	--

	<p>hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị. - Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 298/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được chuẩn hóa; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực Quy hoạch - Kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính
	<p>5.2.1. Dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp tỉnh.</p> <p>5.2.2. Quy hoạch xây dựng phải bảo đảm các yêu cầu chung sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, thực trạng đất xây dựng, dân cư, xã hội, kiến trúc, cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật; các quy định của quy hoạch chung, quy hoạch phân khu có liên quan đến khu vực quy hoạch. b) Xác định chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật cho toàn khu vực quy hoạch. c) Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất: xác định chức năng, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị về mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình, khoảng lùi công trình đối với từng lô đất và trục đường; vị trí, quy mô các công trình ngầm (nếu có). d) Xác định chiều cao, cốt sàn và trần tầng một; hình thức kiến trúc, hàng rào, màu sắc, vật liệu chủ đạo của các công trình và các vật thể kiến trúc khác cho từng lô đất; tổ chức cây xanh công cộng, sân vườn, cây xanh đường phố và mặt nước trong khu vực quy hoạch. đ) Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị được bố trí đến mạng lưới đường nội bộ, bao gồm các nội dung sau: <ul style="list-style-type: none"> - Xác định cốt xây dựng đối với từng lô đất; - Xác định mạng lưới giao thông (kể cả đường đi bộ nếu có), mặt cắt, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng; xác định và cụ thể hóa quy hoạch chung, quy hoạch phân khu về vị trí, quy mô bến, bãi đỗ xe (trên cao, trên mặt đất và ngầm); - Xác định nhu cầu và nguồn cấp nước; vị trí, quy mô công trình nhà máy, trạm bơm nước; mạng lưới đường ống cấp nước và các thông số kỹ thuật chi

tiết;

- Xác định nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp năng lượng; vị trí, quy mô các trạm điện phân phối; mạng lưới đường dây trung thế, hạ thế và chiếu sáng đô thị;

- Xác định nhu cầu và mạng lưới thông tin liên lạc;

- Xác định lượng nước thải, rác thải; mạng lưới thoát nước; vị trí, quy mô các công trình xử lý nước bẩn, chất thải.

e) Đánh giá môi trường chiến lược:

- Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện địa hình; các vấn đề xã hội, văn hóa, cảnh quan thiên nhiên;

- Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường; đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian, kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch;

- Đề ra các giải pháp cụ thể giảm thiểu, khắc phục tác động đến môi trường đô thị khi triển khai thực hiện quy hoạch;

- Lập kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

d) Các bản vẽ phải thể hiện trên nền hiện trạng địa hình hoặc địa chính mới đo đạc hoặc mới cập nhật bổ sung;

đ) Màu sắc, đường nét, ký hiệu phù hợp theo quy định tại của hệ thống ký hiệu kèm theo Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Căn cứ Luật Xây dựng;

+ Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị;

+ Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ ban hành về thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

+ Căn cứ Nghị định số 44/2015 /NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

+ Căn cứ Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị;

+ Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

+ Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

	<p>* Lưu ý: Đối với dự án đầu tư xây dựng do một chủ đầu tư tổ chức thực hiện có quy mô nhỏ hơn 5ha (nhỏ hơn 2ha đối với dự án nhà ở chung cư) thì chủ đầu tư có thể lập bản vẽ tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 gửi đến Sở Xây dựng thẩm định và phê duyệt trước khi triển khai dự án.</p>		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1 Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết của UBND cấp huyện và chủ đầu tư - (02 bản chính).	02 bản	
	5.3.2 Thuyết minh tổng hợp có kèm theo bản vẽ in màu thu nhỏ khổ A3 và các văn bản pháp lý có liên quan - (02 bản chính).		
	<p>5.3.3 Bản đồ quy hoạch (05 bản chính):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000 . - Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/500. - Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/500. - Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/500. - Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, tỷ lệ 1/500. - Bản đồ quy hoạch giao thông, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/500. - Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường, tỷ lệ 1/500. - Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật, tỷ lệ 1/500. - Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược, tỷ lệ 1/500. 		
	5.3.4 Dự thảo Tờ trình và Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch - (01 bản).		

	5.3.5 Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết - (01 bản).			
	5.3.6 Tổng hợp lấy ý kiến đồ án quy hoạch			
	5.3.7 Các văn bản pháp lý có liên quan			
	5.3.8 Đĩa CD lưu trữ toàn bộ hồ sơ đồ án quy hoạch bao gồm thuyết minh, bản vẽ và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch - (01 đĩa).			
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
5.5	Thời gian xử lý: 35 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	- Lệ phí: Thu lệ phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 35 (ngày làm việc) x 08 giờ = 280 giờ.			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Phiếu Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng QH-KT	04 giờ	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có).	Chuyên viên phòng	132 giờ	Dự thảo Torr trình trình UBND tỉnh

	- Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo Tờ trình.	chuyên môn		hoặc văn bản hướng dẫn
Bước 3	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở ký Tờ trình hoặc Văn bản	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	12 giờ	Tờ trình trình UBND tỉnh hoặc văn bản hướng dẫn
Bước 4	Trình UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt	UBND tỉnh	120 giờ	Quyết định phê duyệt.
Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HHC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ	Quyết định hoặc Văn bản
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	Quyết định hoặc Văn bản

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1		Theo biểu mẫu tại Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Quyết định phê duyệt đồ án (đồ án điều chỉnh) quy hoạch chi tiết.
2	Thuyết minh và bản vẽ đồ án quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt.
3	Các hồ sơ pháp lý có liên quan tại thành phần hồ sơ đầu vào.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó, chuyển lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.

II. Lĩnh vực Phát triển đô thị

1. Quy trình chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ	Mã hiệu:	B-BXD-- TT
		Ngày BH/.../20. ...

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần	Ngày ban hành
--------------------------	-----------------------------	------------------------	--------------------	---------------

	sửa đổi		sửa đổi	
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, điều kiện để thực hiện Thủ tục Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.

2. PHẠM VI

Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia các hoạt động liên quan đến việc đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPV HHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang
- CV: Chuyên viên
- QH: Quy hoạch
- PTĐT: Phát triển đô thị

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Luật Xây dựng. - Luật Quy hoạch Đô thị số 30/2009/QH12. - Nghị định 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị - Quyết định số 402/QĐ-BXD ngày 18 tháng 4 năm 2013 của Bộ Xây dựng về việc công bố TTHC mới ban hành, bãi bỏ TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính:

	<p>- Việc thực hiện dự án tuyệt đối không được làm thay đổi hoặc gây tổn hại các giá trị văn hóa, kiến trúc, lịch sử,... ban đầu của công trình.</p> <p>- Việc lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện dự án bảo tồn tôn tạo trong khu vực phát triển đô thị được thực hiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, pháp luật về xây dựng, Nghị định 11/2013/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.</p>		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1 Tờ trình đề nghị chấp thuận đầu tư thực hiện dự án.		
	5.3.2 Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư hoặc quyết định chỉ định chủ đầu tư, hoặc văn bản xác nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp chủ đầu tư là chủ sử dụng khu đất thực hiện dự án.		
	5.3.3 Hồ sơ dự án theo quy định gồm: thuyết minh dự án, hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án, hồ sơ thiết kế đô thị (không bao gồm mô hình thu nhỏ khu vực thực hiện dự án), dự án thành phần phục vụ tái định cư, giải phóng mặt bằng (nếu có), các nội dung phối hợp giữa chủ đầu tư và chính quyền địa phương (nếu có).		
	5.3.4 Các văn bản pháp lý kèm theo: Quyết định phê duyệt khu vực phát triển đô thị và kế hoạch triển khai khu vực phát triển đô thị; hồ sơ quy hoạch chi tiết; hồ sơ chứng minh năng lực của chủ đầu tư về tài chính, kinh nghiệm về đầu tư và quản lý phù hợp để thực hiện dự án và các văn bản pháp lý có liên quan khác.		
5.4	Số lượng hồ sơ: 10 bộ hồ sơ bản chính.		
5.5	<p>Thời gian xử lý: Không quá 72 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đối với Bộ Xây dựng và Thủ tướng Chính phủ (không tính thời gian gửi hồ sơ qua đường văn thư và thời gian nhận hồ sơ từ UBND tỉnh – 6 ngày), trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian gửi lấy ý kiến các Bộ ngành liên quan tối đa là 7 ngày kể từ ngày 		

	<p>nhận đủ hồ sơ hợp lệ;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian các Bộ ngành liên quan có trách nhiệm trả lời tối đa là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến; - Thời gian Bộ Xây dựng tổng hợp ý kiến góp ý và có văn bản thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ tối đa là 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được các công văn trả lời từ các Bộ ngành có liên quan; - Thời gian Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành quyết định chấp thuận đầu tư dự án tối đa là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thẩm định của Bộ Xây dựng 			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: Chưa có quy định cụ thể.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 78 (ngày làm việc) x 08 giờ = 624 giờ.			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở. 	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Phiếu Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng QH-KT	04 giờ	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo Tờ trình. 	Chuyên viên phòng chuyên môn	24 giờ	
Bước 3	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở ký Tờ trình hoặc Văn bản	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	12 giờ	UBND tỉnh gửi văn bản trình Thủ tướng và Bộ Xây dựng

Bước 4	Lấy ý kiến các Bộ, Ngành liên quan	Bộ Xây dựng	56 giờ	Văn bản trả lời
Bước 5	Bộ Xây dựng tổng hợp ý kiến các Bộ, Ngành và thẩm định trình Thủ tướng Chính phủ	Bộ Xây dựng	280 giờ	Tờ trình thẩm định hoặc văn bản
Bước 6	Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành quyết định chấp thuận đầu tư dự án	Văn phòng Chính phủ	232 giờ	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
Bước 7	Văn phòng Chính phủ chuyển trả Quyết định cho	Văn thư Văn phòng Chính phủ	08 giờ	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
Bước 8	- UBND tỉnh chuyển trả Quyết định cho Sở Xây dựng - Chuyển kết quả cho TTPVHCC	Văn thư Văn phòng VPUBND tỉnh và Sở	04 giờ	Quyết định của Thủ tướng Chính phủ
Bước 9	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
	Không	Không

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Quyết định chấp thuận đầu tư dự án của UBND tỉnh.
2	Các hồ sơ pháp lý có liên quan tại thành phần hồ sơ đầu vào.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó, chuyển lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.

2. Quy trình chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Mã hiệu:	B-BXD-- TT
		Ngày BH/.../2 0....

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, điều kiện để thực hiện Thủ tục Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.

2. PHẠM VI

Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia các hoạt động liên quan đến việc đầu tư phát triển đô thị mới thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPV HHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang
- CV: Chuyên viên
- QH: Quy hoạch
- PTĐT: Phát triển đô thị

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: <ul style="list-style-type: none">- Luật Xây dựng.- Luật Quy hoạch Đô thị số 30/2009/QH12.- Nghị định 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị- Quyết định số 402/QĐ-BXD ngày 18 tháng 4 năm 2013 của Bộ Xây dựng về việc công bố TTHC mới ban hành, bãi bỏ TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: <ul style="list-style-type: none">- Việc thực hiện dự án tuyệt đối không được làm thay đổi hoặc gây tổn hại các giá trị văn hóa, kiến trúc, lịch sử,... ban đầu của công trình.- Việc lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện dự án bảo tồn tôn tạo trong khu vực phát triển đô thị được thực hiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, pháp luật về xây dựng, Nghị định 11/2013/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1 Tờ trình đề nghị chấp thuận đầu tư thực hiện dự án.		
	5.3.2 Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư hoặc quyết định chỉ định chủ đầu tư, hoặc văn bản xác nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp chủ đầu tư là chủ sử dụng khu đất thực hiện dự án.		
	5.3.3 Hồ sơ dự án theo quy định gồm: thuyết minh dự án, hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án, hồ sơ thiết kế đô thị (không bao gồm mô hình thu nhỏ khu vực thực hiện dự án), dự án thành phần phục vụ tái định cư, giải phóng mặt bằng (nếu có), các nội dung phối hợp giữa chủ đầu tư và chính quyền địa phương (nếu có).		
	5.3.4 Các văn bản pháp lý kèm theo: Quyết định phê duyệt khu vực phát triển đô thị và kế hoạch triển khai khu vực phát triển đô thị; hồ sơ quy hoạch chi tiết; hồ sơ chứng minh năng lực của chủ đầu tư về tài chính, kinh nghiệm về đầu tư và quản lý phù hợp để thực hiện dự án và các văn bản pháp lý có liên quan khác		
	5.3.5 Đĩa CD lưu trữ toàn bộ dữ liệu bao gồm thuyết minh, bản vẽ - (01 đĩa).		
5.4	Số lượng hồ sơ: - Đối với các dự án không phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng: 10 bộ hồ sơ bản chính. - Đối với các dự án phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng: 16 bộ hồ sơ bản chính.		
5.5	Thời gian xử lý: - Đối với các dự án không phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng theo quy định: không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với các dự án phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng theo quy định: không quá 67 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không tính		

	<p><i>thời gian gửi hồ sơ qua đường văn thư</i>), trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thời gian xem xét hồ sơ, chuẩn bị công văn gửi lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng tối đa là 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; + Thời gian Bộ Xây dựng có trách nhiệm trả lời tối đa là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến. Trong trường hợp Bộ Xây dựng phải lấy ý kiến góp ý của các Bộ ngành có liên quan đối với dự án thì thời gian xem xét trả lời tối đa là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến; + Thời gian UBND cấp tỉnh xem xét, ban hành quyết định chấp thuận đầu tư dự án tối đa là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất ý kiến của Bộ Xây dựng. 			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: Chưa có quy định cụ thể.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 67 (ngày làm việc) x 08 giờ = 536 giờ.			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở. 	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Phiếu Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng QH-KT	04 giờ	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). 	Chuyên viên phòng chuyên môn	256 giờ	

	- Trình lãnh đạo Tờ trình.			
<i>Bước 2.1</i>	Cơ quan, liên quan	Bộ Xây dựng	120 giờ	Văn bản trả lời
<i>Bước 2.2</i>	Cơ quan, liên quan	UBND tỉnh	120 giờ	Quyết định phê duyệt
Bước 3	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở ký Tờ trình hoặc Văn bản	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	24 giờ	- Văn bản lấy ý kiến Bộ Xây dựng - Phê duyệt Tờ trình UBND tỉnh.
Bước 4	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ	
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
	Không	Không

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Quyết định chấp thuận đầu tư dự án của UBND tỉnh.
2	Các hồ sơ pháp lý có liên quan tại thành phần hồ sơ đầu vào.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó, chuyển lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.

3. Quy trình chấp thuận đầu tư đối với các dự án tái thiết khu đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Chấp thuận đầu tư đối với các dự án tái thiết khu đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Mã hiệu:	B-BXD-- TT
		Ngày BH/.../2 0...

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, điều kiện để thực hiện Thủ tục Chấp thuận đầu tư đối với các dự án tái thiết khu đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.

2. PHẠM VI

Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia các hoạt động liên quan đến việc đầu tư đối với các dự án tái thiết khu đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPV HHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang
- CV: Chuyên viên
- QH: Quy hoạch
- PTĐT: Phát triển đô thị

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: <ul style="list-style-type: none">- Luật Xây dựng.- Luật Quy hoạch Đô thị số 30/2009/QH12.- Nghị định 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị- Quyết định số 402/QĐ-BXD ngày 18 tháng 4 năm 2013 của Bộ Xây dựng về việc công bố TTHC mới ban hành, bãi bỏ TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: <ul style="list-style-type: none">- Việc thực hiện dự án tuyệt đối không được làm thay đổi hoặc gây tổn hại các giá trị văn hóa, kiến trúc, lịch sử,... ban đầu của công trình.- Việc lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện dự án bảo tồn tôn tạo trong khu vực phát triển đô thị được thực hiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, pháp luật về xây dựng, Nghị định 11/2013/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1 Tờ trình đề nghị chấp thuận đầu tư thực hiện dự án.		
	5.3.2 Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư hoặc quyết định chỉ định chủ đầu tư, hoặc văn bản xác nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp chủ đầu tư là chủ sử dụng khu đất thực hiện dự án.		
	5.3.3 Hồ sơ dự án theo quy định gồm: thuyết minh dự án, hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án, hồ sơ thiết kế đô thị (không bao gồm mô hình thu nhỏ khu vực thực hiện dự án), dự án thành phần phục vụ tái định cư, giải phóng mặt bằng (nếu có), các nội dung phối hợp giữa chủ đầu tư và chính quyền địa phương (nếu có).		
	5.3.4 Các văn bản pháp lý kèm theo: Quyết định phê duyệt khu vực phát triển đô thị và kế hoạch triển khai khu vực phát triển đô thị; hồ sơ quy hoạch chi tiết; hồ sơ chứng minh năng lực của chủ đầu tư về tài chính, kinh nghiệm về đầu tư và quản lý phù hợp để thực hiện dự án và các văn bản pháp lý có liên quan khác		
	5.3.5 Đĩa CD lưu trữ toàn bộ dữ liệu bao gồm thuyết minh, bản vẽ - (01 đĩa).		
5.4	Số lượng hồ sơ: - Đối với các dự án không phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng: 10 bộ hồ sơ bản chính. - Đối với các dự án phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng: 16 bộ hồ sơ bản chính.		
5.5	Thời gian xử lý: - Đối với các dự án không phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng theo quy định: không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với các dự án phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng theo quy định: không quá 67 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không tính		

	<p><i>thời gian gửi hồ sơ qua đường văn thư</i>), trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thời gian xem xét hồ sơ, chuẩn bị công văn gửi lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng tối đa là 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; + Thời gian Bộ Xây dựng có trách nhiệm trả lời tối đa là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến. Trong trường hợp Bộ Xây dựng phải lấy ý kiến góp ý của các Bộ ngành có liên quan đối với dự án thì thời gian xem xét trả lời tối đa là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến; + Thời gian UBND cấp tỉnh xem xét, ban hành quyết định chấp thuận đầu tư dự án tối đa là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất ý kiến của Bộ Xây dựng. 			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: Chưa có quy định cụ thể.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 67 (ngày làm việc) x 08 giờ = 536 giờ.			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở. 	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Phiếu Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng QH-KT	04 giờ	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo Tờ trình. 	Chuyên viên phòng chuyên môn	256 giờ	

<i>Bước</i> <i>2.1</i>	Cơ quan, liên quan	Bộ Xây dựng	120 giờ	Văn bản trả lời
<i>Bước</i> <i>2.2</i>	Cơ quan, liên quan	UBND tỉnh	120 giờ	Quyết định phê duyệt
Bước 3	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở ký Tờ trình hoặc Văn bản	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	24 giờ	- Văn bản lấy ý kiến Bộ Xây dựng - Phê duyệt Tờ trình UBND tỉnh.
Bước 4	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ	
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	

6. BIỂU MẪU

T	Mã hiệu	Tên biểu mẫu

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Quyết định chấp thuận đầu tư dự án của UBND tỉnh.
2	Các hồ sơ pháp lý có liên quan tại thành phần hồ sơ đầu vào.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó, chuyển lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.

4. Quy trình chấp thuận đầu tư đối với các dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Chấp thuận đầu tư đối với các dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Mã hiệu:	B- BXD- -TT
		Ngày BH/.../ 20....

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

.....				
-------	--	--	--	--

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, điều kiện để thực hiện Thủ tục Chấp thuận đầu tư đối với các dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.

2. PHẠM VI

Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia các hoạt động liên quan đến việc đầu tư đối với các dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPV HHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang
- CV: Chuyên viên
- QH: Quy hoạch
- PTĐT: Phát triển đô thị

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	<p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng. - Luật Quy hoạch Đô thị số 30/2009/QH12. - Nghị định 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị - Quyết định số 402/QĐ-BXD ngày 18 tháng 4 năm 2013 của Bộ Xây dựng về việc công bố TTHC mới ban hành, bãi bỏ TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
5.2	<p>Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc thực hiện dự án tuyệt đối không được làm thay đổi hoặc gây tổn hại các giá trị văn hóa, kiến trúc, lịch sử,... ban đầu của công trình.

	- Việc lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện dự án bảo tồn tôn tạo trong khu vực phát triển đô thị được thực hiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, pháp luật về xây dựng, Nghị định 11/2013/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1 Tờ trình đề nghị chấp thuận đầu tư thực hiện dự án.		
	5.3.2 Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư hoặc quyết định chỉ định chủ đầu tư, hoặc văn bản xác nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp chủ đầu tư là chủ sử dụng khu đất thực hiện dự án.		
	5.3.3 Hồ sơ dự án theo quy định gồm: thuyết minh dự án, hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án, hồ sơ thiết kế đô thị (không bao gồm mô hình thu nhỏ khu vực thực hiện dự án), dự án thành phần phục vụ tái định cư, giải phóng mặt bằng (<i>nếu có</i>), các nội dung phối hợp giữa chủ đầu tư và chính quyền địa phương (<i>nếu có</i>).		
	5.3.4 Các văn bản pháp lý kèm theo: Quyết định phê duyệt khu vực phát triển đô thị và kế hoạch triển khai khu vực phát triển đô thị; hồ sơ quy hoạch chi tiết; hồ sơ chứng minh năng lực của chủ đầu tư về tài chính, kinh nghiệm về đầu tư và quản lý phù hợp để thực hiện dự án và các văn bản pháp lý có liên quan khác		
	5.3.5 Đĩa CD lưu trữ toàn bộ dữ liệu bao gồm thuyết minh, bản vẽ - (01 đĩa).		
5.4	Số lượng hồ sơ: - Đối với các dự án không phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng: 10 bộ hồ sơ bản chính. - Đối với các dự án phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng: 16 bộ hồ sơ		

	bản chính.			
5.5	<p>Thời gian xử lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với các dự án không phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng theo quy định: không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với các dự án phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng theo quy định: không quá 67 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (<i>không tính thời gian gửi hồ sơ qua đường văn thư</i>), trong đó: <ul style="list-style-type: none"> + Thời gian xem xét hồ sơ, chuẩn bị công văn gửi lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng tối đa là 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; + Thời gian Bộ Xây dựng có trách nhiệm trả lời tối đa là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến. Trong trường hợp Bộ Xây dựng phải lấy ý kiến góp ý của các Bộ ngành có liên quan đối với dự án thì thời gian xem xét trả lời tối đa là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến; + Thời gian UBND cấp tỉnh xem xét, ban hành quyết định chấp thuận đầu tư dự án tối đa là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất ý kiến của Bộ Xây dựng. 			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: Chưa có quy định cụ thể.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 67 (ngày làm việc) x 08 giờ = 536 giờ.			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở. 	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Phiếu Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng QH-KT	04 giờ	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý

	<ul style="list-style-type: none"> - Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo Tờ trình. 	Chuyên viên phòng chuyên môn	256 giờ	
<i>Bước 2.1</i>	Cơ quan, liên quan	Bộ Xây dựng	120giờ	Văn bản trả lời
<i>Bước 2.2</i>	Cơ quan, liên quan	UBND tỉnh	120giờ	Quyết định phê duyệt
Bước 3	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở ký Tờ trình hoặc Văn bản	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	24 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản lấy ý kiến Bộ Xây dựng - Phê duyệt Tờ trình UBND tỉnh.
Bước 4	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC 	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ	
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Quyết định chấp thuận đầu tư dự án của UBND tỉnh.
2	Các hồ sơ pháp lý có liên quan tại thành phần hồ sơ đầu vào.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó, chuyển lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.

5. Quy trình chấp thuận đầu tư đối với các dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Chấp thuận đầu tư đối với các dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Mã hiệu:	B-BXD-- TT
		Ngày BH/.../2 0...

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, điều kiện để thực hiện Thủ tục Chấp thuận đầu tư đối với các dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.

2. PHẠM VI

Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia các hoạt động liên quan đến việc đầu tư đối với các dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPV HHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang
- CV: Chuyên viên
- QH: Quy hoạch
- PTĐT: Phát triển đô thị

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

<p>5.1</p>	<p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng. - Luật Quy hoạch Đô thị số 30/2009/QH12. - Nghị định 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị - Quyết định số 402/QĐ-BXD ngày 18 tháng 4 năm 2013 của Bộ Xây dựng về việc công bố TTHC mới ban hành, bãi bỏ TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. 		
<p>5.2</p>	<p>Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc thực hiện dự án tuyệt đối không được làm thay đổi hoặc gây tổn hại các giá trị văn hóa, kiến trúc, lịch sử,... ban đầu của công trình. - Việc lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện dự án bảo tồn tôn tạo trong khu vực phát triển đô thị được thực hiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, pháp luật về xây dựng, Nghị định 11/2013/NĐ-CP và pháp luật có liên quan. 		
<p>5.3</p>	<p>Thành phần hồ sơ</p>	<p>Bản chính</p>	<p>Bản sao</p>

	5.3.1 Tờ trình đề nghị chấp thuận đầu tư thực hiện dự án.		
	5.3.2 Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư hoặc quyết định chỉ định chủ đầu tư, hoặc văn bản xác nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp chủ đầu tư là chủ sử dụng khu đất thực hiện dự án.		
	5.3.3 Hồ sơ dự án theo quy định gồm: thuyết minh dự án, hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án, hồ sơ thiết kế đô thị (không bao gồm mô hình thu nhỏ khu vực thực hiện dự án), dự án thành phần phục vụ tái định cư, giải phóng mặt bằng (<i>nếu có</i>), các nội dung phối hợp giữa chủ đầu tư và chính quyền địa phương (<i>nếu có</i>).		
	5.3.4 Các văn bản pháp lý kèm theo: Quyết định phê duyệt khu vực phát triển đô thị và kế hoạch triển khai khu vực phát triển đô thị; hồ sơ quy hoạch chi tiết; hồ sơ chứng minh năng lực của chủ đầu tư về tài chính, kinh nghiệm về đầu tư và quản lý phù hợp để thực hiện dự án và các văn bản pháp lý có liên quan khác		
	5.3.5 Đĩa CD lưu trữ toàn bộ dữ liệu bao gồm thuyết minh, bản vẽ - (01 đĩa).		
5.4	Số lượng hồ sơ: - Đối với các dự án không phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng: 10 bộ hồ sơ bản chính. - Đối với các dự án phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng: 16 bộ hồ sơ bản chính.		
5.5	Thời gian xử lý: - Đối với các dự án không phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng theo quy định: không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với các dự án phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng theo quy định: không quá 67 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (<i>không tính thời gian gửi hồ sơ qua đường văn thư</i>), trong đó: + Thời gian xem xét hồ sơ, chuẩn bị công văn gửi lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng tối đa là 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ;		

	<p>+ Thời gian Bộ Xây dựng có trách nhiệm trả lời tối đa là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến. Trong trường hợp Bộ Xây dựng phải lấy ý kiến góp ý của các Bộ ngành có liên quan đối với dự án thì thời gian xem xét trả lời tối đa là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến;</p> <p>+ Thời gian UBND cấp tỉnh xem xét, ban hành quyết định chấp thuận đầu tư dự án tối đa là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất ý kiến của Bộ Xây dựng.</p>			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: Chưa có quy định cụ thể.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 67 (ngày làm việc) x 08 giờ = 536 giờ.			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở. 	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Phiếu Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng QH-KT	04 giờ	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo Tờ trình. 	Chuyên viên phòng chuyên môn	256 giờ	
<i>Bước 2.1</i>	Cơ quan, liên quan	Bộ Xây dựng	120giờ	Văn bản trả lời
<i>Bước 2.2</i>	Cơ quan, liên quan	UBND tỉnh	120giờ	Quyết định phê duyệt

Bước 3	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở ký Tờ trình hoặc Văn bản	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	24 giờ	- Văn bản lấy ý kiến Bộ Xây dựng - Phê duyệt Tờ trình UBND tỉnh.
Bước 4	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ	
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Quyết định chấp thuận đầu tư dự án của UBND tỉnh.
2	Các hồ sơ pháp lý có liên quan tại thành phần hồ sơ đầu vào.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó, chuyển lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.

6. Quy trình chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh	Mã hiệu:	B- BXD- -TT
		Ngày BH/.../ 20....

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, điều kiện để thực hiện Thủ tục Chấp thuận đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.

2. PHẠM VI

Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia các hoạt động liên quan đến việc đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPV HHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang
- CV: Chuyên viên
- QH: Quy hoạch
- PTĐT: Phát triển đô thị

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: <ul style="list-style-type: none">- Luật Xây dựng.- Luật Quy hoạch Đô thị số 30/2009/QH12.- Nghị định 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị- Quyết định số 402/QĐ-BXD ngày 18 tháng 4 năm 2013 của Bộ Xây dựng về việc công bố TTHC mới ban hành, bãi bỏ TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: <ul style="list-style-type: none">- Việc thực hiện dự án tuyệt đối không được làm thay đổi hoặc gây tổn hại các giá trị văn hóa, kiến trúc, lịch sử,... ban đầu của công trình.- Việc lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện dự án bảo tồn tôn tạo trong khu vực phát triển đô thị được thực hiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, pháp luật về xây dựng, Nghị định 11/2013/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1 Tờ trình đề nghị chấp thuận đầu tư thực hiện dự án.		
	5.3.2 Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư hoặc quyết định chỉ định chủ đầu tư, hoặc văn bản xác nhận quyền sử dụng đất đối với trường hợp chủ đầu tư là chủ sử dụng khu đất thực hiện dự án.		
	5.3.3 Hồ sơ dự án theo quy định gồm: thuyết minh dự án, hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án, hồ sơ thiết kế đô thị (không bao gồm mô hình thu nhỏ khu vực thực hiện dự án), dự án thành phần phục vụ tái định cư, giải phóng mặt bằng (nếu có), các nội dung phối hợp giữa chủ đầu tư và chính quyền địa phương (nếu có).		
	5.3.4 Các văn bản pháp lý kèm theo: Quyết định phê duyệt khu vực phát triển đô thị và kế hoạch triển khai khu vực phát triển đô thị; hồ sơ quy hoạch chi tiết; hồ sơ chứng minh năng lực của chủ đầu tư về tài chính, kinh nghiệm về đầu tư và quản lý phù hợp để thực hiện dự án và các văn bản pháp lý có liên quan khác		
	5.3.5 Đĩa CD lưu trữ toàn bộ dữ liệu bao gồm thuyết minh, bản vẽ - (01 đĩa).		
5.4	Số lượng hồ sơ: - Đối với các dự án không phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng: 10 bộ hồ sơ bản chính. - Đối với các dự án phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng: 16 bộ hồ sơ bản chính.		
5.5	Thời gian xử lý: - Đối với các dự án không phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng theo quy định: không quá 45 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với các dự án phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng theo quy định: không quá 67 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (không tính		

	<p><i>thời gian gửi hồ sơ qua đường văn thư</i>), trong đó:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thời gian xem xét hồ sơ, chuẩn bị công văn gửi lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng tối đa là 7 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; + Thời gian Bộ Xây dựng có trách nhiệm trả lời tối đa là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến. Trong trường hợp Bộ Xây dựng phải lấy ý kiến góp ý của các Bộ ngành có liên quan đối với dự án thì thời gian xem xét trả lời tối đa là 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được công văn xin ý kiến; + Thời gian UBND cấp tỉnh xem xét, ban hành quyết định chấp thuận đầu tư dự án tối đa là 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thống nhất ý kiến của Bộ Xây dựng. 			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: Chưa có quy định cụ thể.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 67 (ngày làm việc) x 08 giờ = 536 giờ.			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở. 	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Phiếu Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng QH-KT	04 giờ	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo Tờ trình. 	Chuyên viên phòng chuyên môn	256 giờ	
<i>Bước 2.1</i>	Cơ quan, liên quan	Bộ Xây dựng	120 giờ	Văn bản trả lời

<i>Bước</i> 2.2	Cơ quan, liên quan	UBND tỉnh	120 giờ	Quyết định phê duyệt
Bước 3	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở ký Tờ trình hoặc Văn bản	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	24 giờ	- Văn bản lấy ý kiến Bộ Xây dựng - Phê duyệt Tờ trình UBND tỉnh.
Bước 4	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ	
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
	Không	Không

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Quyết định chấp thuận đầu tư dự án của UBND tỉnh.
2	Các hồ sơ pháp lý có liên quan tại thành phần hồ sơ đầu vào.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó, chuyển lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.

7. Quy trình điều chỉnh các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Điều chỉnh các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	Mã hiệu:	B-BXD-- TT
		Ngày BH/.../2 0....

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

	sửa đổi			
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, điều kiện để thực hiện Thủ tục Điều chỉnh các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh.

2. PHẠM VI

Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia các hoạt động liên quan đến việc Điều chỉnh các dự án đầu tư xây dựng khu đô thị mới; dự án tái thiết khu đô thị; dự án bảo tồn, tôn tạo khu đô thị; dự án cải tạo chỉnh trang khu đô thị; dự án đầu tư xây dựng khu đô thị hỗn hợp thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPV HHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang
- CV: Chuyên viên
- QH: Quy hoạch
- PTĐT: Phát triển đô thị

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	<p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng. - Luật Quy hoạch Đô thị số 30/2009/QH12. - Nghị định 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị - Quyết định số 402/QĐ-BXD ngày 18 tháng 4 năm 2013 của Bộ Xây dựng về việc công bố TTHC mới ban hành, bãi bỏ TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
------------	--

5.2	<p>Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Việc thực hiện dự án tuyệt đối không được làm thay đổi hoặc gây tổn hại các giá trị văn hóa, kiến trúc, lịch sử,... ban đầu của công trình. - Việc lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện dự án bảo tồn tôn tạo trong khu vực phát triển đô thị được thực hiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, pháp luật về xây dựng, Nghị định 11/2013/NĐ-CP và pháp luật có liên quan. 		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1 Tờ trình đề nghị điều chỉnh dự án.		
	5.3.2 Hồ sơ điều chỉnh dự án gồm: thuyết minh dự án điều chỉnh, hồ sơ thiết kế cơ sở điều chỉnh của dự án, hồ sơ thiết kế đô thị điều chỉnh dự án, dự án thành phần phục vụ tái định cư, giải phóng mặt bằng (nếu có), các nội dung phối hợp giữa chủ đầu tư và chính quyền địa phương (nếu có).		
	5.3.3 Các văn bản khác có liên quan.		
	5.3.4 Đĩa CD lưu trữ toàn bộ dữ liệu bao gồm thuyết minh, bản vẽ - (01 đĩa).		
5.4	<p>Số lượng hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng hồ sơ: 05 (bộ) bản chính. <p>Trường hợp các dự án phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng thì bổ sung thêm 03 bộ hồ sơ (bản chính) để trình Bộ Xây dựng.</p>		
5.5	<p>Thời gian xử lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với các dự án không phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng theo quy định: không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với các dự án phải lấy ý kiến thống nhất của Bộ Xây dựng: thời hạn Bộ Xây dựng xem xét hồ sơ và trả lời Chủ đầu tư không quá 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ dự án của Chủ đầu tư. <p>Trường hợp Bộ Xây dựng phải lấy ý kiến các Bộ ngành có liên quan thì tổng thời gian xem xét trả lời không quá 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản và hồ sơ dự án của Chủ đầu tư.</p>		
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An		

	Giang.			
5.7	Lệ phí: Chưa có quy định cụ thể.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 45 (ngày làm việc) x 08 giờ = 360 giờ.			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở. 	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Phiếu Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng QH-KT	04 giờ	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo Tờ trình. 	Chuyên viên phòng chuyên môn	120 giờ	
<i>Bước 2.1</i>	Cơ quan, liên quan	Bộ Xây dựng	120giờ	Văn bản trả lời
<i>Bước 2.2</i>	Cơ quan, liên quan	UBND tỉnh	80giờ	Quyết định phê duyệt
Bước 3	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở ký Tờ trình hoặc Văn bản	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	24 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản lấy ý kiến Bộ Xây dựng - Phê duyệt Tờ trình UBND tỉnh.
Bước	- Văn phòng	Văn thư	04 giờ	

4	- Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn phòng Sở		
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
	Không	Không

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Quyết định điều chỉnh đầu tư dự án của UBND tỉnh.
2	Các hồ sơ pháp lý có liên quan tại thành phần hồ sơ đầu vào.
Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó, chuyển lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.	

8. Quy trình lấy ý kiến của các sở: Quy hoạch kiến trúc, Xây dựng, Văn hóa Thể thao và Du lịch đối với các dự án bảo tồn tôn tạo các công trình di tích cấp tỉnh

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Lấy ý kiến của các sở: Quy hoạch kiến trúc, Xây dựng, Văn hóa Thể thao và Du lịch đối với các dự án bảo tồn tôn tạo các công trình di tích cấp tỉnh	Mã hiệu:	B- BXD- -TT
		Ngày BH/.../ 20....

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

.....				

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, điều kiện để thực hiện Thủ tục lấy ý kiến của các sở: Quy hoạch kiến trúc, Xây dựng, Văn hóa Thể thao và Du lịch đối với các dự án bảo tồn tôn tạo các công trình di tích cấp tỉnh.

2. PHẠM VI

Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài tham gia các hoạt động liên quan đến việc lấy ý kiến của các sở: Quy hoạch kiến trúc, Xây dựng, Văn hóa Thể thao và Du lịch đối với các dự án bảo tồn tôn tạo các công trình di tích cấp tỉnh.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPV HHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang
- CV: Chuyên viên
- QH: Quy hoạch
- PTĐT: Phát triển đô thị

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	<p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng. - Luật Quy hoạch Đô thị số 30/2009/QH12. - Nghị định 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị. - Nghị định số 70/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ Quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh. - Quyết định số 402/QĐ-BXD ngày 18 tháng 4 năm 2013 của Bộ Xây dựng về việc công bố TTHC mới ban hành, bãi bỏ TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
------------	---

5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: - Việc thực hiện dự án tuyệt đối không được làm thay đổi hoặc gây tổn hại các giá trị văn hóa, kiến trúc, lịch sử,... ban đầu của công trình. - Việc lập, thẩm định, phê duyệt và triển khai thực hiện dự án bảo tồn tôn tạo trong khu vực phát triển đô thị được thực hiện theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa, pháp luật về xây dựng, Nghị định 11/2013/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.			
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao	
	5.3.1 Văn bản xin ý kiến góp ý.			
	5.3.2 Hồ sơ dự án bao gồm phần thuyết minh, bộ ảnh và thiết kế cơ sở.			
	5.3.3 Các văn bản thỏa thuận chủ trương, thẩm định dự án và văn bản khác có liên quan.			
	5.3.4 Đĩa CD lưu trữ toàn bộ dữ liệu bao gồm thuyết minh, bản vẽ - (01 đĩa).			
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 (bộ) bản chính.			
5.5	Thời gian xử lý: 15 ngày làm việc.			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: Không			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 15 (ngày làm việc) x 08 giờ = 120 giờ.			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Phiếu Chuyển hồ sơ.

	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng QH-KT	04 giờ	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý
Bước 2	<ul style="list-style-type: none"> - Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo Tờ trình. 	Chuyên viên phòng chuyên môn	92 giờ	
Bước 3	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở ký Văn bản lấy ý kiến	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	12 giờ	- Văn bản ý kiến
Bước 4	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC 	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ	
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
	Không	Không

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Văn bản cho ý kiến góp ý về hồ sơ dự án.
2	Các hồ sơ pháp lý có liên quan tại thành phần hồ sơ đầu vào.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó, chuyển lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.

III. Lĩnh vực Hạ tầng kỹ thuật

1. Quy trình Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	Mã hiệu:	B-BXD-- TT
		Ngày BH/.../2 0....

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

.....				
-------	--	--	--	--

1. MỤC ĐÍCH

Quy định này quy định việc quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang bao gồm: quy hoạch, trồng, chăm sóc, ươm cây, bảo vệ và chặt hạ, dịch chuyển cây xanh đô thị.

2. PHẠM VI

Các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có liên quan đến quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng

-

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Luật Quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009; - Nghị định số 64/2010/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về quản lý cây xanh đô thị - Quyết định số 28/2014/Q Đ-UBND ngày 29 tháng 7 năm 2014 của UBND tỉnh về Ban hành quy định về việc quản lý cây xanh đô thị trên địa bàn tỉnh An Giang.		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	Thực hiện theo quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều 14 Nghị định 64/2010/NĐ-CP .		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1. Đơn đề nghị nêu rõ vị trí cây cần chặt hạ, dịch chuyển; loại cây (nếu biết); mã số cây (nếu có); kích thước cây; lý do cần chặt hạ, dịch chuyển (theo mẫu)	X	
	5.3.2. Sơ đồ vị trí cây xanh cần chặt hạ, dịch chuyển	X	

	5.3.3. Ảnh màu chụp hiện trạng cây xanh cần chặt hạ, dịch chuyển (cỡ ảnh tối thiểu 10cm × 15cm)		x	
5.4	Số lượng hồ sơ: 02 bộ			
5.5	Thời gian xử lý: 15 ngày làm việc (120 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: không			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HHC) - Chuyển hồ sơ về Sở. 	Chuyên viên tại TTPV HHC	04 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	04 giờ
	<ul style="list-style-type: none"> - Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt. 	Chuyên viên phòng chuyên môn	96 giờ
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quanchuyên môn có liên qua (nếu có)	Sở, ban, ngành tỉnh	0 giờ
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc	08 giờ

		Phó GD phụ trách)		
Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HHC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HHC	04 giờ

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Phụ lục I	ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP CHẶT HẠ, DỊCH CHUYỂN CÂY XANH ĐÔ THỊ
2	Phụ lục II	GIẤY PHÉP CHẶT HẠ, DỊCH CHUYỂN CÂY XANH
3	Phụ lục III	BIÊN BẢN VỀ VIỆC XÁC ĐỊNH HIỆN TRƯỜNG CÂY XANH

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Đơn đề nghị nêu rõ vị trí cây cần chặt hạ, dịch chuyển; loại cây (nếu biết); mã số cây (nếu có); kích thước cây; lý do cần chặt hạ, dịch chuyển (theo mẫu)
2	Sơ đồ vị trí cây xanh cần chặt hạ, dịch chuyển
3	Ảnh màu chụp hiện trạng cây xanh cần chặt hạ, dịch chuyển (cỡ ảnh tối thiểu 10cm × 15cm)
4	Biên bản về việc xác định hiện trường cây xanh
5	Giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh
<p>Hồ sơ được lưu tại phòng, thời gian lưu năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.</p>	

IV. Lĩnh vực Xây dựng

1. Quy trình Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	Mã hiệu:	B-BXD-- TT
		Ngày BH/.../20. ...

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
--------------------------	-------------------------------------	------------------------	----------------------------	---------------

.....				

1. MỤC ĐÍCH

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) và các cá nhân, tổ chức tư vấn khảo sát, thiết kế, nhà thầu xây dựng biết và chấp hành đúng quy định pháp luật về quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch, đồng thời thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong lĩnh vực xây dựng có liên quan.

2. Quản lý xây dựng theo quy hoạch và các quy định pháp luật khác có liên quan; bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa, các công trình kiến trúc có giá trị; phát triển kiến trúc mới, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc và sử dụng có hiệu quả đất đai xây dựng công trình.

3. Làm căn cứ pháp lý thống nhất về trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng và việc thực hiện giấy phép xây dựng như: giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình của chủ đầu tư (cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng chỉ kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư đối với các công trình, hạng mục công trình quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, sau đây gọi tắt là Nghị định số 46/2015/NĐ-CP), lập biên bản nghiệm thu bàn giao công trình, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và đưa công trình vào sử dụng.

2. PHẠM VI

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng mới đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPV HHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang
- CV: Chuyên viên
- QH: Quy hoạch
- QHCT: Quy hoạch chi tiết

- CPXD: Cấp phép xây dựng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1

Cơ sở pháp lý:

- + Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;
- + Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ **Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;**
- + Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;
- + Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều về các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;
- + Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- + Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- + Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;
- + Thông tư số 05/2015/TT-BXD ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và bảo trì nhà ở riêng lẻ;
- + Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;
- + Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;
- + Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép tư xây dựng;
- + Quyết định số 87/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang thực hiện Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 2 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp các loại lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến quyền và nghĩa vụ công dân; quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.
- + Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý

	<p>trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. + Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. 		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	<ul style="list-style-type: none"> + Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành; + Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt. + Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh. + Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 59/2016/NĐ-CP). + Công trình xây dựng cấp đặc biệt, cấp I trong đô thị phải có thiết kế tầng hầm theo yêu cầu của đồ án quy hoạch đô thị và Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt. + Thiết kế phải được tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định thực hiện và phải được thẩm định theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2016/NĐ-CP. 		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1. Bản chính đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng (theo Mẫu tại phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng	01 bản	

	<p>12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang).</p>		
	<p>5.3.2. Bản sao (có chứng thực của UBND xã, phường, thị trấn; nếu không có chứng thực thì phải mang theo bản chính để đối chiếu tại nơi tiếp nhận hồ sơ) một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, cụ thể như sau:</p> <p>5.3.2.1 Các loại giấy tờ theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ Quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng. Cụ thể:</p> <p>a) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp theo quy định của Luật đất đai năm 1987, Luật đất đai năm 1993, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai năm 2001, Luật đất đai năm 2003.</p> <p>b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được cấp theo quy định của Luật đất đai năm 2013, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12.</p> <p>c) Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được cấp theo quy định tại Nghị định số 60/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ về quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đô thị, Nghị định số 61/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ về mua bán và kinh doanh nhà ở.</p> <p>d) Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở; giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã được cấp theo quy định tại Pháp lệnh nhà ở năm</p>		<p>01 bản</p>

1991; Luật nhà ở năm 2005; Nghị định số 81/2001/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2001 của Chính phủ về việc người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua nhà ở tại Việt Nam; Nghị định số 95/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng; Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật nhà ở; Nghị định số 51/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 19/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội về việc thí điểm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài mua và sở hữu nhà ở tại Việt Nam; Điều 31, Điều 32 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; các giấy chứng nhận khác về quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng đã được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng qua các thời kỳ.

đ) Các loại giấy tờ đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận gồm: Các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật đất đai năm 2013; Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013 và quy định tại khoản 16 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai hoặc giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và được cơ quan đăng ký đất đai xác nhận đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

e) Giấy tờ về đất đai đối với trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ sau ngày 01 tháng 7 năm 2004 nhưng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai, gồm: Quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

hoặc Quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và hợp đồng thuê đất kèm theo (nếu có) hoặc giấy tờ về trúng đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất hoặc Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

g) Báo cáo rà soát, kê khai hiện trạng sử dụng đất đối với trường hợp tổ chức, cơ sở tôn giáo đang sử dụng mà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất kiểm tra và quyết định xử lý theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

h) Giấy tờ về việc xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng để thực hiện xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo hoặc di dời các công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013.

i) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với công trình xây dựng biển quảng cáo, trạm viễn thông, cột ăng-ten tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng để xây dựng và không được chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

k) Hợp đồng thuê đất được giao kết giữa chủ đầu tư xây dựng công trình và người quản lý, sử dụng công trình giao thông hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về giao thông đối với công trình được phép xây dựng trong phạm vi đất dành cho giao thông theo quy định của pháp luật.

l) Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp người sử dụng đất đã có giấy tờ hợp

	<p>pháp về đất đai theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này nhưng đề nghị được cấp giấy phép xây dựng sử dụng vào mục đích khác với mục đích sử dụng đất đã được ghi trên giấy tờ đó.</p> <p>m) Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo đề nghị của cơ quan cấp giấy phép xây dựng để xác định diện tích các loại đất đối với trường hợp người sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này nhưng trên các giấy tờ đó không ghi rõ diện tích các loại đất để làm cơ sở cấp giấy phép xây dựng.</p> <p>5.3.2.2. Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất để cấp phép xây dựng đối với trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người sử dụng đất gồm: một trong các loại hợp đồng (thuê đất, góp vốn, hợp tác kinh doanh) hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình đó được công chứng, chứng thực.</p>		
	<p>5.3.3. Bản vẽ (bản chính) thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:</p> <p>a) Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất tỷ lệ 1/50 - 1/500 kèm theo sơ đồ vị trí công trình;</p> <p>b) Bản vẽ mặt bằng các tầng, các mặt đứng và mặt cắt chính của công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;</p> <p>c) Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/50 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 kèm theo sơ đồ đầu nối hệ thống thoát nước mưa, xử lý nước thải, cấp nước, cấp điện, thông tin tỷ lệ 1/50 - 1/200.</p>	02 bộ bản vẽ	
	<p>5.3.4. Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế theo mẫu tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND, kèm theo bản sao chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, đối với công trình chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế.</p>	01 bản	

	5.3.5. Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với công trình theo quy định phải được thẩm định thiết kế.		01 bản
	5.3.6 Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn cho công trình và công trình lân cận đối với công trình xây chen, có tầng hầm(Mẫu bản cam kết của chủ đầu tư theo Mẫu số 5 Phụ lục 5 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND).	01 bản	
	5.3.7. Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (PCCC) và các bản vẽ thiết kế kỹ thuật công trình, bản vẽ hệ thống PCCC tỷ lệ 1/50 - 1/200, phải được cơ quan Cảnh sát PCCC đóng dấu đã thẩm duyệt về PCCC (theo quy định tại Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND).		01 bản
	5.3.8. Đối với công trình thuộc danh mục lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường: phải có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc thông báo xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường (theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều về các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường).		01 bản
	5.3.9. Văn bản chấp thuận của tổ chức có thẩm quyền thế chấp đối với các trường hợp nhà, đất đang thế chấp.	01 bản	
	5.3.10. Văn bản phê duyệt biện pháp thi công của chủ đầu tư đảm bảo an toàn cho công trình và công trình lân cận, đối với công trình xây chen có tầng hầm	01 bản	
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.		
5.5	Thời gian xử lý: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		

5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	- Lệ phí: + 75.000 đồng/giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ. + 150.000 đồng/giấy phép xây dựng công trình khác.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 30 (ngày làm việc) x 08 giờ = 240 giờ.			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước c1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Phiếu Chuyển hồ sơ.
Bước c 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng QH-KT	08 giờ	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo Tờ trình.	Chuyên viên phòng chuyên môn	164 giờ	Thẩm định hồ sơ CPXD hoặc soạn văn bản hướng dẫn nếu hồ sơ chưa phù hợp
Bước c 3	Lấy ý kiến (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Ban Tôn giáo và UBND tỉnh)	Sở, ban, ngành tỉnh	40 giờ	Văn bản ý kiến
Bước c 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở ký Tờ trình hoặc Văn bản	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	16 giờ	GPXD hoặc văn bản hướng dẫn hồ sơ chưa phù hợp
Bước c 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn thư Văn phòng	04 giờ	Đóng dấu giấy phép xây dựng và

		Sở		bản vẽ được duyệt
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	Giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt

6. BIỂU MẪU THEO QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 106/QĐ-UBND NGÀY 30/12/2016 CỦA UBND TỈNH AN GIANG

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Phụ lục 1	ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
2	Phụ lục 3	BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ
3	Phụ lục 5	BẢN CAM KẾT BẢO ĐẢM AN TOÀN CHO CÔNG TRÌNH (NHÀ Ở RIÊNG LẺ) VÀ CÔNG TRÌNH LÂN CẬN, LIỀN KỀ

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Giấy phép xây dựng (bản chính).
2	Bản vẽ đã duyệt cấp giấy phép xây dựng (bản chính).
3	Các hồ sơ pháp lý có liên quan tại thành phần hồ sơ đầu vào.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó chuyển lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho công trình: không theo tuyến)

Kính gửi: Sở Xây dựng An Giang.

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ hộ:
- Địa chỉ liên hệ:
- Số nhà: Đường/phố Phường/xã
- Quận/huyện Tỉnh/thành phố:
- Số điện thoại:

2. Thông tin công trình:

- Địa điểm xây dựng:
- Lô đất số: Diện tích m².
- Tại số nhà: Đường/phố
- Phường/xã
- Quận/huyện
- Tỉnh, thành phố:

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng: m².
- Cốt xây dựng:m

- Tổng diện tích sàn: m²(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình: m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:

- Tên đơn vị thiết kế:
- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số Cấp ngày....
- Tên chủ nhiệm thiết kế:
- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: do Cấp ngày:
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:.....
- Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình:..... tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

- 1 -
- 2 -

....., ngày tháng... năm

Người làm đơn
Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC SỐ 3

(Ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ

1. Tổ chức thiết kế:
- 1.1. Tên:.....
- 1.2. Địa chỉ:
- 1.3. Số điện thoại:.....
- 1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh:
2. Kinh nghiệm thiết kế:.....
- 2.1. Kê khai ít nhất 03 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:
 - a)
 - b).....
- 2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:
 - a) Số lượng:Trong đó:
 - Kiến trúc sư:.....
 - Kỹ sư các loại:
 - b) Chủ nhiệm thiết kế:
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):
 - c) Chủ trì thiết kế các bộ môn (kê khai đối với tất cả các bộ môn):

- Họ và tên:
- Số chứng chỉ (*kèm photocopy chứng chỉ*):
- Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (*tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ*):
.....

....., ngày tháng năm ...
Đại diện tổ chức, cá nhân thiết kế
(*Ký ghi rõ họ tên*)

PHỤ LỤC SỐ 5 (mẫu số 5)
(Ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm
2016 của UBND tỉnh An Giang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**BẢN CAM KẾT BẢO ĐẢM AN TOÀN CHO CÔNG TRÌNH (NHÀ Ở
RIÊNG LẺ) VÀ CÔNG TRÌNH LÂN CẬN, LIỀN KỀ**

Kính gửi:

Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ):

Người đại diện: Chức vụ (nếu có):

Địa chỉ liên hệ: Số nhà: Đường:

Phường/xã huyện/thành phố/thị xã tỉnh

Số điện thoại:

Hiện tại tôi (tên chủ đầu tư) đang xin phép xây dựng công
trình tại thửa đất số: tờ bản đồ số: Diện tích
..... m², xã/phường huyện/thành phố/thị xã tỉnh

Nay tôi (tên chủ đầu tư) xin cam kết:

1. Thực hiện đúng theo nội dung giấy phép xây dựng, hồ sơ được duyệt và các quy định pháp luật về xây dựng.

2. Có biện pháp che chắn, chống đỡ trong khi thi công đảm bảo các điều kiện an toàn lao động và công tác vệ sinh môi trường cho các hộ xung quanh.

3. Hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự ổn định, an toàn công trình được phép xây dựng trong quá trình thi công.

4. Trong quá trình thi công xây dựng, nếu công trình liền kề, lân cận có dấu hiệu bị lún, nứt, thấm, dột hoặc có nguy cơ sập đổ do ảnh hưởng của việc xây dựng công trình (nhà ở riêng lẻ) gây ra, chủ đầu tư phải phối hợp với chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình liền kề, lân cận để kiểm tra, xác định nguyên nhân và thống nhất biện pháp khắc phục. Trường hợp các bên không thống nhất thì tranh chấp phát sinh được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình thi công nếu có điều gì không đúng với nội dung cam kết trên, tôi (tên chủ đầu tư) xin chịu hoàn toàn trách nhiệm theo quy định của pháp luật./.

....., ngày tháng năm

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký tên, đóng dấu)

2. Quy trình Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	B-BXD-- TT
	Điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	Ngày BH/.../20. ...

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

.....				

1. MỤC ĐÍCH

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) và các cá nhân, tổ chức tư vấn khảo sát, thiết kế, nhà thầu xây dựng biết và chấp hành đúng quy định pháp luật về quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch, đồng thời thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong lĩnh vực xây dựng có liên quan.

2. Quản lý xây dựng theo quy hoạch và các quy định pháp luật khác có liên quan; bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa, các công trình kiến trúc có giá trị; phát triển kiến trúc mới, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc và sử dụng có hiệu quả đất đai xây dựng công trình.

3. Làm căn cứ pháp lý thống nhất về trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng và việc thực hiện giấy phép xây dựng như: giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình của chủ đầu tư (cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng chỉ kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư đối với các công trình, hạng mục công trình quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, sau đây gọi tắt là Nghị định số 46/2015/NĐ-CP), lập biên bản nghiệm thu bàn giao công trình, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và đưa công trình vào sử dụng.

2. PHẠM VI

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng có nhu cầu điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPV HHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang

- CV: Chuyên viên
- QH: Quy hoạch
- QHCT: Quy hoạch chi tiết
- CPXD: Cấp phép xây dựng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	<p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; + Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; + Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; + Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều về các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường; + Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; + Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; + Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng; + Thông tư số 05/2015/TT-BXD ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và bảo trì nhà ở riêng lẻ; + Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; + Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; + Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép tư xây dựng; + Quyết định số 87/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang thực hiện Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 2 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp các loại lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến quyền và nghĩa vụ công dân; quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân
------------	--

	<p>tính.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang. + Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. + Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính
	<p>Trước khi khởi công xây dựng hoặc trong quá trình xây dựng, trường hợp có điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung dưới đây thì chủ đầu tư phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thay đổi hình thức kiến trúc mặt ngoài của công trình đối với công trình trong đô thị thuộc khu vực có yêu cầu về quản lý kiến trúc. + Thay đổi một trong các yếu tố về vị trí, diện tích xây dựng; quy mô, chiều cao, số tầng của công trình và các yếu tố khác ảnh hưởng đến kết cấu chịu lực chính. + Khi điều chỉnh thiết kế bên trong công trình làm thay đổi công năng sử dụng làm ảnh hưởng đến an toàn, phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường. + Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành; + Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt. + Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh. + Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng (sau đây gọi tắt là Nghị

	<p>định số 59/2016/NĐ-CP).</p> <p>+ Công trình xây dựng cấp đặc biệt, cấp I trong đô thị phải có thiết kế tầng hầm theo yêu cầu của đồ án quy hoạch đô thị và Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>+ Thiết kế phải được tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định thực hiện và phải được thẩm định theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2016/NĐ-CP.</p>		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1. Bản chính đơn đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng (theo Mẫu tại phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang).	01 bản	
	5.3.2. Bản sao (có chứng thực của UBND xã, phường, thị trấn; nếu không có chứng thực thì phải mang theo bản chính để đối chiếu tại nơi tiếp nhận hồ sơ) một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất và bản đồ trích đo khu đất hoặc hồ sơ kỹ thuật khu đất phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang (trong trường hợp thiết kế có thay đổi về diện tích sử dụng đất).		01 bản
	5.3.3. Bản vẽ (bản chính) thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm: <ul style="list-style-type: none"> - Bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt bộ phận, hạng mục công trình đề nghị điều chỉnh tỷ lệ 1/50 - 1/200. 	02 bộ bản vẽ	
	5.3.4. Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản	01 bản	

	kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế theo mẫu tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND, kèm theo bản sao chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, đối với công trình chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế.		
	5.3.5. Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với công trình theo quy định phải được thẩm định thiết kế.		01 bản
	5.3.6 Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn cho công trình và công trình lân cận đối với công trình xây chen, có tầng hầm(Mẫu bản cam kết của chủ đầu tư theo Mẫu số 5 Phụ lục 5 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND).	01 bản	
	5.3.7. Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (PCCC) và các bản vẽ thiết kế kỹ thuật công trình, bản vẽ hệ thống PCCC tỷ lệ 1/50 - 1/200, phải được cơ quan Cảnh sát PCCC đóng dấu đã thẩm duyệt về PCCC (theo quy định tại Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND).		01 bản
	5.3.8. Đối với công trình thuộc danh mục lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường: phải có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc thông báo xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường (theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều về các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường).		01 bản
	5.3.9. Văn bản chấp thuận của tổ chức có thẩm quyền thế chấp đối với các trường hợp nhà, đất đang thế chấp.	01 bản	
	5.3.10. Văn bản phê duyệt biện pháp thi công của chủ đầu tư đảm bảo an toàn cho công trình và công	01 bản	

	trình lân cận, đối với công trình xây chen có tầng hầm			
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
5.5	Thời gian xử lý: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	- Lệ phí: + 75.000 đồng/giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ. + 150.000 đồng/giấy phép xây dựng công trình khác.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 30 (ngày làm việc) x 08 giờ = 240 giờ.			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Phiếu Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng QH-KT	08 giờ	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo Tờ trình.	Chuyên viên phòng chuyên môn	164 giờ	Thẩm định hồ sơ CPXD hoặc soạn văn bản hướng dẫn nếu hồ sơ chưa phù hợp
Bước 3	Lấy ý kiến (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Ban Tôn giáo và UBND tỉnh)	Sở, ban, ngành tỉnh	40 giờ	Văn bản ý kiến

Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở ký Tờ trình hoặc Văn bản	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	16 giờ	GPXD hoặc văn bản hướng dẫn hồ sơ chưa phù hợp
Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ	Đóng dấu giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	Giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt

6. BIỂU MẪU THEO QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 106/QĐ-UBND NGÀY 30/12/2016 CỦA UBND TỈNH AN GIANG

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Phụ lục 1	ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
2	Phụ lục 3	BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ
3	Phụ lục 5	BẢN CAM KẾT BẢO ĐẢM AN TOÀN CHO CÔNG TRÌNH (NHÀ Ở RIÊNG LẺ) VÀ CÔNG TRÌNH LÂN CẬN, LIỀN KỀ

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Giấy phép xây dựng (bản chính).
2	Bản vẽ đã duyệt cấp giấy phép xây dựng (bản chính).
3	Các hồ sơ pháp lý có liên quan tại thành phần hồ sơ đầu vào.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó chuyển lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.

3. Quy trình Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	B-BXD-- TT
	Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	Ngày BH/.../2 0....

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

.....				
-------	--	--	--	--

1. MỤC ĐÍCH

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) và các cá nhân, tổ chức tư vấn khảo sát, thiết kế, nhà thầu xây dựng biết và chấp hành đúng quy định pháp luật về quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch, đồng thời thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong lĩnh vực xây dựng có liên quan.

2. Quản lý xây dựng theo quy hoạch và các quy định pháp luật khác có liên quan; bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa, các công trình kiến trúc có giá trị; phát triển kiến trúc mới, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc và sử dụng có hiệu quả đất đai xây dựng công trình.

3. Làm căn cứ pháp lý thống nhất về trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng và việc thực hiện giấy phép xây dựng như: giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình của chủ đầu tư (cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng chỉ kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư đối với các công trình, hạng mục công trình quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, sau đây gọi tắt là Nghị định số 46/2015/NĐ-CP), lập biên bản nghiệm thu bàn giao công trình, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và đưa công trình vào sử dụng.

2. PHẠM VI

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng có nhu cầu xin giấy phép di dời đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPV HHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang
- CV: Chuyên viên
- QH: Quy hoạch
- QHCT: Quy hoạch chi tiết

- CPXD: Cấp phép xây dựng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	<p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;+ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;+ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;+ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều về các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;+ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;+ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;+ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;+ Thông tư số 05/2015/TT-BXD ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và bảo trì nhà ở riêng lẻ;+ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;+ Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;+ Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép tư xây dựng;+ Quyết định số 87/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang thực hiện Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 2 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp các loại lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến quyền và nghĩa vụ công dân; quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.+ Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý
------------	--

	<p>trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. + Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. 		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	<ul style="list-style-type: none"> + Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành; + Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt. + Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh. + Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 59/2016/NĐ-CP). + Công trình xây dựng cấp đặc biệt, cấp I trong đô thị phải có thiết kế tầng hầm theo yêu cầu của đồ án quy hoạch đô thị và Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt. + Thiết kế phải được tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định thực hiện và phải được thẩm định theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2016/NĐ-CP. 		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1. Bản chính đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình (theo Mẫu tại phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-	01 bản	

	UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giangban hành Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang).		
	5.3.2. Bản sao (có chứng thực của UBND xã, phường, thị trấn; nếu không có chứng thực thì phải mang theo bản chính để đối chiếu tại nơi tiếp nhận hồ sơ) một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất nơi công trình đang tồn tại và nơi công trình sẽ di dời tới và giấy tờ hợp pháp về sở hữu công trình.		01 bản
	5.3.3. Bản vẽ (bản chính) thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng: <ul style="list-style-type: none"> - Bản vẽ tổng mặt bằng, nơi công trình sẽ được di dời tới tỷ lệ 1/50 - 1/500. - Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200, mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 tại địa điểm công trình sẽ di dời tới. 	02 bộ bản vẽ	
	5.3.4. Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện.	01 bản	
	5.3.5. Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính phương án di dời theo quy định tại Khoản 5 Điều 97 Luật Xây dựng 2014. Cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> a) Phần thuyết minh về hiện trạng công trình và khu vực công trình sẽ được di dời đến; giải pháp di dời, phương án bố trí sử dụng phương tiện, thiết bị, nhân lực; giải pháp bảo đảm an toàn cho công trình, người, máy móc, thiết bị và công trình lân cận; bảo đảm vệ sinh môi trường; tiến độ di dời; tổ chức, cá nhân thực hiện di dời công trình; b) Phần bản vẽ biện pháp thi công di dời công trình 	01 bản	
	5.3.6. Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp	01 bản	

	chính bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế theo mẫu tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND, kèm theo bản sao chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, đối với công trình chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế.		
	5.3.7. Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với công trình theo quy định phải được thẩm định thiết kế.		01 bản
	5.3.8. Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn cho công trình và công trình lân cận đối với công trình xây chen, có tầng hầm(Mẫu bản cam kết của chủ đầu tư theo Mẫu số 5 Phụ lục 5 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND).	01 bản	
	5.3.9. Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (PCCC) và các bản vẽ thiết kế kỹ thuật công trình, bản vẽ hệ thống PCCC tỷ lệ 1/50 - 1/200, phải được cơ quan Cảnh sát PCCC đóng dấu đã thẩm duyệt về PCCC (theo quy định tại Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND).		01 bản
	5.3.10. Đối với công trình thuộc danh mục lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường: phải có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc thông báo xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường (theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều về các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường).		01 bản
	5.3.11. Văn bản chấp thuận của tổ chức có thẩm quyền thế chấp đối với các trường hợp	01 bản	

	nhà, đất đang thế chấp.			
	5.3.12. Văn bản phê duyệt biện pháp thi công của chủ đầu tư đảm bảo an toàn cho công trình và công trình lân cận, đối với công trình xây chen có tầng hầm	01 bản		
	5.3.13. Đối với các công trình di tích lịch sử, văn hóa và danh lam, thắng cảnh đã được xếp hạng, thì phải có bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo phân cấp.			01 bản
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
5.5	Thời gian xử lý: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	- Lệ phí: + 75.000 đồng/giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ. + 150.000 đồng/giấy phép xây dựng công trình khác.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 30 (ngày làm việc) x 08 giờ = 240 giờ.			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Phiếu Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng QH-KT	08 giờ	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu	Chuyên viên phòng chuyên môn	164giờ	Thẩm định hồ sơ CPXD hoặc soạn văn bản hướng dẫn

	có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo Tờ trình.			nếu hồ sơ chưa phù hợp
Bước 3	Lấy ý kiến (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Ban Tôn giáo và UBND tỉnh)	Sở, ban, ngành tỉnh	40 giờ	Văn bản ý kiến
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyên lãnh đạo Sở ký Tờ trình hoặc Văn bản	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	16 giờ	GPXD hoặc văn bản hướng dẫn hồ sơ chưa phù hợp
Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ	Đóng dấu giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	Giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt

6. BIỂU MẪU THEO QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 106/QĐ-UBND NGÀY 30/12/2016 CỦA UBND TỈNH AN GIANG

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Phụ lục 1	ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP DI DỜI CÔNG TRÌNH
2	Phụ lục 3	BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ
3	Phụ lục 5	BẢN CAM KẾT BẢO ĐẢM AN TOÀN CHO CÔNG TRÌNH (NHÀ Ở RIÊNG LẺ) VÀ CÔNG TRÌNH LÂN CẬN, LIỀN KỀ

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Giấy phép xây dựng (bản chính).
2	Bản vẽ đã duyệt cấp giấy phép xây dựng (bản chính).

3	Các hồ sơ pháp lý có liên quan tại thành phần hồ sơ đầu vào.
Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó chuyển lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.	

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho: di dời công trình)

Kính gửi: Sở Xây dựng An Giang.

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ hộ:
- Địa chỉ liên hệ:
- Số nhà: Đường/phố Phường/xã
- Quận/huyện Tỉnh/thành phố:
- Số điện thoại:

2. Thông tin công trình:

- Địa điểm xây dựng:
- Lô đất số: Diện tích m².
- Tại số nhà: Đường/phố
- Phường/xã
- Quận/huyện
- Tỉnh, thành phố:

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

- Công trình cần di dời:
- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): m².

- Tổng diện tích sàn: m².
- Chiều cao công trình: m².
- Địa điểm công trình di dời đến:
- Lô đất số: Diện tích m².
- Tại: Đường:.....
- Phường (xã) Quận (huyện)
- Tỉnh, thành phố:
- Số tầng:

4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:

- Tên đơn vị thiết kế:
- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số Cấp ngày....
- Tên chủ nhiệm thiết kế:
- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: do Cấp ngày:
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:.....
- Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày.....

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình:..... tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

- 1 -
- 2 -

....., ngày tháng... năm

Người làm đơn
Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC SỐ 3

(Ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ

1. Tổ chức thiết kế:
- 1.1. Tên:.....
- 1.2. Địa chỉ:
- 1.3. Số điện thoại:.....
- 1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh:
2. Kinh nghiệm thiết kế:.....
- 2.1. Kê khai ít nhất 03 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:
 - a)
 - b).....
- 2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:
 - a) Số lượng:Trong đó:
 - Kiến trúc sư:.....
 - Kỹ sư các loại:
 - b) Chủ nhiệm thiết kế:
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):
 - c) Chủ trì thiết kế các bộ môn (kê khai đối với tất cả các bộ môn):

- Họ và tên:
- Số chứng chỉ (*kèm photocopy chứng chỉ*):
- Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (*tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ*):
.....

....., ngày tháng năm ...
Đại diện tổ chức, cá nhân thiết kế
(*Ký ghi rõ họ tên*)

PHỤ LỤC SỐ 5 (mẫu số 5)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT BẢO ĐẢM AN TOÀN CHO CÔNG TRÌNH (NHÀ Ở RIÊNG LẺ) VÀ CÔNG TRÌNH LÂN CẬN, LIỀN KÈ

Kính gửi:

Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ):

Người đại diện: Chức vụ (nếu có):

Địa chỉ liên hệ: Số nhà: Đường.....
Phường/xã.....huyện/thành phố/thị xã.....tỉnh.....

Số điện thoại:.....

Hiện tại tôi (tên chủ đầu tư).....đang xin phép xây dựng công trình.....tại thửa đất số: tờ bản đồ số: Diện tích m², xã/phường.....huyện/thành phố/thị xã.....tỉnh.....

Nay tôi (tên chủ đầu tư).....xin cam kết:

1. Thực hiện đúng theo nội dung giấy phép xây dựng, hồ sơ được duyệt và các quy định pháp luật về xây dựng.

2. Có biện pháp che chắn, chống đỡ trong khi thi công đảm bảo các điều kiện an toàn lao động và công tác vệ sinh môi trường cho các hộ xung quanh.

3. Hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự ổn định, an toàn công trình được phép xây dựng trong quá trình thi công.

4. Trong quá trình thi công xây dựng, nếu công trình liền kề, lân cận có dấu hiệu bị lún, nứt, thấm, dột hoặc có nguy cơ sập đổ do ảnh hưởng của việc xây dựng công trình (nhà ở riêng lẻ) gây ra, chủ đầu tư phải phối hợp với chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình liền kề, lân cận để kiểm tra, xác định nguyên nhân và thống nhất biện pháp khắc phục. Trường hợp các bên không thống nhất thì tranh chấp phát sinh được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình thi công nếu có điều gì không đúng với nội dung cam kết trên, tôi (tên chủ đầu tư).....xin chịu hoàn toàn trách nhiệm theo quy định của pháp luật./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký tên, đóng dấu)

4. Quy trình Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	Mã hiệu:	B-BXD-- TT
		Ngày BH/.../2 0....

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) và các cá nhân, tổ chức tư vấn khảo sát, thiết kế, nhà thầu xây dựng biết và chấp hành

đúng quy định pháp luật về quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch, đồng thời thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong lĩnh vực xây dựng có liên quan.

2. Quản lý xây dựng theo quy hoạch và các quy định pháp luật khác có liên quan; bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa, các công trình kiến trúc có giá trị; phát triển kiến trúc mới, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc và sử dụng có hiệu quả đất đai xây dựng công trình.

3. Làm căn cứ pháp lý thống nhất về trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng và việc thực hiện giấy phép xây dựng như: giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình của chủ đầu tư (cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng chỉ kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư đối với các công trình, hạng mục công trình quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, sau đây gọi tắt là Nghị định số 46/2015/NĐ-CP), lập biên bản nghiệm thu bàn giao công trình, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và đưa công trình vào sử dụng.

2. PHẠM VI

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng có nhu cầu gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPV HHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang
- CV: Chuyên viên
- QH: Quy hoạch
- QHCT: Quy hoạch chi tiết
- CPXD: Cấp phép xây dựng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: <ul style="list-style-type: none">+ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;+ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;+ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;+ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều về các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành
------------	---

	<p>Luật bảo vệ môi trường;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; + Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; + Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng; + Thông tư số 05/2015/TT-BXD ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và bảo trì nhà ở riêng lẻ; + Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; + Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; + Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép tư xây dựng; + Quyết định số 87/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang thực hiện Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 2 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp các loại lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến quyền và nghĩa vụ công dân; quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh. + Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang. + Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. + Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
<p>5.2</p>	<p>Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính</p>
	<ul style="list-style-type: none"> - Trước 30 ngày thời điểm giấy phép xây dựng hết hiệu lực khởi công xây dựng, nếu công trình chưa được khởi công thì chủ đầu tư phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng. Mỗi giấy phép xây dựng chỉ được gia hạn tối đa 02 lần. Thời gian gia hạn mỗi lần là 12 tháng. Khi hết thời gian gia hạn giấy phép xây dựng mà chưa khởi công xây dựng thì chủ đầu tư phải nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng mới. - Đối với công trình, nhà ở riêng lẻ được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn

	<p>đã hết thời hạn tồn tại ghi trong giấy phép, nhưng quy hoạch chưa được thực hiện thì chủ sở hữu công trình hoặc người được giao sử dụng công trình đề nghị cơ quan cấp giấy phép xây dựng xem xét gia hạn thời gian tồn tại cho đến khi quy hoạch được triển khai thực hiện. Thời hạn tồn tại công trình được ghi ngay vào giấy phép xây dựng có thời hạn đã được cấp;</p>			
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao	
	5.3.1. Bản chính đơn đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng (theo Mẫu tại phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang).	01 bản		
	5.3.2. Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp. Thời hạn gia hạn giấy phép xây dựng được ghi trong giấy phép xây dựng được cấp	01 bản		
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
5.5	Thời gian xử lý: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	- Lệ phí: Không			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 7 (ngày làm việc) x 08 giờ = 56 giờ.			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở. 	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Phiếu Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng QH-KT	04 giờ	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý

	<ul style="list-style-type: none"> - Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo Tờ trình. 	Chuyên viên phòng chuyên môn	32 giờ	Thẩm định hồ sơ CPXD hoặc soạn văn bản hướng dẫn nếu hồ sơ chưa phù hợp
Bước 3	Lấy ý kiến (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Ban Tôn giáo và UBND tỉnh)	Sở, ban, ngành tỉnh	00 giờ	Văn bản ý kiến
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở ký Tờ trình hoặc Văn bản	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ	GPXD hoặc văn bản hướng dẫn hồ sơ chưa phù hợp
Bước 5	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC 	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ	Đóng dấu giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	Giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt

6. BIỂU MẪU THEO QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 106/QĐ-UBND NGÀY 30/12/2016 CỦA UBND TỈNH AN GIANG

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Phụ lục 1	ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIA HẠN GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Giấy phép xây dựng (bản chính).
2	Bản vẽ đã duyệt cấp giấy phép xây dựng (bản chính).
3	Các hồ sơ pháp lý có liên quan tại thành phần hồ sơ đầu vào.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó chuyển lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.

PHỤ LỤC SỐ 2

(Ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho: Công trình/Nhà ở riêng lẻ)

Kính gửi:

1. Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ):

- Người đại diện: Chức vụ (nếu có):

- Địa chỉ liên hệ:

- Số nhà: Đường/phố Phường/xã

- Quận/huyện Tỉnh/thành phố:

- Số điện thoại:

2. Địa điểm xây dựng:

- Lô đất số: Diện tíchm².

- Tại:Đường:

- Phường/xã Quận/huyện.....

- Tỉnh, thành phố:

3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: (số, ngày, cơ quan cấp)

Nội dung Giấy phép:

-

4. Nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp (hoặc lý do đề nghị gia hạn/cấp lại):

-

5. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:.....

- Tên đơn vị thiết kế:

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số Cấp ngày....

- Tên chủ nhiệm thiết kế:

- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: do Cấp ngày:

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:.....

- Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày.....

6. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh/gia hạn: tháng.

7. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

..... ngày tháng..... năm

Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

5. Quy trình Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	B-BXD--TT
	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	Ngày BH/.../20... .

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) và các cá nhân, tổ chức tư vấn khảo sát, thiết kế, nhà thầu xây dựng biết và chấp hành đúng quy định pháp luật về quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch, đồng thời thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong lĩnh vực xây dựng có liên quan.

2. Quản lý xây dựng theo quy hoạch và các quy định pháp luật khác có liên quan; bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa, các công trình kiến trúc có giá trị; phát triển kiến trúc mới, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc và sử dụng có hiệu quả đất đai xây dựng công trình.

3. Làm căn cứ pháp lý thống nhất về trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng và việc thực hiện giấy phép xây dựng như: giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình của chủ đầu tư (cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng chỉ kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư đối với các công trình, hạng mục công trình quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, sau đây gọi tắt là Nghị định số 46/2015/NĐ-CP), lập biên bản nghiệm thu bàn giao công trình, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và đưa công trình vào sử dụng.

2. PHẠM VI

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng có nhu cầu Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPV HHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang
- CV: Chuyên viên
- QH: Quy hoạch
- QHCT: Quy hoạch chi tiết
- CPXD: Cấp phép xây dựng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	<p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;+ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;+ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;+ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều về các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;+ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;+ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;+ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;+ Thông tư số 05/2015/TT-BXD ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và bảo trì nhà ở riêng lẻ;+ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;+ Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;+ Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép tư xây dựng;+ Quyết định số 87/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang thực hiện Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 2 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp các loại lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến quyền và nghĩa vụ công dân; quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.+ Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý
------------	--

	<p>trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang.</p> <p>+ Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.</p> <p>+ Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</p>		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	<p>a) Giấy phép xây dựng được cấp lại đối với các trường hợp bị rách, nát hoặc bị mất;</p> <p>b) Giấy phép xây dựng được cấp lại dưới hình thức bản sao và có giá trị như bản chính để làm cơ sở cho chủ đầu tư thực hiện các thủ tục pháp lý tiếp theo.</p> <p>Nội dung bản sao giấy phép xây dựng được sao y từ bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp và cơ quan cấp giấy phép xây dựng phải ký tên, đóng dấu xác nhận sao y bản chính;</p>		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1. Bản chính đơn đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng (theo Mẫu tại phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang).	01 bản	
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.		
5.5	Thời gian xử lý: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.		
5.7	<p>- Lệ phí:</p> <p>+ 75.000 đồng/giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ.</p> <p>+ 150.000 đồng/giấy phép xây dựng công trình khác.</p>		

5.8 Quy trình xử lý công việc: 07 (ngày làm việc) x 08 giờ = 56 giờ.				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở. 	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Phiếu Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng QH-KT	04 giờ	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo Tờ trình. 	Chuyên viên phòng chuyên môn	32 giờ	Thẩm định hồ sơ CPXD hoặc soạn văn bản hướng dẫn nếu hồ sơ chưa phù hợp
Bước 3	Lấy ý kiến (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Ban Tôn giáo và UBND tỉnh)	Sở, ban, ngành tỉnh	00 giờ	Văn bản ý kiến
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở ký Tờ trình hoặc Văn bản	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ	GPXD hoặc văn bản hướng dẫn hồ sơ chưa phù hợp
Bước 5	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC 	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ	Đóng dấu giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	Giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt

**6. BIỂU MẪU THEO QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 106/QĐ-UBND
NGÀY 30/12/2016 CỦA UBND TỈNH AN GIANG**

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Phụ lục 2	ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Giấy phép xây dựng (bản chính).
2	Bản vẽ đã duyệt cấp giấy phép xây dựng (bản chính).
3	Các hồ sơ pháp lý có liên quan tại thành phần hồ sơ đầu vào.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó chuyển lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.

PHỤ LỤC SỐ 2

(Ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho: Công trình/Nhà ở riêng lẻ)

Kính gửi:

1. Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ):

- Người đại diện: Chức vụ (nếu có):

- Địa chỉ liên hệ:

- Số nhà: Đường/phố Phường/xã

- Quận/huyện Tỉnh/thành phố:

- Số điện thoại:

2. Địa điểm xây dựng:

- Lô đất số: Diện tíchm².

- Tại:Đường:

- Phường/xã Quận/huyện.....

- Tỉnh, thành phố:

3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: (số, ngày, cơ quan cấp)

Nội dung Giấy phép:

-

4. Nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp (hoặc lý do đề nghị gia hạn/cấp lại):

-

5. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:

- Tên đơn vị thiết kế:

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số Cấp ngày....

- Tên chủ nhiệm thiết kế:

- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: do Cấp ngày:

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:.....

- Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày.....

6. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh/gia hạn: tháng.

7. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

..... ngày tháng..... năm

Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư
Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

6. Quy trình Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	Mã hiệu:	B-BXD-- TT
		Ngày BH/.../20. ...

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

.....				
-------	--	--	--	--

1. MỤC ĐÍCH

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) và các cá nhân, tổ chức tư vấn khảo sát, thiết kế, nhà thầu xây dựng biết và chấp hành đúng quy định pháp luật về quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch, đồng thời thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong lĩnh vực xây dựng có liên quan.

2. Quản lý xây dựng theo quy hoạch và các quy định pháp luật khác có liên quan; bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa, các công trình kiến trúc có giá trị; phát triển kiến trúc mới, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc và sử dụng có hiệu quả đất đai xây dựng công trình.

3. Làm căn cứ pháp lý thống nhất về trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng và việc thực hiện giấy phép xây dựng như: giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình của chủ đầu tư (cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng chỉ kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư đối với các công trình, hạng mục công trình quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, sau đây gọi tắt là Nghị định số 46/2015/NĐ-CP), lập biên bản nghiệm thu bàn giao công trình, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và đưa công trình vào sử dụng.

2. PHẠM VI

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng có nhu cầu sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp I, II; công trình tôn giáo; công trình di tích lịch sử - văn hóa, tượng đài, tranh hoành tráng được xếp hạng; công trình trên các tuyến, trục đường phố chính trong đô thị; công trình thuộc dự án có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh An Giang.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- TTPV HHC: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang
- CV: Chuyên viên
- QH: Quy hoạch
- QHCT: Quy hoạch chi tiết
- CPXD: Cấp phép xây dựng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1

Cơ sở pháp lý:

- + Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;
- + Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ **Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy**;
- + Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;
- + Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều về các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;
- + Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- + Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- + Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;
- + Thông tư số 05/2015/TT-BXD ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và bảo trì nhà ở riêng lẻ;
- + Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;
- + Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;
- + Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép tư xây dựng;
- + Quyết định số 87/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang thực hiện Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 2 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp các loại lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến quyền và nghĩa vụ công dân; quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.
- + Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang.

	<p>+ Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.</p> <p>+ Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</p>		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	<p>+ Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành;</p> <p>+ Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt.</p> <p>+ Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh.</p> <p>+ Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 59/2016/NĐ-CP).</p> <p>+ Công trình xây dựng cấp đặc biệt, cấp I trong đô thị phải có thiết kế tầng hầm theo yêu cầu của đồ án quy hoạch đô thị và Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>+ Thiết kế phải được tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định thực hiện và phải được thẩm định theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2016/NĐ-CP.</p>		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1. Bản chính đơn đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo (theo Mẫu tại phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban	01 bản	

	<p>hành Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang).</p>		
	<p>5.3.2. Bản sao (có chứng thực của UBND xã, phường, thị trấn; nếu không có chứng thực thì phải mang theo bản chính để đối chiếu tại nơi tiếp nhận hồ sơ) một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, cụ thể như sau:</p> <p>5.3.2.1 Các loại giấy tờ theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ Quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng. Cụ thể:</p> <p>a) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp theo quy định của Luật đất đai năm 1987, Luật đất đai năm 1993, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai năm 2001, Luật đất đai năm 2003.</p> <p>b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được cấp theo quy định của Luật đất đai năm 2013, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12.</p> <p>c) Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được cấp theo quy định tại Nghị định số 60/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ về quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đô thị, Nghị định số 61/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ về mua bán và kinh doanh nhà ở.</p> <p>d) Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở; giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã được cấp theo quy định tại Pháp lệnh nhà ở năm 1991; Luật nhà ở năm 2005; Nghị định số 81/2001/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2001 của Chính phủ về việc người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua nhà ở tại Việt Nam; Nghị định số</p>		<p>01 bản</p>

95/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng; Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật nhà ở; Nghị định số 51/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 19/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội về việc thí điểm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài mua và sở hữu nhà ở tại Việt Nam; Điều 31, Điều 32 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; các giấy chứng nhận khác về quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng đã được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng qua các thời kỳ.

đ) Các loại giấy tờ đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận gồm: Các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật đất đai năm 2013; Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013 và quy định tại khoản 16 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai hoặc giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và được cơ quan đăng ký đất đai xác nhận đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

e) Giấy tờ về đất đai đối với trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ sau ngày 01 tháng 7 năm 2004 nhưng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai, gồm: Quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và hợp đồng thuê đất kèm theo (nếu có) hoặc giấy tờ về trúng đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất hoặc Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước

có thẩm quyền.

g) Báo cáo rà soát, kê khai hiện trạng sử dụng đất đối với trường hợp tổ chức, cơ sở tôn giáo đang sử dụng mà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất kiểm tra và quyết định xử lý theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

h) Giấy tờ về việc xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng để thực hiện xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo hoặc di dời các công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013.

i) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với công trình xây dựng biển quảng cáo, trạm viễn thông, cột ăng-ten tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng để xây dựng và không được chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

k) Hợp đồng thuê đất được giao kết giữa chủ đầu tư xây dựng công trình và người quản lý, sử dụng công trình giao thông hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về giao thông đối với công trình được phép xây dựng trong phạm vi đất dành cho giao thông theo quy định của pháp luật.

l) Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp người sử dụng đất đã có giấy tờ hợp pháp về đất đai theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này nhưng đề nghị được cấp giấy phép xây dựng sử dụng vào mục đích khác với mục đích sử dụng đất đã được ghi trên giấy tờ đó.

m) Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,

	<p>theo đề nghị của cơ quan cấp giấy phép xây dựng để xác định diện tích các loại đất đối với trường hợp người sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này nhưng trên các giấy tờ đó không ghi rõ diện tích các loại đất để làm cơ sở cấp giấy phép xây dựng.</p> <p>5.3.2.2. Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất để cấp phép xây dựng đối với trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người sử dụng đất gồm: một trong các loại hợp đồng (thuê đất, góp vốn, hợp tác kinh doanh) hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình đó được công chứng, chứng thực.</p>		
	<p>5.3.3. Bản vẽ (bản chính) thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:</p> <p>Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ hiện trạng của bộ phận, hạng mục công trình sửa chữa, cải tạo đã được phê duyệt theo quy định có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ các bản vẽ của hồ sơ đề nghị cấp phép sửa chữa, cải tạo và ảnh chụp (10 x 15 cm) hiện trạng công trình và công trình lân cận trước khi sửa chữa, cải tạo.</p>	02 bộ bản vẽ	
	<p>5.3.4. Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế theo mẫu tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND, kèm theo bản sao chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, đối với công trình chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế.</p>	01 bản	
	<p>5.3.5. Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với công trình theo quy định phải được thẩm định thiết kế.</p>		01 bản
	<p>5.3.6 Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn cho công trình và công trình lân cận đối với công trình</p>	01 bản	

	xây chen, có tầng hầm(Mẫu bản cam kết của chủ đầu tư theo Mẫu số 5 Phụ lục 5 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND).		
	5.3.7. Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (PCCC) và các bản vẽ thiết kế kỹ thuật công trình, bản vẽ hệ thống PCCC tỷ lệ 1/50 - 1/200, phải được cơ quan Cảnh sát PCCC đóng dấu đã thẩm duyệt về PCCC (theo quy định tại Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND).		01 bản
	5.3.8. Đối với công trình thuộc danh mục lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường: phải có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc thông báo xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường (theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều về các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường).		01 bản
	5.3.9. Văn bản chấp thuận của tổ chức có thẩm quyền thể chấp đối với các trường hợp nhà, đất đang thế chấp.	01 bản	
	5.3.10. Văn bản phê duyệt biện pháp thi công của chủ đầu tư đảm bảo an toàn cho công trình và công trình lân cận, đối với công trình xây chen có tầng hầm	01 bản	
	5.3.11. Đối với các công trình di tích lịch sử, văn hóa và danh lam, thắng cảnh đã được xếp hạng, thì phải có bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo phân cấp.		01 bản
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.		
5.5	Thời gian xử lý: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.		
5.7	- Lệ phí:		

	+ 75.000 đồng/giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ. + 150.000 đồng/giấy phép xây dựng công trình khác.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 30 (ngày làm việc) x 08 giờ = 240 giờ.			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở. 	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Phiếu Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng QH-KT	08 giờ	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo Tờ trình. 	Chuyên viên phòng chuyên môn	164giờ	Thẩm định hồ sơ CPXD hoặc soạn văn bản hướng dẫn nếu hồ sơ chưa phù hợp
Bước 3	Lấy ý kiến (Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch hoặc Ban Tôn giáo và UBND tỉnh)	Sở, ban, ngành tỉnh	40 giờ	Văn bản ý kiến
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở ký Tờ trình hoặc Văn bản	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	16 giờ	GPXD hoặc văn bản hướng dẫn hồ sơ chưa phù hợp
Bước 5	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC 	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ	Đóng dấu giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	Giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt

6. BIỂU MẪU THEO QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 106/QĐ-UBND NGÀY 30/12/2016 CỦA UBND TỈNH AN GIANG

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Phụ lục 1	ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬA CHỮA, CẢI TẠO
2	Phụ lục 3	BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ
3	Phụ lục 5	BẢN CAM KẾT BẢO ĐẢM AN TOÀN CHO CÔNG TRÌNH (NHÀ Ở RIÊNG LẺ) VÀ CÔNG TRÌNH LÂN CẬN, LIỀN KỀ

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Giấy phép xây dựng (bản chính).
2	Bản vẽ đã duyệt cấp giấy phép xây dựng (bản chính).
3	Các hồ sơ pháp lý có liên quan tại thành phần hồ sơ đầu vào.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó chuyển lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho công trình: sửa chữa, cải tạo công trình)

Kính gửi: Sở Xây dựng An Giang.

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ hộ:
- Địa chỉ liên hệ:
- Số nhà: Đường/phố Phường/xã
- Quận/huyện Tỉnh/thành phố:
- Số điện thoại:

2. Thông tin công trình:

- Địa điểm xây dựng:.....
- Lô đất số: Diện tích m².
- Tọa số nhà: Đường/phố
- Phường/xã
- Quận/huyện
- Tỉnh, thành phố:

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): m².
- Tổng diện tích sàn: m² (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình: m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng

trên mặt đất, tầng lửng, tum).

- Số tầng: *(ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)*

4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:

- Tên đơn vị thiết kế:

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số Cấp ngày....

- Tên chủ nhiệm thiết kế:

- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: do Cấp ngày:

- Địa chỉ:.....

- Điện thoại:.....

- Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày.....

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình:..... tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

....., ngày tháng... năm

Người làm đơn

Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC SỐ 3

(Ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ

1. Tổ chức thiết kế:
- 1.1. Tên:.....
- 1.2. Địa chỉ:
- 1.3. Số điện thoại:.....
- 1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh:
2. Kinh nghiệm thiết kế:.....
- 2.1. Kê khai ít nhất 03 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:
 - a)
 - b).....
- 2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:
 - a) Số lượng:Trong đó:
 - Kiến trúc sư:.....
 - Kỹ sư các loại:
 - b) Chủ nhiệm thiết kế:
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ (*kèm photocopy chứng chỉ*):
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (*tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ*):

c) Chủ trì thiết kế các bộ môn (*kê khai đối với tất cả các bộ môn*):

- Họ và tên:

- Số chứng chỉ (*kèm photocopy chứng chỉ*):

- Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (*tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ*):

.....

....., ngày tháng năm ...

Đại diện tổ chức, cá nhân thiết kế

(*Ký ghi rõ họ tên*)

PHỤ LỤC SỐ 5 (mẫu số 5)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT BẢO ĐẢM AN TOÀN CHO CÔNG TRÌNH (NHÀ Ở RIÊNG LẺ) VÀ CÔNG TRÌNH LÂN CẬN, LIỀN KÈ

Kính gửi:

Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ):

Người đại diện: Chức vụ (nếu có):.....

Địa chỉ liên hệ: Số nhà:Đường.....
Phường/xã.....huyện/thành phố/thị xã.....tỉnh.....

Số điện thoại:.....

Hiện tại tôi (tên chủ đầu tư).....đang xin phép xây dựng công trình.....tại thửa đất số: tờ bản đồ số: Diện tích m², xã/phường.....huyện/thành phố/thị xã.....tỉnh.....

Nay tôi (tên chủ đầu tư).....xin cam kết:

1. Thực hiện đúng theo nội dung giấy phép xây dựng, hồ sơ được duyệt và các quy định pháp luật về xây dựng.

2. Có biện pháp che chắn, chống đỡ trong khi thi công đảm bảo các điều kiện an toàn lao động và công tác vệ sinh môi trường cho các hộ xung quanh.

3. Hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự ổn định, an toàn công trình được phép xây dựng trong quá trình thi công.

4. Trong quá trình thi công xây dựng, nếu công trình liền kề, lân cận có dấu hiệu bị lún, nứt, thấm, dột hoặc có nguy cơ sập đổ do ảnh hưởng của việc xây dựng công trình (nhà ở riêng lẻ) gây ra, chủ đầu tư phải phối hợp với chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình liền kề, lân cận để kiểm tra, xác định nguyên

nhân và thống nhất biện pháp khắc phục. Trường hợp các bên không thống nhất thì tranh chấp phát sinh được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình thi công nếu có điều gì không đúng với nội dung cam kết trên, tôi (tên chủ đầu tư).....xin chịu hoàn toàn trách nhiệm theo quy định của pháp luật./.

....., ngày.....tháng.....năm.....

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký tên, đóng dấu)

7. Quy trình Thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh (cấp tỉnh) quy định tại Điểm b Khoản 2, Điểm b Khoản 3, Điểm b Khoản 5 Điều 10 của Nghị định 59 được sửa đổi bởi Khoản 4 Điều 1 Nghị định 42 Khoản 4 Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP Khoản 4 Điều 1 Nghị định 42/2017/NĐ-CP).

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	B-BXD-212945-TT; B-BXD-050247-TT: B-BXD-050254-TT: B-BXD-251712-TT:
		Ngày BH	27/12/2017
Thủ tục thẩm định dự án/ dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/ thiết kế cơ sở điều chỉnh.			

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

.....				
-------	--	--	--	--

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, điều kiện cho tổ chức thực hiện thủ tục thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/ thiết kế cơ sở điều chỉnh.

2. PHẠM VI

Quy trình này áp dụng cho lĩnh vực Xây dựng; Phòng Kinh tế, Vật liệu xây dựng – Quản lý Xây dựng và tổ chức thực hiện.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	<p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - <i>Nghị định số</i> Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; - Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng. - Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 07/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điều tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng. - Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng về việc quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình. - Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng về việc công
------------	---

	bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng. - Quyết định số 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở, vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng, kiến trúc quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	Nêu các điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có).		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1. Tờ trình thẩm định dự án/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh theo Mẫu số 01 Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.	X	
	5.3.2. Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư dự án của cấp có thẩm quyền.	X	
	5.3.2. Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng trong trường hợp thẩm định dự án/dự án điều chỉnh; hồ sơ thiết kế cơ sở (thuyết minh và bản vẽ) trong trường hợp thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh.	X	
	5.3.3. Các tài liệu, văn bản pháp lý có liên quan		X
	<ul style="list-style-type: none"> - Quy hoạch chi tiết xây dựng hoặc tổng mặt bằng được duyệt hoặc giấy phép quy hoạch của dự án. - Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có). - Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án. - Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án. - Năng lực tư vấn: phải có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng được công khai trên Trang thông tin điện tử của Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng. - Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường (hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường) của cơ quan có thẩm quyền (nếu có). - Văn bản thỏa thuận độ cao tĩnh không (nếu có). - Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị. 		

	- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).			
5.4	Số lượng hồ sơ: 08 bộ.			
5.5	Thời gian xử lý: Tính từ ngày Sở Xây dựng nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với thẩm định dự án/dự án điều chỉnh: + Không quá 30 ngày đối với dự án nhóm B. + Không quá 20 ngày đối với dự án nhóm C. - Đối với thẩm định thiết kế cơ sở/ thiết kế cơ sở điều chỉnh: + Không quá 20 ngày đối với dự án nhóm B. + Không quá 15 ngày đối với dự án nhóm C.			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: Thu lệ phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
5.8.1	Đối với thẩm định dự án/ dự án điều chỉnh nhóm B (30 ngày x 08 giờ = 240 giờ).			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HHC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HHC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	88 giờ

Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan	Sở, ban, ngành tỉnh	120 giờ
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	12 giờ
Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HHC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HHC	04 giờ
5.8 5.8.2	Quy trình xử lý công việc: Đối với thẩm định dự án/dự án điều chỉnh nhóm C hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh nhóm B (20 ngày x 08 giờ = 160 giờ).			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HHC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HHC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	04 giờ
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	52 giờ
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan	Sở, ban, ngành tỉnh	80 giờ

Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	12 giờ
Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HHC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HHC	04 giờ
5.8 5.8.3	Quy trình xử lý công việc: Đối với thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh nhóm C (15 ngày x 08 giờ = 120 giờ).			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	04 giờ
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	48 giờ
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan	Sở, ban, ngành tỉnh	48 giờ
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ

Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 01	Tờ trình thẩm định dự án đầu tư xây dựng/dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/ thiết kế cơ sở điều chỉnh theo mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP.
2	Mẫu số 02	Thông báo kết quả thẩm định dự án/ thẩm định điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng.
3	Mẫu số 03	Thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở/ thẩm định điều chỉnh thiết kế cơ sở của dự án đầu tư xây dựng.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Văn bản thẩm định của Sở Xây dựng.
2	Thành phần hồ sơ theo mục 5.3

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng, thời gian lưu 20 năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.

Mẫu số 01

Tờ trình thẩm định dự án/ dự án điều chỉnh hoặc thẩm định thiết kế cơ sở/thiết kế cơ sở điều chỉnh theo Phụ lục II Nghị định số 59/2015/NĐ-CP

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định dự án đầu tư xây dựng hoặc thiết kế cơ sở

Kính gửi: Sở Xây dựng An Giang

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.....

(Tên tổ chức) trình Sở Xây dựng thẩm định dự án đầu tư xây dựng (Tên dự án) với các nội dung chính sau:

I. THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN (CÔNG TRÌNH)

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án:
3. Loại và cấp công trình:
4. Người quyết định đầu tư:
5. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
6. Địa điểm xây dựng:
7. Giá trị tổng mức đầu tư: triệu đồng. Trong đó:

VD:

ĐVT: triệu đồng

STT	Khoản mục chi phí	Thành tiền
1	Chi phí bồi thường - GPMB	

2	Chi phí xây dựng	
3	Chi phí thiết bị	
4	Chi phí quản lý dự án	
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	
6	Chi phí khác	
7	Chi phí dự phòng	
8	

8. Nguồn vốn đầu tư: *(nêu giá trị của các loại nguồn vốn được sử dụng)*

9. Thời gian thực hiện:

10. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: *(chỉ nêu tiêu chuẩn, quy chuẩn chính áp dụng trong thiết kế công trình)*

11. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi: *(phải có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng)*

12. Các thông tin khác (nếu có):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BÁO CÁO

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công) hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư xây dựng hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (đối với dự án sử dụng vốn khác);

- Quyết định lựa chọn phương án thiết kế kiến trúc thông qua thi tuyển hoặc tuyển chọn theo quy định và phương án thiết kế được lựa chọn kèm theo (nếu có);

- Quyết định lựa chọn nhà thầu lập dự án;

- Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (quy hoạch 1/2000 đối với khu công nghiệp quy mô trên 20 ha) được cấp có thẩm quyền phê duyệt hoặc giấy phép quy hoạch của dự án;

- Văn bản thẩm duyệt hoặc ý kiến về giải pháp phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Văn bản thỏa thuận độ cao tĩnh không (nếu có);

- Các văn bản thông tin, số liệu về hạ tầng kỹ thuật đô thị;

- Các văn bản pháp lý khác có liên quan (nếu có).

2. Tài liệu khảo sát, thiết kế, tổng mức đầu tư (dự toán):

- Hồ sơ khảo sát xây dựng phục vụ lập dự án;
- Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (bao gồm tổng mức đầu tư hoặc dự toán);
- Thiết kế cơ sở bao gồm bản vẽ và thuyết minh.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu lập dự án, thiết kế cơ sở;
- Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình Sở Xây dựng thẩm định dự án đầu tư xây dựng *(Tên dự án)* với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Tên người đại diện

Mẫu số 02

(Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ)

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:, ngày ... tháng năm

V/v thông báo kết quả thẩm định dự án...

Kính gửi: (Tên Đơn vị trình)

(Cơ quan thẩm định) đã nhận Văn bản số ... ngày ... của ... trình thẩm định dự án (Tên dự án đầu tư).

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ khác có liên quan

Sau khi xem xét, tổng hợp ý kiến và kết quả thẩm tra của các cơ quan, tổ chức có liên quan, (Cơ quan thẩm định) thông báo kết quả thẩm định dự án (tên dự án) như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án, loại, cấp, quy mô công trình:
3. Người quyết định đầu tư:
4. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
.....
5. Địa điểm xây dựng:
6. Giá trị tổng mức đầu tư:
7. Nguồn vốn đầu tư:
8. Thời gian thực hiện:
9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:
10. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:
11. Các thông tin khác (nếu có):

II. HỒ SƠ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

1. Văn bản pháp lý:
(Liệt kê các văn bản pháp lý trong hồ sơ trình)
2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế:
3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

III. NỘI DUNG HỒ SƠ DỰ ÁN TRÌNH THẨM ĐỊNH

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của hồ sơ dự án trình thẩm định được gửi kèm theo Trình trình thẩm định dự án của Tổ chức trình thẩm định.

IV. TỔNG HỢP Ý KIẾN CÁC ĐƠN VỊ PHỐI HỢP

Tổng hợp ý kiến của các đơn vị phối hợp theo chức năng nhiệm vụ.

V. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

1. Nội dung thẩm định thiết kế cơ sở:

- Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch chi tiết xây dựng; tổng mặt bằng được chấp thuận hoặc với phương án tuyến công trình được chọn đối với công trình xây dựng theo tuyến;

- Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với vị trí địa điểm xây dựng, khả năng kết nối với hạ tầng kỹ thuật của khu vực;

- Sự phù hợp của phương án công nghệ, dây chuyền công nghệ được lựa chọn đối với công trình có yêu cầu về thiết kế công nghệ;

- Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ;

- Sự tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế;

- Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, năng lực hành nghề của cá nhân tư vấn lập thiết kế;

- Sự phù hợp của giải pháp tổ chức thực hiện dự án theo giai đoạn, hạng mục công trình với yêu cầu của thiết kế cơ sở.

2. Nội dung thẩm định tổng mức đầu tư:.....

3. Các nội dung khác của Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng được thẩm định:

- Đánh giá về sự cần thiết đầu tư xây dựng;

- Đánh giá yếu tố bảo đảm tính khả thi của dự án;

- Đánh giá yếu tố bảo đảm tính hiệu quả của dự án.

VI. KẾT LUẬN

Dự án (Tên dự án) đủ điều kiện (chưa đủ điều kiện) để trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Trên đây là thông báo của (Cơ quan thẩm định) về kết quả thẩm định dự án (Tên dự án). Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định./.

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- ...;

- ...;

- Lưu.

8. Quy trình Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật (trường hợp thiết kế 1 bước) (quy định tại Điều 5, Điều 10 Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Khoản 5 Điều 1 Nghị định số 42/2017/NĐ-CP).

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	B-BXD- 212952/TT; B- BXD- 263338/TT;
		Ngày BH	27/12/2017
Thủ tục thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.			

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

.....				

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, điều kiện cho tổ chức thực hiện thủ tục thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế - kỹ thuật.

2. PHẠM VI

Quy trình này áp dụng cho lĩnh vực Xây dựng; Phòng Kinh tế, Vật liệu xây dựng – Quản lý Xây dựng và tổ chức thực hiện.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	<p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - <i>Nghị định số</i> Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; - Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng. - Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 07/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điều tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng. - Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng về việc quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và
------------	--

	thiết kế, dự toán xây dựng công trình. - Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng. - Quyết định số 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở, vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng, kiến trúc quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	Nêu các điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có).		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1. Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục II của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.	X	
	5.3.2. Nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt	X	
	5.3.3. Thuyết minh Báo cáo kinh tế kỹ thuật	X	
	5.3.4. Báo cáo kết quả thẩm tra (nếu có)	X	
	5.3.5. Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công).	X	
	5.3.6. Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có).		X
	5.3.7. Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư.	X	
	5.3.8. Các văn bản khác có liên quan		X
	5.3.9. Hồ sơ khảo sát xây dựng	X	
	5.3.10. Hồ sơ thiết kế thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ	X	
	5.3.11. Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.	X	
	5.3.12. Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình.		X
	5.3.13. Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có).		X

	5.3.14. Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế (bản sao có chứng thực).		X
	5.3.15. Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).		X
	<p>- Thực hiện lồng ghép thủ tục thẩm duyệt thiết kế phòng cháy chữa cháy (trường hợp công trình thuộc đối tượng phải thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy theo quy định tại Phụ lục IV của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP của Chính phủ); thành phần hồ sơ theo quy định tại mục a dưới đây.</p> <p>- Văn bản thẩm duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường) của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).</p> <p>- Thành phần hồ sơ thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy:</p> <p>+ Văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy của chủ đầu tư (nếu ủy quyền cho một đơn vị khác thực hiện thì phải có văn bản ủy quyền kèm theo).</p> <p>+ Bản sao văn bản chấp thuận quy hoạch của cấp có thẩm quyền.</p> <p>+ Dự toán tổng mức đầu tư dự án, công trình.</p> <p>+ Bản vẽ và bản thuyết minh thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công thể hiện những nội dung yêu cầu về phòng cháy và chữa cháy như sau:</p> <p>+ Địa điểm xây dựng công trình phải bảo đảm khoảng cách an toàn về phòng cháy và chữa cháy đối với các công trình xung quanh;</p> <p>+ Bậc chịu lửa của công trình phải phù hợp với quy mô, tính chất hoạt động của công trình; có giải pháp bảo đảm ngăn cháy và chống cháy lan giữa các hạng mục của công trình và giữa công trình này với công trình khác;</p> <p>+ Công nghệ sản xuất, hệ thống điện, chống sét, chống tĩnh điện, chống nổ của công trình và việc bố trí hệ thống kỹ thuật, thiết bị, vật tư phải bảo đảm các yêu cầu an toàn về phòng cháy và chữa cháy;</p> <p>+ Lối thoát nạn (cửa, lối đi, hành lang, cầu thang thoát nạn), thiết bị chiếu sáng, thông gió hút khói, chỉ dẫn lối thoát nạn, báo tín hiệu; phương tiện cứu</p>		

	<p>người phải bảo đảm cho việc thoát nạn nhanh chóng, an toàn.</p> <p>+ Hệ thống giao thông, bãi đỗ phục vụ cho phương tiện chữa cháy cơ giới hoạt động phải bảo đảm kích thước và tải trọng; hệ thống cấp nước chữa cháy phải đảm bảo yêu cầu phục vụ chữa cháy;</p> <p>+ Hệ thống báo cháy, chữa cháy và phương tiện chữa cháy khác phải bảo đảm số lượng; vị trí lắp đặt và các thông số kỹ thuật phù hợp với đặc điểm và tính chất hoạt động của công trình theo quy định của tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về phòng cháy và chữa cháy.</p>			
5.4	Số lượng hồ sơ: 08 bộ; trong đó có 01 bộ gốc.			
5.5	Thời gian xử lý: Không quá 20 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: Thu lệ phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: (20 ngày x 08 giờ = 160 giờ)			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở. 	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ
	<ul style="list-style-type: none"> - Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt. 	Chuyên viên phòng chuyên môn	52 giờ

Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan	Sở, ban, ngành tỉnh	80 giờ
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ
Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 04	Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ - thuật/Báo cáo kinh tế kỹ - thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế - Kỹ thuật quy định tại mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP.
2	Mẫu số 05	Văn bản thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ - thuật/Báo cáo kinh tế kỹ - thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế - Kỹ thuật quy định tại mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP.
3	Mẫu số 03	Mẫu Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng của Báo cáo kinh tế kỹ - thuật/Báo cáo kinh tế kỹ - thuật điều chỉnh quy định tại mẫu số 03 phụ lục I của Thông tư số 18/TT-BXD ngày 30/06/2016.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Văn bản thẩm định của Sở Xây dựng.
2	Thành phần hồ sơ theo mục 5.3.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng, thời gian lưu 20 năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.

Mẫu số 04

(Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ)

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

Kính gửi: Sở Xây dựng An Giang

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình Sở Xây dựng thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình

I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình:

2. Loại, cấp, quy mô công trình:

3. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ, ...):

4. Địa điểm xây dựng:

5. Giá trị dự toán xây dựng công trình: triệu đồng. Trong đó:

VD:

ĐVT: triệu đồng

STT	Khoản mục chi phí	Thành tiền
1	Chi phí bồi thường - GPMB	
2	Chi phí xây dựng	
3	Chi phí thiết bị	
4	Chi phí quản lý dự án	
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	

6	Chi phí khác	
7	Chi phí dự phòng	
8	

6. Nguồn vốn đầu tư: *(nêu giá trị của các loại nguồn vốn được sử dụng)*

7. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng: *(phải có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng)*

8. Thời gian thực hiện:

9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: *(chỉ nêu tiêu chuẩn, quy chuẩn chính áp dụng trong thiết kế công trình)*

10. Các thông tin khác có liên quan:

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công);

- Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có):

- Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư.

- Và các văn bản khác có liên quan.

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng;

- Hồ sơ thiết kế thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;

- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;

- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);

- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế (bản sao có chứng thực);

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình.... với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

Tên người đại diện

Mẫu số 05

(Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ)

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:
V/v thông báo kết quả thẩm định
Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư
xây dựng

....., ngày tháng năm

Kính gửi:

(Cơ quan thẩm định) đã nhận Tờ trình số ngày của đề nghị thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

Căn cứ hồ sơ trình thẩm định gửi kèm tờ trình thẩm định;

Căn cứ Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình số ngày ... của

Căn cứ Kết quả thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng (nếu có) của tổ chức tư vấn, cá nhân được (cơ quan thẩm định) giao (nếu có);

Các căn cứ khác có liên quan

Sau khi xem xét, (cơ quan thẩm định) thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

- Tên công trình Loại, cấp công trình
- Chủ đầu tư:
- Giá trị dự toán xây dựng công trình:
- Nguồn vốn:
- Địa điểm xây dựng:
- Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình, lập dự toán xây dựng
- Nhà thầu khảo sát xây dựng

II. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Danh mục hồ sơ trình thẩm định.
2. Các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng.
3. Giải pháp thiết kế chủ yếu về: Kiến trúc, nền, móng, kết cấu, hệ thống kỹ thuật công trình, phòng chống cháy, nổ và các nội dung khác (nếu có).

4. Phương pháp lập dự toán được lựa chọn và các cơ sở để xác định các khoản mục chi phí trong dự toán xây dựng trình thẩm định (nếu có).

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

1. Sự phù hợp với quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình.

2. Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, thiết kế; lập dự toán xây dựng (nếu có). Năng lực cá nhân thực hiện thẩm tra thiết kế và thẩm tra dự toán xây dựng (nếu có).

3. Sự hợp lý của các giải pháp thiết kế xây dựng công trình.

4. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình.

5. Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và đảm bảo an toàn của công trình lân cận.

6. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ (nếu có).

7. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ.

8. Yêu cầu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện thiết kế (nếu có)

(Đối với dự án sử dụng vốn khác ngoài các nội dung thẩm định nêu trên thì còn phải thẩm định thêm các nội dung được quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 4 Điều 57 Luật Xây dựng năm 2014)

Kết quả thẩm định dự toán (nếu có yêu cầu)

9. Sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế.

10. Tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng định mức, đơn giá xây dựng công trình.

11. Giá trị dự toán xây dựng: (giá trị dự toán ghi bằng chữ), trong đó:

- Chi phí xây dựng:

- Chi phí thiết bị (nếu có):

- Chi phí quản lý dự án:

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:

- Chi phí khác:

- Chi phí dự phòng:

12. Nội dung khác (nếu có)

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Đủ điều kiện hay chưa đủ điều kiện để trình phê duyệt.

- Yêu cầu, kiến nghị đối với chủ đầu tư (nếu có)

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

Mẫu số 03

Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng công trình

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

ĐƠN VỊ THẨM TRA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm.....

V/v báo cáo kết quả thẩm tra
thiết kế, dự toán xây dựng công
trình

KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Công trình:

Kính gửi: (Tên chủ đầu tư)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định, Thông tư khác có liên quan;

Căn cứ Văn bản số... ngày... của (Đơn vị đề nghị thẩm tra) ...về việc ...;

Các căn cứ khác có liên quan.

Thực hiện theo Hợp đồng tư vấn thẩm tra (số hiệu hợp đồng) giữa (Tên chủ đầu tư) và (Tên đơn vị thẩm tra) về việc thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình (Tên công trình). Sau khi xem xét, (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

- Tên công trình: ... Loại, cấp công trình: ...
- Thuộc dự án đầu tư: ...
- Chủ đầu tư: ...
- Giá trị dự toán xây dựng công trình: ...
- Nguồn vốn:...
- Địa Điểm xây dựng:...
- Đơn vị khảo sát xây dựng: ...
- Đơn vị thiết kế, lập dự toán xây dựng: ...

II. DANH MỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

1. Văn bản pháp lý:
(Liệt kê các văn bản pháp lý của dự án)
2. Danh Mục hồ sơ đề nghị thẩm tra:
3. Các tài liệu sử dụng trong thẩm tra (nếu có)

III. NỘI DUNG CHỦ YẾU THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

1. Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng.
2. Giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình.
(Mô tả giải pháp thiết kế chủ yếu của các hạng Mục công trình)
3. Cơ sở xác định dự toán xây dựng công trình

IV. NHẬN XÉT VỀ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

(Nhận xét và có đánh giá chi Tiết những nội dung dưới đây theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư)

Sau khi nhận được hồ sơ của (Tên chủ đầu tư), qua xem xét (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo về chất lượng hồ sơ đề nghị thẩm tra như sau:

1. Quy cách và danh Mục hồ sơ thực hiện thẩm tra (nhận xét về quy cách, tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định).
2. Nhận xét, đánh giá về các nội dung thiết kế xây dựng theo quy định tại Điều 80 Luật Xây dựng 2014.
3. Nhận xét, đánh giá về dự toán xây dựng, cụ thể:
 - a) Phương pháp lập dự toán được lựa chọn so với quy định hiện hành;
 - b) Các cơ sở để xác định các Khoản Mục chi phí;
 - c) Về đơn giá áp dụng cho công trình;

d) Chi phí xây dựng hợp lý (Giải pháp thiết kế và sử dụng vật liệu, trang thiết bị phù hợp với công năng sử dụng của công trình bảo đảm Tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng công trình).

4. Kết luận của đơn vị thẩm tra về việc đủ Điều kiện hay chưa đủ Điều kiện để thực hiện thẩm tra.

V. KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ

(Một số hoặc toàn bộ nội dung dưới đây tùy theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng)

1. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng bước sau so với thiết kế xây dựng bước trước:

a) Thiết kế kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công) so với thiết kế cơ sở;

b) Thiết kế bản vẽ thi công so với nhiệm vụ thiết kế trong trường hợp thiết kế một bước.

2. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật; quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình:

- Về sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật:

- Về sử dụng vật liệu cho công trình theo quy định của pháp luật:

3. Đánh giá sự phù hợp các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận:

- Đánh giá sự phù hợp của từng giải pháp thiết kế với công năng sử dụng công trình.

- Đánh giá, kết luận khả năng chịu lực của kết cấu công trình, giải pháp thiết kế đảm bảo an toàn cho công trình lân cận.

5. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ (nếu có).

6. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ.

7. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VI. KẾT QUẢ THẨM TRA DỰ TOÁN

1. Nguyên tắc thẩm tra:

a) Về sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế;

b) Về tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng đơn giá xây dựng công trình, định mức chi phí tỷ lệ, dự toán chi phí tư vấn và dự toán các Khoản Mục chi phí khác trong dự toán công trình;

c) Về giá trị dự toán công trình.

2. Giá trị dự toán xây dựng sau thẩm tra

Dựa vào các căn cứ và nguyên tắc nêu trên thì giá trị dự toán sau thẩm tra như sau:

STT	Nội dung chi phí	Giá trị đề nghị	Giá trị sau	Tăng, giảm (+;-)
-----	------------------	-----------------	-------------	------------------

		thăm tra	thăm tra)
1	Chi phí xây dựng			
2	Chi phí thiết bị (nếu có)			
3	Chi phí quản lý dự án			
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng			
5	Chi phí khác			
6	Chi phí dự phòng			
	Tổng cộng			

(có phụ lục chi Tiết kèm theo)

Nguyên nhân tăng, giảm: (nêu rõ lý do tăng, giảm).

3. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng đủ Điều kiện để triển khai các bước tiếp theo.

Một số kiến nghị khác (nếu có).

CHỦ NHIỆM, CHỦ TRÌ THĂM TRA CỦA TỪNG BỘ MÔN

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

-

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

(Kết quả thăm tra được bổ sung thêm một số nội dung khác nhằm đáp ứng yêu cầu thăm tra của chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn thăm tra)

ĐƠN VỊ THĂM TRA

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng
dấu)*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu.

Mẫu số 03

(Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ)

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

V/v thông báo kết quả thẩm định
thiết kế cơ sở của dự án...

Kính gửi: (Tên Đơn vị trình)

(Cơ quan thẩm định) đã nhận Văn bản số ... ngày ... của trình thẩm định thiết kế cơ sở của dự án (Tên dự án đầu tư).

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Các căn cứ khác có liên quan

Sau khi xem xét, (Cơ quan thẩm định) thông báo kết quả thẩm định thiết kế cơ sở của dự án (tên dự án) như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN

1. Tên dự án:
2. Nhóm dự án, loại, cấp, quy mô công trình:
3. Người quyết định đầu tư:
4. Tên chủ đầu tư (nếu có) và các thông tin để liên hệ (địa chỉ, điện thoại,...):
.....

.....

5. Địa điểm xây dựng:

6. Giá trị tổng mức đầu tư:

7. Nguồn vốn đầu tư:

8. Thời gian thực hiện:

9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

10. Nhà thầu lập báo cáo nghiên cứu khả thi:

11. Các thông tin khác (nếu có):

II. HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH DỰ ÁN

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý trong hồ sơ trình)

2. Hồ sơ, tài liệu dự án, khảo sát, thiết kế:

3. Hồ sơ năng lực các nhà thầu:

III. NỘI DUNG HỒ SƠ DỰ ÁN TRÌNH

Ghi tóm tắt về nội dung cơ bản của hồ sơ thiết kế cơ sở của dự án trình thẩm định được gửi kèm theo Tờ trình thẩm định thiết kế cơ sở của Tổ chức trình thẩm định.

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ CƠ SỞ

- Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với quy hoạch chi tiết xây dựng; tổng mặt bằng được chấp thuận hoặc với phương án tuyến công trình được chọn đối với công trình xây dựng theo tuyến;

- Sự phù hợp của thiết kế cơ sở với vị trí địa điểm xây dựng, khả năng kết nối với hạ tầng kỹ thuật của khu vực;

- Sự phù hợp của phương án công nghệ, dây chuyền công nghệ được lựa chọn đối với công trình có yêu cầu về thiết kế công nghệ;

- Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế về bảo đảm an toàn xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ;

- Sự tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật trong thiết kế;

- Điều kiện năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức, năng lực hành nghề của cá nhân tư vấn lập thiết kế;

- Sự phù hợp của giải pháp tổ chức thực hiện dự án theo giai đoạn, hạng mục công trình với yêu cầu của thiết kế cơ sở;

- Ý kiến về việc áp dụng đơn giá, định mức, đánh giá giải pháp thiết kế về tiết kiệm chi phí xây dựng công trình của dự án (áp dụng đối với dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư).

V. KẾT LUẬN

Thiết kế cơ sở của dự án (Tên dự án) đủ điều kiện (chưa đủ điều kiện) để trình phê duyệt và triển khai các bước tiếp theo.

Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thuyết minh

Trên đây là thông báo của (Cơ quan thẩm định) về kết quả thẩm định thiết kế cơ sở của dự án (Tên dự án). Đề nghị chủ đầu tư nghiên cứu thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- ...;
- ...;
- Lưu.

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

11. Quy trình Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Thủ tục Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh.	Mã hiệu:	B-BXD- 1290/QĐ- BXD
		Ngày BH	27/12/201 7

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

2. PHẠM VI

Quy trình này áp dụng cho lĩnh vực Xây dựng; Phòng Giám định Xây dựng tổ chức thực hiện.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: <ul style="list-style-type: none">- Luật Xây dựng năm 2014.- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.- <i>Nghị định số</i> Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.- Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;- Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng.- Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 07/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điều tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng.- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng về việc quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.- Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng.		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	Nêu các điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có).		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1. Tờ trình Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh.	Bản chính	
	5.3.2. Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư.	Bản chính	

	<p>5.3.3. Các tài liệu, văn bản pháp lý có liên quan(Đóng dấu xác nhận được quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư 18/2016/TT-BXD)</p>	<p>Bản chính hoặc bản sao có xác nhận của chủ đầu tư.</p>
	<ul style="list-style-type: none"> - Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy (nếu có). - Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Văn bản xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có). - Văn bản thỏa thuận đầu nối các bên liên quan. 	
	<p>5.3.4.Hồ sơ năng lực của nhà thầu KSXD, TVTK: (thành phần đúng theo Chương IV, Nghị định 59/2015/NĐ-CP; Nghị định 42/2017/NĐ-CP)</p>	<p>Bản chính hoặc bản sao có xác nhận của chủ đầu tư.</p>
	<ul style="list-style-type: none"> - Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của nhà thầu KSXD, nhà thầu TKXD. - Hồ sơ năng lực của nhà thầu KSXD, nhà thầu TKXD (bảng thông tin kinh nghiệm và các văn bản pháp lý liên quan). -Chứng chỉ hành nghề của chủ nhiệm KSXD, chủ nhiệm TKXD, các chủ trì TKXD, lập DTXD (kèm Bảng khai kinh nghiệm trong lĩnh vực tư vấn TKXD). 	
	<p>5.3.5. Các hồ sơ khảo sát xây dựng phù hợp với giai đoạn thiết kế</p>	<p>Bản chính hoặc bản sao có xác nhận của chủ đầu tư.</p>
	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định phê duyệt Nhiệm vụ và phương án khảo sát xây dựng. - Quyết định phê duyệt phương án khảo sát xây dựng. - Báo cáo kết quả khảo sát có phê duyệt trực tiếp của chủ đầu tư. - VB chấp thuận nghiệm thu BC KQKS của chủ đầu tư. 	
	<p>5.3.6.Hồ sơ thiết kế cơ sở</p>	<p>Bản chính hoặc bản sao có xác nhận của chủ đầu tư.</p>
	<ul style="list-style-type: none"> - Quyết định phê duyệt dự án kèm hồ sơ thiết kế cơ sở đã được phê duyệt. - Kết quả thẩm định thiết kế cơ sở. 	

	5.3.7. Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu.	Bản chính hoặc bản sao có xác nhận của chủ đầu tư.		
	5.3.8. Hồ sơ thiết kế (Quy cách theo quy định tại Điều 21 Nghị định 46/2015/NĐ-CP; Nội dung theo quy định tại Điều 79, 80 Luật Xây dựng số 50).			
	- Thuyết minh và các bản vẽ TKXD. - Dự toán xây dựng công trình. - Chỉ dẫn kỹ thuật.			
	5.3.9. Hồ sơ kiểm định đánh giá hiện trạng công trình (Đối với công trình sửa chữa, cải tạo buộc phải đánh giá hiện trạng công trình).	Bản chính hoặc bản sao có xác nhận của chủ đầu tư.		
5.4	Số lượng hồ sơ: 04 bộ. (03 bộ gửi thẩm tra, 01 bộ gửi Sở Xây dựng). Lưu ý: 1. Trường hợp hồ sơ trình thẩm định có các hạng mục liên quan: Điện (TBA), Công nghệ; Chủ đầu tư cần bổ sung thêm thành phần hồ sơ (số lượng 01 cho mỗi hạng mục): số thứ tự 1,4,6,7 (số thứ tự 6 không phải nộp bản vẽ TKCS). 2. Đối với công trình có cấu phần thiết bị (TBA, kim thu sét...), chủ đầu tư bổ sung thêm 03 bảng báo giá có liên quan gần nhất hoặc chứng thư thẩm định giá của tổ chức đủ điều kiện năng lực phù hợp.			
5.5	Thời gian xử lý: Tính từ ngày Sở Xây dựng nhận đủ hồ sơ hợp lệ. - Đối với thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh: + Không quá 30 ngày đối với công trình cấp II và cấp III. + Không quá 20 ngày đối với công trình còn lại.			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: Thu lệ phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 210/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.			
5.8 5.8.1	Quy trình xử lý công việc: Đối với thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh, công trình cấp II và cấp III (240 giờ).			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả

Bước 1	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở. 	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ
	<ul style="list-style-type: none"> - Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt. 	Chuyên viên phòng chuyên môn	88 giờ
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan và thẩm tra phục vụ thẩm định	Sở, ban, ngành tỉnh; Thẩm tra	120 giờ đối với công trình cấp II, III
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	12 giờ
Bước 5	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC 	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ
5.8 5.8.2	Quy trình xử lý công việc: Đối với thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh, công trình còn lại (160 giờ).			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả

Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	04 giờ
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	52 giờ
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan và thẩm tra phục vụ thẩm định	Sở, ban, ngành tỉnh; Thẩm tra	80 giờ
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	12 giờ
Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 01	Tờ trình Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh theo mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP.
2	Mẫu số 02	Báo cáo tổng hợp theo Mẫu số 01, Phụ lục I Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD.
3	Mẫu số 03	Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng công trình. theo Mẫu số 03, Phụ lục I Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD

4	Mẫu số 04	Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh theo Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP
5	Mẫu số 05	Quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh theo Mẫu số 05, Phụ lục I Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh của Sở Xây dựng.
2	Quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh của Sở Xây dựng.
2	Tờ trình Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh.
3	Các bản vẽ thiết kế đã được thẩm định, đóng dấu.
4	Các Văn bản pháp lý có liên quan.
<p>Hồ sơ được lưu tại phòng Giám định xây dựng, thời gian lưu năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.</p>	

Mẫu số 01

Tờ trình Thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh theo mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP

CHỦ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng⁽¹⁾ công trình

Kính gửi:.....⁽²⁾

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

- Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình Sở Xây dựng thẩm định thiết kế (thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công) và dự toán xây dựng⁽¹⁾ công trình

I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH

1. Tên hạng mục công trình:

2. Loại, cấp công trình(*được xác định theo Thông tư số 03/2016/TT-BXD, trường hợp loại, cấp công trình đã xác định theo dự án được duyệt trước thời điểm Thông tư số 03/2016/TT-BXD có hiệu lực thì xác định theo dự án được duyệt*):

3. Thời hạn sử dụng công trình (*căn cứ vào quy mô, kết cấu, vật liệu, tải trọng, bậc chịu lửa của công trình...mà chủ đầu tư, tư vấn thiết kế xác định tuổi thọ công trình trong thuyết minh của dự án*)

4. Thuộc dự án (*theo quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình*)

5. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ, ...):

6. Địa điểm xây dựng:

7. Giá trị dự toán xây dựng công trình(*vốn nhà nước*), hoặc khái toán xây dựng công trình(*vốn khác*):

8. Giá gói thầu được duyệt (*xác định theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được duyệt - vốn nhà nước*)

9. Nguồn vốn đầu tư (*nêu rõ vốn ngân sách nhà nước hoặc vốn nhà nước ngoài ngân sách hoặc vốn khác*):

10. Nhà thầu khảo sát xây dựng:

11. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán⁽¹⁾ xây dựng:

11. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng:

12. Các thông tin khác có liên quan (*nếu có*):

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình hoặc Quyết định điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình (*nếu có*);

- Quyết định phê duyệt và Quyết định phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu của dự án (*đối với công trình sử dụng vốn nhà nước*);

- Hồ sơ thiết kế cơ sở được phê duyệt cùng dự án đầu tư xây dựng;

- Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (*nếu có*);

- Văn bản thỏa thuận về đấu nối, sử dụng công trình hạ tầng kỹ thuật (*nếu có*)

- Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (*nếu có*);

- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư;

- Các văn bản khác có liên quan.

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng;

- Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;

- Dự toán xây dựng công trình(*đối với vốn nhà nước*)

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;

- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (*nếu có*);

- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế.

(Tên tổ chức) trình ⁽²⁾ thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình...
với các nội dung nêu trên./.

Ghi chú: (1) Đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách. (2) Tên cơ quan thẩm định.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 02

Báo cáo tổng hợp theo Mẫu số 01, Phụ lục I Ban hành kèm theo

Thông tư số 18/2016/TT-BXD

CHỦ ĐẦU TƯ
Số:
V/v.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày.....tháng.....năm

BÁO CÁO TỔNG HỢP

Về hồ sơ trình thẩm định

Kính gửi:⁽¹⁾

- Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Căn cứ Nghị định số 59/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng;
- Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ xây dựng quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;
- Căn cứ thiết kế và dự toán xây dựng công trình (nếu có) do (đơn vị tư vấn) lập;
- Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

...(tên chủ đầu tư)..., báo cáo tổng hợp thiết kế, dự toán xây dựng công trình (nếu có) với các nội dung sau:

1. Sự phù hợp về thành phần, quy cách của hồ sơ thiết kế so với quy định của hợp đồng xây dựng và quy định của pháp luật (hồ sơ thiết kế bao gồm: Thuyết minh thiết kế, các bản vẽ thiết kế, các tài liệu khảo sát xây dựng và các hồ sơ khác theo quy định của pháp luật có liên quan);
2. Thống kê các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng trong hồ sơ thiết kế xây dựng công trình;
3. Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình (nếu có) (ngành nghề được phép thực hiện lập khảo sát, thiết kế xây dựng công trình theo giấy phép đăng ký kinh doanh hoặc các chứng nhận được cơ quan có thẩm quyền cấp);

4. Chứng chỉ hành nghề và thông tin năng lực của chủ nhiệm, các chủ trì khảo sát, thiết kế, lập dự toán xây dựng công trình (mô tả chi tiết về năng lực của các cá nhân này);

a. Các chủ nhiệm khảo sát xây dựng:

- Chủ nhiệm khảo sát xây dựng: ...(loại hình khảo sát được cấp theo chứng chỉ hành nghề)...có đủ năng lực khảo sát xây dựng công trình và theo Chứng chỉ số....ngày....đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.

b. Các chủ trì, chủ nhiệm thiết kế xây dựng công trình:

- Chủ nhiệm thiết kế:...có đủ năng lực chủ nhiệm thiết kế công trình và theo Chứng chỉ số....ngày....đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.

- Chủ trì thiết kế:....(theo chuyên môn thiết kế được cấp theo chứng chỉ hành nghề)...có đủ năng lực chủ trì thiết kế công trình và theo Chứng chỉ số....ngày....đến ngày nộp hồ sơ thẩm định còn hiệu lực.

Ghi chú: (1) Tên cơ quan thẩm định.

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu:

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 03

Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng công trình
Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng công trình. theo Mẫu số 03,

Phụ lục I Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD

ĐƠN VỊ THẨM TRA **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
----- **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:

....., ngày ... tháng ... năm.....

V/v báo cáo kết quả thẩm
tra thiết kế, dự toán xây
dựng công trình

KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

Công trình:

Kính gửi: (Tên chủ đầu tư)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi Tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định, Thông tư khác có liên quan;

Căn cứ Văn bản số... ngày... của (Đơn vị đề nghị thẩm tra) ...về việc ...;

Các căn cứ khác có liên quan.

Thực hiện theo Hợp đồng tư vấn thẩm tra (số hiệu hợp đồng) giữa (Tên chủ đầu tư) và (Tên đơn vị thẩm tra) về việc thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình (Tên công trình). Sau khi xem xét, (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

- Tên công trình: ... Loại, cấp công trình: ...

- Thuộc dự án đầu tư: ...

- Chủ đầu tư: ...
- Giá trị dự toán xây dựng công trình: ...
- Nguồn vốn:...
- Địa Điểm xây dựng:...
- Đơn vị khảo sát xây dựng: ...
- Đơn vị thiết kế, lập dự toán xây dựng: ...

II. DANH MỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

1. Văn bản pháp lý:

(Liệt kê các văn bản pháp lý của dự án)

2. Danh Mục hồ sơ đề nghị thẩm tra:

3. Các tài liệu sử dụng trong thẩm tra (nếu có)

III. NỘI DUNG CHỦ YẾU THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

1. Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng.

2. Giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình.

(Mô tả giải pháp thiết kế chủ yếu của các hạng Mục công trình)

3. Cơ sở xác định dự toán xây dựng công trình

IV. NHẬN XÉT VỀ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

(Nhận xét và có đánh giá chi Tiết những nội dung dưới đây theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư)

Sau khi nhận được hồ sơ của (Tên chủ đầu tư), qua xem xét (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo về chất lượng hồ sơ đề nghị thẩm tra như sau:

1. Quy cách và danh Mục hồ sơ thực hiện thẩm tra (nhận xét về quy cách, tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định).
2. Nhận xét, đánh giá về các nội dung thiết kế xây dựng theo quy định tại Điều 80 Luật Xây dựng 2014.
3. Nhận xét, đánh giá về dự toán xây dựng, cụ thể:
 - a) Phương pháp lập dự toán được lựa chọn so với quy định hiện hành;

- b) Các cơ sở để xác định các Khoản Mục chi phí;
 - c) Về đơn giá áp dụng cho công trình;
 - d) Chi phí xây dựng hợp lý (Giải pháp thiết kế và sử dụng vật liệu, trang thiết bị phù hợp với công năng sử dụng của công trình bảo đảm Tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng công trình).
4. Kết luận của đơn vị thẩm tra về việc đủ Điều kiện hay chưa đủ Điều kiện để thực hiện thẩm tra.

V. KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ

(Một số hoặc toàn bộ nội dung dưới đây tùy theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng)

1. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng bước sau so với thiết kế xây dựng bước trước:
 - a) Thiết kế kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công) so với thiết kế cơ sở;
 - b) Thiết kế bản vẽ thi công so với nhiệm vụ thiết kế trong trường hợp thiết kế một bước.
2. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật; quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình:
 - Về sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật:
 - Về sử dụng vật liệu cho công trình theo quy định của pháp luật:
3. Đánh giá sự phù hợp các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận:
 - Đánh giá sự phù hợp của từng giải pháp thiết kế với công năng sử dụng công trình.
 - Đánh giá, kết luận khả năng chịu lực của kết cấu công trình, giải pháp thiết kế đảm bảo an toàn cho công trình lân cận.
5. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ (nếu có).
6. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ.
7. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VI. KẾT QUẢ THẨM TRA DỰ TOÁN

1. Nguyên tắc thẩm tra:

- a) Về sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế;
- b) Về tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng đơn giá xây dựng công trình, định mức chi phí tỷ lệ, dự toán chi phí tư vấn và dự toán các Khoản Mục chi phí khác trong dự toán công trình;
- c) Về giá trị dự toán công trình.

2. Giá trị dự toán xây dựng sau thẩm tra

Dựa vào các căn cứ và nguyên tắc nêu trên thì giá trị dự toán sau thẩm tra như sau:

STT	Nội dung chi phí	Giá trị đề nghị thẩm tra	Giá trị sau thẩm tra	Tăng, giảm (+;-)
1	Chi phí xây dựng			
2	Chi phí thiết bị (nếu có)			
3	Chi phí quản lý dự án			
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng			
5	Chi phí khác			
6	Chi phí dự phòng			
	Tổng cộng			

(có phụ lục chi Tiết kèm theo)

Nguyên nhân tăng, giảm: (nêu rõ lý do tăng, giảm).

3. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng đủ Điều kiện để triển khai các bước tiếp theo.

Một số kiến nghị khác (nếu có).

CHỦ NHIỆM, CHỦ TRÌ THẨM TRA CỦA TỪNG BỘ MÔN

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

-

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

(Kết quả thẩm tra được bổ sung thêm một số nội dung khác nhằm đáp ứng yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn thẩm tra)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu.

ĐƠN VỊ THẨM TRA

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng
dấu)*

Mẫu số 04

Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế, dự toán

Báo cáo kết quả thẩm định thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh theo Mẫu số 07 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

V/v thông báo kết quả thẩm định
thiết kế và dự toán xây dựng
công trình

Kính gửi:

(Cơ quan thẩm định) đã nhận Tờ trình số ngày của đề nghị thẩm định thiết kế xây dựng (TKKT/TKBVTC) và dự toán xây dựng (nếu có) công trình thuộc dự án đầu tư

Căn cứ hồ sơ trình thẩm định gửi kèm tờ trình thẩm định;

Căn cứ Kết quả thẩm tra thiết kế (TKKT/TKBVTC) và dự toán xây dựng (nếu có) của tổ chức tư vấn, cá nhân được (cơ quan thẩm định) giao (nếu có);

Các căn cứ khác có liên quan

Sau khi xem xét, (cơ quan thẩm định) thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

- Tên công trình Loại, cấp công trình
- Thuộc dự án đầu tư:
- Chủ đầu tư:
- Giá trị dự toán xây dựng công trình:
- Nguồn vốn:
- Địa điểm xây dựng:
- Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình, lập dự toán xây dựng (nếu có)
- Nhà thầu khảo sát xây dựng

II. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Danh mục hồ sơ trình thẩm định.

2. Các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng.

3. Giải pháp thiết kế chủ yếu về: Kiến trúc, nền, móng, kết cấu, hệ thống kỹ thuật công trình, phòng chống cháy, nổ và các nội dung khác (nếu có).

4. Phương pháp lập dự toán được lựa chọn và các cơ sở để xác định các khoản mục chi phí trong dự toán xây dựng trình thẩm định (nếu có).

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH THIẾT KẾ XÂY DỰNG

1. Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, thiết kế; lập dự toán xây dựng (nếu có). Năng lực cá nhân thực hiện thẩm tra thiết kế và thẩm tra dự toán xây dựng (nếu có).

2. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng bước sau so với thiết kế xây dựng bước trước (thiết kế kỹ thuật so với thiết kế cơ sở; thiết kế bản vẽ thi công so với thiết kế kỹ thuật trong trường hợp thiết kế ba bước, so với thiết kế cơ sở trong trường hợp thiết kế hai bước hoặc so với nhiệm vụ thiết kế trong trường hợp thiết kế một bước).

3. Sự hợp lý của các giải pháp thiết kế xây dựng công trình;

4. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình.

5. Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và đảm bảo an toàn của công trình lân cận.

6. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ (nếu có).

7. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ.

8. Yêu cầu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện thiết kế (nếu có).

IV. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH DỰ TOÁN (NẾU CÓ YÊU CẦU)

1. Sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế.

2. Tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng định mức, đơn giá xây dựng công trình.

3. Giá trị dự toán xây dựng là: (giá trị dự toán ghi bằng chữ), trong đó:

- Chi phí xây dựng:

- Chi phí thiết bị (nếu có):

- Chi phí quản lý dự án:

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:

- Chi phí khác:

- Chi phí dự phòng:

4. Nội dung khác (nếu có)

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Đủ điều kiện hay chưa đủ điều kiện để trình phê duyệt.
- Yêu cầu, kiến nghị đối với chủ đầu tư (nếu có).

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 05

Quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng

Quyết định phê duyệt thiết kế, dự toán xây dựng/thiết kế, dự toán xây dựng điều chỉnh theo Mẫu số 05, Phụ lục I Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD

**CƠ QUAN PHÊ
DUYỆT**

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Thiết kế và Dự toán xây dựng công trình

(Cơ quan phê duyệt)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan;

Căn cứ Thông báo kết quả thẩm định số....

Xét đề nghị của tại Tờ trình số... ngày... và Thông báo kết quả thẩm định số ... ngày ... của ...;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Thiết kế và Dự toán xây dựng công trình (nếu có) với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên công trình:
2. Thuộc dự án:
3. Loại, cấp công trình:
4. Địa Điểm xây dựng:
5. Nhà thầu lập báo cáo khảo sát xây dựng:
6. Nhà thầu lập thiết kế xây dựng:
7. Chủ nhiệm, các chủ trì khảo sát, thiết kế và dự toán xây dựng:

8. Đơn vị thẩm tra thiết kế, dự toán xây dựng (nếu có):

9. Quy mô, chỉ tiêu kỹ thuật và giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình:

10. Giá trị dự toán xây dựng công trình (nếu có):

(Bằng chữ:...)

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:

- Chi phí thiết bị:

- Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư (nếu có):

- Chi phí quản lý dự án:

- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:

- Chi phí khác:

- Chi phí dự phòng:

11. Thời hạn sử dụng công trình:

12. Các nội dung khác:

Điều 2. Tổ chức thực hiện.

Điều 3. Tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

- Các cơ quan có liên quan;

- Lưu.

CƠ QUAN PHÊ DUYỆT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng
dấu)

12. Quy trình Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Đăng ký công bố thông tin người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc đối với các cá nhân, tổ chức không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng, văn phòng giám định tư pháp xây dựng trên địa bàn được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép hoạt động.	Mã hiệu:	B-BXD-833/QĐ-BXD
		Ngày BH	29/8/2016

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

.....				
-------	--	--	--	--

1. MỤC ĐÍCH

2. PHẠM VI

Quy trình này áp dụng cho lĩnh vực Xây dựng; Phòng Giám định Xây dựng tổ chức thực hiện.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Luật Giám định tư pháp năm 2012; - Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về giám định tư pháp trong hoạt động đầu tư xây dựng.		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính Nêu các điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có).		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1. Đối với cá nhân		
	5.3.1.1. Giấy đề nghị công bố người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc.		
	5.3.1.2. Chứng thực chứng chỉ hành nghề phù hợp với nội dung đăng ký giám định kèm theo.		Bản sao
	5.3.2. Đối với tổ chức.		
	Thông tin đăng ký công bố tổ chức giám định tư	Bản	

	pháp xây dựng theo vụ việc, Văn phòng giám định tư pháp xây dựng theo mẫu tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD; bản sao chứng thực chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng tổ chức phù hợp với nội dung đăng ký giám định kèm theo; các tài liệu có liên quan theo quy định	chính		
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
5.5	Thời gian xử lý: Tính từ ngày Sở Xây dựng nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Không quá 30 ngày.			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: Không có.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: Đối với Bộ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng (240 giờ).			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	04 giờ
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	212 giờ

Bước 3	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	12 giờ
Bước 4	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 01	Mẫu Giấy đề nghị công bố người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD.
2	Mẫu số 02	Thông tin đăng ký công bố tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, văn phòng giám định tư pháp xây dựng quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Giấy đề nghị công bố người giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc.
2	Thông tin đăng ký công bố tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc.
3	Thông tin được đưa lên trang Thông tin điện tử của Sở Xây dựng.

Hồ sơ được lưu tại phòng Giám định xây dựng, thời gian lưu năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.

Mẫu số 01

Mẫu Giấy đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng theo vụ việc theo quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014 của Bộ Xây dựng

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ BỔ NHIỆM /CÔNG BỐ GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP XÂY DỰNG / NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG THEO VỤ VIỆC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

GIẤY ĐỀ NGHỊ BỔ NHIỆM/CÔNG BỐ GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP XÂY DỰNG/NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG THEO VỤ VIỆC

Kính gửi: (1)

1. Họ và tên người đề nghị:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Địa chỉ thường trú:
4. Đơn vị hiện đang công tác:
5. Đăng ký nội dung giám định tư pháp xây dựng:

TT	Nội dung giám định	Đăng ký	Loại công trình
1	Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng	<input type="checkbox"/>	
2	Giám định tư pháp về chất lượng khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình	<input type="checkbox"/>	
3	Giám định tư pháp về chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và sự cố công trình xây dựng.	<input type="checkbox"/>	
4	Giám định tư pháp về chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình.	<input type="checkbox"/>	
5	Giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các	<input type="checkbox"/>	

chi phí khác có liên quan		
---------------------------	--	--

6. Kinh nghiệm thực tế hoạt động xây dựng trong 05 năm gần nhất:

TT	Công việc đã thực hiện (<i>liệt kê các công việc đã thực hiện liên quan đến nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng</i>)	Thông tin chung về công trình (<i>Tên, địa điểm xây dựng, loại, cấp công trình</i>)
1		

7. Chứng chỉ hành nghề, chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ: (*nêu rõ loại chứng chỉ, lĩnh vực hành nghề, mã số chứng chỉ, ngày cấp, nơi cấp, có bản sao chứng thực kèm theo*)

Tôi xin cam đoan các nội dung kê khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp⁽²⁾

(*Ghi rõ họ tên, chữ ký, chức vụ, dấu pháp nhân*)

Người đề nghị

(*Ghi rõ họ tên, chữ ký*)

⁽¹⁾ Cơ quan thuộc Bộ Xây dựng được giao quản lý hoạt động giám định tư pháp xây dựng đối với trường hợp cá nhân là công chức thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cá nhân thuộc đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp nhà nước thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ. Cơ quan đầu mối thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các cá nhân tại địa phương đăng ký.

⁽²⁾ Đối với cá nhân tại thời điểm đăng ký không làm việc tại cơ quan, tổ chức nào thì phải có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi đã công tác gần nhất hoặc có căn cứ xác nhận về các công việc đã thực hiện liên quan đến nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng.

Mẫu số 02

Mẫu Giấy Thông tin đăng ký công bố tổ chức giám định tư pháp xây dựng theo vụ việc, văn phòng giám định tư pháp xây dựng quy định tại Phụ lục 2 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD

MẪU THÔNG TIN ĐĂNG KÝ CÔNG BỐ TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG THEO VỤ VIỆC/ VĂN PHÒNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

THÔNG TIN ĐĂNG KÝ CÔNG BỐ TỔ CHỨC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG THEO VỤ VIỆC/ VĂN PHÒNG GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG

Kính gửi:⁽¹⁾.....

1. Tên tổ chức:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính:
- Số điện thoại:
- Số fax:
- Email:
- Website (nếu có):
3. Địa chỉ Văn phòng đại diện, Văn phòng chi nhánh (nếu có):
4. Quyết định thành lập:
Số:, ngày cấp:, cơ quan cấp:
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy đăng ký hoạt động:
Số:, ngày cấp:, cơ quan cấp:
6. Đăng ký nội dung giám định tư pháp xây dựng:

TT	Nội dung giám định	Đăng ký	Loại công trình
----	--------------------	---------	-----------------

1	Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng	<input type="checkbox"/>	
2	Giám định tư pháp về chất lượng khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình	<input type="checkbox"/>	
3	Giám định tư pháp về chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và sự cố công trình xây dựng.	<input type="checkbox"/>	
4	Giám định tư pháp về chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình.	<input type="checkbox"/>	
5	Giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan	<input type="checkbox"/>	

7. Thông tin về nhân sự liên quan đến nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng:

a) Số lượng cán bộ, công nhân viên của tổ chức/Văn phòng giám định (chỉ tính người tham gia nộp BHXH) thực hiện công việc liên quan đến hoạt động tư vấn xây dựng:

- Tổng số nhân sự:

- Tổng số giám định viên tư pháp xây dựng (nếu có):

.....

- Tổng số người có trình độ đại học trở lên và có chứng chỉ, chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ:

trong đó tổng số người có năng lực chủ trì trên 10 năm kinh nghiệm theo loại công trình (*dân dụng, công nghiệp, giao thông, nông nghiệp và phát triển nông thôn và hạ tầng kỹ thuật*):

.....

- Danh sách các cán bộ chuyên môn:

TT	Tên	Chứng chỉ hành nghề/Chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ	Số năm kinh nghiệm	Ghi chú
----	-----	--	--------------------	---------

		Mã số chứng chỉ, chứng nhận	Lĩnh vực (Thiết kế, giám sát, ...)/loại CT		
1					

8. Phòng thí nghiệm:

- Mã số Phòng thí nghiệm :

- Số Quyết định công nhận :

- Cơ quan ký quyết định công nhận :

9. Các công việc đã thực hiện trong 05 năm gần nhất:

TT	Công việc thực hiện (liệt kê các công việc đã thực hiện liên quan đến nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng)	Thông tin chung về công trình (Tên, địa điểm xây dựng, loại, cấp công trình)
1		

Chúng tôi xin cam đoan các nội dung kê khai trên là đúng sự thật, nếu sai chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật. Kính đề nghị⁽¹⁾..... xem xét và công bố trên trang thông tin điện tử./.

(Gửi kèm theo các bản sao chứng thực: giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, Quyết định công nhận phòng thí nghiệm, các văn bằng chứng chỉ của các cá nhân, hợp đồng lao động, các hợp đồng đã thực hiện và các tài liệu khác có liên quan theo quy định tại Thông tư số 04 /2014/TT-BXD)

(2)

(Ghi rõ họ tên, chữ ký, chức vụ, dấu pháp nhân)

(1) Cơ quan thuộc Bộ Xây dựng được giao quản lý hoạt động giám định tư pháp xây dựng.

(2) Tổ chức đăng ký hoạt động giám định tư pháp xây dựng hoặc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

13. Quy trình Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng.	Mã hiệu:	B-BXD- 833/QĐ- BXD
		Ngày BH	29/8/201 6

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

2. PHẠM VI

Quy trình này áp dụng cho lĩnh vực Xây dựng; Phòng Giám định Xây dựng tổ chức thực hiện.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Luật Giám định tư pháp năm 2012; - Điều 8 Thông tư số 04/2014/TT-BXD; - Điều 2 Nghị định số 62/2016/NĐ-CP (quy định này thay thế Điều 5 Thông tư số 04/2014/TT-BXD đã bị bãi bỏ bởi Thông tư số 23/2016/TT-BXD).		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính Nêu các điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có).		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1. Giấy đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng.	Bản chính	
	5.3.2. Bằng tốt nghiệp đại học trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn được đề nghị bổ nhiệm; chứng chỉ hành nghề phù hợp với nội dung đề nghị bổ nhiệm.		Bản sao
	5.3.3. Sơ yếu lý lịch và Phiếu lý lịch tư pháp.	Bản chính	
	5.3.4. Giấy xác nhận về thời gian thực tế hoạt động chuyên môn của cơ quan, tổ chức nơi người được đề nghị bổ nhiệm làm việc.	Bản chính	
	5.3.5. Các giấy tờ khác chứng minh người được đề nghị bổ nhiệm đủ tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 2 Nghị định số 62/2016/NĐ-CP quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng		Bản sao
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.		
5.5	Thời gian xử lý: Tính từ ngày Sở Xây dựng nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		

	Không quá 20 ngày.			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: Không có.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: Đối với Bộ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng đối với cá nhân khác không thuộc thẩm quyền của Bộ Xây dựng (160 giờ).			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	04 giờ
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	132 giờ
Bước 3	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	12 giờ
Bước 4	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ

Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ
-------------------	----------------------------------	-----------------------------	--------	-------

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 01	Mẫu Giấy đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014 của Bộ Xây dựng.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Giấy đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng quy định.
2	Quyết định bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng.
3	Các Văn bản pháp lý có liên quan.

Hồ sơ được lưu tại phòng Giám định xây dựng, thời gian lưu năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.

Mẫu số 01

Mẫu Giấy đề nghị bổ nhiệm giám định viên tư pháp xây dựng theo quy định tại Phụ lục 1 kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014 của Bộ Xây dựng

MẪU GIẤY ĐỀ NGHỊ BỔ NHIỆM /CÔNG BỐ GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP XÂY DỰNG / NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG THEO VỤ VIỆC

(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014 của Bộ Xây dựng)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày tháng năm 20....

GIẤY ĐỀ NGHỊ BỔ NHIỆM/CÔNG BỐ GIÁM ĐỊNH VIÊN TƯ PHÁP XÂY DỰNG/NGƯỜI GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP XÂY DỰNG THEO VỤ VIỆC

Kính gửi: (1)

1. Họ và tên người đề nghị:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Địa chỉ thường trú:
4. Đơn vị hiện đang công tác:
5. Đăng ký nội dung giám định tư pháp xây dựng:

TT	Nội dung giám định	Đăng ký	Loại công trình
1	Giám định tư pháp về sự tuân thủ các quy định của pháp luật trong hoạt động đầu tư xây dựng	<input type="checkbox"/>	
2	Giám định tư pháp về chất lượng khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng công trình	<input type="checkbox"/>	

3	Giám định tư pháp về chất lượng bộ phận công trình xây dựng, công trình xây dựng và sự cố công trình xây dựng.	<input type="checkbox"/>	
4	Giám định tư pháp về chất lượng vật liệu, sản phẩm xây dựng, thiết bị công trình.	<input type="checkbox"/>	
5	Giám định tư pháp về chi phí đầu tư xây dựng công trình, giá trị công trình và các chi phí khác có liên quan	<input type="checkbox"/>	

6. Kinh nghiệm thực tế hoạt động xây dựng trong 05 năm gần nhất:

TT	Công việc đã thực hiện (<i>liệt kê các công việc đã thực hiện liên quan đến nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng</i>)	Thông tin chung về công trình (<i>Tên, địa điểm xây dựng, loại, cấp công trình</i>)
1		

7. Chứng chỉ hành nghề, chứng nhận bồi dưỡng nghiệp vụ: (*nêu rõ loại chứng chỉ, lĩnh vực hành nghề, mã số chứng chỉ, ngày cấp, nơi cấp, có bản sao chứng thực kèm theo*)

Tôi xin cam đoan các nội dung kê khai trên là đúng sự thật, nếu sai tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

Xác nhận của cơ quan, tổ chức quản lý trực tiếp⁽²⁾

(*Ghi rõ họ tên, chữ ký, chức vụ, dấu pháp nhân*)

Người đề nghị

(*Ghi rõ họ tên, chữ ký*)

⁽¹⁾ Cơ quan thuộc Bộ Xây dựng được giao quản lý hoạt động giám định tư pháp xây dựng đối với trường hợp cá nhân là công chức thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ; cá nhân thuộc đơn vị sự nghiệp công lập hoặc doanh nghiệp nhà nước thuộc các Bộ, cơ quan ngang Bộ. Cơ quan đầu mối thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đối với các cá nhân tại địa phương đăng ký.

⁽²⁾ đối với cá nhân tại thời điểm đăng ký không làm việc tại cơ quan, tổ chức nào thì phải có xác nhận của cơ quan, tổ chức nơi đã công tác gần nhất hoặc có căn cứ xác nhận về các công việc đã thực hiện liên quan đến nội dung đăng ký giám định tư pháp xây dựng.

14. Quy trình Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây dựng đối với cá nhân, tổ chức do Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin.	Mã hiệu:	B-BXD-833/QĐ-BXD
		Ngày BH	29/8/2016

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

2. PHẠM VI

Quy trình này áp dụng cho lĩnh vực Xây dựng; Phòng Giám định Xây dựng tổ chức thực hiện.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Luật Giám định tư pháp năm 2012; - Nghị định số 62/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định về điều kiện hoạt động giám định tư pháp xây dựng và thí nghiệm chuyên ngành xây dựng; - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; - Thông tư số 04/2014/TT-BXD ngày 22/4/2014 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung về giám định tư pháp trong hoạt động đầu tư xây dựng.		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	Nêu các điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có).		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Văn bản đề nghị trong đó có thông tin điều chỉnh và các tài liệu chứng minh về thông tin điều chỉnh kèm theo	Bản chính	
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.		
5.5	Thời gian xử lý: Tính từ ngày Sở Xây dựng nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Không quá 10 ngày.		
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.		
5.7	Lệ phí: Không có.		
5.8	Quy trình xử lý công việc: Đối với Điều chỉnh, thay đổi thông tin cá nhân, tổ chức giám định tư pháp xây		

	dụng đối với cá nhân, tổ chức do Ủy ban nhân dân tỉnh đã tiếp nhận đăng ký, công bố thông tin (80 giờ).			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	04 giờ
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	52 giờ
Bước 3	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	12 giờ
Bước 4	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ

6. BIỂU MẪU

Không có.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Thông tin được đưa lên trang Thông tin điện tử của Sở Xây dựng.
Hồ sơ được lưu tại phòng Giám định xây dựng, thời gian lưu năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.	

15. Quy trình Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	B-BXD- 833/QĐ- BXD
	Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng.	Ngày BH	29/8/2016

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

.....				

1. MỤC ĐÍCH

2. PHẠM VI

Quy trình này áp dụng cho lĩnh vực Xây dựng; Phòng Giám định Xây dựng tổ chức thực hiện.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; - Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của Bộ Xây dựng, quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; - Thông tư số 04/2019/TT-BXD ngày 16/8/2019 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số nội dung của thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26/10/2016 của bộ trưởng bộ xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng.		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	Nêu các điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có).		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng.	Bản chính	
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.		

5.5	Thời gian xử lý: Tính từ ngày Sở Xây dựng nhận đủ hồ sơ hợp lệ. Không quá 10 ngày kể từ khi kết thúc kiểm tra.			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: Chi phí để thực hiện được tính trong tổng mức đầu tư và do Chủ đầu tư thanh toán theo thực tế.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: Đối với Kiểm tra công tác nghiệm thu đưa công trình vào sử dụng đối với các công trình trên địa bàn thuộc trách nhiệm quản lý của Sở Xây dựng (80 giờ).			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	04 giờ
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	52 giờ
Bước 3	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	12 giờ

Bước 4	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ
Bước 5	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 01	Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo mẫu số 02 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BXD.
2	Mẫu số 02	Văn bản chấp thuận nghiệm thu theo mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BXD.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng.
2	Văn bản chấp thuận nghiệm thu.
3	Các Văn bản pháp lý có liên quan.

Hồ sơ được lưu tại phòng Giám định xây dựng, thời gian lưu năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.

Mẫu số 01

Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo mẫu số 02 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BXD

..... (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

BÁO CÁO HOÀN THÀNH THI CÔNG XÂY DỰNG HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Kính gửi : (2).....

..... (1)..... báo cáo kết quả nghiệm thu hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng với các nội dung sau:

1. Tên hạng mục công trình, công trình xây dựng:.....
2. Địa điểm xây dựng
3. Quy mô hạng mục công trình, công trình xây dựng: (nêu tóm tắt về các thông số kỹ thuật chủ yếu của công trình).
4. Danh sách các nhà thầu (tổng thầu xây dựng, nhà thầu chính: khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thi công xây dựng, giám sát thi công xây dựng).
5. Ngày khởi công và ngày hoàn thành (dự kiến).
6. Khối lượng của các loại công việc xây dựng chủ yếu đã được thực hiện.
7. Đánh giá về chất lượng hạng mục công trình, công trình xây dựng so với yêu cầu của thiết kế.
8. Báo cáo về việc đủ điều kiện để đưa hạng mục công trình, công trình xây dựng vào sử dụng.
9. Kèm theo báo cáo là danh mục hồ sơ hoàn thành công trình xây dựng.

Đề nghị(1).... tổ chức kiểm tra hạng mục công trình, công trình xây dựng theo thẩm quyền./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu ...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu
pháp nhân)

Ghi chú:

(1) Tên của chủ đầu tư.

(2) Tên cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 32 Nghị định [46/2015/NĐ-CP](#) .

Mẫu số 02

Văn bản chấp thuận nghiệm thu

Thông báo kết quả kiểm tra của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với việc nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng theo mẫu số 03 Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 26/2016/TT-BXD

..... (1)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày..... tháng..... năm.....

V/v: Thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng

Kính gửi :(2).....

Căn cứ Nghị định số [46/2015/NĐ-CP](#) ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Thông tư số 26/2016/TT-BXD ngày 26 tháng 10 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Ngày,(1)..... đã thực hiện kiểm tra công tác nghiệm thu của Chủ đầu tư đối với hạng mục công trình, công trình xây dựng ...(tên công trình).... Trên cơ sở báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng số (3)..... ngày tháng năm ... của Chủ đầu tư và báo cáo của các bên liên quan; biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình, công trình xây dựng số ngày tháng năm ...;(1)..... thông báo kết quả kiểm tra như sau:

1. Thông tin chung về hạng mục công trình, công trình xây dựng

(Nêu tên hạng mục công trình, công trình xây dựng được kiểm tra; địa điểm xây dựng; quy mô, công suất; các chủ thể tham gia xây dựng công trình)

2. Hiện trạng chất lượng của hạng mục công trình, công trình xây dựng

(Nêu hiện trạng thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng được kiểm tra; về tình hình chất lượng hạng mục công trình, công trình xây dựng)

3. Sự tuân thủ các quy định của pháp luật

(Nêu các đánh giá về năng lực các chủ thể tham gia xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng, sự tuân thủ quy định về quản lý chất lượng và các quy định khác có liên quan, công tác lập và lưu trữ hồ sơ, ... thông qua kiểm tra hồ sơ hoàn thành công trình.)

4. Các yêu cầu đối với Chủ đầu tư

(Yêu cầu khắc phục các tồn tại nếu có; các yêu cầu khác).

5. Kết luận

(nêu ý kiến chấp thuận hoặc chấp thuận có điều kiện hoặc không chấp thuận kết quả nghiệm thu của Chủ đầu tư)

..... (1)

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu pháp nhân)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

Ghi chú:

- (1) Tên cơ quan chuyên môn về xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư theo thẩm quyền quy định tại Khoản 2 Điều 32 Nghị định [46/2015/NĐ-CP](#).
- (2) Tên của chủ đầu tư.
- (3) Báo cáo hoàn thành thi công xây dựng hạng mục công trình, công trình xây dựng theo Mẫu số 02 Phụ lục này.

16. Quy trình Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam (thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C).

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Cấp giấy phép hoạt động xây dựng đối với nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam (thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C).	Mã hiệu:	B-BXD- 076723-TT; B-BXD- 045053-TT;
		Ngày BH	29/08/2016.

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

.....				
-------	--	--	--	--

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, điều kiện cấp giấy phép hoạt động xây dựng đối với nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam (thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C).

2. PHẠM VI

Áp dụng với nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam (thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C) gồm: lập quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư xây dựng, khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thi công xây dựng, giám sát xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng, nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng; bảo hành, bảo trì công trình xây dựng; cung cấp vật tư - thiết bị công nghệ kèm theo dịch vụ kỹ thuật liên quan đến công trình xây dựng và các hoạt động khác có liên quan đến xây dựng công trình.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- CCHN: Chứng chỉ hành nghề

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	<p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư hướng dẫn về cấp giấy phép hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam. - Quyết định 838/QĐ-BXD ngày 29/08/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành về việc công bố thủ tục hành chính được thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính

- Trường hợp các gói thầu thuộc đối tượng bắt buộc áp dụng theo quy định của pháp luật về đấu thầu của Việt Nam, nhà thầu nước ngoài phải đảm bảo điều kiện đã có quyết định trúng thầu hoặc được chọn thầu.
- Trường hợp các gói thầu thuộc đối tượng không bắt buộc áp dụng theo quy định pháp luật về đấu thầu của Việt Nam, nhà thầu nước ngoài phải đảm bảo các điều kiện sau:
 - + Đã có quyết định trúng thầu hoặc được chọn thầu của chủ đầu tư;
 - + Có đủ điều kiện năng lực phù hợp với công việc nhận thầu theo quy định của pháp luật về xây dựng.
- Nhà thầu nước ngoài phải liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc sử dụng nhà thầu phụ Việt Nam, trừ trường hợp nhà thầu trong nước không đủ năng lực tham gia vào bất kỳ công việc nào của gói thầu. Khi liên danh hoặc sử dụng nhà thầu Việt Nam phải phân định rõ nội dung, khối lượng và giá trị phần công việc do nhà thầu Việt Nam trong liên danh; nhà thầu phụ Việt Nam thực hiện.
- Nhà thầu nước ngoài phải cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan đến hoạt động nhận thầu tại Việt Nam.
- Thủ tục này hướng dẫn về cấp giấy phép hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.
- Đối tượng áp dụng: đối với nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam gồm: lập quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư xây dựng, khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thi công xây dựng, giám sát xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng, nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng; bảo hành, bảo trì công trình xây dựng; cung cấp vật tư - thiết bị công nghệ kèm theo dịch vụ kỹ thuật liên quan đến công trình xây dựng và các hoạt động khác có liên quan đến xây dựng công trình.
- Các nội dung khác liên quan đến hoạt động của nhà thầu nước ngoài thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng 2014, Nghị định 59/2015/NĐ-CP và các pháp luật khác có liên quan.
- Trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên có quy định khác với quy định tại Thông tư này thì áp dụng theo Điều ước quốc tế đó.
- Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng được làm bằng tiếng Việt. Giấy phép thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của nước ngoài phải được hợp pháp hóa lãnh sự, trừ trường hợp Điều ước quốc tế mà Việt Nam và các nước có liên quan là thành viên có quy định về miễn trừ hợp pháp hóa lãnh sự.
- Các giấy tờ, tài liệu nếu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam .

5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1 Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng	X	

theo mẫu Phụ lục 01.		
5.3.2 Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) văn bản về kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hoặc hợp đồng giao nhận thầu hợp pháp.		X
5.3.3 Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) giấy phép thành lập (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức) và chứng chỉ hành nghề (nếu có) của nước, nơi mà nhà thầu nước ngoài mang quốc tịch cấp hoặc nơi mà nhà thầu đang thực hiện dự án cấp.		X
5.3.4 Tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) biểu báo cáo kinh nghiệm hoạt động xây dựng liên quan đến công việc nhận thầu theo mẫu tại Phụ lục số 02 và báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán trong 3 năm gần nhất (đối với trường hợp nhà thầu nhận thực hiện gói thầu thuộc đối tượng không bắt buộc phải áp dụng theo quy định của pháp luật về đấu thầu của Việt Nam).		X
5.3.5 Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) hợp đồng liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc hợp đồng với nhà thầu phụ Việt Nam (có trong hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ chào thầu), trong đó xác định rõ phần việc mà nhà thầu Việt Nam thực hiện. Trường hợp khi dự thầu hoặc chọn thầu chưa xác định được thầu phụ, khi đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng phải có hợp đồng với thầu phụ Việt Nam kèm theo văn bản chấp thuận của chủ đầu tư và bản sao Giấy đăng ký kinh doanh của nhà thầu phụ Việt Nam.		X
5.3.6 Giấy ủy quyền hợp pháp đối với người không phải là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu theo mẫu tại Phụ lục số 3.		

	<p>5.3.7 Tập tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) quyết định đầu tư dự án hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư.</p> <p>Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng phát sinh trong cùng năm thì hồ sơ không cần thiết phải bao gồm tài liệu nêu tại khoản 5.3.3, khoản 5.3.4.</p>			
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
5.5	Thời gian xử lý: 20 ngày làm việc (160 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: 2.000.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 20 ngày x 08 giờ= 80 giờ			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở. 	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ	
	<ul style="list-style-type: none"> - Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt. 	Chuyên viên phòng chuyên môn	132 giờ	

Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên qua (nếu có)	Sở, ban, ngành tỉnh	00 giờ	
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ	
Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ	
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Phụ lục 01	Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng.
2	Phụ lục 02	Báo cáo các công việc/dự án đã thực hiện trong 3 năm gần nhất.
3	Phụ lục 03	Giấy ủy quyền.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng theo mẫu Phụ lục 01.
2	Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) văn bản về kết quả đấu thầu hoặc quyết định chọn thầu hoặc hợp đồng giao nhận thầu hợp pháp.
3	Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) giấy phép thành lập (hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức) và chứng chỉ hành nghề (nếu có) của nước, nơi mà nhà thầu nước ngoài mang quốc tịch cấp hoặc nơi mà nhà thầu đang thực hiện dự án cấp.
4	Tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) biểu báo cáo kinh nghiệm hoạt động xây dựng liên quan đến

	<p>công việc nhận thầu theo mẫu tại Phụ lục số 02 và báo cáo tổng hợp kết quả kiểm toán trong 3 năm gần nhất (đối với trường hợp nhà thầu nhận thực hiện gói thầu thuộc đối tượng không bắt buộc phải áp dụng theo quy định của pháp luật về đấu thầu của Việt Nam).</p>
5	<p>Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) hợp đồng liên danh với nhà thầu Việt Nam hoặc hợp đồng với nhà thầu phụ Việt Nam (có trong hồ sơ dự thầu hoặc hồ sơ chào thầu), trong đó xác định rõ phần việc mà nhà thầu Việt Nam thực hiện.</p> <p>Trường hợp khi dự thầu hoặc chọn thầu chưa xác định được thầu phụ, khi đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng phải có hợp đồng với thầu phụ Việt Nam kèm theo văn bản chấp thuận của chủ đầu tư và bản sao Giấy đăng ký kinh doanh của nhà thầu phụ Việt Nam.</p>
6	<p>Giấy ủy quyền hợp pháp đối với người không phải là người đại diện theo pháp luật của nhà thầu theo mẫu tại Phụ lục số 3.</p>
7	<p>Tệp tin chứa bản chụp màu văn bản gốc có định dạng ảnh hoặc định dạng khác (*.pdf) quyết định đầu tư dự án hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc văn bản chấp thuận chủ trương đầu tư.</p> <p>Đối với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng phát sinh trong cùng năm thì hồ sơ không cần thiết phải bao gồm tài liệu nêu tại khoản 5.3.3, khoản 5.3.4.</p>
8	<p>Quyết định cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức.</p>
<p>Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng, thời gian lưu 20 năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.</p>	

Phụ lục số 1

(Theo mẫu tại Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

(Đối với nhà thầu là tổ chức)

Văn bản số:

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh An Giang.

Tôi:(Họ tên)..... ; chức vụ:.....

Được ủy quyền của ông (bà):.....theo giấy ủy quyền:

.....(kèm theo đơn này)

Đại diện cho:.....

Địa chỉ đăng ký tại chính quốc:.....

Số điện thoại:; Fax:.....;E.mail:.....

Địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có):

Số điện thoại:; Fax:.....;E.mail:.....

Công ty (hoặc Liên danh) chúng tôi đã được chủ đầu tư (hoặc thầu chính, trường hợp là thầu phụ làm đơn) là: thông báo thắng thầu (hoặc được chọn thầu) để làm thầu chính (hoặc thầu phụ) thực hiện công việc.....thuộc Dự án.....tại....., trong thời gian từ.....đến

Chúng tôi đề nghị Sở Xây dựng tỉnh An Giang xét cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho Công ty chúng tôi để thực hiện việc thầu nêu trên.

Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

1.....

2.....

Nếu hồ sơ của chúng tôi cần phải bổ sung hoặc làm rõ thêm nội dung gì, xin báo cho ông (bà)..... có địa chỉ tại Việt Nam; số điện thoại.....;Fax..... E.mail.....

Khi được cấp Giấy phép hoạt động xây dựng, chúng tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định trong Giấy phép và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Thay mặt (hoặc thừa ủy quyền)

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu
Công ty)*

Phụ lục số 2

(Theo mẫu tại Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

Công ty

BÁO CÁO

CÁC CÔNG VIỆC/DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN TRONG 3 NĂM GẦN NHẤT

Chủ đầu tư hoặc Bên thuê	Tên Dự án, địa điểm, quốc gia	Nội dung hợp đồng nhận thầu	Giá trị hợp đồng và ngày ký hợp đồng (USD)	Tỷ lệ % giá trị công việc phải giao thầu phụ	Thời gian thực hiện hợp đồng (từ đến ...)
1	2	3	4	5	6

....., ngày tháng năm

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu
Công ty)

Phụ lục số 3

(Theo mẫu tại Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

Tên đơn vị, tổ
chức:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

GIẤY ỦY QUYỀN

Căn cứ Thông báo trúng thầu (hoặc hợp đồng) số ... ngày... tháng ... năm giữa Chủ đầu tư (hoặc nhà thầu chính) là với Công ty

Tôi tên là:

Chức vụ:

Ủy quyền cho ông/bà

Chức vụ:

Số hộ chiếu: Quốc tịch nước:

Ông được ký các giấy tờ, thủ tục xin cấp giấy phép hoạt động xây dựng gói thầu

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư (hoặc nhà thầu chính);
- Sở Xây dựng AG;
- Lưu: VT, Đơn vị ...

17. Quy trình Điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam (thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C)

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng đối với nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam (thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C).	Mã hiệu:	B-BXD-212646-TT
		Ngày BH	29/08/2018

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, điều kiện cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng đối với nhà thầu nước

ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam (thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C).

2. PHẠM VI

Áp dụng với nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam (thực hiện hợp đồng của dự án nhóm B, C) gồm: lập quy hoạch xây dựng, lập dự án đầu tư xây dựng, khảo sát xây dựng, thiết kế xây dựng, thi công xây dựng, giám sát xây dựng, quản lý dự án đầu tư xây dựng, lựa chọn nhà thầu trong hoạt động xây dựng, nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng; bảo hành, bảo trì công trình xây dựng; cung cấp vật tư - thiết bị công nghệ kèm theo dịch vụ kỹ thuật liên quan đến công trình xây dựng và các hoạt động khác có liên quan đến xây dựng công trình.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- CCHN: Chứng chỉ hành nghề

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: <ul style="list-style-type: none">- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.- Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư hướng dẫn về cấp giấy phép hoạt động xây dựng và quản lý nhà thầu nước ngoài hoạt động xây dựng tại Việt Nam.- Quyết định 838/QĐ-BXD ngày 29/08/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành về việc công bố thủ tục hành chính được thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: <p>Khi có thay đổi tên, địa chỉ của nhà thầu, thay đổi các đối tác trong liên danh hoặc nhà thầu phụ hoặc các nội dung khác đã ghi trong giấy phép hoạt động xây dựng được cấp.</p>

5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao	
	5.3.1 Đơn đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng theo mẫu Phụ lục 01.	X		
	5.3.2 Các tài liệu chứng minh cho những nội dung đề nghị điều chỉnh. Các tài liệu phải được dịch ra tiếng Việt và được chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.		X	
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
5.5	Thời gian xử lý: 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: 2.000.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 16 ngày x 08 giờ= 128 giờ			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ	
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	100 giờ	

Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên qua (nếu có)	Sở, ban, ngành tỉnh	00 giờ	
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ	
Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ	
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Phụ lục 01A	Đơn đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động xây dựng theo mẫu Phụ lục 01.
2	Các tài liệu chứng minh cho những nội dung đề nghị điều chỉnh. Các tài liệu phải được dịch ra tiếng Việt và được chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.
3	Quyết định cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho tổ chức.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng, thời gian lưu 20 năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.

Phụ lục số 01

(Theo mẫu tại Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Văn bản số:....., ngày tháng năm

Kính gửi: Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh An Giang

Tôi:(Họ tên).....; Chức vụ:.....

Được ủy quyền của ông (bà):theo giấy ủy quyền:..... (kèm theo đơn này)

Đại diện cho:.....

Địa chỉ đăng ký tại chính quốc:

Số điện thoại:.....; Fax:;E.mail:.....

Địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam:

Số điện thoại:.....; Fax:;E.mail:.....

Công ty (hoặc Liên danh) chúng tôi đã được cơ quan chuyên môn thuộc Bộ Xây dựng (Sở Xây dựng) cấp giấy phép hoạt động xây dựng số , ngày để thực hiện gói thầu thuộc dự án Đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng đã cấp với nội dung:

Lý do đề nghị điều chỉnh:

Chúng tôi đề nghị Sở Xây dựng tỉnh An Giang xét điều chỉnh Giấy phép hoạt động xây dựng đã cấp cho Công ty chúng tôi với nội dung nêu trên.

Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

- 1- Bản sao Giấy phép hoạt động xây dựng đã được cấp
- 2- Bản sao các văn bản chứng minh cho nội dung điều chỉnh
- 3- Văn bản chấp thuận của chủ đầu tư (thầu chính trường hợp nhà thầu đề nghị điều chỉnh là thầu phụ)

Nếu hồ sơ của chúng tôi cần phải bổ sung hoặc làm rõ thêm nội dung gì, xin báo cho ông (bà)có địa chỉ tại Việt Nam..... số điện thoại Fax..... E.mail

Khi được cấp Giấy phép hoạt động xây dựng điều chỉnh, chúng tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định trong Giấy phép và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Thay mặt (hoặc thừa ủy quyền).....

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu Công ty)

Phụ lục số 1

(Theo mẫu tại Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

(Đối với nhà thầu là tổ chức)

Văn bản số:

....., ngày tháng năm

Kính gửi: Giám đốc Sở Xây dựng tỉnh An Giang.

Tôi:(Họ tên)..... ; chức vụ:.....

Được ủy quyền của ông (bà):.....theo giấy ủy quyền:

.....(kèm theo đơn này)

Đại diện cho:.....

Địa chỉ đăng ký tại chính quốc:.....

Số điện thoại:; Fax:.....;E.mail:.....

Địa chỉ văn phòng đại diện tại Việt Nam (nếu có):

Số điện thoại:; Fax:.....;E.mail:.....

Công ty (hoặc Liên danh) chúng tôi đã được chủ đầu tư (hoặc thầu chính, trường hợp là thầu phụ làm đơn) là: thông báo thắng thầu (hoặc được chọn thầu) để làm thầu chính (hoặc thầu phụ) thực hiện công việc.....thuộc Dự án.....tại....., trong thời gian từ.....đến

Chúng tôi đề nghị Sở Xây dựng tỉnh An Giang xét cấp Giấy phép hoạt động xây dựng cho Công ty chúng tôi để thực hiện việc thầu nêu trên.

Hồ sơ gửi kèm theo gồm:

1.....

2.....

Nếu hồ sơ của chúng tôi cần phải bổ sung hoặc làm rõ thêm nội dung gì, xin báo cho ông (bà)..... có địa chỉ tại Việt Nam; số điện thoại.....;Fax..... E.mail.....

Khi được cấp Giấy phép hoạt động xây dựng, chúng tôi xin cam đoan thực hiện đầy đủ các quy định trong Giấy phép và các quy định của pháp luật Việt Nam có liên quan.

Thay mặt (hoặc thừa ủy quyền)

*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu
Công ty)*

Phụ lục số 2

(Theo mẫu tại Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

Công ty

BÁO CÁO

CÁC CÔNG VIỆC/DỰ ÁN ĐÃ THỰC HIỆN TRONG 3 NĂM GẦN NHẤT

Chủ đầu tư hoặc Bên thuê	Tên Dự án, địa điểm, quốc gia	Nội dung hợp đồng nhận thầu	Giá trị hợp đồng và ngày ký hợp đồng (USD)	Tỷ lệ % giá trị công việc phải giao thầu phụ	Thời gian thực hiện hợp đồng (từ đến ...)
1	2	3	4	5	6

....., ngày tháng năm

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu
Công ty)

Phụ lục số 3

(Theo mẫu tại Thông tư số 14/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng)

Tên đơn vị, tổ
chức:.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /

....., ngày tháng năm

GIẤY ỦY QUYỀN

Căn cứ Thông báo trúng thầu (hoặc hợp đồng) số ... ngày... tháng ... năm giữa Chủ đầu tư (hoặc nhà thầu chính) là với Công ty

Tôi tên là:

Chức vụ:

Ủy quyền cho ông/bà

Chức vụ:

Số hộ chiếu: Quốc tịch nước:

Ông được ký các giấy tờ, thủ tục xin cấp giấy phép hoạt động xây dựng gói thầu

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư (hoặc nhà thầu chính);
- Sở Xây dựng AG;
- Lưu: VT, Đơn vị ...

19. Quy trình Cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Cấp mới chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.	Mã hiệu:	BXD- 263430
		Ngày BH	22/08/2018

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, điều kiện cấp mới chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức trong nước hạng II, hạng III.

2. PHẠM VI

Áp dụng cho các tổ chức trong trường hợp đề nghị cấp mới chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức trong nước hạng II, hạng III, trong lĩnh vực: khảo

sát xây dựng; lập quy hoạch xây dựng; thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; thi công xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng công trình trong nước.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- CCHN: Chứng chỉ hành nghề

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

<p>5.1</p>	<p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Quyết định 1155/QĐ-BXD ngày 22/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
<p>5.2</p>	<p>Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính</p>
	<p><i>a) Điều kiện chung đối với tổ chức xin cấp chứng chỉ năng lực:</i></p> <p>Tổ chức tham gia hoạt động xây dựng phải là doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc tổ chức có chức năng hoạt động xây dựng được thành lập theo quy định của pháp luật và đáp ứng các yêu cầu cụ thể đối với từng lĩnh vực hoạt động xây dựng.</p> <p><i>b) Điều kiện riêng đối với từng loại tổ chức xin cấp chứng chỉ năng lực:</i></p> <p><i>(1) Tổ chức khảo sát xây dựng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạng II: + Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm khảo sát có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ

năng lực.

+ Cá nhân tham gia thực hiện khảo sát có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại hình khảo sát xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

+ Đã thực hiện khảo sát xây dựng ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C hoặc 03 dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật trở lên hoặc 01 công trình từ cấp II hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại hình khảo sát.

- Hạng III:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm khảo sát có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực.

+ Cá nhân tham gia thực hiện khảo sát có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại hình khảo sát xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

(2) Tổ chức lập quy hoạch xây dựng:

- Hạng II:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm đồ án quy hoạch, chủ trì các bộ môn kiến trúc - quy hoạch, kinh tế đô thị và các chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật khác của đồ án quy hoạch có chứng chỉ hành nghề từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.

+ Đã thực hiện lập ít nhất 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

- Hạng III:

Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn kiến trúc - quy hoạch, kinh tế đô thị và các chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật khác của đồ án quy hoạch có chứng chỉ hành nghề từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.

(3) Tổ chức thiết kế xây dựng công trình:

- Hạng II:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì các bộ môn thiết kế có chứng chỉ hành nghề từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.

+ Cá nhân tham gia thực hiện thiết kế có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với lĩnh vực, loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

+ Đã thực hiện thiết kế, thẩm tra thiết kế ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại.

- Hạng III:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì các bộ môn thiết kế có chứng chỉ hành nghề từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên

môn đảm nhận.

+ Cá nhân tham gia thực hiện thiết kế có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với lĩnh vực, loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

(4) Tổ chức tư vấn quản lý dự án:

- Hạng II:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh giám đốc quản lý dự án có chứng chỉ hành nghề quản lý dự án từ hạng II trở lên phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

+ Cá nhân phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề từ hạng II trở lên phù hợp với công việc đảm nhận.

+ Cá nhân tham gia thực hiện quản lý dự án có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc đảm nhận và loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

+ Đã thực hiện quản lý dự án ít nhất 01 dự án từ nhóm B trở lên hoặc 02 dự án từ nhóm C cùng loại trở lên.

- Hạng III:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh giám đốc quản lý dự án có chứng chỉ hành nghề quản lý dự án từ hạng III trở lên phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

+ Cá nhân phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề từ hạng III trở lên phù hợp với công việc đảm nhận.

+ Cá nhân tham gia thực hiện quản lý dự án có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc đảm nhận và loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

(5) Tổ chức thi công xây dựng công trình:

- Hạng II:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng công trường phải đủ điều kiện là chỉ huy trưởng công trường từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.

+ Cá nhân phụ trách thi công lĩnh vực chuyên môn có trình độ đại học hoặc cao đẳng nghề phù hợp với công việc đảm nhận và thời gian công tác ít nhất 01 năm đối với trình độ đại học, 03 năm đối với trình độ cao đẳng nghề.

+ Công nhân kỹ thuật thực hiện các công việc thi công có văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

+ Có khả năng huy động đủ số lượng máy móc, thiết bị chủ yếu đáp ứng yêu cầu thi công xây dựng các công trình phù hợp với công việc tham gia đảm nhận.

+ Đã trực tiếp thi công công việc thuộc hạng mục công trình chính liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại.

	<p>- Hạng III:</p> <p>+ Cá nhân đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng công trường phải đủ điều kiện là chỉ huy trưởng công trường từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.</p> <p>+ Cá nhân phụ trách thi công lĩnh vực chuyên môn có trình độ đại học hoặc cao đẳng nghề phù hợp với công việc đảm nhận.</p> <p>+ Công nhân kỹ thuật phụ trách các công việc thi công có văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.</p> <p>+ Có khả năng huy động đủ số lượng máy móc, thiết bị chủ yếu đáp ứng yêu cầu thi công xây dựng công trình phù hợp với công việc tham gia đảm nhận.</p> <p><i>(6) Tổ chức giám sát thi công xây dựng:</i></p> <p>- Hạng II:</p> <p>+ Cá nhân đảm nhận chức danh giám sát trưởng có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng từ hạng II trở lên, giám sát viên có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.</p> <p>+ Đã giám sát thi công xây dựng của ít nhất 01 công trình từ cấp II hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.</p> <p>- Hạng III:</p> <p>Cá nhân đảm nhận chức danh giám sát trưởng có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng từ hạng III trở lên, giám sát viên có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.</p>		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1 Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực theo mẫu tại Phụ lục V Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.		
	5.3.2 Quyết định thành lập tổ chức trong trường hợp có quyết định thành lập.		
	5.3.3 Quyết định công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của tổ chức hoặc hợp đồng nguyên tắc về việc liên kết thực hiện công việc thí nghiệm phục vụ khảo sát xây dựng với phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xây dựng được công nhận (đối với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực khảo sát xây dựng).		

	5.3.4 Chứng chỉ hành nghề hoặc kê khai mã số chứng chỉ hành nghề trong trường hợp đã được cấp chứng chỉ hành nghề được cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014 của các chức danh yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề; các văn bằng được đào tạo của cá nhân tham gia thực hiện công việc.			
	5.3.5 Chứng chỉ năng lực đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trong trường hợp đề nghị điều chỉnh hạng chứng chỉ năng lực.			
	5.3.6 Văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ phù hợp của công nhân kỹ thuật (đối với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực thi công xây dựng).			
	5.3.7 Hợp đồng và biên bản nghiệm thu hoàn thành các công việc tiêu biểu đã thực hiện theo nội dung kê khai.			
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
5.5	Thời gian xử lý: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: 1.000.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 20 ngày x 08 giờ = 160 giờ			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.

	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ	
Bước 2	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	132 giờ	
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên qua (nếu có)	Sở, ban, ngành tỉnh	00 giờ	
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ	
Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ	
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Phụ lục V	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực theo mẫu tại Phụ lục V Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.
2	Quyết định thành lập tổ chức trong trường hợp có quyết định thành lập.
3	Quyết định công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của tổ chức hoặc hợp đồng nguyên tắc về việc liên kết thực hiện công việc thí nghiệm phục vụ khảo sát xây dựng với phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xây dựng được công nhận (đối với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực khảo sát xây dựng).

4	Chứng chỉ hành nghề hoặc kê khai mã số chứng chỉ hành nghề trong trường hợp đã được cấp chứng chỉ hành nghề được cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014 của các chức danh yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề; các văn bằng được đào tạo của cá nhân tham gia thực hiện công việc.
5	Chứng chỉ năng lực đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trong trường hợp đề nghị điều chỉnh hạng chứng chỉ năng lực.
6	Văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ phù hợp của công nhân kỹ thuật (đối với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực thi công xây dựng).
7	Hợp đồng và biên bản nghiệm thu hoàn thành các công việc tiêu biểu đã thực hiện theo nội dung kê khai.
8	Quyết định cấp mới chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức.
9	Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức.
Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng, thời gian lưu 20 năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.	

PHỤ LỤC V

(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ)

**TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP
CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên tổ chức:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Số điện thoại: Số fax:

4. Email Website:

5. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: Chức vụ:

6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập số:

Nơi cấp: Ngày cấp:

7. Ngành nghề kinh doanh chính:

8. Mã số chứng chỉ năng lực (nếu có):

Số Chứng chỉ: ngày cấp nơi cấp:

Lĩnh vực hoạt động xây dựng:

9. Danh sách cá nhân chủ nhiệm, chủ trì, cá nhân có yêu cầu về chứng chỉ hành nghề và cá nhân tham gia, công nhân kỹ thuật (nếu có) có liên quan của tổ chức

a) Danh sách cá nhân chủ nhiệm, chủ trì, cá nhân có yêu cầu về chứng chỉ hành nghề:

STT	Họ và tên	Vị trí/Chức danh	Số chứng chỉ hành nghề ¹	Điện thoại liên hệ
1				

2				
3				
...				

b) Danh sách cá nhân tham gia, công nhân kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực cấp chứng chỉ:

STT	Họ và tên	Vị trí/chức danh	Trình độ chuyên môn	Điện thoại liên hệ
1				
2				
3				
....				

10. Kinh nghiệm hoạt động xây dựng liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ:

STT	Nội dung hoạt động xây dựng (Ghi rõ lĩnh vực hoạt động và vai trò: nhà thầu chính, nhà thầu phụ, tổng thầu,...)	Thông tin công trình	Chủ đầu tư (Tên chủ đầu tư, số điện thoại liên hệ)	Ghi chú
1	Nội dung công việc thực hiện:	(Tên dự án/công trình; nhóm dự án; loại, cấp công trình; vị trí xây dựng)		
2				
...				

11. Kê khai máy móc, thiết bị (đối với tổ chức thi công xây dựng, tổ chức khảo sát xây dựng)

STT	Loại máy móc, thiết bị phục vụ thi công	Số lượng	Công suất	Tính năng	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Sở hữu của tổ chức hay đi thuê	Chất lượng sử dụng hiện nay
1								
2								

...								
-----	--	--	--	--	--	--	--	--

Đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng với nội dung như sau:

Lĩnh vực hoạt động:Hạng:

- Cấp lần đầu, điều chỉnh hạng
- Cấp lại

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:

- Điều chỉnh, bổ sung

(Tên tổ chức) chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên và cam kết hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC**
(Ký, họ và tên, đóng dấu)

¹ Đối với chứng chỉ hành nghề được cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014, số chứng chỉ hành nghề cần kê khai đầy đủ theo khoản 6 Điều 44 Nghị định này.

20. Quy trình cấp lại chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức hạng II, Hạng III.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.	Mã hiệu:	BXD- 263430
		Ngày BH	22/08/20 18

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, điều kiện cấp cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức trong nước hạng II, hạng III.

2. PHẠM VI

Áp dụng cho các tổ chức trong trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức trong nước hạng II, hạng III, trong lĩnh vực: khảo sát xây dựng; lập quy hoạch xây dựng; thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; thi công xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng công trình trong nước.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- CCHN: Chứng chỉ hành nghề

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	<p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Quyết định 1155/QĐ-BXD ngày 22/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. 		
5.2	<p>Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính</p> <p>Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu chứng chỉ năng lực đã được cấp, trường hợp bị mất chứng chỉ năng lực thì phải có cam kết của tổ chức đề nghị cấp lại.</p>		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1 Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực theo mẫu tại Phụ lục V Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.		
	5.3.2 Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh		

	màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu chứng chỉ năng lực đã được cấp, trường hợp bị mất chứng chỉ năng lực thì phải có cam kết của tổ chức đề nghị cấp lại.			
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
5.5	Thời gian xử lý: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: 500.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 10 ngày x 08 giờ= 80 giờ			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ	
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	52 giờ	
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên qua (nếu có)	Sở, ban, ngành tỉnh	00 giờ	
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ	
Bước	- Văn phòng	Văn thư Văn	04 giờ	

5	- Chuyển kết quả cho TTPV HCC	phòng Sở		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Phụ lục V	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực theo mẫu tại Phụ lục V Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.
2	Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu chứng chỉ năng lực đã được cấp, trường hợp bị mất chứng chỉ năng lực thì phải có cam kết của tổ chức đề nghị cấp lại
3	Quyết định cấp lại chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức.
4	Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng, thời gian lưu 20 năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.

PHỤ LỤC V

(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ)

**TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP
CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên tổ chức:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Số điện thoại: Số fax:

4. Email Website:

5. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: Chức vụ:

6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập số:

Nơi cấp: Ngày cấp:

7. Ngành nghề kinh doanh chính:

8. Mã số chứng chỉ năng lực (nếu có):

Số Chứng chỉ: ngày cấp nơi cấp:

Lĩnh vực hoạt động xây dựng:

9. Danh sách cá nhân chủ nhiệm, chủ trì, cá nhân có yêu cầu về chứng chỉ hành nghề và cá nhân tham gia, công nhân kỹ thuật (nếu có) có liên quan của tổ chức

a) Danh sách cá nhân chủ nhiệm, chủ trì, cá nhân có yêu cầu về chứng chỉ hành nghề:

STT	Họ và tên	Vị trí/Chức danh	Số chứng chỉ hành nghề ¹	Điện thoại liên hệ
1				

2				
3				
...				

b) Danh sách cá nhân tham gia, công nhân kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực cấp chứng chỉ:

STT	Họ và tên	Vị trí/chức danh	Trình độ chuyên môn	Điện thoại liên hệ
1				
2				
3				
....				

10. Kinh nghiệm hoạt động xây dựng liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ:

STT	Nội dung hoạt động xây dựng (Ghi rõ lĩnh vực hoạt động và vai trò: nhà thầu chính, nhà thầu phụ, tổng thầu,...)	Thông tin công trình	Chủ đầu tư (Tên chủ đầu tư, số điện thoại liên hệ)	Ghi chú
1	Nội dung công việc thực hiện:	(Tên dự án/công trình; nhóm dự án; loại, cấp công trình; vị trí xây dựng)		
2				
...				

11. Kê khai máy móc, thiết bị (đối với tổ chức thi công xây dựng, tổ chức khảo sát xây dựng)

STT	Loại máy móc, thiết bị phục vụ thi công	Số lượng	Công suất	Tính năng	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Sở hữu của tổ chức hay đi thuê	Chất lượng sử dụng hiện nay
1								
2								

...								
-----	--	--	--	--	--	--	--	--

Đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng với nội dung như sau:

Lĩnh vực hoạt động:Hạng:

- Cấp lần đầu, điều chỉnh hạng
- Cấp lại

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:

- Điều chỉnh, bổ sung

(Tên tổ chức) chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên và cam kết hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC**
(Ký, họ và tên, đóng dấu)

¹ Đối với chứng chỉ hành nghề được cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014, số chứng chỉ hành nghề cần kê khai đầy đủ theo khoản 6 Điều 44 Nghị định này.

21. Quy trình Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, III (về lĩnh vực hoạt động và hạng)

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	BXD- 263430
	Cấp điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.	Ngày BH	22/08/2018

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, điều kiện cấp điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức trong nước hạng II, hạng III.

2. PHẠM VI

Áp dụng cho các tổ chức trong trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức trong nước hạng II, hạng III, trong lĩnh vực: khảo sát xây dựng; lập quy hoạch xây dựng; thiết kế, thẩm tra thiết kế xây dựng công trình; quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; thi công xây dựng công trình; giám sát thi công xây dựng công trình trong nước.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- CCHN: Chứng chỉ hành nghề

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

<p>5.1</p>	<p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Quyết định 1155/QĐ-BXD ngày 22/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
<p>5.2</p>	<p>Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính</p>
	<p><i>a) Điều kiện chung đối với tổ chức xin cấp chứng chỉ năng lực:</i></p> <p>Tổ chức tham gia hoạt động xây dựng phải là doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc tổ chức có chức năng hoạt động xây dựng được thành lập theo quy định của pháp luật và đáp ứng các yêu cầu cụ thể đối với từng lĩnh vực hoạt động xây dựng.</p> <p><i>b) Điều kiện riêng đối với từng loại tổ chức xin cấp chứng chỉ năng lực:</i></p> <p><i>(1) Tổ chức khảo sát xây dựng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạng II:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm khảo sát có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực.

+ Cá nhân tham gia thực hiện khảo sát có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại hình khảo sát xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

+ Đã thực hiện khảo sát xây dựng ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C hoặc 03 dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật trở lên hoặc 01 công trình từ cấp II hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại hình khảo sát.

- Hạng III:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm khảo sát có chứng chỉ hành nghề khảo sát xây dựng từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ năng lực.

+ Cá nhân tham gia thực hiện khảo sát có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với loại hình khảo sát xây dựng đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

(2) Tổ chức lập quy hoạch xây dựng:

- Hạng II:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm đồ án quy hoạch, chủ trì các bộ môn kiến trúc - quy hoạch, kinh tế đô thị và các chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật khác của đồ án quy hoạch có chứng chỉ hành nghề từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.

+ Đã thực hiện lập ít nhất 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

- Hạng III:

Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm, chủ trì các bộ môn kiến trúc - quy hoạch, kinh tế đô thị và các chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật khác của đồ án quy hoạch có chứng chỉ hành nghề từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.

(3) Tổ chức thiết kế xây dựng công trình:

- Hạng II:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì các bộ môn thiết kế có chứng chỉ hành nghề từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.

+ Cá nhân tham gia thực hiện thiết kế có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với lĩnh vực, loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

+ Đã thực hiện thiết kế, thẩm tra thiết kế ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại.

- Hạng III:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chủ nhiệm thiết kế xây dựng, chủ trì các bộ môn thiết kế có chứng chỉ hành nghề từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.

+ Cá nhân tham gia thực hiện thiết kế có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với lĩnh vực, loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

(4) Tổ chức tư vấn quản lý dự án:

- Hạng II:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh giám đốc quản lý dự án có chứng chỉ hành nghề quản lý dự án từ hạng II trở lên phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

+ Cá nhân phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề từ hạng II trở lên phù hợp với công việc đảm nhận.

+ Cá nhân tham gia thực hiện quản lý dự án có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc đảm nhận và loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

+ Đã thực hiện quản lý dự án ít nhất 01 dự án từ nhóm B trở lên hoặc 02 dự án từ nhóm C cùng loại trở lên.

- Hạng III:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh giám đốc quản lý dự án có chứng chỉ hành nghề quản lý dự án từ hạng III trở lên phù hợp với loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

+ Cá nhân phụ trách các lĩnh vực chuyên môn phải có chứng chỉ hành nghề từ hạng III trở lên phù hợp với công việc đảm nhận.

+ Cá nhân tham gia thực hiện quản lý dự án có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với công việc đảm nhận và loại dự án đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

(5) Tổ chức thi công xây dựng công trình:

- Hạng II:

+ Cá nhân đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng công trường phải đủ điều kiện là chỉ huy trưởng công trường từ hạng II trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.

+ Cá nhân phụ trách thi công lĩnh vực chuyên môn có trình độ đại học hoặc cao đẳng nghề phù hợp với công việc đảm nhận và thời gian công tác ít nhất 01 năm đối với trình độ đại học, 03 năm đối với trình độ cao đẳng nghề.

+ Công nhân kỹ thuật thực hiện các công việc thi công có văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.

+ Có khả năng huy động đủ số lượng máy móc, thiết bị chủ yếu đáp ứng yêu cầu thi công xây dựng các công trình phù hợp với công việc tham gia đảm nhận.

	<p>+ Đã trực tiếp thi công công việc thuộc hạng mục công trình chính liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại.</p> <p>- Hạng III:</p> <p>+ Cá nhân đảm nhận chức danh chỉ huy trưởng công trường phải đủ điều kiện là chỉ huy trưởng công trường từ hạng III trở lên phù hợp với lĩnh vực chuyên môn đảm nhận.</p> <p>+ Cá nhân phụ trách thi công lĩnh vực chuyên môn có trình độ đại học hoặc cao đẳng nghề phù hợp với công việc đảm nhận.</p> <p>+ Công nhân kỹ thuật phụ trách các công việc thi công có văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ phù hợp với nội dung đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.</p> <p>+ Có khả năng huy động đủ số lượng máy móc, thiết bị chủ yếu đáp ứng yêu cầu thi công xây dựng công trình phù hợp với công việc tham gia đảm nhận.</p> <p><i>(6) Tổ chức giám sát thi công xây dựng:</i></p> <p>- Hạng II:</p> <p>+ Cá nhân đảm nhận chức danh giám sát trưởng có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng từ hạng II trở lên, giám sát viên có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.</p> <p>+ Đã giám sát thi công xây dựng của ít nhất 01 công trình từ cấp II hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.</p> <p>- Hạng III:</p> <p>Cá nhân đảm nhận chức danh giám sát trưởng có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng từ hạng III trở lên, giám sát viên có chứng chỉ hành nghề giám sát thi công xây dựng phù hợp với loại công trình đăng ký cấp chứng chỉ năng lực.</p>		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1 Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực theo mẫu tại Phụ lục V Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.		
	5.3.2 Quyết định thành lập tổ chức trong trường hợp có quyết định thành lập.		
	5.3.3 Quyết định công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của tổ chức hoặc hợp đồng nguyên tắc về việc liên kết thực hiện công việc thí nghiệm phục vụ khảo sát xây dựng với phòng thí		

	<p>những chuyên ngành xây dựng xây dựng được công nhận (đối với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực khảo sát xây dựng.</p>			
	<p>5.3.4 Chứng chỉ hành nghề hoặc kê khai mã số chứng chỉ hành nghề trong trường hợp đã được cấp chứng chỉ hành nghề được cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014 của các chức danh yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề; các văn bằng được đào tạo của cá nhân tham gia thực hiện công việc.</p>			
	<p>5.3.5 Chứng chỉ năng lực đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trong trường hợp đề nghị điều chỉnh hạng chứng chỉ năng lực.</p>			
	<p>5.3.6 Văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ phù hợp của công nhân kỹ thuật (đối với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực thi công xây dựng).</p>			
	<p>5.3.7 Hợp đồng và biên bản nghiệm thu hoàn thành các công việc tiêu biểu đã thực hiện theo nội dung kê khai.</p>			
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
5.5	Thời gian xử lý: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: 1.000.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 20 ngày x 08 giờ = 160 giờ			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả

Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ	
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	132 giờ	
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên qua (nếu có)	Sở, ban, ngành tỉnh	00 giờ	
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ	
Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ	
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Phụ lục V	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
----	----------------------

1	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ năng lực theo mẫu tại Phụ lục V Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.
2	Quyết định thành lập tổ chức trong trường hợp có quyết định thành lập.
3	Quyết định công nhận phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng của tổ chức hoặc hợp đồng nguyên tắc về việc liên kết thực hiện công việc thí nghiệm phục vụ khảo sát xây dựng với phòng thí nghiệm chuyên ngành xây dựng xây dựng được công nhận (đối với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực khảo sát xây dựng).
4	Chứng chỉ hành nghề hoặc kê khai mã số chứng chỉ hành nghề trong trường hợp đã được cấp chứng chỉ hành nghề được cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014 của các chức danh yêu cầu phải có chứng chỉ hành nghề; các văn bằng được đào tạo của cá nhân tham gia thực hiện công việc.
5	Chứng chỉ năng lực đã được cơ quan có thẩm quyền cấp trong trường hợp đề nghị điều chỉnh hạng chứng chỉ năng lực.
6	Văn bằng hoặc chứng chỉ bồi dưỡng, đào tạo chuyên môn nghiệp vụ phù hợp của công nhân kỹ thuật (đối với tổ chức đề nghị cấp chứng chỉ năng lực thi công xây dựng).
7	Hợp đồng và biên bản nghiệm thu hoàn thành các công việc tiêu biểu đã thực hiện theo nội dung kê khai.
8	Quyết định điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức.
9	Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của tổ chức.
Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng, thời gian lưu 20 năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.	

PHỤ LỤC V

(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ)

**TÊN TỔ CHỨC ĐỀ NGHỊ CẤP
CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày tháng năm

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Tên tổ chức:

2. Địa chỉ trụ sở chính:

3. Số điện thoại: Số fax:

4. Email Website:

5. Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên: Chức vụ:

6. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Quyết định thành lập số:

Nơi cấp: Ngày cấp:

7. Ngành nghề kinh doanh chính:

8. Mã số chứng chỉ năng lực (nếu có):

Số Chứng chỉ: ngày cấp nơi cấp:

Lĩnh vực hoạt động xây dựng:

9. Danh sách cá nhân chủ nhiệm, chủ trì, cá nhân có yêu cầu về chứng chỉ hành nghề và cá nhân tham gia, công nhân kỹ thuật (nếu có) có liên quan của tổ chức

a) Danh sách cá nhân chủ nhiệm, chủ trì, cá nhân có yêu cầu về chứng chỉ hành nghề:

STT	Họ và tên	Vị trí/Chức danh	Số chứng chỉ hành nghề ¹	Điện thoại liên hệ
1				

2				
3				
...				

b) Danh sách cá nhân tham gia, công nhân kỹ thuật liên quan đến lĩnh vực cấp chứng chỉ:

STT	Họ và tên	Vị trí/chức danh	Trình độ chuyên môn	Điện thoại liên hệ
1				
2				
3				
....				

10. Kinh nghiệm hoạt động xây dựng liên quan đến lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ:

STT	Nội dung hoạt động xây dựng (Ghi rõ lĩnh vực hoạt động và vai trò: nhà thầu chính, nhà thầu phụ, tổng thầu,...)	Thông tin công trình	Chủ đầu tư (Tên chủ đầu tư, số điện thoại liên hệ)	Ghi chú
1	Nội dung công việc thực hiện:	(Tên dự án/công trình; nhóm dự án; loại, cấp công trình; vị trí xây dựng)		
2				
...				

11. Kê khai máy móc, thiết bị (đối với tổ chức thi công xây dựng, tổ chức khảo sát xây dựng)

STT	Loại máy móc, thiết bị phục vụ thi công	Số lượng	Công suất	Tính năng	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Sở hữu của tổ chức hay đi thuê	Chất lượng sử dụng hiện nay
1								
2								

...								
-----	--	--	--	--	--	--	--	--

Đề nghị cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng với nội dung như sau:

Lĩnh vực hoạt động:Hạng:

Cấp lần đầu, điều chỉnh hạng

Cấp lại

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:

Điều chỉnh, bổ sung

(Tên tổ chức) chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên và cam kết hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

**ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA TỔ CHỨC**

(Ký, họ và tên, đóng dấu)

¹ Đối với chứng chỉ hành nghề được cấp theo quy định của Luật Xây dựng năm 2014, số chứng chỉ hành nghề cần kê khai đầy đủ theo khoản 6 Điều 44 Nghị định này.

22. Quy trình Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III của cá nhân nước ngoài.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	BXD- 263383
	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III của cá nhân nước ngoài.	Ngày BH	22/08/201 8

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, điều kiện cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III của cá nhân nước ngoài.

2. PHẠM VI

Áp dụng cho các cá nhân nước ngoài trong trường hợp đề nghị chuyển đổi cấp mới chứng chỉ hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, hạng III, trong lĩnh vực: khảo sát xây dựng; thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế xây dựng công trình; định giá xây dựng; quản lý dự án; giám sát thi công xây dựng công trình.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- CCHN: Chứng chỉ hành nghề

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý:		
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Quyết định 1155/QĐ-BXD ngày 22/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. 		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	<ul style="list-style-type: none"> - Cá nhân nước ngoài hoặc người Việt Nam định cư ở nước ngoài đã có chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp mà hành nghề hoạt động xây dựng ở Việt Nam từ 6 tháng trở lên. - Đã có chứng chỉ hành nghề hạng II, hạng III hoặc tương đương phù hợp với nội dung đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề. 		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1 Đơn đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề	X	

	theo mẫu tại Phụ lục III Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.			
	5.3.2 02 ảnh màu cỡ 4 x 6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.	X		
	5.3.3 Bản sao văn bằng được đào tạo, chứng chỉ hành nghề do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp đã được hợp pháp hóa lãnh sự, dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.		X	
	5.3.4 Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu giấy tờ hợp pháp về cư trú hoặc giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp theo quy định.		X	
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
5.5	Thời gian xử lý: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: 150.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 25 ngày x 08 giờ = 200 giờ			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ	

	<ul style="list-style-type: none"> - Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt. 	Chuyên viên phòng chuyên môn	172 giờ	
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên qua (nếu có)	Sở, ban, ngành tỉnh	00 giờ	
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyên lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ	
Bước 5	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC 	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ	
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Phụ lục III	Đơn đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề theo mẫu tại Phụ lục III Nghị định số 100/2018/NĐ-CP

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Đơn đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề theo mẫu tại Phụ lục III Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.
2	Bản sao văn bằng được đào tạo, chứng chỉ hành nghề do cơ quan, tổ chức nước ngoài cấp đã được hợp pháp hóa lãnh sự, dịch ra tiếng Việt và được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.
3	Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu giấy tờ hợp pháp về cư trú hoặc giấy phép lao động do cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam cấp theo quy định.
4	Quyết định cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân.

5	Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân.
Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng, thời gian lưu 20 năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.	

PHỤ LỤC III

BỔ SUNG VÀO NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2015/NĐ-CP NGÀY 18/6/2015 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CHUYỂN ĐỔI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Họ và tên:2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Hộ chiếu số:ngày cấp:nơi cấp:
5. Số điện thoại:6. Địa chỉ Email:
7. Đơn vị công tác:
8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo):
9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề (năm, tháng):
10. Chứng chỉ hành nghề số:.....ngày cấp:..... nơi cấp:

Lĩnh vực hoạt động xây dựng

11. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng:

STT	Thời gian công tác (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập (Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)	Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu	Ghi chú

1			1. Tên Dự án/công trình:..... Nhóm dự án/cấp công trình:..... Loại công trình :..... Chức danh/Nội dung công việc thực hiện: 2.	
2				
....				

Đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với các nội dung sau:

Lĩnh vực hoạt động:Hạng:

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác của các nội dung kê khai nêu trên và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

23. Quy trình Cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Cấp mới chứng chỉ hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.	Mã hiệu:	BXD- 263402
		Ngày BH	22/08/20 18

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, điều kiện cấp mới chứng chỉ hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, hạng III.

2. PHẠM VI

Áp dụng cho các cá nhân trong trường hợp đề nghị cấp mới chứng chỉ hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, hạng III, trong lĩnh vực: khảo sát xây dựng; thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế xây dựng công trình; định giá xây dựng; quản lý dự án; giám sát thi công xây dựng công trình.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- CCHN: Chứng chỉ hành nghề

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

<p>5.1</p>	<p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Quyết định 1155/QĐ-BXD ngày 22/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
<p>5.2</p>	<p>Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính</p>
	<p><i>a) Điều kiện chung đối với cá nhân xin cấp chứng chỉ hành nghề:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có giấy phép cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. - Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 04 năm trở lên đối với chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II; - Có trình độ chuyên môn phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 02 năm trở lên đối với

cá nhân có trình độ đại học; từ 03 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp đối với chúng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng III.

b) Điều kiện riêng đối với từng lĩnh vực đề nghị xin cấp chứng chỉ hành nghề:

(1) Cá nhân hành nghề khảo sát xây dựng:

- Hạng II: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ ít nhất 01 dự án từ nhóm B trở lên hoặc 02 dự án từ nhóm C trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp II trở lên hoặc 03 công trình từ cấp III trở lên.

- Hạng III: Đã tham gia khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ ít nhất 02 dự án từ nhóm C hoặc 02 dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp III trở lên hoặc 03 công trình từ cấp IV trở lên.

(2) Cá nhân hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng:

- Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

- Hạng III: Đã tham gia thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất trong 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

(3) Cá nhân hành nghề thiết kế xây dựng công trình:

- Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp III trở lên hoặc đã tham gia thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 03 công trình từ cấp II trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

- Hạng III: Đã tham gia thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 03 công trình từ cấp III trở lên hoặc 05 công trình từ cấp IV trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

(4) Cá nhân hành nghề giám sát thi công xây dựng:

- Hạng II: Đã làm giám sát trưởng hoặc chỉ huy trưởng công trường hoặc chủ trì thiết kế xây dựng phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

- Hạng III: Đã tham gia giám sát thi công xây dựng hoặc tham gia thiết kế xây dựng hoặc thi công xây dựng phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình từ cấp IV trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

	<p>(5) Cá nhân hành nghề định giá xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạng II: Đã chủ trì thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng của ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C trở lên hoặc 01 công trình từ cấp II hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên. - Hạng III: Đã tham gia thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng của ít nhất 01 dự án từ nhóm C hoặc 02 dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng trở lên hoặc 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình từ cấp IV trở lên <p>(6) Cá nhân hành nghề quản lý dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạng II: Đã làm giám đốc quản lý dự án của 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C cùng loại trở lên hoặc có một trong ba loại chứng chỉ hành nghề (thiết kế xây dựng hạng II; giám sát thi công xây dựng hạng II; định giá xây dựng hạng II) và đã tham gia quản lý dự án của ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C hoặc 03 dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật cùng loại trở lên. - Hạng III: Đã tham gia quản lý dự án của ít nhất 01 dự án từ nhóm C cùng loại trở lên. 		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1 Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.	X	
	5.3.2 02 ảnh màu cỡ 4 x 6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.	X	
	5.3.3 Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp. Đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định và phải có bản dịch sang tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.		X
	5.3.4 Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư về các công việc tiêu biểu mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai. Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung		X

	xác nhận. Trường hợp cá nhân hành nghề độc lập thì phải có hợp đồng và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện tiêu biểu đã kê khai.			
	5.3.5 Kết quả sát hạch đạt yêu cầu.			X
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
5.5	Thời gian xử lý: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: 300.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 20 ngày x 08 giờ = 160 giờ			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ	
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	132 giờ	
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên qua (nếu có)	Sở, ban, ngành tỉnh	00 giờ	
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ	

Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ	
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Phụ lục I	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hoạt động xây dựng.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.
2	Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp. Đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định và phải có bản dịch sang tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.
3	Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư về các công việc tiêu biểu mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai. Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận. Trường hợp cá nhân hành nghề độc lập thì phải có hợp đồng và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện tiêu biểu đã kê khai.
4	Kết quả sát hạch đạt yêu cầu.
5	Quyết định cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân.
6	Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân.
Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng, thời gian lưu 20 năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.	

PHỤ LỤC I

BỔ SUNG VÀO NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2015/NĐ-CP NGÀY 18/6/2015 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Họ và tên:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD:ngày cấp:..... nơi cấp.....
5. Địa chỉ thường trú:
6. Số điện thoại:Địa chỉ Email:
7. Đơn vị công tác:
8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo):
9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề:
.....năm.
10. Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):
Số Chứng chỉ:ngày cấpnơi cấp:
- Lĩnh vực hoạt động xây dựng:
11. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng¹:

STT	Thời gian công tác (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập (Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)	Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu	Ghi chú
1			1. Tên Dự án/công trình:.....	

			Nhóm dự án/Cấp công trình:..... Loại công trình:..... Chức danh/Nội dung công việc thực hiện:..... 2.....	
2				
....				

Đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:

Lĩnh vực hành nghề:Hạng:

Cấp lần đầu, nâng hạng

Cấp lại

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:

Điều chỉnh, bổ sung

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

¹ Không yêu cầu kê khai trong trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ do chứng chỉ cũ hết hạn sử dụng/hư hỏng/bị mất

24. Quy trình Cấp nâng hạng chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, III

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Cấp nâng hạng chứng chỉ hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.	Mã hiệu:	BXD- 263402
		Ngày BH	22/08/201 8

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, điều kiện cấp nâng hạng chứng chỉ hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, hạng III.

2. PHẠM VI

Áp dụng cho các cá nhân trong trường hợp đề nghị cấp nâng hạng chứng chỉ hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, hạng III, trong lĩnh vực: khảo sát xây dựng; thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế xây dựng công trình; định giá xây dựng; quản lý dự án; giám sát thi công xây dựng công trình.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- CCHN: Chứng chỉ hành nghề

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: <ul style="list-style-type: none">- Luật Xây dựng năm 2014.- Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.- Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng.- Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.- Quyết định 1155/QĐ-BXD ngày 22/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính
	<i>a) Điều kiện chung đối với cá nhân xin cấp chứng chỉ hành nghề:</i> <ul style="list-style-type: none">- Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có giấy phép cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài.- Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp, có thời gian kinh nghiệm

tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 04 năm trở lên đối với chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II;

- Có trình độ chuyên môn phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 02 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ 03 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp đối với chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng III.

b) Điều kiện riêng đối với từng lĩnh vực đề nghị xin cấp chứng chỉ hành nghề:

(1) Cá nhân hành nghề khảo sát xây dựng:

- Hạng II: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ ít nhất 01 dự án từ nhóm B trở lên hoặc 02 dự án từ nhóm C trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp II trở lên hoặc 03 công trình từ cấp III trở lên.

- Hạng III: Đã tham gia khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ ít nhất 02 dự án từ nhóm C hoặc 02 dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp III trở lên hoặc 03 công trình từ cấp IV trở lên.

(2) Cá nhân hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng:

- Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

- Hạng III: Đã tham gia thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất trong 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

(3) Cá nhân hành nghề thiết kế xây dựng công trình:

- Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp III trở lên hoặc đã tham gia thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 03 công trình từ cấp II trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

- Hạng III: Đã tham gia thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 03 công trình từ cấp III trở lên hoặc 05 công trình từ cấp IV trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

(4) Cá nhân hành nghề giám sát thi công xây dựng:

- Hạng II: Đã làm giám sát trưởng hoặc chỉ huy trưởng công trường hoặc chủ trì thiết kế xây dựng phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

	<p>- Hạng III: Đã tham gia giám sát thi công xây dựng hoặc tham gia thiết kế xây dựng hoặc thi công xây dựng phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình từ cấp IV trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.</p> <p><i>(5) Cá nhân hành nghề định giá xây dựng:</i></p> <p>- Hạng II: Đã chủ trì thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng của ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C trở lên hoặc 01 công trình từ cấp II hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên.</p> <p>- Hạng III: Đã tham gia thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng của ít nhất 01 dự án từ nhóm C hoặc 02 dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng trở lên hoặc 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình từ cấp IV trở lên</p> <p><i>(6) Cá nhân hành nghề quản lý dự án:</i></p> <p>- Hạng II: Đã làm giám đốc quản lý dự án của 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C cùng loại trở lên hoặc có một trong ba loại chứng chỉ hành nghề (thiết kế xây dựng hạng II; giám sát thi công xây dựng hạng II; định giá xây dựng hạng II) và đã tham gia quản lý dự án của ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C hoặc 03 dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật cùng loại trở lên.</p> <p>- Hạng III: Đã tham gia quản lý dự án của ít nhất 01 dự án từ nhóm C cùng loại trở lên.</p>		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1 Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hoạt động theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.	X	
	5.3.2 02 ảnh màu cỡ 4 x 6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.	X	
	5.3.3 Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp. Đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định và phải có bản dịch sang tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.		X
	5.3.4 Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư		X

	về các công việc tiêu biểu mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai. Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận. Trường hợp cá nhân hành nghề độc lập thì phải có hợp đồng và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện tiêu biểu đã kê khai.			
	5.3.5 Kết quả sát hạch đạt yêu cầu.		X	
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
5.5	Thời gian xử lý: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: 300.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 20 ngày x 08 giờ = 160 giờ			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ	
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	132 giờ	
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên qua (nếu có)	Sở, ban, ngành tỉnh	00 giờ	

Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ	
Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ	
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Phụ lục I	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ động xây dựng.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.
2	Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp. Đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định và phải có bản dịch sang tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.
3	Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư về các công việc tiêu biểu mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai. Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận. Trường hợp cá nhân hành nghề độc lập thì phải có hợp đồng và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện tiêu biểu đã kê khai.
4	Kết quả sát hạch đạt yêu cầu.
5	Quyết định cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân.
6	Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng, thời gian lưu 20 năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.

PHỤ LỤC I

BỔ SUNG VÀO NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2015/NĐ-CP NGÀY 18/6/2015 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ
CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: *(Tên cơ quan có thẩm quyền)*

1. Họ và tên:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD:ngày cấp:..... nơi cấp.....
5. Địa chỉ thường trú:
6. Số điện thoại:Địa chỉ Email:
7. Đơn vị công tác:
8. Trình độ chuyên môn *(ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo)*:
9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề:
.....năm.
10. Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):
Số Chứng chỉ:ngày cấpnơi cấp:
- Lĩnh vực hoạt động xây dựng:
11. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng¹:

STT	Thời gian công tác <i>(Từ tháng, năm đến tháng, năm)</i>	Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập <i>(Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)</i>	Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu	Ghi chú
1			1. Tên Dự án/công trình:.....	

			Nhóm dự án/Cấp công trình:..... Loại công trình:..... Chức danh/Nội dung công việc thực hiện:..... 2.....	
2				
....				

Đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:

Lĩnh vực hành nghề:Hạng:

Cấp lần đầu, nâng hạng

Cấp lại

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:

Điều chỉnh, bổ sung

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

¹ Không yêu cầu kê khai trong trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ do chứng chỉ cũ hết hạn sử dụng/hư hỏng/bị mất

25. Quy trình Điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, III

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Cấp điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hoạt động xây dựng hạng II, hạng III.	Mã hiệu:	BXD-263402
		Ngày BH	22/08/2018

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, điều kiện cấp điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, hạng III.

2. PHẠM VI

Áp dụng cho các cá nhân trong trường hợp đề nghị cấp điều chỉnh, bổ sung chứng chỉ hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, hạng III, trong lĩnh vực: khảo sát xây dựng; thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế xây dựng công trình; định giá xây dựng; quản lý dự án; giám sát thi công xây dựng công trình.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- CCHN: Chứng chỉ hành nghề

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	<p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Quyết định 1155/QĐ-BXD ngày 22/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
5.2	<p>Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính</p> <p><i>a) Điều kiện chung đối với cá nhân xin cấp chứng chỉ hành nghề:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có giấy phép cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. - Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 04 năm trở lên đối với chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II; - Có trình độ chuyên môn phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 02 năm trở lên đối với

cá nhân có trình độ đại học; từ 03 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp đối với chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng III.

b) Điều kiện riêng đối với từng lĩnh vực đề nghị xin cấp chứng chỉ hành nghề:

(1) Cá nhân hành nghề khảo sát xây dựng:

- Hạng II: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ ít nhất 01 dự án từ nhóm B trở lên hoặc 02 dự án từ nhóm C trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp II trở lên hoặc 03 công trình từ cấp III trở lên.

- Hạng III: Đã tham gia khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ ít nhất 02 dự án từ nhóm C hoặc 02 dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp III trở lên hoặc 03 công trình từ cấp IV trở lên.

(2) Cá nhân hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng:

- Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

- Hạng III: Đã tham gia thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất trong 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

(3) Cá nhân hành nghề thiết kế xây dựng công trình:

- Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp III trở lên hoặc đã tham gia thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 03 công trình từ cấp II trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

- Hạng III: Đã tham gia thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 03 công trình từ cấp III trở lên hoặc 05 công trình từ cấp IV trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

(4) Cá nhân hành nghề giám sát thi công xây dựng:

- Hạng II: Đã làm giám sát trưởng hoặc chỉ huy trưởng công trường hoặc chủ trì thiết kế xây dựng phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

- Hạng III: Đã tham gia giám sát thi công xây dựng hoặc tham gia thiết kế xây dựng hoặc thi công xây dựng phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình từ cấp IV trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.

	<p>(5) Cá nhân hành nghề định giá xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạng II: Đã chủ trì thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng của ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C trở lên hoặc 01 công trình từ cấp II hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên. - Hạng III: Đã tham gia thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng của ít nhất 01 dự án từ nhóm C hoặc 02 dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng trở lên hoặc 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình từ cấp IV trở lên <p>(6) Cá nhân hành nghề quản lý dự án:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạng II: Đã làm giám đốc quản lý dự án của 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C cùng loại trở lên hoặc có một trong ba loại chứng chỉ hành nghề (thiết kế xây dựng hạng II; giám sát thi công xây dựng hạng II; định giá xây dựng hạng II) và đã tham gia quản lý dự án của ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C hoặc 03 dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật cùng loại trở lên. - Hạng III: Đã tham gia quản lý dự án của ít nhất 01 dự án từ nhóm C cùng loại trở lên. 		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1 Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hoạt động theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.	X	
	5.3.2 02 ảnh màu cỡ 4 x 6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.	X	
	5.3.3 Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp. Đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định và phải có bản dịch sang tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.		X
	5.3.4 Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư về các công việc tiêu biểu mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai. Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận. Trường hợp cá nhân hành nghề độc lập		X

	thì phải có hợp đồng và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện tiêu biểu đã kê khai.			
	5.3.5 Kết quả sát hạch đạt yêu cầu.			X
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
5.5	Thời gian xử lý: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: 150.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 20 ngày x 08 giờ = 160 giờ			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ	
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	132 giờ	
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên qua (nếu có)	Sở, ban, ngành tỉnh	00 giờ	
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyên lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ	
Bước 5	- Văn phòng	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ	

	- Chuyển kết quả cho TTPV HCC			
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Phụ lục I	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hoạt động xây dựng.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.
2	Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp. Đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định và phải có bản dịch sang tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam.
3	Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư về các công việc tiêu biểu mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai. Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận. Trường hợp cá nhân hành nghề độc lập thì phải có hợp đồng và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện tiêu biểu đã kê khai.
4	Kết quả sát hạch đạt yêu cầu.
5	Quyết định cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân.
6	Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân.
Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng, thời gian lưu 20 năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.	

PHỤ LỤC I

BỔ SUNG VÀO NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2015/NĐ-CP NGÀY 18/6/2015 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Họ và tên:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD:ngày cấp:..... nơi cấp.....
5. Địa chỉ thường trú:
6. Số điện thoại:Địa chỉ Email:
7. Đơn vị công tác:
8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo):
9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề:
.....năm.
10. Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):
Số Chứng chỉ:ngày cấpnơi cấp:
- Lĩnh vực hoạt động xây dựng:
11. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng¹:

STT	Thời gian công tác (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập (Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)	Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu	Ghi chú
1			1. Tên Dự án/công trình:.....	

			Nhóm dự án/Cấp công trình:..... Loại công trình:..... Chức danh/Nội dung công việc thực hiện:..... 2.....	
2				
....				

Đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:

Lĩnh vực hành nghề:Hạng:

Cấp lần đầu, nâng hạng

Cấp lại

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:

Điều chỉnh, bổ sung

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

¹ Không yêu cầu kê khai trong trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ do chứng chỉ cũ hết hạn sử dụng/hư hỏng/bị mất

26. Quy trình Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, III (đối với trường hợp bị thu hồi quy định tại điểm b, c, d Khoản 2 Điều 44a Nghị định số 100/2018/NĐ-CP: do giả mạo giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề; cho thuê, cho mượn, thuê, mượn hoặc cho người khác sử dụng chứng chỉ hành nghề; sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung chứng chỉ hành nghề).

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	BXD- 263402
	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động hạng II, III (đối với trường hợp bị thu hồi quy định tại điểm b,c,d Khoản 2 Điều 44a Nghị định số 100/2018/NĐ-CP: do giả mạo giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề; cho thuê, cho mượn, thuê, mượn hoặc cho người khác sử dụng chứng chỉ hành nghề; sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung chứng chỉ hành nghề)	Ngày BH	22/08/2018 .

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

	sửa đổi			
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, điều kiện cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động của cá nhân hạng II, III (đối với trường hợp bị thu hồi quy định tại điểm b,c,d Khoản 2 Điều 44a Nghị định số 100/2018/NĐ-CP: do giả mạo giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề; cho thuê, cho mượn, thuê, mượn hoặc cho người khác sử dụng chứng chỉ hành nghề; sửa chữa, tẩy xóa làm sai lệch nội dung chứng chỉ hành nghề).

2. PHẠM VI

Áp dụng cho các cá nhân trong trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, hạng III, trong lĩnh vực: khảo sát xây dựng; thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế xây dựng công trình; định giá xây dựng; quản lý dự án; giám sát thi công xây dựng công trình.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- CCHN: Chứng chỉ hành nghề

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	<p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Quyết định 1155/QĐ-BXD ngày 22/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban
------------	--

	<p>hành về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</p>
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính
	<p><i>a) Điều kiện chung đối với cá nhân xin cấp chứng chỉ hành nghề:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Có đủ năng lực hành vi dân sự theo quy định của pháp luật; có giấy phép cư trú hoặc giấy phép lao động tại Việt Nam đối với người nước ngoài và người Việt Nam định cư ở nước ngoài. - Có trình độ đại học thuộc chuyên ngành phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 04 năm trở lên đối với chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II; - Có trình độ chuyên môn phù hợp, có thời gian kinh nghiệm tham gia công việc phù hợp với nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề từ 02 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ đại học; từ 03 năm trở lên đối với cá nhân có trình độ cao đẳng hoặc trung cấp đối với chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng III. <p><i>b) Điều kiện riêng đối với từng lĩnh vực đề nghị xin cấp chứng chỉ hành nghề:</i></p> <p><i>(1) Cá nhân hành nghề khảo sát xây dựng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạng II: Đã làm chủ nhiệm khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ ít nhất 01 dự án từ nhóm B trở lên hoặc 02 dự án từ nhóm C trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp II trở lên hoặc 03 công trình từ cấp III trở lên. - Hạng III: Đã tham gia khảo sát xây dựng thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ ít nhất 02 dự án từ nhóm C hoặc 02 dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp III trở lên hoặc 03 công trình từ cấp IV trở lên. <p><i>(2) Cá nhân hành nghề thiết kế quy hoạch xây dựng:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt. - Hạng III: Đã tham gia thiết kế bộ môn chuyên ngành ít nhất trong 01 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt hoặc 02 đồ án quy hoạch xây dựng thuộc thẩm quyền và đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt. <p><i>(3) Cá nhân hành nghề thiết kế xây dựng công trình:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạng II: Đã làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc ít nhất 02 công trình từ cấp III trở lên hoặc đã tham gia thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc liên quan đến nội dung đề nghị cấp chứng chỉ hành

	<p>ngành của ít nhất 03 công trình từ cấp II trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.</p> <p>- Hạng III: Đã tham gia thiết kế, thẩm tra thiết kế phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 03 công trình từ cấp III trở lên hoặc 05 công trình từ cấp IV trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.</p> <p><i>(4) Cá nhân hành nghề giám sát thi công xây dựng:</i></p> <p>- Hạng II: Đã làm giám sát trưởng hoặc chỉ huy trưởng công trường hoặc chủ trì thiết kế xây dựng phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp II trở lên hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.</p> <p>- Hạng III: Đã tham gia giám sát thi công xây dựng hoặc tham gia thiết kế xây dựng hoặc thi công xây dựng phần việc thuộc lĩnh vực đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề của ít nhất 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình từ cấp IV trở lên cùng loại với công trình đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề.</p> <p><i>(5) Cá nhân hành nghề định giá xây dựng:</i></p> <p>- Hạng II: Đã chủ trì thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng của ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C trở lên hoặc 01 công trình từ cấp II hoặc 02 công trình từ cấp III trở lên.</p> <p>- Hạng III: Đã tham gia thực hiện một trong các công việc quản lý chi phí đầu tư xây dựng của ít nhất 01 dự án từ nhóm C hoặc 02 dự án có yêu cầu lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng trở lên hoặc 01 công trình từ cấp III trở lên hoặc 02 công trình từ cấp IV trở lên</p> <p><i>(6) Cá nhân hành nghề quản lý dự án:</i></p> <p>- Hạng II: Đã làm giám đốc quản lý dự án của 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C cùng loại trở lên hoặc có một trong ba loại chứng chỉ hành nghề (thiết kế xây dựng hạng II; giám sát thi công xây dựng hạng II; định giá xây dựng hạng II) và đã tham gia quản lý dự án của ít nhất 01 dự án từ nhóm B hoặc 02 dự án từ nhóm C hoặc 03 dự án có yêu cầu lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật cùng loại trở lên.</p> <p>- Hạng III: Đã tham gia quản lý dự án của ít nhất 01 dự án từ nhóm C cùng loại trở lên.</p>		
<p>5.3</p>	<p>Thành phần hồ sơ</p>	<p>Bản chính</p>	<p>Bản sao</p>
	<p>5.3.1 Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hoạt động theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.</p>		

	5.3.2 02 ảnh màu 4x6 cm có nền màu trắng chân dung của người đề nghị được chụp trong thời gian không quá 06 tháng.		
	5.3.3 Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp. Đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định phải có văn bản dịch sang tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam		
	5.3.4 Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư về các công việc tiêu biểu mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai. Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận. Trường hợp cá nhân hành nghề độc lập thì phải có hợp đồng và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện tiêu biểu đã kê khai.		
	5.3.5 Tờ khai đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mẫu Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.		
	5.3.6 Kết quả sát hạch đạt yêu cầu trong trường hợp cấp lại do hết hạn		
	Lưu ý: Các văn bằng đào tạo, chứng chỉ hành nghề, quyết định phân công công việc nêu trên phải có chứng thực hoặc tập tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao (xuất trình bản chính để đối chiếu)		
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
5.5	Thời gian xử lý: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.		
5.7	Lệ phí: 150.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.		

5.8 Quy trình xử lý công việc: 20 ngày x 08 giờ = 160 giờ				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ	
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	132 giờ	
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên qua (nếu có)	Sở, ban, ngành tỉnh	00 giờ	
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ	
Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ	
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Phụ lục I	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hoạt động xây dựng.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hoạt động theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.
2	Văn bằng do cơ sở đào tạo hợp pháp cấp phù hợp với loại, hạng chứng chỉ đề nghị cấp. Đối với văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp, phải là bản được hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định phải có văn bản dịch sang tiếng Việt được công chứng, chứng thực theo quy định của pháp luật Việt Nam
3	Các quyết định phân công công việc (giao nhiệm vụ) của tổ chức cho cá nhân hoặc văn bản xác nhận của đại diện theo pháp luật của chủ đầu tư về các công việc tiêu biểu mà cá nhân đã hoàn thành theo nội dung kê khai. Người ký xác nhận phải chịu trách nhiệm về sự trung thực của nội dung xác nhận. Trường hợp cá nhân hành nghề độc lập thì phải có hợp đồng và biên bản nghiệm thu các công việc thực hiện tiêu biểu đã kê khai.
4	Tờ khai đăng ký sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng theo mẫu Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.
5	Kết quả sát hạch đạt yêu cầu trong trường hợp cấp lại do hết hạn
6	Quyết định cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân.
7	Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân.
Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng, thời gian lưu 20 năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.	

PHỤ LỤC I

BỔ SUNG VÀO NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2015/NĐ-CP NGÀY 18/6/2015 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Họ và tên:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD:ngày cấp:..... nơi cấp.....
5. Địa chỉ thường trú:
6. Số điện thoại:Địa chỉ Email:
7. Đơn vị công tác:
8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo):
9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề:
.....năm.
10. Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):
Số Chứng chỉ:ngày cấpnơi cấp:
- Lĩnh vực hoạt động xây dựng:
11. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng¹:

STT	Thời gian công tác (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập (Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)	Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu	Ghi chú
1			1. Tên Dự án/công trình:.....	

			Nhóm dự án/Cấp công trình:..... Loại công trình:..... Chức danh/Nội dung công việc thực hiện:..... 2.....	
2				
....				

Đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:

Lĩnh vực hành nghề:Hạng:

Cấp lần đầu, nâng hạng

Cấp lại

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:

Điều chỉnh, bổ sung

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

¹ Không yêu cầu kê khai trong trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ do chứng chỉ cũ hết hạn sử dụng/hư hỏng/bị mất

**27 Quy trình cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng hạng II, III
(trường hợp chứng chỉ mất, hư hỏng, hết hạn)**

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	BXD- 263402
		Ngày BH	22/08/2018
Cấp lại chứng chỉ hoạt động xây dựng hạng II, hạng III (trong trường hợp mất, hỏng, hết hạn).			

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, điều kiện cấp lại chứng chỉ hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, hạng III.

2. PHẠM VI

Áp dụng cho các cá nhân trong trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, hạng III, trong lĩnh vực: khảo sát xây dựng; thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế xây dựng công trình; định giá xây dựng; quản lý dự án; giám sát thi công xây dựng công trình.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- CCHN: Chứng chỉ hành nghề

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

<p>5.1</p>	<p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Quyết định 1155/QĐ-BXD ngày 22/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. 						
<p>5.2</p>	<p>Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính</p>						
	<p>Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu chứng chỉ năng lực đã được cấp, trường hợp bị mất chứng chỉ năng lực thì phải có cam kết của tổ chức đề nghị cấp lại.</p>						
<p>5.3</p>	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 70%;">Thành phần hồ sơ</th> <th style="width: 15%;">Bản chính</th> <th style="width: 15%;">Bản sao</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="308 1883 1115 2018"> <p>5.3.1 Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hoạt động theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.</p> </td> <td data-bbox="1115 1883 1307 2018"></td> <td data-bbox="1307 1883 1544 2018"></td> </tr> </tbody> </table>	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao	<p>5.3.1 Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hoạt động theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.</p>		
Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao					
<p>5.3.1 Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hoạt động theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.</p>							

	5.3.2 Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu chứng chỉ năng lực đã được cấp, trường hợp bị mất chứng chỉ năng lực thì phải có cam kết của tổ chức đề nghị cấp lại.			
	5.3.3 Kết quả sát hạch đạt yêu cầu trong trường hợp cấp lại do hết hạn			
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
5.5	Thời gian xử lý: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: 150.000 đồng/chứng chỉ theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 172/2016/TT-BTC ngày 27/10/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy phép hoạt động xây dựng.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 10 ngày x 08 giờ = 80 giờ			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ	
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	52 giờ	
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên qua (nếu có)	Sở, ban, ngành tỉnh	00 giờ	
Bước	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ	Giám đốc Sở	08 giờ	

4	trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	(hoặc Phó GD phụ trách)		
Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ	
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Phụ lục I	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hoạt động xây dựng.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.
2	Bản sao có chứng thực hoặc tệp tin chứa ảnh màu chụp từ bản chính hoặc bản sao, xuất trình bản chính để đối chiếu chứng chỉ năng lực đã được cấp, trường hợp bị mất chứng chỉ năng lực thì phải có cam kết của tổ chức đề nghị cấp lại
3	Kết quả sát hạch đạt yêu cầu (trong trường hợp hết hạn).
4	Quyết định cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân.
5	Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân.
Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng, thời gian lưu 20 năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.	

PHỤ LỤC I

BỔ SUNG VÀO NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2015/NĐ-CP NGÀY 18/6/2015 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Họ và tên:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD:ngày cấp:..... nơi cấp.....
5. Địa chỉ thường trú:
6. Số điện thoại:Địa chỉ Email:
7. Đơn vị công tác:
8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo):
9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề:
.....năm.
10. Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):
Số Chứng chỉ:ngày cấpnơi cấp:
- Lĩnh vực hoạt động xây dựng:
11. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng¹:

STT	Thời gian công tác (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập (Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)	Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu	Ghi chú
1			1. Tên Dự án/công trình:.....	

			Nhóm dự án/Cấp công trình:..... Loại công trình:..... Chức danh/Nội dung công việc thực hiện:..... 2.....	
2				
....				

Đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:

Lĩnh vực hành nghề:Hạng:

Cấp lần đầu, nâng hạng

Cấp lại

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:

Điều chỉnh, bổ sung

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN

(Ký và ghi rõ họ, tên)

¹ Không yêu cầu kê khai trong trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ do chứng chỉ cũ hết hạn sử dụng/hư hỏng/bị mất

28. Quy trình cấp lại do lỗi cơ quan cấp chỉ hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, hạng III

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	B- BXD--TT
		Ngày BH/... /20....
Cấp lại chứng chỉ hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, hạng III (do lỗi cơ quan cấp).			

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, điều kiện cấp lại chứng chỉ hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, hạng III.

2. PHẠM VI

Áp dụng cho các cá nhân trong trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ hoạt động xây dựng của cá nhân hạng II, hạng III, trong lĩnh vực: khảo sát xây dựng; thiết kế quy hoạch xây dựng; thiết kế xây dựng công trình; định giá xây dựng; quản lý dự án; giám sát thi công xây dựng công trình.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- CCHN: Chứng chỉ hành nghề

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý:		
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc các lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. - Quyết định 1155/QĐ-BXD ngày 22/08/2018 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. 		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	Bản gốc chứng chỉ hoạt động xây dựng của cá nhân.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1 Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hoạt động theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.		
	5.3.2 Bản gốc chứng chỉ hoạt động xây dựng của cá nhân.		

5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
5.5	Thời gian xử lý: 5 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: 0 đồng.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 05 ngày x 08 giờ = 40 giờ			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở. 	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ	
	<ul style="list-style-type: none"> - Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt. 	Chuyên viên phòng chuyên môn	12 giờ	
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên qua (nếu có)	Sở, ban, ngành tỉnh	00 giờ	
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ	
Bước	- Văn phòng	Văn thư	04 giờ	

5	- Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn phòng Sở		
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Phụ lục I	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hoạt động xây dựng.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Đơn đề nghị cấp chứng chỉ hoạt động xây dựng theo mẫu tại Phụ lục I Nghị định số 100/2018/NĐ-CP.
2	Bản gốc chứng chỉ hoạt động xây dựng của cá nhân.
3	Quyết định cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân.
4	Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng của cá nhân.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng, thời gian lưu 20 năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.

PHỤ LỤC I

BỔ SUNG VÀO NGHỊ ĐỊNH SỐ 59/2015/NĐ-CP NGÀY 18/6/2015 CỦA CHÍNH PHỦ
(Kèm theo Nghị định số 100/2018/NĐ-CP ngày 16/7/2018 của Chính phủ)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG

Kính gửi: (Tên cơ quan có thẩm quyền)

1. Họ và tên:.....
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Quốc tịch:
4. Số Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu/CCCD:ngày cấp:..... nơi cấp.....
5. Địa chỉ thường trú:
6. Số điện thoại:Địa chỉ Email:
7. Đơn vị công tác:
8. Trình độ chuyên môn (ghi rõ chuyên ngành, hệ đào tạo):
9. Thời gian kinh nghiệm liên quan đến lĩnh vực đề nghị chuyển đổi chứng chỉ hành nghề:
.....năm.
10. Số chứng chỉ hành nghề đã được cấp (nếu có):
Số Chứng chỉ:ngày cấpnơi cấp:
- Lĩnh vực hoạt động xây dựng:
11. Quá trình hoạt động chuyên môn trong xây dựng¹:

STT	Thời gian công tác (Từ tháng, năm đến tháng, năm)	Đơn vị công tác/ Hoạt động độc lập (Ghi rõ tên đơn vị, số điện thoại liên hệ)	Kê khai kinh nghiệm thực hiện công việc tiêu biểu	Ghi chú
-----	---	--	--	---------

1			1. Tên Dự án/công trình:..... Nhóm dự án/Cấp công trình:..... Loại công trình:..... Chức danh/Nội dung công việc thực hiện:..... 2.....	
2				
....				

Đề nghị cấp chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng với nội dung như sau:

Lĩnh vực hành nghề:Hạng:

- Cấp lần đầu, nâng hạng
- Cấp lại

Lý do đề nghị cấp lại chứng chỉ:

- Điều chỉnh, bổ sung

Tôi xin chịu trách nhiệm về toàn bộ nội dung đơn này và cam kết hành nghề hoạt động xây dựng theo đúng nội dung ghi trong chứng chỉ được cấp và tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan./.

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(Ký và ghi rõ họ, tên)

¹ Không yêu cầu kê khai trong trường hợp đề nghị cấp lại chứng chỉ do chứng chỉ cũ hết hạn sử dụng/hư hỏng/bị mất

29. Quy trình Công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.	Mã hiệu:	QĐ1290/Q Đ-BXD
		Ngày BH	27/12/2017

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, điều kiện công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.

2. PHẠM VI

Áp dụng cho các tổ chức công bố hợp quy đối với sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- CCHN: Chứng chỉ hành nghề

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: <ul style="list-style-type: none">- Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc ban hành “Quy định về công bố hợp chuẩn, công bố hợp quy và phương thức đánh giá sự phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật”;- Thông tư số 02/2017/TT-BKHCN ngày 31/03/2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc sửa đổi một số điều Thông tư số 28/2012/TT-BKHCN ngày 12/12/2012.- Thông tư số 10/2014/TT-BXD ngày 15/9/2014 của Bộ Xây dựng về ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng QCVN 16:2017/BXD;- Quyết định 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực kinh doanh nhà ở, vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng, kiến trúc quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính
	a) Yêu cầu chung <ul style="list-style-type: none">- Công bố hợp quy phải dựa trên kết quả đánh giá, chứng nhận của tổ chức chứng nhận hợp quy.- Trường hợp sử dụng kết quả đánh giá của tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài để chứng nhận, công bố hợp quy thì tổ chức đánh giá sự phù hợp nước ngoài phải được thừa nhận theo quy định của pháp luật.- Trường hợp sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng được quản lý bởi nhiều quy chuẩn kỹ thuật khác nhau thì sản phẩm, hàng hóa đó phải được thực hiện đăng ký công bố hợp quy tại cơ quan chuyên ngành tương ứng và dấu hợp quy chỉ được sử dụng khi sản phẩm, hàng hóa đó đã thực hiện đầy đủ các biện pháp quản lý theo quy định tại các quy chuẩn kỹ thuật tương ứng. b) Điều kiện để thực hiện: <ul style="list-style-type: none">- Hồ sơ hợp lệ theo quy định.

	- Khai kê đúng chủng loại sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng phù hợp với danh mục sản phẩm quy định tại bảng 1 phần 2 QCVN 16:2017/BXD. Trong trường hợp chưa xác định rõ chủng loại sản phẩm, cần phối hợp với tổ chức chứng nhận hợp quy để thực hiện việc định danh sản phẩm.			
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao	
	5.3.1 Bảng khai công bố hợp quy theo mẫu 02 CBHC/HQ Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ.	X		
	5.3.2 Bản sao y bản chính Giấy chứng nhận hợp quy kèm theo mẫu dấu hợp quy do tổ chức hợp quy cấp cho tổ chức, cá nhân.			
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
5.5	Thời gian xử lý: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: 150.000 đồng/ giấy đăng ký Điều 4 Thông tư số 183/2016/TT-BTC ngày 08/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp lệ phí cấp giấy đăng ký công bố hợp chuẩn, hợp quy.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 05 ngày x 08 giờ = 40 giờ			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ	
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có).	Chuyên viên phòng chuyên môn	12 giờ	

	- Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.			
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan (nếu có)	Sở, ban, ngành tỉnh	00 giờ	
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ	
Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ	
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	mẫu 02 CBHC/HQ	Bảng khai công bố hợp quy theo mẫu 02 CBHC/HQ Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Bảng khai công bố hợp quy theo mẫu 02 CBHC/HQ Thông tư số 28/2012/TT-BKHHCN ngày 12/12/2012 của Bộ Khoa học và Công nghệ.
2	Bản sao y bản chính Giấy chứng nhận hợp quy kèm theo mẫu dấu hợp quy do tổ chức hợp quy cấp cho tổ chức, cá nhân.
3	Thông báo tiếp nhận công bố hợp quy sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng, thời gian lưu 20 năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ HỢP QUY

Số

Tên tổ chức, cá nhân:

Địa chỉ:

Điện thoại: Fax:

E-mail:

CÔNG BỐ:

Sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường (*tên gọi, kiểu, loại, nhãn hiệu, đặc trưng kỹ thuật,...*)

.....

.....

Phù hợp với tiêu chuẩn/quy chuẩn kỹ thuật (*số hiệu, ký hiệu, tên gọi*)

.....

.....

Thông tin bổ sung (*căn cứ công bố hợp chuẩn/hợp quy, phương thức đánh giá sự phù hợp...*):

.....

.....

.....

....(Tên tổ chức, cá nhân) cam kết và chịu trách nhiệm về tính phù hợp của (sản phẩm, hàng hóa, quá trình, dịch vụ, môi trường)..... do mình sản xuất, kinh doanh, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, khai thác.

....., ngày ... tháng ... năm

Đại diện Tổ chức, cá nhân

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

V. Lĩnh vực Kinh doanh bất động sản

1. Quy trình Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Cấp mới chứng chỉ hành nghề Môi giới bất động sản.	Mã hiệu:	QĐ 838/QĐ- BXD
		Ngày BH/.../20....

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, điều kiện cá nhân cấp chứng chỉ hành nghề Môi giới bất động sản.

2. PHẠM VI

Áp dụng cho các cá nhân cấp chứng chỉ hành nghề Môi giới bất động sản.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- CCHN: Chứng chỉ hành nghề

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	<p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2014; - Nghị định 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản. - Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản; hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản; việc thành lập và tổ chức hoạt động của sàn giao dịch bất động sản. - Quyết định 832/QĐ-BXD ngày 29/08/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế và thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. 		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	<ul style="list-style-type: none"> - Người xin cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; - Người xin cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản phải có trình độ từ Trung học phổ thông trở lên. - Đã nộp hồ sơ đăng ký dự thi và kinh phí dự thi cho đơn vị tổ chức kỳ thi. - Người xin cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản phải có bài thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản với phần kiến thức cơ sở đạt từ 70 điểm trở lên (thang điểm 100); phần kiến thức chuyên môn từ 70 điểm trở lên (thang điểm 100). 		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1 01 Đơn đăng ký dự thi có dán ảnh màu cỡ		

	4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi theo mẫu tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng.		
	5.3.2 01 Bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân đối với người Việt Nam hoặc hộ chiếu đối với người nước ngoài (hoặc bản sao có bản chính để đối chiếu);		
	5.3.3 01 Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa học về đào tạo bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản (nếu có);		
	5.3.4 Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp từ Trung học phổ thông (hoặc tương đương) trở lên;		
	5.3.5 02 ảnh màu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi, 02 phong bì có dán tem ghi rõ họ tên, số điện thoại, địa chỉ người nhận;		
	5.3.6 Bản sao và bản dịch có chứng thực chứng chỉ do nước ngoài cấp (đối với người nước ngoài và người Việt Nam có chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do nước ngoài cấp đang còn giá trị).		
	5.3.7 01 bản sao kết quả Đạt yêu cầu sát hạch liên quan đến lĩnh vực hành nghề.		
5.4	- Số lượng hồ sơ: 02 bộ (bản chính, 01 gửi Sở Xây dựng, 01 gửi đơn vị tổ chức thi).		
5.5	Thời gian xử lý: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.		
5.7	- Lệ phí: 200.000 đồng/chứng chỉ (cá nhân nộp lệ phí khi nộp hồ sơ và không được hoàn trả trong mọi trường hợp)		

5.8 Quy trình xử lý công việc: 10 ngày x 08 giờ = 80 giờ				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ	
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	52 giờ	
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên qua (nếu có)	Sở, ban, ngành tỉnh	00 giờ	
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyên lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ	
Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ	
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Phụ lục 01	Đơn đăng ký dự thi có dán ảnh màu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi theo mẫu tại Phụ lục 01

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	01 Đơn đăng ký dự thi có dán ảnh màu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi theo mẫu tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ Xây dựng.
2	Bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân đối với người Việt Nam hoặc hộ chiếu đối với người nước ngoài (hoặc bản sao có bản chính để đối chiếu);
3	Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa học về đào tạo bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản (nếu có);
4	Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp từ Trung học phổ thông (hoặc tương đương) trở lên;
5	Bản sao và bản dịch có chứng thực chứng chỉ do nước ngoài cấp (đối với người nước ngoài và người Việt Nam có chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do nước ngoài cấp đang còn giá trị).
6	Bản sao kết quả Đạt yêu cầu sát hạch liên quan đến lĩnh vực hành nghề.
7	Quyết định cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản
8	Chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng, thời gian lưu 20 năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.

2. Quy trình Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do hết hạn (hoặc gần hết hạn)

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	B-BXD- 115450-TT
	Cấp lại chứng chỉ hành nghề Môi giới bất động sản (do hết hạn hoặc gần hết hạn).	Ngày BH	29/08/2016

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, điều kiện cá nhân cấp chứng chỉ hành nghề Môi giới bất động sản.

2. PHẠM VI

Áp dụng cho các cá nhân cấp chứng chỉ hành nghề Môi giới bất động sản.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- CCHN: Chứng chỉ hành nghề

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	<p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none">- Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2014;- Nghị định 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.- Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản; hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản; việc thành lập và tổ chức hoạt động của sàn giao dịch bất động sản.- Quyết định 832/QĐ-BXD ngày 29/08/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế và thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	<ul style="list-style-type: none">- Người xin cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản phải có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;- Người xin cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản phải có trình độ từ Trung học phổ thông trở lên.- Đã nộp hồ sơ đăng ký dự thi và kinh phí dự thi cho đơn vị tổ chức kỳ thi.- Người xin cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản phải có bài thi sát hạch cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản với phần kiến thức cơ sở đạt từ 70 điểm trở lên (thang điểm 100);		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1 01 Đơn đăng ký dự thi có dán ảnh màu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi theo mẫu tại Phụ lục 02.	X	

	5.3.2 01 Bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân đối với người Việt Nam hoặc hộ chiếu đối với người nước ngoài (hoặc bản sao có bản chính để đối chiếu);		X
	5.3.3 01 Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa học về đào tạo bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản (nếu có);		
	5.3.4 Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp từ Trung học phổ thông (hoặc tương đương) trở lên;		
	5.3.5 02 ảnh màu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi, 02 phong bì có dán tem ghi rõ họ tên, số điện thoại, địa chỉ người nhận;		
	5.3.6 Bản sao và bản dịch có chứng thực chứng chỉ do nước ngoài cấp (đối với người nước ngoài và người Việt Nam có chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do nước ngoài cấp đang còn giá trị).		
	5.3.7 Chứng chỉ gốc đối với trường hợp đã hết hạn, hoặc bản sao có chứng thực đối với trường hợp chứng chỉ chưa hết hạn.		
	5.3.8 01 bản sao kết quả Đạt yêu cầu sát hạch liên quan đến lĩnh vực hành nghề với phần kiến thức cơ sở đạt từ 70 điểm trở lên (thang điểm 100).		
5.4	- Số lượng hồ sơ: 02 bộ (bản chính, 01 gửi Sở Xây dựng, 01 gửi đơn vị tổ chức thi).		
5.5	Thời gian xử lý: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.		
5.7	- Lệ phí: 200.000 đồng/chứng chỉ (cá nhân nộp lệ phí khi nộp hồ sơ và không được hoàn trả trong mọi trường hợp)		
5.8	Quy trình xử lý công việc: 10 ngày x 08 giờ = 80 giờ		

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ	
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	52 giờ	
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên qua (nếu có)	Sở, ban, ngành tỉnh	00 giờ	
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ	
Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ	
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	

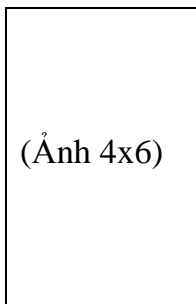
6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Phụ lục 02	Đơn đăng ký dự thi có dán ảnh màu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi theo mẫu tại Phụ lục 02

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Đơn đăng ký dự thi có dán ảnh màu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính đến ngày đăng ký dự thi theo mẫu tại Phụ lục 02.
2	Bản sao có chứng thực Giấy chứng minh nhân dân đối với người Việt Nam hoặc hộ chiếu đối với người nước ngoài (hoặc bản sao có bản chính để đối chiếu);
3	Bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đã hoàn thành khóa học về đào tạo bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản (nếu có);
4	Bản sao có chứng thực bằng tốt nghiệp từ Trung học phổ thông (hoặc tương đương) trở lên;
5	Bản sao và bản dịch có chứng thực chứng chỉ do nước ngoài cấp (đối với người nước ngoài và người Việt Nam có chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản do nước ngoài cấp đang còn giá trị).
6	Chứng chỉ gốc đối với trường hợp đã hết hạn, hoặc bản sao có chứng thực đối với trường hợp chứng chỉ chưa hết hạn.
7	Bản sao kết quả Đạt yêu cầu sát hạch liên quan đến lĩnh vực hành nghề với phần kiến thức cơ sở đạt từ 70 điểm trở lên (thang điểm 100).
8	Quyết định cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản
9	Chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản
Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng, thời gian lưu 20 năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN XIN CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI
GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN

(do chứng chỉ đã hết hạn)

Kính gửi: Sở Xây dựng An Giang.

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Số CMND hoặc Hộ chiếu: cấp ngày: Nơi cấp:.....
4. Đăng ký thường trú tại:
5. Nơi ở hiện nay:
6. Đơn vị công tác:
7. Điện thoại:.....
8. Lý do đề nghị cấp lại:

Tôi đã được cấp Chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản số
ngày.....tháng.....năm

.....(Người làm đơn nêu rõ nguyên nhân đề nghị Cấp lại Chứng chỉ)

Tôi cam đoan mọi thông tin nêu trên là hoàn toàn đúng sự thật. Nếu sai, tôi xin
chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tôi làm đơn này kính đề nghị Sở Xây dựng cấp lại Chứng chỉ hành nghề môi giới
bất động sản.

Tôi xin gửi kèm theo:

- 02 ảnh (4x6cm);

- Chứng chỉ cũ hoặc bản sao có chứng thực đối với chứng chỉ chưa hết hạn.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

Người làm đơn

(Ký và ghi rõ họ tên)

3. Quy trình Cấp lại (cấp đổi) chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản: Do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Cấp lại chứng chỉ hành nghề Môi giới bất động sản (do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng).	Mã hiệu:	B-BXD- 115450-TT
		Ngày BH	29/08/2016

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, điều kiện cá nhân cấp chứng chỉ hành nghề Môi giới bất động sản.

2. PHẠM VI

Áp dụng cho các cá nhân cấp chứng chỉ hành nghề Môi giới bất động sản.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- CCHN: Chứng chỉ hành nghề

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	<p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none">- Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2014;- Nghị định 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.- Thông tư số 11/2015/TT-BXD ngày 30/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định việc cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản; hướng dẫn việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản; việc thành lập và tổ chức hoạt động của sàn giao dịch bất động sản.- Quyết định 832/QĐ-BXD ngày 29/08/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế và thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính
	Đã được cấp chứng chỉ nhưng do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác thì được cấp lại chứng chỉ

5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao	
	5.3.1 01 Đơn xin cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản đăng ký dự thi có dán ảnh màu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng tính tại Phụ lục 03.	X		
	5.3.2 02 ảnh màu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng (ghi rõ họ tên, số điện thoại, địa chỉ người nhận);		X	
	5.3.3 Chứng chỉ cũ (nếu có).			
5.4	- Số lượng hồ sơ: 02 bộ (bản chính, 01 gửi Sở Xây dựng, 01 gửi đơn vị tổ chức thi).			
5.5	Thời gian xử lý: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	- Lệ phí: 200.000 đồng/chứng chỉ (cá nhân nộp lệ phí khi nộp hồ sơ và không được hoàn trả trong mọi trường hợp)			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 10 ngày x 08 giờ = 80 giờ			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.

Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ	
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	52 giờ	
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên qua (nếu có)	Sở, ban, ngành tỉnh	00 giờ	
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ	
Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ	
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	

6. BIỂU MẪU

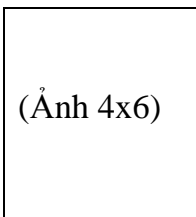
TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Phụ lục 03	Đơn xin cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản đăng ký dự thi có dán ảnh mẫu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng mẫu tại Phụ lục 03

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Đơn xin cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản đăng ký dự thi có dán ảnh mẫu cỡ 4x6cm chụp trong thời gian 06 tháng mẫu tại Phụ lục 03

2	Chứng chỉ cũ (nếu có).
3	Quyết định cấp chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản
4	Chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản
Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng, thời gian lưu 20 năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**ĐƠN XIN CẤP LẠI CHỨNG CHỈ HÀNH NGHỀ MÔI
GIỚI BẤT ĐỘNG SẢN**

**(do bị mất, bị rách, bị cháy, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý
do bất khả kháng)**

Kính gửi: Sở Xây dựng An Giang.

1. Họ và tên:
2. Ngày, tháng, năm sinh:
3. Số CMND hoặc Hộ chiếu: cấp ngày: Nơi cấp:.....
4. Đăng ký thường trú tại:
5. Nơi ở hiện nay:
6. Đơn vị công tác:
7. Điện thoại:.....
8. Lý do đề nghị cấp lại:
Tôi đã được cấp Chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản số
ngày.....tháng.....năm

.....(Người làm đơn nêu rõ nguyên nhân đề nghị Cấp lại Chứng chỉ)

Tôi cam đoan mọi thông tin nêu trên là hoàn toàn đúng sự thật. Nếu sai, tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Tôi làm đơn này kính đề nghị Sở Xây dựng cấp lại Chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản.

Tôi xin gửi kèm theo:

- 02 ảnh (4x6cm);
- Chứng chỉ cũ (nếu có).

Tôi xin trân trọng cảm ơn!

Người làm đơn
(Ký và ghi rõ họ tên)

4. Quy trình Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư	Mã hiệu:	B-BXD-- TT
		Ngày BH/.../20. ...

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Huỳnh Minh Dương	Nguyễn Quốc Cường	Nguyễn Thị Minh Thúy
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Trưởng phòng	Giám đốc

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Thực hiện chuyển nhượng dự án bất động sản do UBND cấp tỉnh quyết định việc đầu tư

2. PHẠM VI

Quy trình này được áp dụng trong lĩnh vực thị trường bất động sản.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: – Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014. – Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản. – Quyết định số 832/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế và thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính – Chủ đầu tư chuyển nhượng đã có Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất đối với toàn bộ hoặc phần dự án chuyển nhượng. – Chủ đầu tư nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản phải là doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, có đủ năng lực tài chính và cam kết tiếp tục việc triển khai đầu tư xây dựng, kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tiến độ, nội dung dự án.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<i>1) Đối với chủ đầu tư chuyển nhượng (cũ), gồm:</i> + Đơn đề nghị cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án của chủ đầu tư chuyển nhượng (theo Mẫu số 08a và 08b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ). + Văn bản cho phép đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (bản sao có chứng thực);	X	X
		X	X

5.4	Số lượng hồ sơ: 05 bộ			
5.5	Thời gian xử lý: 30 ngày làm việc (240 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: Không			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	152 giờ
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan (nếu có)	Sở, ban, ngành tỉnh	56 giờ
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ
Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn thư Văn phòng Sở	08 giờ
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 08a và 08b	Đơn đề nghị cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án của chủ đầu tư chuyển nhượng (theo Mẫu số 08a và 08b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ).
2	Mẫu số 09a và 09b	Báo cáo quá trình thực hiện dự án của chủ đầu tư chuyển nhượng đến thời điểm chuyển nhượng (theo Mẫu số 09a và 09b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ).
3	Mẫu số 10a và 10b	Đơn đề nghị được nhận chuyển nhượng dự án hoặc một phần dự án (theo Mẫu số 10a và 10b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ).

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Quyết định/Văn bản cho phép (hoặc không cho phép) chuyển nhượng dự án bất động sản.
2	Văn bản ý kiến (hoặc biên bản họp ghi nhận ý kiến) của các sở, ngành liên quan
3	Văn bản báo cáo hoặc trình UBND tỉnh
4	Thành phần hồ sơ như mục 5.3

Hồ sơ được lưu tại phòng QLN, TT BĐS & HTKT, thời gian lưu năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.

5. Quy trình Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do Thủ tướng Chính phủ quyết định việc đầu tư.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do Thủ tướng Chính phủ quyết định việc đầu tư	Mã hiệu:	B-BXD-- TT
		Ngày BH/.../20. ...

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Huỳnh Minh Dương	Nguyễn Quốc Cường	Nguyễn Thị Minh Thúy
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Trưởng phòng	Giám đốc

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Thực hiện chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản do Thủ tướng Chính phủ quyết định việc đầu tư

2. PHẠM VI

Quy trình này được áp dụng trong lĩnh vực thị trường bất động sản do chủ đầu tư dự án thực hiện.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: <ul style="list-style-type: none">– Luật Kinh doanh bất động sản số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014.– Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.– Quyết định số 832/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế và thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	<ul style="list-style-type: none">– Chủ đầu tư chuyển nhượng đã có Giấy chứng nhận về quyền sử dụng đất đối với toàn bộ hoặc phần dự án chuyển nhượng.– Chủ đầu tư nhận chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản phải là doanh nghiệp kinh doanh bất động sản, có đủ năng lực tài chính và cam kết tiếp tục việc triển khai đầu tư xây dựng, kinh doanh theo đúng quy định của pháp luật, bảo đảm tiến độ, nội dung dự án.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<p><i>1) Đối với chủ đầu tư chuyển nhượng (cũ), gồm:</i></p> <ul style="list-style-type: none">+ Đơn đề nghị cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án của chủ đầu tư chuyển nhượng (theo Mẫu số 08a và 08b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ).+ Văn bản cho phép đầu tư hoặc văn bản chấp thuận đầu tư của cơ quan nhà nước có thẩm quyền	x	x x x

	nghiep.			
5.4	Số lượng hồ sơ: 06 bộ			
5.5	Thời gian xử lý: 45 ngày làm việc (360 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: Không			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả

Bước 1	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở. 	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ
	<ul style="list-style-type: none"> - Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt. 	Chuyên viên phòng chuyên môn	192 giờ
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan (nếu có)	Bộ, ngành Trung ương	120 giờ
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ
Bước 5	Sở Xây dựng trình UBND tỉnh chấp thuận cho phép chuyển nhượng dự án hoặc một phần dự án bất động sản.	VP UBND tỉnh	16 giờ	
Bước 6	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng UBND tỉnh - Chuyển kết quả cho TTPV HCC 	Văn thư Văn phòng UBND tỉnh	08 giờ
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 08a và 08b	Đơn đề nghị cho phép chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án của chủ đầu tư chuyển nhượng (theo Mẫu số 08a và 08b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ).
2	Mẫu số 09a và 09b	Báo cáo quá trình thực hiện dự án của chủ đầu tư chuyển nhượng đến thời điểm chuyển nhượng (theo Mẫu số 09a và 09b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ).
3	Mẫu số 10a và 10b	Đơn đề nghị được nhận chuyển nhượng dự án hoặc một phần dự án (theo Mẫu số 10a và 10b quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10/9/2015 của Chính phủ).

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Quyết định cho phép (hoặc Văn bản không cho phép) chuyển nhượng dự án hoặc một phần dự án bất động sản.
2	Văn bản ý kiến (hoặc biên bản họp ghi nhận ý kiến) của các Bộ, ngành liên quan
3	Văn bản báo cáo hoặc trình Thủ tướng Chính phủ
4	Thành phần hồ sơ như mục 5.3

Hồ sơ được lưu tại phòng QLN, TT BĐS & HTKT, thời gian lưu năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.

VI. Lĩnh vực Nhà ở và công sở

1. Quy trình Thủ tục gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Thủ tục gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài	Mã hiệu:	B-BXD-- TT
		Ngày BH/.../20. ...

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Huỳnh Minh Dương	Nguyễn Quốc Cường	Nguyễn Thị Minh Thúy
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Trưởng phòng	Giám đốc

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Thực hiện xem xét, gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài.

2. PHẠM VI

Quy trình này được áp dụng trong lĩnh vực nhà ở đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài muốn gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở trên phạm vi địa bàn tỉnh An Giang.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: – Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014; – Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở. – Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP. – Quyết định số 837/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	Phải có đơn gửi UBND cấp tỉnh trước khi hết hạn sở hữu nhà ở 03 tháng		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao

5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
5.5	Thời gian xử lý: 30 ngày làm việc (240 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: Không			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	212 giờ
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan (nếu có)	Sở, ban, ngành tỉnh	0 giờ
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ
Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ

Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ
-------------------	----------------------------------	-----------------------------	--------	-------

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Không	Không

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Văn bản thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, thuê mua.
2	Thành phần hồ sơ như mục 5.3

Hồ sơ được lưu tại phòng QLN, TT BĐS & HTKT, thời gian lưu năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.

2. Quy trình Thủ tục thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, thuê mua.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Thủ tục thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, thuê mua	Mã hiệu:	B-BXD-- TT
		Ngày BH/.../2 0...

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Huỳnh Minh Dương	Nguyễn Quốc Cường	Nguyễn Thị Minh Thúy
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Trưởng phòng	Giám đốc

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

.....				

1. MỤC ĐÍCH

Thực hiện kiểm tra hồ sơ đối với dự án phát triển nhà ở xem đủ điều kiện được đưa nhà ở hình thành trong tương lai vào bán, cho thuê mua chưa.

2. PHẠM VI

Quy trình này được áp dụng trong lĩnh vực nhà ở đối với các dự án phát triển nhà ở trên phạm vi địa bàn tỉnh An Giang.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	<p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> – Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014; – Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở. – Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP. – Quyết định số 837/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. 		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	Không		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao

	– Văn bản gửi Sở Xây dựng đề nghị thông báo nhà ở đủ điều kiện bán, cho thuê mua.	x		
	– Các giấy tờ chứng minh bao gồm: + Giấy tờ về quyền sử dụng đất, hồ sơ dự án, thiết kế bản vẽ thi công đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, Giấy phép xây dựng đối với trường hợp phải có Giấy phép xây dựng, giấy tờ về nghiệm thu việc hoàn thành xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật tương ứng theo tiến độ; trường hợp là nhà chung cư, tòa nhà hỗn hợp có mục đích để ở hình thành trong tương lai thì phải có biên bản nghiệm thu hoàn thành xong phần móng của tòa nhà đó; + Trường hợp có thể chấp dự án đầu tư xây dựng hoặc thế chấp nhà ở sẽ bán, cho thuê mua thì chủ đầu tư phải gửi kèm theo giấy tờ chứng minh đã giải chấp hoặc biên bản thống nhất của bên mua, bên thuê mua nhà ở và bên nhận thế chấp về việc không phải giải chấp và được mua bán, thuê mua nhà ở đó;		x	
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
5.5	Thời gian xử lý: 15 ngày làm việc (120 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: Không			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ

				SƠ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	92 giờ
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan (nếu có)	Sở, ban, ngành tỉnh	0 giờ
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ
Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Không	Không

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
----	----------------------

1	Văn bản thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, thuê mua.
2	Thành phần hồ sơ như mục 5.3
Hồ sơ được lưu tại phòng QLN, TTBĐS & HTKT, thời gian lưu năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.	

3. Quy trình Thủ tục Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Thủ tục Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 5 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	Mã hiệu:	B-BXD-- TT
		Ngày BH/.../2 0....

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Lê Văn Bình	Lê Minh Kiệt	Nguyễn Thị Minh Thúy
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Phó phòng	Giám đốc

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành

.....				
-------	--	--	--	--

1. MỤC ĐÍCH:

Quản lý, sử dụng nhà ở xã hội không thuộc sở hữu nhà nước; cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư; xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở; giao dịch mua bán, thuê, thuê mua nhà ở thương mại của doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh bất động sản; thanh tra, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực nhà ở được thực hiện theo các Nghị định khác của Chính phủ.

2. PHẠM VI:

Các tổ chức, cá nhân trước khi lập dự án đầu tư xây dựng nhà ở thuộc diện quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Nhà ở thì phải làm thủ tục đề nghị quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng

-

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở. - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	Không		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1. - Hồ sơ pháp lý của đơn vị được giao làm chủ đầu tư, bao gồm giấy tờ chứng minh chức năng kinh doanh bất động sản, tư cách pháp lý, giấy tờ chứng minh năng lực tài chính, kinh nghiệm của chủ đầu tư	X	

	theo quy định của pháp luật; trường hợp chưa lựa chọn chủ đầu tư thì có báo cáo về hình thức lựa chọn chủ đầu tư và dự kiến điều kiện lựa chọn chủ đầu tư;			
	5.3.2. Văn bản đề nghị chấp thuận chủ trương dự án xây dựng nhà ở, trong đó nêu rõ cơ sở pháp lý đề nghị chấp thuận; các nội dung đề xuất chấp thuận quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định 99/2015/NĐ-CP ; lý do đề nghị chấp thuận và chứng minh sự phù hợp của nội dung dự án với chương trình kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương đã được phê duyệt	x		
	5.3.3. Quyết định phê duyệt quy hoạch kèm theo bản vẽ quy hoạch chi tiết khu vực có dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	x		
	5.3.4. Nội dung chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương đã được phê duyệt có liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án cần chấp thuận chủ trương đầu tư	x		
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
5.5	Thời gian xử lý: 32 ngày (256 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: không			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viét phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	04 giờ

	<ul style="list-style-type: none"> - Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt. 	Chuyên viên phòng chuyên môn	136 giờ
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quanchuyên môn có liên qua (nếu có)	Sở, ban, ngành tỉnh	40 giờ
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	04 giờ
Bước 5	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HHC 	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ
Bước 6	Văn phòng UBND tỉnh	Chuyển hồ sơ cho phòng, ban chuyên môn.	04 giờ	
	LĐ Phòng chuyên môn	Duyệt, chuyển CV xử lý.	04 giờ	
	CV Phòng chuyên môn	Thẩm tra hồ sơ. Soạn thảo văn bản. Trình lãnh đạo.	40 giờ	
	LĐ VP UBND tỉnh	Duyệt trình LĐ UBND tỉnh	04 giờ	
	Lãnh đạo UBND tỉnh	Duyệt	04 giờ	
	Văn thư	Đóng dấu. Chuyển TTHCC	04 giờ	
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HHC	04 giờ

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
----	---------	--------------

1	Phụ lục I	Mẫu Tờ trình của Sở Xây dựng gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng
2	Phụ lục II	Mẫu văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án xây dựng nhà ở theo phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng
2	Như thành phần hồ sơ
3	văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án xây dựng nhà ở theo phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng
<p>Hồ sơ được lưu tại phòng, thời gian lưu năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.</p>	

4. Quy trình Thủ tục Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 6 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Thủ tục Chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh quy định tại Khoản 6 Điều 9 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	Mã hiệu:	B-BXD-- TT
		Ngày BH/.../2 0...

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Lê Văn Bình	Lê Minh Điệt	Nguyễn Thị Minh Thúy
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Phó phòng	Giám đốc

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH:

Quản lý, sử dụng nhà ở xã hội không thuộc sở hữu nhà nước; cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư; xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở; giao dịch mua bán, thuê, thuê mua nhà ở thương mại của doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh bất động sản; thanh tra, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực nhà ở được thực hiện theo các Nghị định khác của Chính phủ.

2. PHẠM VI:

Các tổ chức, cá nhân trước khi lập dự án đầu tư xây dựng nhà ở thuộc diện quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Nhà ở thì phải làm thủ tục đề nghị quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng

-.....

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở. - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	Không		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1. Hồ sơ pháp lý của đơn vị được giao làm chủ đầu tư, bao gồm giấy tờ chứng minh chức năng kinh doanh bất động sản, tư cách pháp lý, giấy tờ chứng minh năng lực tài chính, kinh nghiệm của chủ đầu tư theo quy định của pháp luật; trường hợp chưa lựa chọn chủ đầu tư thì có báo cáo về hình thức lựa chọn chủ đầu tư và	X	

	dự kiến điều kiện lựa chọn chủ đầu tư;			
	5.3.2. Văn bản đề nghị chấp thuận chủ trương dự án xây dựng nhà ở, trong đó nêu rõ cơ sở pháp lý đề nghị chấp thuận; các nội dung đề xuất chấp thuận quy định tại Khoản 2 Điều 11 Nghị định 99; lý do đề nghị chấp thuận và chứng minh sự phù hợp của nội dung dự án với chương trình kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương đã được phê duyệt	x		
	5.3.3. Quyết định phê duyệt quy hoạch kèm theo bản vẽ quy hoạch chi tiết khu vực có dự án đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt	x		
	5.3.4. Nội dung chương trình, kế hoạch phát triển nhà ở của địa phương đã được phê duyệt có liên quan đến việc triển khai thực hiện dự án cần chấp thuận chủ trương đầu tư	x		
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
5.5	Thời gian xử lý: 32 ngày (256 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: không			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	04 giờ
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có).	Chuyên viên phòng chuyên môn	136 giờ

	- Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.			
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quanchuyên môn có liên qua (nếu có)	Sở, ban, ngành tỉnh	40 giờ
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	04 giờ
Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HHC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ
Bước 6	Văn phòng UBND tỉnh	Chuyển hồ sơ cho phòng, ban chuyên môn.	04 giờ	
	LĐ Phòng chuyên môn	Duyệt, chuyển CV xử lý.	04 giờ	
	CV Phòng chuyên môn	Thẩm tra hồ sơ. Soạn thảo văn bản. Trình lãnh đạo.	36 giờ	
	LĐ VP UBND tỉnh	Duyệt trình LĐ UBND tỉnh	04 giờ	
	Lãnh đạo UBND tỉnh	Duyệt	04 giờ	
	Văn thư	Đóng dấu. Chuyển TTHCC	04 giờ	
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyện viên tại TTPV HCC	04 giờ

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Phụ lục I	Mẫu Tờ trình của Sở Xây dựng gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD

		ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng
2	Phụ lục II	Mẫu văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án xây dựng nhà ở theo phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng
2	Như thành phần hồ sơ
3	văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án xây dựng nhà ở theo phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng

Hồ sơ được lưu tại phòng, thời gian lưu năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.

5. Quy trình thủ tục Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Thủ tục Lựa chọn chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở thương mại quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 99/2015/NĐ-CP	Mã hiệu:	B-BXD-- TT
		Ngày BH/.../2 0....

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Lê Văn Bình	Lê Minh Kiệt	Nguyễn Thị Minh Thúy
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Phó phòng	Giám đốc

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH:

Quản lý, sử dụng nhà ở xã hội không thuộc sở hữu nhà nước; cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư; xây dựng, quản lý và sử dụng hệ thống thông tin về nhà ở; giao dịch mua bán, thuê, thuê mua nhà ở thương mại của doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh bất động sản; thanh tra, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực nhà ở được thực hiện theo các Nghị định khác của Chính phủ.

2. PHẠM VI:

Các tổ chức, cá nhân trước khi lập dự án đầu tư xây dựng nhà ở thuộc diện quy định tại Khoản 2 Điều 17 của Luật Nhà ở thì phải làm thủ tục đề nghị quyết định hoặc chấp thuận chủ trương đầu tư theo quy định của Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng

-

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: - Luật Nhà ở năm 2014; - Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở. - Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính: không		
	Không		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1. Văn bản đăng ký làm chủ đầu tư dự án của nhà đầu tư, bao gồm các nội dung: tên, địa chỉ nhà đầu tư, các đề xuất của nhà đầu tư, dự kiến tiến độ thực hiện dự án;	x	
	5.3.2. Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm xuất trình bản chính để đối chiếu nhận Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký	x	

	đầu tư kèm theo giấy tờ chứng minh có đủ số vốn được hoạt động kinh doanh bất động sản (vốn điều lệ) theo quy định của pháp luật về kinh doanh bất động sản			
	5.3.3. Giấy tờ chứng minh năng lực tài chính của chủ đầu tư áp dụng như quy định tại điểm d khoản 2 Điều 12 của Nghị định số 76/2015/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Kinh doanh bất động sản.	x		
	5.3.4. Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất ở hợp pháp theo quy định của pháp luật về đất đai	x		
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
5.5	Thời gian xử lý: 30 ngày (240 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: không			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	128 giờ

Bước 3	Sở Kế hoạch & đầu tư, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên & Môi trường, Cục thuế	Sở, ban, ngành tỉnh	40 giờ
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ
Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HHC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ
Bước 6	Văn phòng UBND tỉnh	Chuyển hồ sơ cho phòng, ban chuyên môn.	04 giờ	
	LĐ Phòng chuyên môn	Duyệt, chuyển CV xử lý.	04 giờ	
	CV Phòng chuyên môn	Thẩm tra hồ sơ. Soạn thảo văn bản. Trình lãnh đạo.	20 giờ	
	LĐ VP UBND tỉnh	Duyệt trình LĐ UBND tỉnh	04 giờ	
	Lãnh đạo UBND tỉnh	Duyệt	04 giờ	
	Văn thư	Đóng dấu. Chuyển TTHCC	04 giờ	
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	08 giờ

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Phụ lục I	Mẫu văn bản công nhận chủ đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo Phụ lục số 06 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	đề nghị chấp thuận chủ trương đầu tư dự án xây dựng nhà ở theo phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng
2	Như thành phần hồ sơ
3	văn bản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đối với dự án xây dựng nhà ở theo phụ lục số 05 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng
<p>Hồ sơ được lưu tại phòng, thời gian lưu năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.</p>	

6. Quy trình Thủ tục thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Thủ tục thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh	Mã hiệu:	B-BXD-- TT
		Ngày BH/.../20. ...

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Huỳnh Minh Dương	Nguyễn Quốc Cường	Nguyễn Thị Minh Thúy
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Trưởng phòng	Giám đốc

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Thực hiện thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh An Giang.

2. PHẠM VI

Quy trình này được áp dụng trong lĩnh vực nhà ở đối với các dự án nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh An Giang.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- QLN, TT BĐS & HTKT: Quản lý nhà, thị trường bất động sản và hạ tầng kỹ thuật.

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: <ul style="list-style-type: none">– Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;– Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.– Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.– Quyết định số 837/QĐ-BXD ngày 29/8/20169 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	Không		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	– Công văn đề nghị định giá, điều chỉnh giá.	X	
	– Phương án giá.	X	

	– Văn bản tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan liên quan, đính kèm bản sao ý kiến của các cơ quan theo quy định (nếu có).		x	
	– Văn bản thẩm định phương án giá của các cơ quan có chức năng thẩm định theo quy định.		x	
	– Các tài liệu khác có liên quan.			x
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
5.5	Thời gian xử lý: 30 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: Không			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	212 giờ
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan (nếu có)	Sở, ban, ngành tỉnh	0 giờ
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD)	08 giờ

	phê duyệt.	phụ trách)		
Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn thư Văn phòng Sở	04 giờ
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Không	Không

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Văn bản thẩm định giá bán, thuê mua, thuê nhà ở xã hội được đầu tư xây dựng theo dự án bằng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước trên phạm vi địa bàn tỉnh An Giang.
2	Thành phần hồ sơ như mục 5.3

Hồ sơ được lưu tại phòng QLN, TTBDS & HTKT, thời gian lưu năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.

7. Quy trình Thủ tục thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Thủ tục thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh	Mã hiệu:	B-BXD-- TT
		Ngày BH/.../20. ...

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Nguyễn Thái Huy	Tô Bích Thủy	Trần Thanh Vũ
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên Viên	Phó phòng	Phó Giám đốc

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Thủ tục thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh

2. PHẠM VI

Quy trình này được áp dụng trong lĩnh vực Nhà ở và công sở

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- QLN, TTBDS & HTKT: Quản lý nhà, thị trường bất động sản và hạ tầng kỹ thuật.

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: <ul style="list-style-type: none">- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.- Quyết định số 837/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	<ul style="list-style-type: none">- Cán bộ thuê nhà ở công vụ phải chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình và chưa được thuê, thuê mua hoặc mua nhà ở xã hội tại nơi đến công tác hoặc đã có nhà ở thuộc sở hữu của mình tại nơi đến công tác nhưng diện tích nhà ở bình quân trong hộ gia đình dưới 15m²/người.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<ul style="list-style-type: none">- Văn bản đăng ký thuê nhà ở công vụ của cơ quan, tổ chức đang trực tiếp quản lý người có nhu cầu thuê nhà ở công vụ;	x	
	<ul style="list-style-type: none">- Đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ đã có xác nhận của cơ quan đang trực tiếp quản lý cán bộ, công chức về thực trạng nhà ở;	x	
	<ul style="list-style-type: none">- Bản sao quyết định bổ nhiệm, điều động, luân		

	chuyển công tác có xác nhận của cơ quan ra quyết định hoặc cơ quan đang trực tiếp quản lý cán bộ, công chức;			X
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ			
5.5	Thời gian xử lý: 20 ngày làm việc (160 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: Không			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	80 giờ
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan (nếu có)	Sở, ban, ngành tỉnh	0 giờ
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ

Bước 5	- Văn phòng - Chuyển HS, văn bản UBND tỉnh	Văn thư Văn phòng Sở	08 giờ
Bước 6	Chuyển hồ sơ cho phòng, ban chuyên môn.	Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	
	Duyệt, chuyển CV xử lý.	LĐ Phòng chuyên môn	04 giờ	
	- Thẩm tra hồ sơ. - Soạn thảo văn bản. - Trình lãnh đạo.	CV Phòng chuyên môn	16 giờ	
	Duyệt trình LĐ UBND tỉnh	LĐ VP UBND tỉnh	08 giờ	
	Duyệt	Lãnh đạo UBND tỉnh	08 giờ	
	Đóng dấu. Chuyển TTHCC	Văn Thư	04 giờ	
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	08 giờ

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Phụ lục 01	Đơn đề nghị thuê nhà ở công vụ quy định tại Phụ lục số 01 Thông tư số 09/2015/TT-BXD ngày 29/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn quản lý sử dụng nhà ở công vụ.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Quyết định bố trí cho thuê nhà ở công vụ

2	Văn bản ý kiến (hoặc biên bản họp ghi nhận ý kiến) của các sở, ngành liên quan (nếu có)
3	Văn bản báo cáo hoặc trình UBND tỉnh
4	Thành phần hồ sơ như mục 5.3
<p>Hồ sơ được lưu tại phòng QLN, TTĐS & HTKT, thời gian lưu năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.</p>	

8. Quy trình Thủ tục cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Thủ tục cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước	Mã hiệu:	B-BXD--TT
		Ngày BH/.../20... .

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Nguyễn Thái Huy	Tô Bích Thủy	Trần Thanh Vũ
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên Viên	Phó phòng	Phó Giám đốc

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Thủ tục cho thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước

2. PHẠM VI

Quy trình này được áp dụng trong lĩnh vực Nhà ở và công sở.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- QLN, TTBDS & HTKT: Quản lý nhà, thị trường bất động sản và hạ tầng kỹ thuật.

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: <ul style="list-style-type: none">- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.- Quyết định số 837/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính
	<ul style="list-style-type: none">- Đối tượng được thuê, thuê mua nhà ở bao gồm: (1) Người có công với cách mạng theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng; (2) Người thu nhập thấp, hộ nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị; (3) Người lao động đang làm việc tại các doanh nghiệp trong và ngoài khu công nghiệp; (4) Sĩ quan, hạ sĩ quan nghiệp vụ, hạ sĩ quan chuyên môn kỹ thuật, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân trong cơ quan, đơn vị thuộc công an nhân dân và quân đội nhân dân; (5) Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức; (6) Các đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ; (7) Hộ gia đình, cá nhân thuộc diện bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở đáp ứng các điều kiện sau:<ul style="list-style-type: none">- Chưa có nhà ở thuộc sở hữu của mình, chưa được mua, thuê hoặc thuê mua nhà ở xã hội, chưa được hưởng chính sách hỗ trợ nhà ở, đất ở dưới mọi hình thức tại nơi sinh sống, trường hợp đã có nhà ở thuộc sở hữu của mình thì phải có diện tích bình quân trong hộ gia đình dưới 10m² sàn/người;- Phải có đăng ký thường trú tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có

	<p>nhà ở xã hội; trường hợp không có đăng ký thường trú thì phải có đăng ký tạm trú từ một năm trở lên tại tỉnh, thành phố này,</p> <p>- Đối với các đối tượng (2), (3), (4), (5) nêu trên thì phải thuộc diện không phải nộp thuế thu nhập thường xuyên theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập cá nhân; trường hợp là hộ nghèo, cận nghèo thì phải thuộc diện nghèo, cận nghèo theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.</p>			
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao	
	- Đơn đăng ký thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước;	x		
	- Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng và có đủ điều kiện về nhà ở, cư trú, thu nhập;	x		
	- Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê nhà ở xã hội (nếu có).	x		
5.4	Số lượng hồ sơ: 02 bộ			
5.5	Thời gian xử lý: 30 ngày làm việc (240 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: Không			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có).	Chuyên viên phòng chuyên môn	152 giờ

	- Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.			
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan (nếu có)	Sở, ban, ngành tỉnh	0 giờ
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ
Bước 5	- Văn phòng - Chuyển HS, văn bản UBND tỉnh	Văn thư Văn phòng Sở	08 giờ
Bước 6	Chuyển hồ sơ cho phòng, ban chuyên môn.	Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	
	Duyệt, chuyển CV xử lý.	LĐ Phòng chuyên môn	04 giờ	
	- Thẩm tra hồ sơ. - Soạn thảo văn bản. - Trình lãnh đạo.	CV Phòng chuyên môn	24 giờ	
	Duyệt trình LĐ UBND tỉnh	LĐ VP UBND tỉnh	08 giờ	
	Duyệt	Lãnh đạo UBND tỉnh	08 giờ	
	Đóng dấu. Chuyển TTHCC	Văn Thư	04 giờ	
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	08 giờ

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
----	---------	--------------

1	Phụ lục 09	- Mẫu đề nghị thuê, thuê mua nhà ở xã hội theo phụ lục số 09 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD
2	Phụ lục 13,14,,15,16	- Mẫu xác nhận đối tượng, thực trạng về nhà ở theo phụ lục số 13, 14, 15, 16 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD
3	Phụ lục 17,18	- Mẫu kê khai về thu nhập theo phụ lục số 17,18 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Quyết định phê duyệt danh sách người được thuê, thuê mua nhà ở xã hội thuộc sở hữu nhà nước.
2	Văn bản báo cáo hoặc trình UBND tỉnh
3	Thành phần hồ sơ như mục 5.3

Hồ sơ được lưu tại phòng QLN, TTBĐS & HTKT, thời gian lưu năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.

9. Quy trình Thủ tục cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Thủ tục cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước	Mã hiệu:	B- BXD- -TT
		Ngày BH/.../ 20....

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Nguyễn Thái Huy	Tô Bích Thủy	Trần Thanh Vũ
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên Viên	Phó phòng	Phó Giám đốc

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Thủ tục cho thuê nhà ở sinh viên thuộc sở hữu nhà nước

2. PHẠM VI

Quy trình này được áp dụng trong lĩnh vực Nhà ở và công sở

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- QLN, TTĐS & HTKT: Quản lý nhà, thị trường bất động sản và hạ tầng kỹ thuật.

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: <ul style="list-style-type: none">- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.- Quyết định số 837/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	Là học sinh, sinh viên đang theo học tại các cơ sở giáo dục đào tạo.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Đơn đề nghị thuê nhà ở sinh viên	x	
	- Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng ưu tiên (nếu có);	x	
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
5.5	Thời gian xử lý: 30 ngày làm việc(240 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.		

5.7	Lệ phí: Không			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	208 giờ
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan (nếu có)	Sở, ban, ngành tỉnh	0 giờ
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ
Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HCC	Văn thư Văn phòng Sở	08 giờ
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
-----------	----------------	---------------------

1	Phụ lục 10	- Đơn đề nghị thuê nhà ở sinh viên theo mẫu hướng dẫn tại phụ lục số 10 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng;
2	Phụ lục 20	- Hợp đồng thuê nhà ở sinh viên theo mẫu hướng dẫn tại phụ lục số 20 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Hợp đồng thuê nhà ở sinh viên
2	Thành phần hồ sơ như mục 5.3

Hồ sơ được lưu tại phòng QLN, TT BĐS & HTKT, thời gian lưu năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.

10. Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước	Mã hiệu:	B-BXD-- TT
		Ngày BH/.../20. ...

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Nguyễn Thái Huy	Tô Bích Thủy	Trần Thanh Vũ
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên Viên	Phó phòng	Phó Giám đốc

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Thủ tục cho thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước

2. PHẠM VI

Quy trình này được áp dụng trong lĩnh vực Nhà ở và công sở.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- QLN, TTBDS & HTKT: Quản lý nhà, thị trường bất động sản và hạ tầng kỹ thuật.

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: <ul style="list-style-type: none">- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014;- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.- Quyết định số 837/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính
	<p>Đối tượng được thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước là người đang thực tế sử dụng nhà ở và có nhu cầu tiếp tục thuê nhà ở, không chiếm dụng nhà ở trái pháp luật, bao gồm các đối tượng được bố trí sử dụng nhà ở từ trước ngày 27/11/1992 và các đối tượng sau:</p> <ul style="list-style-type: none">- Người được phân phối thuê nhà ở đối với nhà ở được cơ quan có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngân sách nhà nước từ trước ngày 27/11/1992 nhưng từ ngày 27/11/1992 mới hoàn thành xây dựng và đưa vào sử dụng.- Người đang thuê nhà ở trước ngày 27/11/1992 nhưng thuộc diện phải điều chuyển công tác và Nhà nước yêu cầu phải trả lại nhà ở đang thuê, sau đó được cơ quan nhà nước bố trí cho thuê nhà ở khác sau ngày 27/11/1992.- Người được bố trí sử dụng nhà ở hoặc nhà không có nguồn gốc là nhà ở nhưng được bố trí sử dụng trong khoảng thời gian từ ngày 27/11/1992 đến trước ngày 05/7/1994.- Người được bố trí sử dụng nhà ở hoặc nhà không có nguồn gốc là nhà ở nhưng được bố trí sử dụng trong khoảng thời gian từ ngày 05/7/1994 đến trước ngày

	19/01/2007.			
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao	
	- Đơn đề nghị thuê nhà ở cũ;	x		
	- Giấy tờ chứng minh việc sử dụng nhà ở;	x		
	- Bản sao Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu đang còn giá trị hoặc Thẻ quân nhân của người có đơn đề nghị thuê nhà ở; trường hợp là vợ chồng phải có thêm bản sao có chứng thực sổ hộ khẩu gia đình hoặc giấy đăng ký kết hôn;	x		
	- Bản sao giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền thuê nhà ở (nếu có).	x		
5.4	Số lượng hồ sơ: 02 bộ			
5.5	Thời gian xử lý: 30 ngày làm việc (240 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: Không			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ

	<ul style="list-style-type: none"> - Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt. 	Chuyên viên phòng chuyên môn	152 giờ
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan (nếu có)	Sở, ban, ngành tỉnh	0 giờ
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ
Bước 5	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng - Chuyển HS, văn bản UBND tỉnh 	Văn thư Văn phòng Sở	08 giờ
Bước 6	Chuyển hồ sơ cho phòng, ban chuyên môn.	Văn phòng UBND tỉnh	04 giờ	
	Duyệt, chuyển CV xử lý.	LĐ Phòng chuyên môn	04 giờ	
	<ul style="list-style-type: none"> - Thẩm tra hồ sơ. - Soạn thảo văn bản. - Trình lãnh đạo. 	CV Phòng chuyên môn	24 giờ	
	Duyệt trình LĐ UBND tỉnh	LĐ VP UBND tỉnh	08 giờ	
	Duyệt	Lãnh đạo UBND tỉnh	08 giờ	
	Đóng dấu. Chuyển TTHCC	Văn Thư	04 giờ	
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	08 giờ

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Phụ lục 11	- Đơn đề nghị thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước theo mẫu hướng dẫn tại phụ lục số 11 ban hành kèm theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Quyết định đối tượng được thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước
2	Văn bản báo cáo hoặc trình UBND tỉnh
3	Thành phần hồ sơ như mục 5.3

Hồ sơ được lưu tại phòng QLN, TTBDS & HTKT, thời gian lưu năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.

11. Quy trình Thủ tục Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước do UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Thủ tục Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước do UBND cấp tỉnh, cấp huyện quyết định việc đầu tư	Mã hiệu:	B-BXD-- TT
		Ngày BH/.../2 0...

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Huỳnh Minh Dương	Nguyễn Quốc Cường	Nguyễn Thị Minh Thúy
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Trưởng phòng	Giám đốc

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước thuộc Lĩnh vực Nhà ở và công sở.

2. PHẠM VI

Quy trình này được áp dụng trong Lĩnh vực Nhà ở và công sở.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- QLN, TT BĐS & HTKT: Quản lý nhà, thị trường bất động sản và hạ tầng kỹ thuật.

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: <ul style="list-style-type: none">– Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014.– Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật nhà ở.– Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.– Quyết định số 837/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng..
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính
	<ul style="list-style-type: none">- Điều kiện 1: Người đề nghị mua nhà ở cũ phải thuộc các đối tượng được bố trí nhà ở (như mục 8.10 Thủ tục thuê nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước).-Điều kiện 2:<ul style="list-style-type: none">- Người mua nhà ở cũ có hợp đồng thuê và có tên trong hợp đồng thuê nhà ở này, trường hợp có nhiều thành viên cùng đứng tên trong hợp đồng thì các thành viên này phải thỏa thuận cử người đại diện đứng tên để ký hợp đồng mua nhà ở với cơ quan quản lý nhà ở;- Đã đóng tiền thuê nhà đầy đủ theo quy định trong hợp đồng thuê nhà ở và đóng đầy đủ các chi phí quản lý vận hành nhà ở tính đến thời điểm ký hợp đồng mua bán nhà ở;- Phải có đơn đề nghị mua nhà ở cũ;

	- Nhà ở không thuộc phải không thuộc diện đang có tranh chấp, khiếu kiện.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Đơn đề nghị mua nhà ở cũ;	X	
	- Bản sao Giấy chứng minh nhân dân hoặc Thẻ căn cước công dân hoặc hộ chiếu đang còn giá trị hoặc Thẻ quân nhân của người đề nghị mua nhà ở; trường hợp là vợ chồng thì phải có thêm bản sao có chứng thực hộ khẩu gia đình hoặc Giấy đăng ký kết hôn;		X
	- Hợp đồng thuê nhà ở được lập hợp pháp; giấy tờ chứng minh đã nộp đủ tiền thuê nhà ở và chi phí quản lý vận hành nhà ở đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mua nhà ở.		X
	- Trường hợp người có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã xuất cảnh ra nước ngoài thì phải có văn bản ủy quyền (có xác nhận của cơ quan công chứng hoặc chứng thực theo quy định) cho các thành viên khác đứng tên mua nhà ở; nếu có thành viên có tên trong hợp đồng thuê nhà ở đã chết thì phải có giấy chứng tử kèm theo		X
	- Trong trường hợp có thành viên thuê nhà ở khước từ quyền mua và đứng tên trong Giấy chứng nhận thì phải có văn bản khước từ quyền mua, không đứng tên trong Giấy chứng nhận và cam kết không có tranh chấp, khiếu kiện về việc mua bán nhà ở này;		X
	- Giấy tờ chứng minh thuộc đối tượng được miễn, giảm tiền mua nhà ở (nếu có).		X
5.4	Số lượng hồ sơ: 06 bộ		
5.5	Thời gian xử lý: 45 ngày làm việc(360 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.		
5.7	Lệ phí: Không		

5.8 Quy trình xử lý công việc:				
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	200 giờ
Bước 3	Thành viên hội đồng định giá gồm Sở KH & ĐT, Sở Tài chính, Sở TNMT, Cục thuế tỉnh và cá sơ ngành có liên quan (nếu có)	Sở, ban, ngành tỉnh	56 giờ
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ
Bước 5	- Văn phòng - Chuyển HS, văn bản UBND tỉnh	Văn thư Văn phòng Sở	08 giờ
Bước 6	Chuyển hồ sơ cho phòng, ban chuyên môn.	Văn phòng UBND tỉnh	08 giờ	
	Duyệt, chuyển CV xử lý.	LĐ Phòng chuyên môn	08 giờ	
	- Thẩm tra hồ sơ. - Soạn thảo văn bản.	CV Phòng chuyên môn	40 giờ	

	- Trình lãnh đạo.			
	Duyệt trình LĐ UBND tỉnh	LĐ VP UBND tỉnh	08 giờ	
	Duyệt	Lãnh đạo UBND tỉnh	04 giờ	
	Đóng dấu. Chuyển TTHCC	Văn Thư	04 giờ	
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 12	Đơn đề nghị mua nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước bà hành theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.
2	Mẫu số 22	Hợp đồng mua bán nhà ở cũ thuộc sở hữu nhà nước bà hành theo Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Quyết định/Văn bản cho phép (hoặc không cho phép) chuyển nhượng dự án bất động sản.
2	Văn bản ý kiến (hoặc biên bản họp ghi nhận ý kiến) của các sở, ngành liên quan
3	Văn bản báo cáo hoặc trình UBND tỉnh
4	Thành phần hồ sơ như mục 5.3

Hồ sơ được lưu tại phòng QLN, TTĐDS & HTKT, thời gian lưu 02 năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.

12. Quy trình Thủ tục công nhận hạng/công nhận lại hạng nhà chung cư.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Thủ tục công nhận hạng/công nhận lại hạng nhà chung cư	Mã hiệu:	B-BXD-- TT
		Ngày BH/.../2 0....

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Huỳnh Minh Dương	Nguyễn Quốc Cường	Nguyễn Thị Minh Thúy
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Trưởng phòng	Giám đốc

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Thủ tục công hạng/công nhận lại hạng nhà chung cư tư

2. PHẠM VI

Quy trình này được áp dụng trong lĩnh vực Lĩnh vực Nhà ở và công sở.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- QLN, TT BĐS & HTKT: Quản lý nhà, thị trường bất động sản và hạ tầng kỹ thuật.

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: <ul style="list-style-type: none">- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014.- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP - Quyết định số 1290/QĐ-BXD ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở, vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng, kiến trúc quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính
	a) Việc công nhận hạng/công nhận lại hạng nhà chung cư phải đảm bảo các yêu cầu sau đây: <ul style="list-style-type: none">- Có đề nghị của tổ chức, cá nhân theo quy định;- Nhà chung cư được xây dựng phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; theo đúng Giấy phép xây dựng được cấp (đối với trường hợp yêu cầu phải có Giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng);- Nhà chung cư phải đảm bảo tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà chung cư và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia khác có liên quan;- Nhà chung cư đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng theo đúng quy định của pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng và pháp luật có liên quan, đã được bàn giao đưa vào sử dụng và không vi phạm các quy định của pháp luật tại thời

	<p>điểm nộp hồ sơ đề nghị công nhận hạng;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhà chung cư phải không thuộc diện bị phá dỡ, không thuộc khu vực đã có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. <p>b) Nhà chung cư đáp ứng đầy đủ các yêu cầu được nêu tại điểm a mục này được phân thành 03 hạng nếu đạt các tiêu chí như sau, để làm cơ sở cho việc công nhận hạng/công nhận lại hạng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạng A: đạt tối thiểu 18 trên tổng số 20 tiêu chí theo hướng dẫn tại phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD. - Hạng B: đạt tối thiểu 18 trên tổng số 20 tiêu chí theo hướng dẫn tại phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD. - Hạng C: không đạt đủ tiêu chí để công nhận hạng A và hạng B. 		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	– Đơn đề nghị công nhận hạng/công nhận lại hạng nhà chung cư theo mẫu quy định tại Phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD;	x	
	– Bản sao có chứng thực Giấy phép xây dựng nhà chung cư (đối với nhà chung cư thuộc diện phải có Giấy phép xây dựng);		x
	– Bản sao có chứng thực quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hoặc văn bản chấp thuận tổng mặt bằng khu vực có nhà chung cư (đối với trường hợp không phải lập quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500) kèm theo bản vẽ tổng mặt bằng nhà chung cư đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;		x
	– Bản sao có chứng thực văn bản thẩm định của cơ quan có thẩm quyền kèm theo bản vẽ thiết kế cơ sở nhà chung cư theo quy định của pháp luật về xây dựng;		x
	<p>– Bản sao có chứng thực văn bản thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình nhà chung cư của cơ quan chuyên môn về xây dựng.</p> <p><i>Trường hợp nhà chung cư được nghiệm thu đưa vào sử dụng trước thời điểm Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 6/2/2013 của Chính phủ về</i></p>		x

	<p><i>quản lý chất lượng công trình xây dựng có hiệu lực thi hành, nếu không có Bản sao có chứng thực văn bản thông báo kết quả kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình nhà chung cư của cơ quan chuyên môn về xây dựng thì có thể nộp các giấy tờ khác thay thế như: Hồ sơ nghiệm thu chất lượng toàn bộ công trình, Biên bản nghiệm thu công trình xây dựng hoàn thành, Biên bản tổng nghiệm thu bàn giao công trình theo quy định của pháp luật tại thời điểm công trình được đưa vào sử dụng (quy định tại các Quyết định của Bộ Xây dựng ban hành trong từng thời điểm);</i></p>			
	<p>– Bản tự kê khai, đánh giá phân hạng nhà chung cư của tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận hạng nhà chung cư theo mẫu hướng dẫn tham khảo quy định tại phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD.</p>			
5.4	Số lượng hồ sơ: 04 bộ			
5.5	Thời gian xử lý: 15 ngày làm việc (120 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: Theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có nhà chung cư.			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	<p>- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC)</p> <p>- Chuyển hồ sơ về Sở.</p>	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	<p>- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả.</p> <p>- Chuyển hồ sơ.</p>

Bước 2	Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ chuyển lãnh đạo phòng.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ
Bước 3	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	64 giờ
Bước 4	Biên bản kiểm tra hiện trạng gồm, Sở Tài chính và cá sở ngành có liên quan (nếu có)	Sở, ban, ngành tỉnh	16 giờ
Bước 5	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ
Bước 6	- Văn phòng - Đóng dấu, Chuyển HS	Văn thư Văn phòng Sở	08 giờ
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HHC	04 giờ

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1		Đơn đề nghị công nhận hạng nhà chung cư Theo Quyết định số 1290/QĐ-BXD ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở, vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng, kiến trúc quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
2		Mẫu bản tư kê khai đánh giá phân hạng nhà chung cư Theo Quyết định số 1290/QĐ-BXD ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực

		nhà ở, vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng, kiến trúc quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
--	--	---

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Quyết định/Văn bản cho phép (hoặc không cho phép) công nhận hạn nhà chung cư.
2	Văn bản ý kiến (hoặc biên bản họp ghi nhận ý kiến) của các sở, ngành liên quan
3	Văn bản báo cáo hoặc trình UBND tỉnh
4	Các chứng từ hoàn thành nghĩa vụ thuế
5	Thành phần hồ sơ như mục 5.3
<p>Hồ sơ được lưu tại phòng QLN, TTBĐS & HTKT, thời gian lưu năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.</p>	

13. Quy trình Thủ tục công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Thủ tục công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư	Mã hiệu:	B-BXD--TT
		Ngày BH/.../20... .

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên	Huỳnh Minh Dương	Nguyễn Quốc Cường	Nguyễn Thị Minh Thúy
Chữ ký			
Chức vụ	Chuyên viên	Trưởng phòng	Giám đốc

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Thủ tục công hạng/công nhận lại hạng nhà chung cư tư

2. PHẠM VI

Quy trình này được áp dụng trong lĩnh vực Lĩnh vực Nhà ở và công sở.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- QLN, TTĐS & HTKT: Quản lý nhà, thị trường bất động sản và hạ tầng kỹ thuật.

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: <ul style="list-style-type: none">- Luật Nhà ở số 65/2014/QH13 ngày 25/11/2014.- Nghị định số 99/2015/NĐ-CP ngày 20/10/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Nhà ở.- Thông tư số 19/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện một số nội dung của Luật Nhà ở và Nghị định số 99/2015/NĐ-CP - Quyết định số 1290/QĐ-BXD ngày 27 tháng 12 năm 2017 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở, vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng, kiến trúc quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính
	a) Việc công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư phải đảm bảo các yêu cầu sau đây: <ul style="list-style-type: none">- Có đề nghị của tổ chức, cá nhân theo quy định;- Nhà chung cư được xây dựng phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; theo đúng Giấy phép xây dựng được cấp (đối với trường hợp yêu cầu phải có Giấy phép xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng);- Nhà chung cư phải đảm bảo tuân thủ quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà chung cư và các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia khác có liên quan;- Nhà chung cư đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng theo đúng quy định của pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng và pháp luật có liên quan, đã được bàn giao đưa vào sử dụng và không vi phạm các quy định của pháp luật tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị công nhận hạng;- Nhà chung cư phải không thuộc diện bị phá dỡ, không thuộc khu vực đã

	<p>có quyết định thu hồi đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.</p> <p>b) Nhà chung cư đáp ứng đầy đủ các yêu cầu được nêu tại điểm a mục này được phân thành 03 hạng nếu đạt các tiêu chí như sau để làm căn cứ công nhận điều chỉnh hạng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hạng A: đạt tối thiểu 18 trên tổng số 20 tiêu chí theo hướng dẫn tại phụ lục số 01 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD. - Hạng B: đạt tối thiểu 18 trên tổng số 20 tiêu chí theo hướng dẫn tại phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD. - Hạng C: không đạt đủ tiêu chí để công nhận hạng A và hạng B. <p>c) Quyết định công nhận hạng nhà chung cư chưa hết thời hạn theo quy định.</p>			
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao	
	– Đơn đề nghị điều chỉnh hạng nhà chung cư theo mẫu quy định tại phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD;	x		
	– Bản tự kê khai, đánh giá phân hạng nhà chung cư của tổ chức, cá nhân đề nghị điều chỉnh hạng nhà chung cư theo mẫu quy định tại phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD	x		
	– Bản sao có chứng thực quyết định công nhận hạng nhà chung cư đang còn thời hạn.		x	
5.4	Số lượng hồ sơ: 04 bộ			
5.5	Thời gian xử lý: 15 ngày làm việc (120 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.			
5.7	Lệ phí: Theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi có nhà chung cư.			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả

Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang (TTPV HCC) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ	- Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Lãnh đạo Sở xem xét hồ sơ chuyển lãnh đạo phòng.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ
Bước 3	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt.	Chuyên viên phòng chuyên môn	64 giờ
Bước 4	Biên bản kiểm tra hiện trạng gồm, Sở Tài chính và cá sở ngành có liên quan (nếu có)	Sở, ban, ngành tỉnh	16 giờ
Bước 5	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo Sở phê duyệt.	Giám đốc Sở (hoặc Phó GD phụ trách)	08 giờ
Bước 6	- Văn phòng - Đóng dấu, Chuyển HS	Văn thư Văn phòng Sở	08 giờ
Bước 7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HCC	04 giờ

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1		Đơn đề nghị công nhận điều chỉnh hạng nhà chung cư theo mẫu quy định tại phụ lục số 03 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD.

2	Bản tự kê khai, đánh giá phân hạng nhà chung cư của tổ chức, cá nhân đề nghị công nhận hạng nhà chung cư theo mẫu quy định tại phụ lục số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 31/2016/TT-BXD.
---	--

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Quyết định/Văn bản cho phép (hoặc không cho phép) công nhận hạng nhà chung cư.
2	Văn bản ý kiến (hoặc biên bản họp ghi nhận ý kiến) của các sở, ngành liên quan
3	Văn bản báo cáo hoặc trình UBND tỉnh
4	Các chứng từ hoàn thành nghĩa vụ thuế (nếu có)
5	Thành phần hồ sơ như mục 5.3
<p>Hồ sơ được lưu tại phòng QLN, TT BĐS & HTKT, thời gian lưu năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.</p>	

PHỤ LỤC 2
QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CÁC HUYỆN,
THỊ XÃ, THÀNH PHỐ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 322/QĐ-UBND ngày 17 tháng 02 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

I. Lĩnh vực Quy hoạch xây dựng - kiến trúc

1. Quy trình thẩm định đồ án, đồ án điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Thẩm định nhiệm vụ (nhiệm vụ điều chỉnh) quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện	Mã hiệu:	B-BXD-- TT
		Ngày BH/.../20. ...

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, điều kiện để thực hiện nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.

2. PHẠM VI

Áp dụng cho các tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- BPTN&TKQ: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.
- QLĐT: Quản lý đô thị.
- KTHT: Kinh tế hạ tầng.
- CV: Chuyên viên
- QH: Quy hoạch
- QHCT: Quy hoạch chi tiết

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: <ul style="list-style-type: none">- Luật Xây dựng.- Luật Quy hoạch đô thị.- Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ ban hành về thẩm
------------	---

	<p>định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 44/2015 /NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng. - Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị. - Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù. - Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị. - Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được chuẩn hóa; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực Quy hoạch - Kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. 		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	<p>5.2.1. Dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.</p> <p>5.2.2. Nội dung nhiệm vụ quy hoạch xây dựng phải bảo đảm các yêu cầu chung sau đây: phải xác định giới hạn về chỉ tiêu sử dụng đất, dân số; yêu cầu, nguyên tắc về tổ chức không gian kiến trúc, hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật trong khu vực lập quy hoạch, bảo đảm phù hợp với quy hoạch chung, quy hoạch phân khu đã được phê duyệt và khu vực xung quanh; yêu cầu đánh giá môi trường chiến lược; danh mục, số lượng hồ sơ, sản phẩm, tiến độ và tổ chức thực hiện; tổng dự toán kinh phí lập quy hoạch phân khu đô thị.</p>		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1 Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, (nhiệm vụ điều chỉnh) đồ án quy hoạch chi tiết.	02 bản	
	<p>5.3.2 Thuyết minh:</p> <p>a) Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch; phạm vi ranh giới, diện tích, chức năng, sơ bộ hiện trạng khu vực lập quy hoạch chi tiết. Quy hoạch chi tiết phải thống nhất, cụ thể hóa quy hoạch phân khu đã được phê duyệt.</p> <p>b) Đánh giá sơ bộ hiện trạng, xác định những vấn đề, nội dung cơ bản cần giải quyết trong đồ án quy</p>		

	<p>hoạch chi tiết.</p> <p>c) Dự kiến các chỉ tiêu cơ bản áp dụng trong đồ án về quy mô dân số, nhu cầu sử dụng đất, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật trên cơ sở các quy định của quy hoạch phân khu, quy hoạch chung đô thị đã được phê duyệt.</p> <p>d) Yêu cầu cụ thể về việc điều tra khảo sát hiện trạng và thu thập tài liệu.</p> <p>đ) Dự kiến các hạng mục công trình cần đầu tư xây dựng trong khu vực lập quy hoạch chi tiết đô thị; xác định các yêu cầu đối với việc nghiên cứu tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan, sử dụng đất, kết nối hạ tầng kỹ thuật và những yêu cầu khác.</p> <p>e) Xác định danh mục bản vẽ, thuyết minh, phụ lục kèm theo; số lượng, quy cách của sản phẩm hồ sơ đồ án; kế hoạch và tiến độ tổ chức lập quy hoạch.</p>		
	<p>5.3.3 Các bản vẽ in màu thu nhỏ bao gồm: Sơ đồ vị trí khu vực quy hoạch trích từ quy hoạch phân khu hoặc quy hoạch chung đô thị đã được phê duyệt theo tỷ lệ thích hợp và bản đồ ranh giới, phạm vi nghiên cứu, quy mô khu vực lập quy hoạch chi tiết đô thị. Thể hiện trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500;</p>		
	<p>5.3.4 Dự thảo Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch. (<i>Dự thảo nội dung quyết định phê duyệt nhiệm vụ: nêu đầy đủ các nội dung về phạm vi ranh giới, diện tích khu vực lập quy hoạch chi tiết; các chỉ tiêu cơ bản về dân số, đất đai, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật; các yêu cầu và nguyên tắc về không gian, kiến trúc, cảnh quan, kết nối hạ tầng kỹ thuật và những yêu cầu nghiên cứu khác; danh mục các hạng mục công trình cần đầu tư xây dựng trong khu vực quy hoạch; danh mục hồ sơ đồ án.</i>)</p>		
	<p>5.3.5 Tổng hợp lấy ý kiến nhiệm vụ quy hoạch;</p>		
	<p>5.3.6 Các văn bản pháp lý có liên quan</p>		
5.4	Số lượng hồ sơ: 03 bộ.		
5.5	Thời gian xử lý: 35 ngày làm việc (280 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		

5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.			
5.7	- Lệ phí: Chi phí thẩm định nhiệm vụ quy hoạch được xác định bằng 20% so với chi phí lập nhiệm vụ quy hoạch quy định tại Bảng số 11, phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 35 (ngày làm việc) x 08 giờ = 280 giờ.			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (BPTN&TKQ) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại BPTN&TKQ	04 giờ	- Phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Phiếu Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng QLĐT hoặc KTHT	04 giờ	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo Tờ trình.	Chuyên viên phòng chuyên môn	132 giờ	Dự thảo Tờ trình trình UBND huyện hoặc văn bản hướng dẫn
Bước 3	Lãnh đạo phòng xem xét ký Tờ trình hoặc Văn bản	Trưởng phòng (hoặc Phó Trưởng phòng phụ trách)	12 giờ	Tờ trình trình UBND huyện hoặc văn bản hướng dẫn
Bước 4	Trình UBND huyện ban hành Quyết định phê duyệt	UBND huyện	120 giờ	Quyết định phê duyệt.
Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho BPTN&TKQ	Văn thư Văn phòng UBND huyện	04 giờ	Quyết định hoặc Văn bản
Bước	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại	04 giờ	Quyết định

6		BPTN&TKQ		hoặc Văn bản
----------	--	----------	--	--------------

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1		Theo mẫu tại Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Quyết định phê duyệt nhiệm vụ, (nhiệm vụ điều chỉnh) đồ án quy hoạch chi tiết.
2	Thuyết minh nhiệm vụ, (nhiệm vụ điều chỉnh) đồ án quy hoạch chi tiết.
3	Các hồ sơ pháp lý có liên quan tại thành phần hồ sơ đầu vào.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó, chuyển lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.

2. Quy trình thẩm định nhiệm vụ, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Thẩm định đồ án (đồ án điều chỉnh) quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của Ủy ban nhân dân huyện	Mã hiệu:	B- BXD- -TT
		Ngày BH/.../ 20....

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần	Ngày ban hành

	quan việc sửa đổi		sửa đổi	
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, thủ tục, điều kiện để thực hiện **đồ án (đồ án điều chỉnh)** quy hoạch chi tiết của dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.

2. PHẠM VI

Áp dụng cho các tổ chức thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- BPTN&TKQ: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.
- QLĐT: Quản lý đô thị.
- KTHT: Kinh tế hạ tầng.
- CV: Chuyên viên
- QH: Quy hoạch
- QHCT: Quy hoạch chi tiết

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	<p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng. - Luật Quy hoạch đô thị. - Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ ban hành về thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng. - Nghị định số 44/2015 /NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.
------------	--

	<p>- Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị.</p> <p>- Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.</p> <p>- Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.</p> <p>- Quyết định số 835/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được chuẩn hóa; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực Quy hoạch - Kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</p>
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính
	<p>5.2.1. Dự án đầu tư xây dựng công trình theo hình thức kinh doanh thuộc thẩm quyền phê duyệt của UBND cấp huyện.</p> <p>5.2.2. Quy hoạch xây dựng phải bảo đảm các yêu cầu chung sau đây:</p> <p>a) Phân tích, đánh giá các điều kiện tự nhiên, thực trạng đất xây dựng, dân cư, xã hội, kiến trúc, cảnh quan, hạ tầng kỹ thuật; các quy định của quy hoạch chung, quy hoạch phân khu có liên quan đến khu vực quy hoạch.</p> <p>b) Xác định chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị, hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật cho toàn khu vực quy hoạch.</p> <p>c) Quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất: xác định chức năng, chỉ tiêu sử dụng đất quy hoạch đô thị về mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, tầng cao công trình, khoảng lùi công trình đối với tầng lô đất và trục đường; vị trí, quy mô các công trình ngầm (nếu có).</p> <p>d) Xác định chiều cao, cốt sàn và trần tầng một; hình thức kiến trúc, hàng rào, màu sắc, vật liệu chủ đạo của các công trình và các vật thể kiến trúc khác cho từng lô đất; tổ chức cây xanh công cộng, sân vườn, cây xanh đường phố và mặt nước trong khu vực quy hoạch.</p> <p>đ) Quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị: Hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị được bố trí đến mạng lưới đường nội bộ, bao gồm các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định cốt xây dựng đối với từng lô đất; - Xác định mạng lưới giao thông (kể cả đường đi bộ nếu có), mặt cắt, chỉ giới đường đỏ và chỉ giới xây dựng; xác định và cụ thể hóa quy hoạch chung, quy hoạch phân khu về vị trí, quy mô bến, bãi đỗ xe (trên cao, trên mặt đất và ngầm); - Xác định nhu cầu và nguồn cấp nước; vị trí, quy mô công trình nhà máy, trạm bơm nước; mạng lưới đường ống cấp nước và các thông số kỹ thuật chi tiết; - Xác định nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp năng lượng; vị trí, quy mô các trạm điện phân phối; mạng lưới đường dây trung thế, hạ thế và chiếu sáng đô

thị;

- Xác định nhu cầu và mạng lưới thông tin liên lạc;

- Xác định lượng nước thải, rác thải; mạng lưới thoát nước; vị trí, quy mô các công trình xử lý nước bẩn, chất thải.

e) Đánh giá môi trường chiến lược:

- Đánh giá hiện trạng môi trường về điều kiện địa hình; các vấn đề xã hội, văn hóa, cảnh quan thiên nhiên;

- Phân tích, dự báo những tác động tích cực và tiêu cực ảnh hưởng đến môi trường; đề xuất hệ thống các tiêu chí bảo vệ môi trường để đưa ra các giải pháp quy hoạch không gian, kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật tối ưu cho khu vực quy hoạch;

- Đề ra các giải pháp cụ thể giảm thiểu, khắc phục tác động đến môi trường đô thị khi triển khai thực hiện quy hoạch;

- Lập kế hoạch giám sát môi trường về kỹ thuật, quản lý và quan trắc môi trường.

d) Các bản vẽ phải thể hiện trên nền hiện trạng địa hình hoặc địa chính mới đo đạc hoặc mới cập nhật bổ sung;

đ) Màu sắc, đường nét, ký hiệu phù hợp theo quy định tại của hệ thống ký hiệu kèm theo Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng.

- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

+ Căn cứ Luật Xây dựng;

+ Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị;

+ Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 7/4/2010 của Chính phủ ban hành về thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

+ Căn cứ Nghị định số 44/2015 /NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

+ Căn cứ Thông tư số 01/2011/TT-BXD ngày 27/01/2011 của Bộ Xây dựng hướng dẫn đánh giá môi trường chiến lược trong đồ án quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị;

+ Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

+ Căn cứ Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

* **Lưu ý:** Đối với dự án đầu tư xây dựng do một chủ đầu tư tổ chức thực hiện có quy mô nhỏ hơn 5ha (nhỏ hơn 2ha đối với dự án nhà ở chung cư) thì chủ đầu tư có thể lập bản vẽ tổng mặt bằng tỷ lệ 1/500 gửi đến Sở Xây dựng thẩm định và phê duyệt trước khi triển khai dự án.

5.3

Thành phần hồ sơ

Bản
chính

Bản sao

	5.3.1 Tờ trình đề nghị thẩm định, phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết chủ đầu tư - (02 bản chính).	02 bản	
	5.3.2 Thuyết minh tổng hợp có kèm theo bản vẽ in màu thu nhỏ khổ A3 và các văn bản pháp lý có liên quan - (02 bản chính).		
	<p>5.3.3 Bản đồ quy hoạch (05 bản chính):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sơ đồ vị trí và giới hạn khu đất, tỷ lệ 1/2.000 hoặc 1/5.000 . - Bản đồ hiện trạng kiến trúc cảnh quan và đánh giá đất xây dựng, tỷ lệ 1/500. - Các bản đồ hiện trạng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/500. - Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, tỷ lệ 1/500. - Sơ đồ tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan, tỷ lệ 1/500. - Bản đồ quy hoạch giao thông, chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng và hành lang bảo vệ các tuyến hạ tầng kỹ thuật, tỷ lệ 1/500. - Các bản đồ quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật và môi trường, tỷ lệ 1/500. - Bản đồ tổng hợp đường dây, đường ống kỹ thuật, tỷ lệ 1/500. - Bản đồ đánh giá môi trường chiến lược, tỷ lệ 1/500. 		
	5.3.4 Dự thảo Tờ trình và Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch - (01 bản).		
	5.3.5 Dự thảo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch chi tiết - (01 bản).		
	5.3.6 Tổng hợp lấy ý kiến đồ án quy hoạch		
	5.3.7 Các văn bản pháp lý có liên quan		
	5.3.8 Đĩa CD lưu trữ toàn bộ hồ sơ đồ án quy hoạch bao gồm thuyết minh, bản vẽ và Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch - (01 đĩa).		

5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
5.5	Thời gian xử lý: 35 ngày làm việc (280 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.			
5.7	- Lệ phí: Thu lệ phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 05/2017/TT-BXD ngày 05/4/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 35 (ngày làm việc) x 08 giờ = 280 giờ.			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (BPTN&TKQ) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại BPTN&TKQ	04 giờ	- Phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Phiếu Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng QLĐT hoặc KTHT	04 giờ	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo Tờ trình.	Chuyên viên phòng chuyên môn	132 giờ	Dự thảo Tờ trình trình UBND huyện hoặc văn bản hướng dẫn
Bước 3	Lãnh đạo phòng xem xét ký Tờ trình hoặc Văn bản	Trưởng phòng (hoặc Phó Trưởng phòng phụ trách)	12 giờ	Tờ trình trình UBND huyện hoặc văn bản hướng dẫn
Bước 4	Trình UBND huyện ban hành Quyết định phê duyệt	UBND huyện	120 giờ	Quyết định phê duyệt.
Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho BPTN&TKQ	Văn thư Văn phòng UBND huyện	04 giờ	Quyết định hoặc Văn bản

Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại BPTN&TKQ	04 giờ	Quyết định hoặc Văn bản
-------------------	----------------------------------	--------------------------------	--------	----------------------------

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1		Theo biểu mẫu tại Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Quyết định phê duyệt đồ án (đồ án điều chỉnh) quy hoạch chi tiết.
2	Thuyết minh và bản vẽ đồ án quy hoạch chi tiết đã được phê duyệt.
3	Các hồ sơ pháp lý có liên quan tại thành phần hồ sơ đầu vào.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó, chuyển lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.

II. Lĩnh vực hoạt động xây dựng

1. Quy trình Cấp giấy phép di dời đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Uy trình Cấp giấy phép di dời đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh	Mã hiệu:	B-BXD-- TT
		Ngày BH/.../20. ...

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần	Ngày ban hành
--------------------------	-------------------	------------------------	--------------------	---------------

	quan việc sửa đổi		sửa đổi	
.....				

1. MỤC ĐÍCH

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) và các cá nhân, tổ chức tư vấn khảo sát, thiết kế, nhà thầu xây dựng biết và chấp hành đúng quy định pháp luật về quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch, đồng thời thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong lĩnh vực xây dựng có liên quan.

2. Quản lý xây dựng theo quy hoạch và các quy định pháp luật khác có liên quan; bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa, các công trình kiến trúc có giá trị; phát triển kiến trúc mới, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc và sử dụng có hiệu quả đất đai xây dựng công trình.

3. Làm căn cứ pháp lý thống nhất về trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng và việc thực hiện giấy phép xây dựng như: giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình của chủ đầu tư (cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng chỉ kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư đối với các công trình, hạng mục công trình quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, sau đây gọi tắt là Nghị định số 46/2015/NĐ-CP), lập biên bản nghiệm thu bàn giao công trình, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và đưa công trình vào sử dụng.

2. PHẠM VI

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng có nhu cầu xin giấy phép di dời đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- BPTN&TKQ: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.

- QLĐT: Quản lý đô thị.
- KTHT: Kinh tế hạ tầng.
- CV: Chuyên viên
- QH: Quy hoạch
- QHCT: Quy hoạch chi tiết

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	<p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; + Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; + Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; + Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều về các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường; + Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; + Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; + Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng; + Thông tư số 05/2015/TT-BXD ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và bảo trì nhà ở riêng lẻ; + Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; + Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; + Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép tư xây dựng; + Quyết định số 87/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang thực hiện Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 2 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu,
------------	--

	<p>nộp các loại lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến quyền và nghĩa vụ công dân; quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang. + Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. + Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính
	<ul style="list-style-type: none"> + Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành; + Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt. + Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh. + Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 59/2016/NĐ-CP). + Công trình xây dựng cấp đặc biệt, cấp I trong đô thị phải có thiết kế tầng hầm theo yêu cầu của đồ án quy hoạch đô thị và Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt. + Thiết kế phải được tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định thực hiện và phải được thẩm định theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2016/NĐ-CP.

5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1. Bản chính đơn đề nghị cấp giấy phép di dời công trình (theo Mẫu tại phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang).	01 bản	
	5.3.2. Bản sao (có chứng thực của UBND xã, phường, thị trấn; nếu không có chứng thực thì phải mang theo bản chính để đối chiếu tại nơi tiếp nhận hồ sơ) một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất nơi công trình đang tồn tại và nơi công trình sẽ di dời tới và giấy tờ hợp pháp về sở hữu công trình.		01 bản
	5.3.3. Bản vẽ (bản chính) thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng: - Bản vẽ tổng mặt bằng, nơi công trình sẽ được di dời tới tỷ lệ 1/50 - 1/500. - Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/100 - 1/200, mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 tại địa điểm công trình sẽ di dời tới.	02 bộ bản vẽ	
	5.3.4. Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả khảo sát đánh giá chất lượng hiện trạng của công trình do tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực thực hiện.	01 bản	
	5.3.5. Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính phương án di dời theo quy định tại Khoản 5 Điều 97 Luật Xây dựng 2014. Cụ thể như sau: a) Phần thuyết minh về hiện trạng công trình và khu vực công trình sẽ được di dời đến; giải pháp di dời, phương án bố trí sử dụng phương tiện, thiết bị, nhân lực; giải pháp bảo đảm an toàn cho công trình, người, máy móc, thiết bị và công trình lân cận; bảo đảm vệ sinh môi trường; tiến độ di dời; tổ chức, cá nhân thực hiện di dời công trình;	01 bản	

	b) Phần bản vẽ biện pháp thi công di dời công trình		
	5.3.6. Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế theo mẫu tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND, kèm theo bản sao chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, đối với công trình chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế.	01 bản	
	5.3.7. Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với công trình theo quy định phải được thẩm định thiết kế.		01 bản
	5.3.8. Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn cho công trình và công trình lân cận đối với công trình xây chen, có tầng hầm (Mẫu bản cam kết của chủ đầu tư theo Mẫu số 5 Phụ lục 5 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND).	01 bản	
	5.3.9. Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (PCCC) và các bản vẽ thiết kế kỹ thuật công trình, bản vẽ hệ thống PCCC tỷ lệ 1/50 - 1/200, phải được cơ quan Cảnh sát PCCC đóng dấu đã thẩm duyệt về PCCC (theo quy định tại Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND).		01 bản
	5.3.10. Đối với công trình thuộc danh mục lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường: phải có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc thông báo xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường (theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều về các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường).		01 bản
	5.3.11. Văn bản chấp thuận của tổ chức có thẩm	01 bản	

	quyền thế chấp đối với các trường hợp nhà, đất đang thế chấp.			
	5.3.12. Văn bản phê duyệt biện pháp thi công của chủ đầu tư đảm bảo an toàn cho công trình và công trình lân cận, đối với công trình xây chen có tầng hầm	01 bản		
	5.3.13. Đối với các công trình di tích lịch sử, văn hóa và danh lam, thắng cảnh đã được xếp hạng, thì phải có bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo phân cấp.			01 bản
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
5.5	Thời gian xử lý: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (sớm hơn Luật Xây dựng 10 ngày).			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.			
5.7	- Lệ phí: + 75.000 đồng/giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ. + 150.000 đồng/giấy phép xây dựng công trình khác.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 20 (ngày làm việc) x 08 giờ = 160 giờ.			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (BPTN&TKQ) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại BPTN&TKQ	04 giờ	- Phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Phiếu Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng QLĐT hoặc KTHT	04 giờ	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có).	Chuyên viên phòng chuyên	92 giờ	Thẩm định hồ sơ CPXD hoặc

	- Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo Tờ trình.	môn		soạn văn bản hướng dẫn nếu hồ sơ chưa phù hợp
Bước 3	Lấy ý kiến ban, ngành có liên quan	Sở, ban, ngành	40 giờ	Văn bản ý kiến
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi ký Tờ trình hoặc Văn bản	Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch phụ trách)	12 giờ	GPXD hoặc văn bản hướng dẫn hồ sơ chưa phù hợp
Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho BPTN&TKQ	Văn thư Văn phòng UBND cấp huyện	04 giờ	Đóng dấu giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại BPTN&TKQ	04 giờ	Giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Phụ lục 1	ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP DI DỜI CÔNG TRÌNH
2	Phụ lục 3	BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ
3	Phụ lục 5	BẢN CAM KẾT BẢO ĐẢM AN TOÀN CHO CÔNG TRÌNH (NHÀ Ở RIÊNG LẺ) VÀ CÔNG TRÌNH LÂN CẬN, LIÊN KÊ

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Giấy phép xây dựng (bản chính).
2	Bản vẽ đã duyệt cấp giấy phép xây dựng (bản chính).
3	Các hồ sơ pháp lý có liên quan tại thành phần hồ sơ đầu vào.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó chuyển lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện

hành.

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho: di dời công trình)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện (thị xã, thành phố)...

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ hộ:
- Địa chỉ liên hệ:
- Số nhà: Đường/phố Phường/xã
- Quận/huyện Tỉnh/thành phố:
- Số điện thoại:

2. Thông tin công trình:

- Địa điểm xây dựng:
- Lô đất số: Diện tích m².
- Tại số nhà: Đường/phố.....
- Phường/xã
- Quận/huyện
- Tỉnh, thành phố:

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

- Công trình cần di dời:
- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): m².
- Tổng diện tích sàn: m².

- Chiều cao công trình: m².
- Địa điểm công trình di dời đến:
- Lô đất số: Diện tích m².
- Tại: Đường:
- Phường (xã) Quận (huyện)
- Tỉnh, thành phố:
- Số tầng:

4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:.....

- Tên đơn vị thiết kế:
- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số Cấp ngày
- Tên chủ nhiệm thiết kế:.....
- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: do Cấp ngày:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:.....
- Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình:..... tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

- 1 -
- 2 -

....., ngày tháng... năm

Người làm đơn
Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC SỐ 3

(Ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ

1. Tổ chức thiết kế:
- 1.1. Tên:.....
- 1.2. Địa chỉ:
- 1.3. Số điện thoại:.....
- 1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh:
2. Kinh nghiệm thiết kế:
- 2.1. Kê khai ít nhất 03 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:
 - a)
 - b).....
- 2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:
 - a) Số lượng:Trong đó:
 - Kiến trúc sư:.....
 - Kỹ sư các loại:.....
 - b) Chủ nhiệm thiết kế:
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):.....
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):.....
 - c) Chủ trì thiết kế các bộ môn (kê khai đối với tất cả các bộ môn):
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):.....

- Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (*tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ*):

.....

....., ngày tháng năm ...
Đại diện tổ chức, cá nhân thiết kế
(*Ký ghi rõ họ tên*)

PHỤ LỤC SỐ 5 (mẫu số 5)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT BẢO ĐẢM AN TOÀN CHO CÔNG TRÌNH (NHÀ Ở RIÊNG LẺ) VÀ CÔNG TRÌNH LÂN CẬN, LIỀN KÈ

Kính gửi:

Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ):

Người đại diện: Chức vụ (nếu có):

Địa chỉ liên hệ: Số nhà: Đường.....
Phường/xã..... huyện/thành phố/thị xã..... tỉnh.....

Số điện thoại:

Hiện tại tôi (tên chủ đầu tư)..... đang xin phép xây dựng công trình..... tại thửa đất số: tờ bản đồ số: Diện tích m², xã/phường..... huyện/thành phố/thị xã..... tỉnh.....

Nay tôi (tên chủ đầu tư)..... xin cam kết:

1. Thực hiện đúng theo nội dung giấy phép xây dựng, hồ sơ được duyệt và các quy định pháp luật về xây dựng.
2. Có biện pháp che chắn, chống đỡ trong khi thi công đảm bảo các điều kiện an toàn lao động và công tác vệ sinh môi trường cho các hộ xung quanh.
3. Hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự ổn định, an toàn công trình được phép xây dựng trong quá trình thi công.
4. Trong quá trình thi công xây dựng, nếu công trình liền kề, lân cận có dấu hiệu bị lún, nứt, thấm, dột hoặc có nguy cơ sập đổ do ảnh hưởng của việc xây dựng công trình (nhà ở riêng lẻ) gây ra, chủ đầu tư phải phối hợp với chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình liền kề, lân cận để kiểm tra, xác định nguyên nhân và thống nhất biện pháp khắc phục. Trường hợp các bên không thống nhất thì tranh chấp phát sinh được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình thi công nếu có điều gì không đúng với nội dung cam kết trên, tôi (tên chủ đầu tư)..... xin chịu hoàn toàn trách nhiệm theo quy định của pháp luật./.

....., ngày..... tháng..... năm.....

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký tên, đóng dấu)

2. Quy trình Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử-văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Quy trình Cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.	Mã hiệu:	B-BXD-- TT
		Ngày BH/.../20. ...

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			

Chức vụ			
----------------	--	--	--

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) và các cá nhân, tổ chức tư vấn khảo sát, thiết kế, nhà thầu xây dựng biết và chấp hành đúng quy định pháp luật về quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch, đồng thời thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong lĩnh vực xây dựng có liên quan.

2. Quản lý xây dựng theo quy hoạch và các quy định pháp luật khác có liên quan; bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa, các công trình kiến trúc có giá trị; phát triển kiến trúc mới, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc và sử dụng có hiệu quả đất đai xây dựng công trình.

3. Làm căn cứ pháp lý thống nhất về trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng và việc thực hiện giấy phép xây dựng như: giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình của chủ đầu tư (cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng chỉ kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư đối với các công trình, hạng mục công trình quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, sau đây gọi tắt là Nghị định số 46/2015/NĐ-CP), lập biên bản nghiệm thu bàn giao công trình, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và đưa công trình vào sử dụng.

2. PHẠM VI

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng có nhu cầu sửa chữa, cải tạo đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- BPTN&TKQ: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.
- CV: Chuyên viên
- QH: Quy hoạch
- QHCT: Quy hoạch chi tiết
- CPXD: Cấp phép xây dựng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	<p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none">+ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;+ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;+ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;+ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều về các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;+ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;+ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;+ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;+ Thông tư số 05/2015/TT-BXD ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và bảo trì nhà ở riêng lẻ;+ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;+ Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình
------------	---

	<p>xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép tư xây dựng; + Quyết định số 87/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang thực hiện Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 2 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp các loại lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến quyền và nghĩa vụ công dân; quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh. + Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang. + Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. + Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính
	<ul style="list-style-type: none"> + Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành; + Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt. + Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh. + Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 59/2016/NĐ-CP).

	<p>+ Công trình xây dựng cấp đặc biệt, cấp I trong đô thị phải có thiết kế tầng hầm theo yêu cầu của đồ án quy hoạch đô thị và Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>+ Thiết kế phải được tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định thực hiện và phải được thẩm định theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2016/NĐ-CP.</p>		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1. Bản chính đơn đề nghị cấp giấy phép sửa chữa, cải tạo (theo Mẫu tại phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang).	01 bản	
	<p>5.3.2. Bản sao (có chứng thực của UBND xã, phường, thị trấn; nếu không có chứng thực thì phải mang theo bản chính để đối chiếu tại nơi tiếp nhận hồ sơ) một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, cụ thể như sau:</p> <p>5.3.2.1 Các loại giấy tờ theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ Quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng. Cụ thể:</p> <p>a) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp theo quy định của Luật đất đai năm 1987, Luật đất đai năm 1993, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều</p>		01 bản

của Luật đất đai năm 2001, Luật đất đai năm 2003.

b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được cấp theo quy định của Luật đất đai năm 2013, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12.

c) Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được cấp theo quy định tại Nghị định số 60/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ về quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đô thị, Nghị định số 61/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ về mua bán và kinh doanh nhà ở.

d) Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở; giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã được cấp theo quy định tại Pháp lệnh nhà ở năm 1991; Luật nhà ở năm 2005; Nghị định số 81/2001/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2001 của Chính phủ về việc người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua nhà ở tại Việt Nam; Nghị định số 95/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng; Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật nhà ở; Nghị định số 51/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 19/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội về việc thí điểm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài mua và sở hữu nhà ở tại Việt Nam; Điều 31, Điều 32 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; các giấy chứng nhận khác về quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng đã được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng qua các thời kỳ.

đ) Các loại giấy tờ đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận gồm: Các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật đất đai năm 2013; Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013 và quy định tại khoản 16 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai hoặc giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và được cơ quan đăng ký đất đai xác nhận đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

e) Giấy tờ về đất đai đối với trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ sau ngày 01 tháng 7 năm 2004 nhưng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai, gồm: Quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và hợp đồng thuê đất kèm theo (nếu có) hoặc giấy tờ về trúng đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất hoặc Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

g) Báo cáo rà soát, kê khai hiện trạng sử dụng đất đối với trường hợp tổ chức, cơ sở tôn giáo đang sử dụng mà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất kiểm tra và quyết định xử lý theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

h) Giấy tờ về việc xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng để thực hiện xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo hoặc di dời các công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013.

i) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với công trình xây dựng biển quảng cáo, trạm viễn thông, cột ăng-ten tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng để xây dựng và không được chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

k) Hợp đồng thuê đất được giao kết giữa chủ đầu tư xây dựng công trình và người quản lý, sử dụng công trình giao thông hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về giao thông đối với công trình được phép xây dựng trong phạm vi đất dành cho giao thông theo quy định của pháp luật.

l) Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp người sử dụng đất đã có giấy tờ hợp pháp về đất đai theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này nhưng đề nghị được cấp giấy phép xây dựng sử dụng vào mục đích khác với mục đích sử dụng đất đã được ghi trên giấy tờ đó.

m) Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo đề nghị của cơ quan cấp giấy phép xây dựng để xác định diện tích các loại đất đối với trường hợp người sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ hợp

	<p>pháp về đất đai theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này nhưng trên các giấy tờ đó không ghi rõ diện tích các loại đất để làm cơ sở cấp giấy phép xây dựng.</p> <p>5.3.2.2. Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất để cấp phép xây dựng đối với trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người sử dụng đất gồm: một trong các loại hợp đồng (thuê đất, góp vốn, hợp tác kinh doanh) hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình đó được công chứng, chứng thực.</p>		
	<p>5.3.3. Bản vẽ (bản chính) thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:</p> <p>Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản vẽ hiện trạng của bộ phận, hạng mục công trình sửa chữa, cải tạo đã được phê duyệt theo quy định có tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ các bản vẽ của hồ sơ đề nghị cấp phép sửa chữa, cải tạo và ảnh chụp (10 x 15 cm) hiện trạng công trình và công trình lân cận trước khi sửa chữa, cải tạo.</p>	02 bộ bản vẽ	
	<p>5.3.4. Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế theo mẫu tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND, kèm theo bản sao chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, đối với công trình chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế.</p>	01 bản	
	<p>5.3.5. Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với công trình theo quy định</p>		01 bản

	phải được thẩm định thiết kế.		
	5.3.6 Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn cho công trình và công trình lân cận đối với công trình xây chen, có tầng hầm (Mẫu bản cam kết của chủ đầu tư theo Mẫu số 5 Phụ lục 5 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND).	01 bản	
	5.3.7. Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (PCCC) và các bản vẽ thiết kế kỹ thuật công trình, bản vẽ hệ thống PCCC tỷ lệ 1/50 - 1/200, phải được cơ quan Cảnh sát PCCC đóng dấu đã thẩm duyệt về PCCC (theo quy định tại Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND).		01 bản
	5.3.8. Đối với công trình thuộc danh mục lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường: phải có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc thông báo xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường (theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều về các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường).		01 bản
	5.3.9. Văn bản chấp thuận của tổ chức có thẩm quyền thế chấp đối với các trường hợp nhà, đất đang thế chấp.	01 bản	
	5.3.10. Văn bản phê duyệt biện pháp thi công của chủ đầu tư đảm bảo an toàn cho công trình và công trình lân cận, đối với công trình xây chen có tầng	01 bản	

	hầm			
	5.3.11. Đối với các công trình di tích lịch sử, văn hóa và danh lam, thắng cảnh đã được xếp hạng, thì phải có bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền theo phân cấp.		01 bản	
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
5.5	Thời gian xử lý: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (sớm hơn Luật Xây dựng 10 ngày).			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.			
5.7	- Lệ phí: + 75.000 đồng/giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ. + 150.000 đồng/giấy phép xây dựng công trình khác.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 20 (ngày làm việc) x 08 giờ = 160 giờ.			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (BPTN&TKQ) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại BPTN&TKQ	04 giờ	- Phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Phiếu Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng QLĐT hoặc KTHT	04 giờ	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có).	Chuyên viên phòng chuyên	92 giờ	Thẩm định hồ sơ CPXD hoặc

	- Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo Tờ trình.	môn		soạn văn bản hướng dẫn nếu hồ sơ chưa phù hợp
Bước 3	Lấy ý kiến ban, ngành có liên quan	Sở, ban, ngành	40 giờ	Văn bản ý kiến
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi ký Tờ trình hoặc Văn bản	Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch phụ trách)	12 giờ	GPXD hoặc văn bản hướng dẫn hồ sơ chưa phù hợp
Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho BPTN&TKQ	Văn thư Văn phòng UBND cấp huyện	04 giờ	Đóng dấu giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại BPTN&TKQ	04 giờ	Giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt

6. BIỂU MẪU THEO QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 106/QĐ-UBND NGÀY 30/12/2016 CỦA UBND TỈNH AN GIANG

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Phụ lục 1	ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP SỬA CHỮA, CẢI TẠO
2	Phụ lục 3	BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ
3	Phụ lục 5	BẢN CAM KẾT BẢO ĐẢM AN TOÀN CHO CÔNG TRÌNH (NHÀ Ở RIÊNG LẺ) VÀ CÔNG TRÌNH LÂN CẬN, LIỀN KỀ

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
----	----------------------

1	Giấy phép xây dựng (bản chính).
2	Bản vẽ đã duyệt cấp giấy phép xây dựng (bản chính).
3	Các hồ sơ pháp lý có liên quan tại thành phần hồ sơ đầu vào.
Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó chuyển lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.	

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho công trình: sửa chữa, cải tạo công trình)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện (thị xã, thành phố)....

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ hộ:
- Địa chỉ liên hệ:
- Số nhà: Đường/phố Phường/xã.....
- Quận/huyện Tỉnh/thành phố:
- Số điện thoại:

2. Thông tin công trình:

- Địa điểm xây dựng:
- Lô đất số: Diện tích m².
- Tại số nhà: Đường/phố.....
- Phường/xã
- Quận/huyện
- Tỉnh, thành phố:

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

- Loại công trình: Cấp công trình:
- Diện tích xây dựng tầng 1 (tầng trệt): m².
- Tổng diện tích sàn: m² (ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình: m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:.....

- Tên đơn vị thiết kế:
- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số Cấp ngày
- Tên chủ nhiệm thiết kế:.....
- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: do Cấp ngày:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:.....
- Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình:..... tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

- 1 -
- 2 -

....., ngày tháng... năm

Người làm đơn
Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC SỐ 3

(Ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ

1. Tổ chức thiết kế:
- 1.1. Tên:.....
- 1.2. Địa chỉ:
- 1.3. Số điện thoại:.....
- 1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh:
2. Kinh nghiệm thiết kế:
- 2.1. Kê khai ít nhất 03 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:
 - a)
 - b).....
- 2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:
 - a) Số lượng:Trong đó:
 - Kiến trúc sư:.....
 - Kỹ sư các loại:.....
 - b) Chủ nhiệm thiết kế:
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):.....
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):.....
 - c) Chủ trì thiết kế các bộ môn (kê khai đối với tất cả các bộ môn):

- Họ và tên:
- Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):
- Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):

....., ngày tháng năm ...
Đại diện tổ chức, cá nhân thiết kế
(Ký ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC SỐ 5 (mẫu số 5)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT BẢO ĐẢM AN TOÀN CHO CÔNG TRÌNH (NHÀ Ở RIÊNG LẺ) VÀ CÔNG TRÌNH LÂN CẬN, LIÊN KÈ

Kính gửi:

Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ):

Người đại diện: Chức vụ (nếu có):

Địa chỉ liên hệ: Số nhà: Đường.....
Phường/xã.....huyện/thành phố/thị xã.....tỉnh.....

Số điện thoại:.....

Hiện tại tôi (tên chủ đầu tư).....đang xin phép xây dựng công trình.....tại thửa đất số: tờ bản đồ số: Diện tích m², xã/phường.....huyện/thành phố/thị xã.....tỉnh.....

Nay tôi (tên chủ đầu tư).....xin cam kết:

1. Thực hiện đúng theo nội dung giấy phép xây dựng, hồ sơ được duyệt và các quy định pháp luật về xây dựng.
2. Có biện pháp che chắn, chống đỡ trong khi thi công đảm bảo các điều kiện an toàn lao động và công tác vệ sinh môi trường cho các hộ xung quanh.
3. Hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự ổn định, an toàn công trình được phép xây dựng trong quá trình thi công.
4. Trong quá trình thi công xây dựng, nếu công trình liền kề, lân cận có dấu hiệu bị lún, nứt, thấm, dột hoặc có nguy cơ sập đổ do ảnh hưởng của việc xây dựng công trình (nhà ở riêng lẻ) gây ra, chủ đầu tư phải phối hợp với chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình liền kề, lân cận để kiểm tra, xác định nguyên nhân và thống nhất biện pháp khắc phục. Trường hợp các

bên không thống nhất thì tranh chấp phát sinh được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình thi công nếu có điều gì không đúng với nội dung cam kết trên, tôi (tên chủ đầu tư).....xin chịu hoàn toàn trách nhiệm theo quy định của pháp luật./.

.....,ngày.....tháng.....năm.....

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký tên, đóng dấu)

3. Quy trình Cấp lại GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Quy btrinh Cấp lại GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh	Mã hiệu:	B- BXD- -TT
		Ngày BH/.../ 20....

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			

Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) và các cá nhân, tổ chức tư vấn khảo sát, thiết kế, nhà thầu xây dựng biết và chấp hành đúng quy định pháp luật về quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch, đồng thời thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong lĩnh vực xây dựng có liên quan.

2. Quản lý xây dựng theo quy hoạch và các quy định pháp luật khác có liên quan; bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa, các công trình kiến trúc có giá trị; phát triển kiến trúc mới, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc và sử dụng có hiệu quả đất đai xây dựng công trình.

3. Làm căn cứ pháp lý thống nhất về trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng và việc thực hiện giấy phép xây dựng như: giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình của chủ đầu tư (cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng chỉ kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư đối với các công trình, hạng mục công trình quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, sau đây gọi tắt là Nghị định số 46/2015/NĐ-CP), lập biên bản nghiệm thu bàn giao công trình, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và đưa công trình vào sử dụng.

2. PHẠM VI

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng có nhu cầu Cấp lại GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- BPTN&TKQ: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.
- CV: Chuyên viên
- QH: Quy hoạch
- QHCT: Quy hoạch chi tiết
- CPXD: Cấp phép xây dựng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: <ul style="list-style-type: none">+ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;+ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;+ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;+ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều về các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;+ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;+ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;+ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;+ Thông tư số 05/2015/TT-BXD ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và bảo trì nhà ở riêng lẻ;+ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;+ Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình
------------	--

	<p>xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép tư xây dựng; + Quyết định số 87/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang thực hiện Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 2 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp các loại lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến quyền và nghĩa vụ công dân; quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh. + Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang. + Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. + Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng. 		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	<p>a) Giấy phép xây dựng được cấp lại đối với các trường hợp bị rách, nát hoặc bị mất;</p> <p>b) Giấy phép xây dựng được cấp lại dưới hình thức bản sao và có giá trị như bản chính để làm cơ sở cho chủ đầu tư thực hiện các thủ tục pháp lý tiếp theo.</p> <p>Nội dung bản sao giấy phép xây dựng được sao y từ bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp và cơ quan cấp giấy phép xây dựng phải ký tên, đóng dấu xác nhận sao y bản chính;</p>		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1. Bản chính đơn đề nghị cấp lại giấy phép xây dựng (theo Mẫu tại phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên	01 bản	

	địa bàn tỉnh An Giang).			
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
5.5	Thời gian xử lý: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.			
5.7	- Lệ phí: + 75.000 đồng/giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ. + 150.000 đồng/giấy phép xây dựng công trình khác.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 07 (ngày làm việc) x 08 giờ = 56 giờ.			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (BPTN&TKQ) - Chuyển hồ sơ về Sở. 	Chuyên viên tại BPTN&TKQ	04 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Phiếu Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng QLĐT hoặc KTHT	04 giờ	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý
	<ul style="list-style-type: none"> - Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo Tờ trình. 	Chuyên viên phòng chuyên môn	28 giờ	Thẩm định hồ sơ CPXD hoặc soạn văn bản hướng dẫn nếu hồ sơ chưa phù hợp
Bước 3	Lấy ý kiến ban, ngành có liên quan	Sở, ban, ngành tỉnh	00 giờ	Văn bản ý kiến
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi ký Tờ trình hoặc Văn bản	Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch phụ trách)	12 giờ	GPXD hoặc văn bản hướng dẫn hồ sơ chưa phù hợp

Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho BPTN&TKQ	Văn thư Văn phòng UBND cấp huyện	04 giờ	Đóng dấu giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại BPTN&TKQ	04 giờ	Giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt

6. BIỂU MẪU THEO QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 106/QĐ-UBND NGÀY 30/12/2016 CỦA UBND TỈNH AN GIANG

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Phụ lục 2	ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Giấy phép xây dựng (bản chính).
2	Bản vẽ đã duyệt cấp giấy phép xây dựng (bản chính).
3	Các hồ sơ pháp lý có liên quan tại thành phần hồ sơ đầu vào.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó chuyển lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.

PHỤ LỤC SỐ 2

(Ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP XÂY DỰNG (Sử dụng cho: Công trình/Nhà ở riêng lẻ)

Kính gửi:.....

1. Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ):

- Người đại diện: Chức vụ (nếu có):

- Địa chỉ liên hệ:

- Số nhà: Đường/phố Phường/xã

- Quận/huyện Tỉnh/thành phố:

- Số điện thoại:

2. Địa điểm xây dựng:

- Lô đất số: Diện tích m².

- Tại: Đường:.....

- Phường/xã Quận/huyện

- Tỉnh, thành phố:

3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: (số, ngày, cơ quan cấp)

Nội dung Giấy phép:

-

4. Nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp (hoặc lý do đề nghị gia hạn/cấp lại):

-

5. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:

- Tên đơn vị thiết kế:

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số Cấp ngày
- Tên chủ nhiệm thiết kế:
- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: do Cấp ngày:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày

6. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh/gia hạn: tháng.

7. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

- 1 -
- 2 -

..... ngày tháng..... năm

Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư
Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

4. Quy trình Gia hạn GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Gia hạn GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.	Mã hiệu:	B-BXD--TT
		Ngày BH/.../20... .

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) và các cá nhân, tổ chức tư vấn khảo sát, thiết kế, nhà thầu xây dựng biết và chấp hành đúng quy định pháp luật về quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch, đồng thời thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong lĩnh vực xây dựng có liên quan.

2. Quản lý xây dựng theo quy hoạch và các quy định pháp luật khác có liên quan; bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa, các công trình kiến trúc có giá trị; phát triển kiến trúc mới, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc và sử dụng có hiệu quả đất đai xây dựng công trình.

3. Làm căn cứ pháp lý thống nhất về trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng và việc thực hiện giấy phép xây dựng như: giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình của chủ đầu tư (cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng chỉ kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư đối với các công trình, hạng mục công trình quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, sau đây gọi tắt là Nghị định số 46/2015/NĐ-CP), lập biên bản nghiệm thu bàn giao công trình, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và đưa công trình vào sử dụng.

2. PHẠM VI

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng có nhu cầu Gia hạn GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- BPTN&TKQ: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.
- CV: Chuyên viên
- QH: Quy hoạch
- QHCT: Quy hoạch chi tiết
- CPXD: Cấp phép xây dựng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	<p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; + Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; + Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; + Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều về các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường; + Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; + Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; + Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng; + Thông tư số 05/2015/TT-BXD ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và bảo trì nhà ở riêng lẻ; + Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; + Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; + Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép tư xây dựng; + Quyết định số 87/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của UBND
------------	--

	<p>tỉnh An Giang thực hiện Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 2 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp các loại lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến quyền và nghĩa vụ công dân; quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p> <p>+ Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang.</p> <p>+ Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang.</p> <p>+ Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</p>		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	<p>- Trước 30 ngày thời điểm giấy phép xây dựng hết hiệu lực khởi công xây dựng, nếu công trình chưa được khởi công thì chủ đầu tư phải đề nghị gia hạn giấy phép xây dựng. Mỗi giấy phép xây dựng chỉ được gia hạn tối đa 02 lần. Thời gian gia hạn mỗi lần là 12 tháng. Khi hết thời gian gia hạn giấy phép xây dựng mà chưa khởi công xây dựng thì chủ đầu tư phải nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép xây dựng mới.</p> <p>- Đối với công trình, nhà ở riêng lẻ được cấp giấy phép xây dựng có thời hạn đã hết thời hạn tồn tại ghi trong giấy phép, nhưng quy hoạch chưa được thực hiện thì chủ sở hữu công trình hoặc người được giao sử dụng công trình đề nghị cơ quan cấp giấy phép xây dựng xem xét gia hạn thời gian tồn tại cho đến khi quy hoạch được triển khai thực hiện. Thời hạn tồn tại công trình được ghi ngay vào giấy phép xây dựng có thời hạn đã được cấp;</p>		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1. Bản chính đơn đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng (theo Mẫu tại phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang).	01 bản	

	5.3.2. Bản chính giấy phép xây dựng đã được cấp. Thời hạn gia hạn giấy phép xây dựng được ghi trong giấy phép xây dựng được cấp	01 bản		
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
5.5	Thời gian xử lý: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.			
5.7	- Lệ phí: Không			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 7 (ngày làm việc) x 08 giờ = 56 giờ.			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1 Bước 2	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (BPTN&TKQ) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại BPTN&TKQ	04 giờ	- Phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Phiếu Chuyển hồ sơ.
	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng QLĐT hoặc KTHT	04 giờ	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo Tờ trình.	Chuyên viên phòng chuyên môn	28 giờ	Thẩm định hồ sơ CPXD hoặc soạn văn bản hướng dẫn nếu hồ sơ chưa phù hợp
Bước 3	Lấy ý kiến ban, ngành có liên quan	Sở, ban, ngành tỉnh	00 giờ	Văn bản ý kiến
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi ký Tờ trình hoặc Văn bản	Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch phụ trách)	12 giờ	GPXD hoặc văn bản hướng dẫn hồ sơ chưa phù hợp

Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho BPTN&TKQ	Văn thư Văn phòng UBND cấp huyện	04 giờ	Đóng dấu giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại BPTN&TKQ	04 giờ	Giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt

6. BIỂU MẪU THEO QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 106/QĐ-UBND NGÀY 30/12/2016 CỦA UBND TỈNH AN GIANG

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Phụ lục 1	ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIA HẠN GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Giấy phép xây dựng (bản chính).
2	Bản vẽ đã duyệt cấp giấy phép xây dựng (bản chính).
3	Các hồ sơ pháp lý có liên quan tại thành phần hồ sơ đầu vào.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó chuyển lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.

PHỤ LỤC SỐ 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ GIA HẠN GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho: Công trình/Nhà ở riêng lẻ)

Kính gửi:.....

1. Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ):

- Người đại diện: Chức vụ (nếu có):

- Địa chỉ liên hệ:

- Số nhà: Đường/phố Phường/xã.....

- Quận/huyện Tỉnh/thành phố:

- Số điện thoại:

2. Địa điểm xây dựng:

- Lô đất số: Diện tích m².

- Tại: Đường:.....

- Phường/xã Quận/huyện

- Tỉnh, thành phố:

3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: (số, ngày, cơ quan cấp)

Nội dung Giấy phép:

-

4. Nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp (hoặc lý do đề nghị gia hạn/cấp lại):

-

5. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:

- Tên đơn vị thiết kế:
- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số Cấp ngày
- Tên chủ nhiệm thiết kế:.....
- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: do Cấp ngày:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:.....
- Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày

6. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh/gia hạn: tháng.

7. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

- 1 -
- 2 -

..... ngày tháng..... năm

gười làm đơn/Đại diện chủ đầu tư
Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

5. Quy trình Điều chỉnh GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Quy trình Điều chỉnh GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh	Mã hiệu:	B-BXD-- TT
		Ngày BH/.../20. ...

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) và các cá nhân, tổ chức tư vấn khảo sát, thiết kế, nhà thầu xây dựng biết và chấp hành đúng quy định pháp luật về quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch, đồng thời thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong lĩnh vực xây dựng có liên quan.

2. Quản lý xây dựng theo quy hoạch và các quy định pháp luật khác có liên quan; bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa, các công trình kiến trúc có giá trị; phát triển kiến trúc mới, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc và sử dụng có hiệu quả đất đai xây dựng công trình.

3. Làm căn cứ pháp lý thống nhất về trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng và việc thực hiện giấy phép xây dựng như: giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình của chủ đầu tư (cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng chỉ kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư đối với các công trình, hạng mục công trình quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, sau đây gọi tắt là Nghị định số 46/2015/NĐ-CP), lập biên bản nghiệm thu bàn giao công trình, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và đưa công trình vào sử dụng.

2. PHẠM VI

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng có nhu cầu Điều chỉnh GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ xây dựng trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử-văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- BPTN&TKQ: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.
- CV: Chuyên viên
- QH: Quy hoạch
- QHCT: Quy hoạch chi tiết
- CPXD: Cấp phép xây dựng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	<p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; + Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy; + Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường; + Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều về các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường; + Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; + Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng; + Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng; + Thông tư số 05/2015/TT-BXD ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và bảo trì nhà ở riêng lẻ; + Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; + Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng; + Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép tư xây dựng; + Quyết định số 87/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của UBND
------------	--

	<p>tỉnh An Giang thực hiện Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 2 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp các loại lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến quyền và nghĩa vụ công dân; quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> + Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang. + Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. + Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
<p>5.2</p>	<p>Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính</p>
	<p>Trước khi khởi công xây dựng hoặc trong quá trình xây dựng, trường hợp có điều chỉnh thiết kế làm thay đổi một trong các nội dung dưới đây thì chủ đầu tư phải đề nghị điều chỉnh giấy phép xây dựng:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Thay đổi hình thức kiến trúc mặt ngoài của công trình đối với công trình trong đô thị thuộc khu vực có yêu cầu về quản lý kiến trúc. + Thay đổi một trong các yếu tố về vị trí, diện tích xây dựng; quy mô, chiều cao, số tầng của công trình và các yếu tố khác ảnh hưởng đến kết cấu chịu lực chính. + Khi điều chỉnh thiết kế bên trong công trình làm thay đổi công năng sử dụng làm ảnh hưởng đến an toàn, phòng, chống cháy, nổ, bảo vệ môi trường. + Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành; + Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt. + Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang

	<p>bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh.</p> <p>+ Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 59/2016/NĐ-CP).</p> <p>+ Công trình xây dựng cấp đặc biệt, cấp I trong đô thị phải có thiết kế tầng hầm theo yêu cầu của đồ án quy hoạch đô thị và Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p> <p>+ Thiết kế phải được tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định thực hiện và phải được thẩm định theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2016/NĐ-CP.</p>		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1. Bản chính đơn đề nghị cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng (theo Mẫu tại phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang).	01 bản	
	5.3.2. Bản sao (có chứng thực của UBND xã, phường, thị trấn; nếu không có chứng thực thì phải mang theo bản chính để đối chiếu tại nơi tiếp nhận hồ sơ) một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất và bản đồ trích đo khu đất hoặc hồ sơ kỹ thuật khu đất phù hợp theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang (trong trường hợp thiết kế có thay đổi về diện tích sử dụng đất).		01 bản
	5.3.3. Bản vẽ (bản chính) thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy	02 bộ bản vẽ	

	<p>định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bản vẽ thiết kế mặt bằng, mặt đứng, mặt cắt bộ phận, hạng mục công trình đề nghị điều chỉnh tỷ lệ 1/50 - 1/200. 		
	<p>5.3.4. Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế theo mẫu tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND, kèm theo bản sao chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, đối với công trình chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế.</p>	01 bản	
	<p>5.3.5. Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với công trình theo quy định phải được thẩm định thiết kế.</p>		01 bản
	<p>5.3.6 Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn cho công trình và công trình lân cận đối với công trình xây chen, có tầng hầm (Mẫu bản cam kết của chủ đầu tư theo Mẫu số 5 Phụ lục 5 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND).</p>	01 bản	
	<p>5.3.7. Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (PCCC) và các bản vẽ thiết kế kỹ thuật công trình, bản vẽ hệ thống PCCC tỷ lệ 1/50 - 1/200, phải được cơ quan Cảnh sát PCCC đóng dấu đã thẩm duyệt về PCCC (theo quy định tại Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND).</p>		01 bản
	<p>5.3.8. Đối với công trình thuộc danh mục lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường: phải có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc thông báo xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường (theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều về các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường).</p>		01 bản

	5.3.9. Văn bản chấp thuận của tổ chức có thẩm quyền thế chấp đối với các trường hợp nhà, đất đang thế chấp.	01 bản		
	5.3.10. Văn bản phê duyệt biện pháp thi công của chủ đầu tư đảm bảo an toàn cho công trình và công trình lân cận, đối với công trình xây chen có tầng hầm	01 bản		
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
5.5	Thời gian xử lý: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (sớm hơn Luật Xây dựng 10 ngày).			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.			
5.7	- Lệ phí: + 75.000 đồng/giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ. + 150.000 đồng/giấy phép xây dựng công trình khác.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 20 (ngày làm việc) x 08 giờ = 160 giờ.			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (BPTN&TKQ) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại BPTN&TKQ	04 giờ	- Phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Phiếu Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng QLĐT hoặc KTHT	04 giờ	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có).	Chuyên viên phòng chuyên môn	92 giờ	Thẩm định hồ sơ CPXD hoặc soạn văn bản hướng dẫn nếu hồ sơ chưa phù hợp

	- Trình lãnh đạo Tờ trình.			
Bước 3	Lấy ý kiến ban, ngành có liên quan	Sở, ban, ngành	40 giờ	Văn bản ý kiến
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi ký Tờ trình hoặc Văn bản	Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch phụ trách)	12 giờ	GPXD hoặc văn bản hướng dẫn hồ sơ chưa phù hợp
Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho BPTN&TKQ	Văn thư Văn phòng UBND cấp huyện	04 giờ	Đóng dấu giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại BPTN&TKQ	04 giờ	Giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt

6. BIỂU MẪU THEO QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 106/QĐ-UBND NGÀY 30/12/2016 CỦA UBND TỈNH AN GIANG

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Phụ lục 1	ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
2	Phụ lục 3	BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ
3	Phụ lục 5	BẢN CAM KẾT BẢO ĐẢM AN TOÀN CHO CÔNG TRÌNH (NHÀ Ở RIÊNG LẺ) VÀ CÔNG TRÌNH LÂN CẬN, LIỀN KỀ

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Giấy phép xây dựng (bản chính).
2	Bản vẽ đã duyệt cấp giấy phép xây dựng (bản chính).
3	Các hồ sơ pháp lý có liên quan tại thành phần hồ sơ đầu vào.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó chuyển lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.

PHỤ LỤC SỐ 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho: Công trình)

Kính gửi:

1. Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ):

- Người đại diện: Chức vụ (nếu có):

- Địa chỉ liên hệ:

- Số nhà: Đường/phố Phường/xã.....

- Quận/huyện Tỉnh/thành phố:

- Số điện thoại:

2. Địa điểm xây dựng:

- Lô đất số: Diện tích m².

- Tại: Đường:.....

- Phường/xã Quận/huyện

- Tỉnh, thành phố:

3. Giấy phép xây dựng đã được cấp: (số, ngày, cơ quan cấp)

Nội dung Giấy phép:

-

4. Nội dung đề nghị điều chỉnh so với Giấy phép đã được cấp (hoặc lý do đề nghị gia hạn/cấp lại):

-

5. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:

- Tên đơn vị thiết kế:

- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số Cấp ngày

- Tên chủ nhiệm thiết kế:.....

- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: do Cấp ngày:
- Địa chỉ:
- Điện thoại:
- Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày

6. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình theo thiết kế điều chỉnh/gia hạn: tháng.

7. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép điều chỉnh được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

1 -

2 -

..... ngày tháng..... năm

Người làm đơn/Đại diện chủ đầu tư

Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu (nếu có)

PHỤ LỤC SỐ 3

(Ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ

1. Tổ chức thiết kế:
- 1.1. Tên:.....
- 1.2. Địa chỉ:
- 1.3. Số điện thoại:.....
- 1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh:
2. Kinh nghiệm thiết kế:
- 2.1. Kê khai ít nhất 03 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:
 - a)
 - b).....
- 2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:
 - a) Số lượng:Trong đó:
 - Kiến trúc sư:.....
 - Kỹ sư các loại:.....
 - b) Chủ nhiệm thiết kế:
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):.....
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):.....
 - c) Chủ trì thiết kế các bộ môn (kê khai đối với tất cả các bộ môn):
 - Họ và tên:

- Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):

- Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):

....., ngày tháng năm ...

Đại diện tổ chức, cá nhân thiết kế

(Ký ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC SỐ 5 (mẫu số 5)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT BẢO ĐẢM AN TOÀN CHO CÔNG TRÌNH (NHÀ Ở

RIÊNG LẺ) VÀ CÔNG TRÌNH LÂN CẬN, LIÊN KÈ

Kính gửi:

Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ):

Người đại diện: Chức vụ (nếu có):

Địa chỉ liên hệ: Số nhà: Đường.....
Phường/xã.....huyện/thành phố/thị xã.....tỉnh.....

Số điện thoại:

Hiện tại tôi (tên chủ đầu tư).....đang xin phép xây dựng công trình.....tại thửa đất số: tờ bản đồ số: Diện tích m², xã/phường.....huyện/thành phố/thị xã.....tỉnh.....

Nay tôi (tên chủ đầu tư).....xin cam kết:

1. Thực hiện đúng theo nội dung giấy phép xây dựng, hồ sơ được duyệt và các quy định pháp luật về xây dựng.

2. Có biện pháp che chắn, chống đỡ trong khi thi công đảm bảo các điều kiện an toàn lao động và công tác vệ sinh môi trường cho các hộ xung quanh.

3. Hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự ổn định, an toàn công trình được phép xây dựng trong quá trình thi công.

4. Trong quá trình thi công xây dựng, nếu công trình liền kề, lân cận có dấu hiệu bị lún, nứt, thấm, dột hoặc có nguy cơ sập đổ do ảnh hưởng của việc xây dựng công trình (nhà ở riêng lẻ) gây ra, chủ đầu tư phải phối hợp với chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình liền kề, lân cận để kiểm tra, xác định nguyên nhân và thống nhất biện pháp khắc phục. Trường hợp các bên không thống nhất thì tranh chấp phát sinh được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình thi công nếu có điều gì không đúng với nội dung cam kết trên, tôi (tên chủ đầu tư).....xin chịu hoàn toàn trách nhiệm theo quy định của pháp luật./.

.....,ngày.....tháng.....năm.....

CHỦ ĐẦU TƯ
(Ký tên, đóng dấu)

6. Cấp GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH	Mã hiệu:	B- BXD- -TT
		Ngày BH/.../ 20....
	Cấp GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh		

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1. MỤC ĐÍCH
2. PHẠM VI
3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN
4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT
5. NỘI DUNG QUY TRÌNH
6. BIỂU MẪU
7. HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

1. Tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng công trình, nhà ở riêng lẻ (sau đây gọi chung là chủ đầu tư) và các cá nhân, tổ chức tư vấn khảo sát, thiết kế, nhà thầu xây dựng biết và chấp hành đúng quy định pháp luật về quy hoạch và quản lý xây dựng theo quy hoạch, đồng thời thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong lĩnh vực xây dựng có liên quan.

2. Quản lý xây dựng theo quy hoạch và các quy định pháp luật khác có liên quan; bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường, bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa, các công trình kiến trúc có giá trị; phát triển kiến trúc mới, hiện đại, đậm đà bản sắc dân tộc và sử dụng có hiệu quả đất đai xây dựng công trình.

3. Làm căn cứ pháp lý thống nhất về trình tự, thủ tục cấp phép xây dựng và việc thực hiện giấy phép xây dựng như: giám sát, kiểm tra, thanh tra và xử lý các hành vi vi phạm trong hoạt động xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu công trình của chủ đầu tư (cơ quan quản lý Nhà nước về xây dựng chỉ kiểm tra công tác nghiệm thu của chủ đầu tư đối với các công trình, hạng mục công trình quy định tại Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng, sau đây gọi tắt là Nghị định số 46/2015/NĐ-CP), lập biên bản nghiệm thu bàn giao công trình, đăng ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất và đưa công trình vào sử dụng.

2. PHẠM VI

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân trong nước, nước ngoài đầu tư xây dựng mới có nhu cầu xin Cấp GPXD đối với công trình, nhà ở riêng lẻ XD trong đô thị, trung tâm cụm xã, trong khu bảo tồn, khu di tích lịch sử- văn hóa thuộc địa bàn quản lý, trừ các công trình thuộc thẩm quyền cấp GPXD của cấp trung ương, cấp tỉnh.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- BPTN&TKQ: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.
- CV: Chuyên viên
- QH: Quy hoạch
- QHCT: Quy hoạch chi tiết
- CPXD: Cấp phép xây dựng

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	Cơ sở pháp lý: <ul style="list-style-type: none">+ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;+ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;+ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;+ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều về các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường;+ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;+ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;+ Quyết định số 04/2008/QĐ-BXD ngày 03 tháng 4 năm 2008 của Bộ Xây dựng về việc ban hành Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng;+ Thông tư số 05/2015/TT-BXD ngày 30 tháng 10 năm 2015 của Bộ Xây dựng quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và bảo trì nhà ở riêng lẻ;+ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;+ Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 11 tháng 9 năm 2019 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung, thay thế một số quy định tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;+ Thông tư số 15/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng hướng dẫn về cấp giấy phép tư xây dựng;
------------	---

	<ul style="list-style-type: none"> + Quyết định số 87/2016/QĐ-UBND ngày 22 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang thực hiện Nghị quyết số 45/2016/NQ-HĐND ngày 09 tháng 2 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp các loại lệ phí quản lý nhà nước liên quan đến quyền và nghĩa vụ công dân; quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh. + Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang. + Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang. + Quyết định số 838/QĐ-BXD ngày 29/8/2016 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế; thủ tục hành chính bị hủy bỏ hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực hoạt động xây dựng thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính
	<ul style="list-style-type: none"> + Phù hợp với quy hoạch chi tiết xây dựng đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Đối với công trình xây dựng ở khu vực, tuyến phố trong đô thị đã ổn định nhưng chưa có quy hoạch chi tiết xây dựng thì phải phù hợp với quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị hoặc thiết kế đô thị được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành; + Phù hợp với mục đích sử dụng đất theo quy hoạch sử dụng đất được phê duyệt. + Bảo đảm an toàn cho công trình, công trình lân cận và yêu cầu về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ; bảo đảm an toàn hạ tầng kỹ thuật, hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều, năng lượng, giao thông, khu di sản văn hóa, di tích lịch sử - văn hóa; bảo đảm khoảng cách an toàn đến công trình dễ cháy, nổ, độc hại và công trình quan trọng có liên quan đến quốc phòng, an ninh. + Thiết kế xây dựng công trình đã được thẩm định, phê duyệt theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng (sau đây gọi tắt là Nghị định số 59/2016/NĐ-CP). + Công trình xây dựng cấp đặc biệt, cấp I trong đô thị phải có thiết kế tầng hầm theo yêu cầu của đồ án quy hoạch đô thị và Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc đô thị được cấp có thẩm quyền phê duyệt. + Thiết kế phải được tổ chức, cá nhân có đủ điều kiện năng lực theo quy định

	thực hiện và phải được thẩm định theo quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 26 Nghị định số 59/2016/NĐ-CP.		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1. Bản chính đơn đề nghị cấp giấy phép xây dựng (theo Mẫu tại phụ lục 1 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang ban hành Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang).	01 bản	
	<p>5.3.2. Bản sao (có chứng thực của UBND xã, phường, thị trấn; nếu không có chứng thực thì phải mang theo bản chính để đối chiếu tại nơi tiếp nhận hồ sơ) một trong những giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 của Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về cấp phép xây dựng và quản lý trật tự xây dựng theo giấy phép trên địa bàn tỉnh An Giang ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang, cụ thể như sau:</p> <p>5.3.2.1 Các loại giấy tờ theo quy định tại Điều 3 Nghị định số 53/2017/NĐ-CP ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Chính phủ Quy định các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai để cấp giấy phép xây dựng. Cụ thể:</p> <p>a) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp theo quy định của Luật đất đai năm 1987, Luật đất đai năm 1993, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật đất đai năm 2001, Luật đất đai năm 2003.</p> <p>b) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được cấp theo quy định của Luật đất đai năm 2013, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật liên quan đến đầu tư xây dựng cơ bản số 38/2009/QH12.</p>		01 bản

c) Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở được cấp theo quy định tại Nghị định số 60/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ về quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở tại đô thị, Nghị định số 61/CP ngày 05 tháng 7 năm 1994 của Chính phủ về mua bán và kinh doanh nhà ở.

d) Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở; giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình xây dựng đã được cấp theo quy định tại Pháp lệnh nhà ở năm 1991; Luật nhà ở năm 2005; Nghị định số 81/2001/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2001 của Chính phủ về việc người Việt Nam định cư ở nước ngoài mua nhà ở tại Việt Nam; Nghị định số 95/2005/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2005 của Chính phủ về việc cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng; Nghị định số 90/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật nhà ở; Nghị định số 51/2009/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2009 hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị quyết số 19/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội về việc thí điểm cho tổ chức, cá nhân nước ngoài mua và sở hữu nhà ở tại Việt Nam; Điều 31, Điều 32 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai; các giấy chứng nhận khác về quyền sở hữu nhà ở, quyền sở hữu công trình xây dựng đã được cấp theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về nhà ở, pháp luật về xây dựng qua các thời kỳ.

đ) Các loại giấy tờ đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận gồm: Các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật đất đai năm 2013; Điều 18 của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013 và quy định tại khoản 16 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017

sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai hoặc giấy xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã và được cơ quan đăng ký đất đai xác nhận đủ điều kiện để cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất.

e) Giấy tờ về đất đai đối với trường hợp được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất từ sau ngày 01 tháng 7 năm 2004 nhưng không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật về đất đai, gồm: Quyết định giao đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc Quyết định cho thuê đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và hợp đồng thuê đất kèm theo (nếu có) hoặc giấy tờ về trúng đấu giá quyền sử dụng đất, đấu thầu dự án có sử dụng đất hoặc Quyết định cho phép chuyển mục đích sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

g) Báo cáo rà soát, kê khai hiện trạng sử dụng đất đối với trường hợp tổ chức, cơ sở tôn giáo đang sử dụng mà chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi có đất kiểm tra và quyết định xử lý theo quy định tại Điều 28 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai.

h) Giấy tờ về việc xếp hạng di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đối với trường hợp cấp giấy phép xây dựng để thực hiện xây dựng mới, sửa chữa, cải tạo hoặc di dời các công trình di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định tại Điều 27 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đất đai năm 2013.

i) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc văn bản chấp thuận về địa điểm xây dựng của Ủy

	<p>ban nhân dân cấp huyện đối với công trình xây dựng biển quảng cáo, trạm viễn thông, cột ăng-ten tại khu vực không thuộc nhóm đất có mục đích sử dụng để xây dựng và không được chuyển đổi mục đích sử dụng đất.</p> <p>k) Hợp đồng thuê đất được giao kết giữa chủ đầu tư xây dựng công trình và người quản lý, sử dụng công trình giao thông hoặc văn bản chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về giao thông đối với công trình được phép xây dựng trong phạm vi đất dành cho giao thông theo quy định của pháp luật.</p> <p>l) Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp người sử dụng đất đã có giấy tờ hợp pháp về đất đai theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này nhưng đề nghị được cấp giấy phép xây dựng sử dụng vào mục đích khác với mục đích sử dụng đất đã được ghi trên giấy tờ đó.</p> <p>m) Văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, theo đề nghị của cơ quan cấp giấy phép xây dựng để xác định diện tích các loại đất đối với trường hợp người sử dụng đất có một trong các loại giấy tờ hợp pháp về đất đai theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều này nhưng trên các giấy tờ đó không ghi rõ diện tích các loại đất để làm cơ sở cấp giấy phép xây dựng.</p> <p>5.3.2.2. Giấy tờ chứng minh quyền sử dụng đất để cấp phép xây dựng đối với trường hợp chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất không đồng thời là người sử dụng đất gồm: một trong các loại hợp đồng (thuê đất, góp vốn, hợp tác kinh doanh) hoặc văn bản chấp thuận của người sử dụng đất đồng ý cho xây dựng công trình đó được công chứng, chứng thực.</p>		
	<p>5.3.3. Bản vẽ (bản chính) thiết kế kỹ thuật hoặc thiết kế bản vẽ thi công được phê duyệt theo quy định của pháp luật về xây dựng, mỗi bộ gồm:</p> <p>a) Bản vẽ mặt bằng công trình trên lô đất tỷ</p>	02 bộ bản vẽ	

	<p>lệ 1/50 - 1/500 kèm theo sơ đồ vị trí công trình;</p> <p>b) Bản vẽ mặt bằng các tầng, các mặt đứng và mặt cắt chính của công trình tỷ lệ 1/50 - 1/200;</p> <p>c) Bản vẽ mặt bằng móng tỷ lệ 1/50 - 1/200 và mặt cắt móng tỷ lệ 1/50 kèm theo sơ đồ đầu nối hệ thống thoát nước mưa, xử lý nước thải, cấp nước, cấp điện, thông tin tỷ lệ 1/50 - 1/200.</p>		
	<p>5.3.4. Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính bản kê khai năng lực, kinh nghiệm của tổ chức, cá nhân thiết kế theo mẫu tại Phụ lục số 3 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND, kèm theo bản sao chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng, đối với công trình chưa được cơ quan chuyên môn về xây dựng thẩm định thiết kế.</p>	01 bản	
	<p>5.3.5. Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính báo cáo kết quả thẩm định thiết kế của cơ quan chuyên môn về xây dựng đối với công trình theo quy định phải được thẩm định thiết kế.</p>		01 bản
	<p>5.3.6 Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính văn bản bản cam kết của chủ đầu tư bảo đảm an toàn cho công trình và công trình lân cận đối với công trình xây chen, có tầng hầm (Mẫu bản cam kết của chủ đầu tư theo Mẫu số 5 Phụ lục 5 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND).</p>	01 bản	
	<p>5.3.7. Bản sao hoặc tệp tin chứa bản chụp chính giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy (PCCC) và các bản vẽ thiết kế kỹ thuật công trình, bản vẽ hệ thống PCCC tỷ lệ 1/50 - 1/200, phải được cơ quan Cảnh sát PCCC đóng dấu đã thẩm duyệt về PCCC (theo quy định tại Phụ lục số 6 ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND).</p>		01 bản
	<p>5.3.8. Đối với công trình thuộc danh mục lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc kế hoạch bảo vệ môi trường: phải có quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc thông báo xác nhận kế hoạch bảo vệ môi trường (theo</p>		01 bản

	quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều về các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường).			
	5.3.9. Văn bản chấp thuận của tổ chức có thẩm quyền thế chấp đối với các trường hợp nhà, đất đang thế chấp.		01 bản	
	5.3.10. Văn bản phê duyệt biện pháp thi công của chủ đầu tư đảm bảo an toàn cho công trình và công trình lân cận, đối với công trình xây chen có tầng hầm		01 bản	
5.4	Số lượng hồ sơ: 01 bộ.			
5.5	Thời gian xử lý: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ (sớm hơn Luật Xây dựng 10 ngày).			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.			
5.7	- Lệ phí: + 75.000 đồng/giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ. + 150.000 đồng/giấy phép xây dựng công trình khác.			
5.8	Quy trình xử lý công việc: 20 (ngày làm việc) x 08 giờ = 160 giờ.			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
Bước 1	- Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện (BPTN&TKQ) - Chuyển hồ sơ về Sở.	Chuyên viên tại BPTN&TKQ	04 giờ	- Phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Phiếu Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng QLĐT hoặc KTHT	04 giờ	Chuyển hồ sơ cho chuyên viên xử lý
	- Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có).	Chuyên viên phòng chuyên	92 giờ	Thẩm định hồ sơ CPXD hoặc soạn

	- Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo Tờ trình.	môn		văn bản hướng dẫn nếu hồ sơ chưa phù hợp
Bước 3	Lấy ý kiến ban, ngành có liên quan	Sở, ban, ngành	40 giờ	Văn bản ý kiến
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi ký Tờ trình hoặc Văn bản	Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch phụ trách)	12 giờ	GPXD hoặc văn bản hướng dẫn hồ sơ chưa phù hợp
Bước 5	- Văn phòng - Chuyển kết quả cho BPTN&TKQ	Văn thư Văn phòng UBND cấp huyện	04 giờ	Đóng dấu giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại BPTN&TKQ	04 giờ	Giấy phép xây dựng và bản vẽ được duyệt

6. BIỂU MẪU THEO QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 106/QĐ-UBND NGÀY 30/12/2016 CỦA UBND TỈNH AN GIANG

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Phụ lục 1	ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
2	Phụ lục 3	BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ
3	Phụ lục 5	BẢN CAM KẾT BẢO ĐẢM AN TOÀN CHO CÔNG TRÌNH (NHÀ Ở RIÊNG LẺ) VÀ CÔNG TRÌNH LÂN CẬN, LIỀN KỀ

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Giấy phép xây dựng (bản chính).
2	Bản vẽ đã duyệt cấp giấy phép xây dựng (bản chính).
3	Các hồ sơ pháp lý có liên quan tại thành phần hồ sơ đầu vào.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng. Sau đó chuyển lưu trữ hồ sơ theo quy định hiện hành.

Phụ lục 1

(Ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP XÂY DỰNG

(Sử dụng cho công trình: không theo tuyến)

Kính gửi: Ủy ban nhân dân huyện (thị xã, thành phố).....

1. Thông tin về chủ đầu tư:

- Tên chủ hộ:
- Địa chỉ liên hệ:
- Số nhà: Đường/phố Phường/xã
- Quận/huyện Tỉnh/thành phố:
- Số điện thoại:

2. Thông tin công trình:

- Địa điểm xây dựng:
- Lô đất số: Diện tích m².
- Tại số nhà: Đường/phố.....
- Phường/xã
- Quận/huyện
- Tỉnh, thành phố:

3. Nội dung đề nghị cấp phép:

- Loại công trình: Cấp công trình:

- Diện tích xây dựng: m².
- Cốt xây dựng:m
- Tổng diện tích sàn: m²(ghi rõ diện tích sàn các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum).
- Chiều cao công trình: m (trong đó ghi rõ chiều cao các tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng lửng, tum).
- Số tầng: (ghi rõ số tầng hầm, tầng trên mặt đất, tầng kỹ thuật, tầng lửng, tum)

4. Đơn vị hoặc người chủ nhiệm thiết kế:.....

- Tên đơn vị thiết kế:
- Chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng (nếu có): Số Cấp ngày
- Tên chủ nhiệm thiết kế:.....
- Chứng chỉ hành nghề cá nhân số: do Cấp ngày:.....
- Địa chỉ:.....
- Điện thoại:.....
- Giấy phép hành nghề số (nếu có): cấp ngày

5. Dự kiến thời gian hoàn thành công trình:..... tháng.

6. Cam kết: Tôi xin cam đoan làm theo đúng giấy phép được cấp, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm và bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Gửi kèm theo Đơn này các tài liệu:

- 1 -
- 2 -

....., ngày tháng... năm

Người làm đơn
Ký, ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC SỐ 3

(Ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN KÊ KHAI KINH NGHIỆM CỦA TỔ CHỨC, CÁ NHÂN THIẾT KẾ

1. Tổ chức thiết kế:
- 1.1. Tên:
- 1.2. Địa chỉ:
- 1.3. Số điện thoại:
- 1.4. Nội dung đăng ký kinh doanh:
2. Kinh nghiệm thiết kế:
- 2.1. Kê khai ít nhất 03 công trình đã thiết kế tương tự như công trình đề nghị cấp phép:
 - a)
 - b).....
- 2.2. Tổ chức trực tiếp thiết kế:
 - a) Số lượng:Trong đó:
 - Kiến trúc sư:
 - Kỹ sư các loại:.....
 - b) Chủ nhiệm thiết kế:
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):.....
 - c) Chủ trì thiết kế các bộ môn (kê khai đối với tất cả các bộ môn):
 - Họ và tên:
 - Số chứng chỉ (kèm photocopy chứng chỉ):
 - Công trình đã chủ nhiệm, chủ trì (tên công trình, quy mô, chủ đầu tư, địa chỉ):

....., ngày tháng năm ...
Đại diện tổ chức, cá nhân thiết kế
(Ký ghi rõ họ tên)

PHỤ LỤC SỐ 5 (mẫu số 5)

(Ban hành kèm theo Quyết định số 106/2016/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2016 của UBND tỉnh An Giang)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BẢN CAM KẾT BẢO ĐẢM AN TOÀN CHO CÔNG TRÌNH (NHÀ Ở RIÊNG LẺ) VÀ CÔNG TRÌNH LÂN CẬN, LIỀN KÈ

Kính gửi:

Tên chủ đầu tư (tên chủ hộ):

Người đại diện: Chức vụ (nếu có):

Địa chỉ liên hệ: Số nhà: Đường.....
Phường/xã.....huyện/thành phố/thị xã.....tỉnh.....

Số điện thoại:

Hiện tại tôi (tên chủ đầu tư).....đang xin phép xây dựng công trình.....tại thửa đất số: tờ bản đồ số: Diện tích m², xã/phường.....huyện/thành phố/thị xã.....tỉnh.....

Nay tôi (tên chủ đầu tư).....xin cam kết:

1. Thực hiện đúng theo nội dung giấy phép xây dựng, hồ sơ được duyệt và các quy định pháp luật về xây dựng.
2. Có biện pháp che chắn, chống đỡ trong khi thi công đảm bảo các điều kiện an toàn lao động và công tác vệ sinh môi trường cho các hộ xung quanh.
3. Hoàn toàn chịu trách nhiệm về sự ổn định, an toàn công trình được phép xây dựng trong quá trình thi công.
4. Trong quá trình thi công xây dựng, nếu công trình liền kề, lân cận có dấu hiệu bị lún, nứt, thấm, dột hoặc có nguy cơ sập đổ do ảnh hưởng của việc xây dựng công trình (nhà ở riêng lẻ) gây ra, chủ đầu tư phải phối hợp với chủ sở hữu hoặc người quản lý, sử dụng công trình liền kề, lân cận để kiểm tra, xác định nguyên nhân và thống nhất biện pháp khắc phục. Trường hợp các bên không thống nhất thì tranh chấp phát sinh được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Quá trình thi công nếu có điều gì không đúng với nội dung cam kết trên, tôi (tên chủ đầu tư).....xin chịu hoàn toàn trách nhiệm theo quy định của pháp luật./.

.....,ngày.....tháng.....năm.....

CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký tên, đóng dấu)

7. Quy trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước).

SỞ XÂY DỰNG TỈNH AN GIANG	QUY TRÌNH Quy trình thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước).	Mã hiệu:	B-BXD-212953-TT; B-BXD-050226/TT; B-BXD-050238/TT;
		Ngày BH	27/12/2017

MỤC LỤC

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

1.MỤC ĐÍCH

2.PHẠM VI

3.TÀI LIỆU VIỆN DẪN

4.ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT

5.NỘI DUNG QUY TRÌNH

6.BIỂU MẪU

7.HỒ SƠ CẦN LƯU

Trách nhiệm	Soạn thảo	Xem xét	Phê duyệt
Họ tên			
Chữ ký			
Chức vụ			

SỬA ĐỔI TÀI LIỆU

Yêu cầu sửa đổi/ bổ sung	Trang / Phần liên quan việc sửa đổi	Mô tả nội dung sửa đổi	Lần ban hành / Lần sửa đổi	Ngày ban hành
.....				

1. MỤC ĐÍCH

Quy định cách thức, trình tự và hướng dẫn, tiêu chuẩn, quy trình, điều kiện cho tổ chức thực hiện thủ tục thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật/Báo cáo kinh tế - kỹ thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh (trường hợp thiết kế 1 bước).

2. PHẠM VI

Quy trình này áp dụng cho lĩnh vực Xây dựng; Phòng Kinh tế hạ tầng của huyện và tổ chức thực hiện.

3. TÀI LIỆU VIỆN DẪN

Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

Các văn bản pháp quy liên quan đề cập tại mục 5.1

4. ĐỊNH NGHĨA/ VIẾT TẮT

- HTQLCL: Hệ thống quản lý chất lượng
- BPTN&TKQ: Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.

5. NỘI DUNG QUY TRÌNH

5.1	<p>Cơ sở pháp lý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật Xây dựng năm 2014. - Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - <i>Nghị định số</i> Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng. - Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; - Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng.
------------	--

	<p>- Thông tư số 07/2019/TT-BXD ngày 07/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung, thay thế một số điều tại Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/03/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng.</p> <p>- Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng về việc quy định chi tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình.</p> <p>- Quyết định số 79/QĐ-BXD ngày 15/02/2017 của Bộ Xây dựng về việc công bố định mức chi phí quản lý dự án và tư vấn đầu tư xây dựng.</p> <p>- Quyết định số 1290/QĐ-BXD ngày 27/12/2017 của Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung hoặc bãi bỏ trong lĩnh vực nhà ở, vật liệu xây dựng, hoạt động xây dựng, kiến trúc quy hoạch, hạ tầng kỹ thuật thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</p>		
5.2	Điều kiện thực hiện Thủ tục hành chính		
	Nêu các điều kiện để thực hiện thủ tục hành chính (nếu có).		
5.3	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	5.3.1. Tờ trình thẩm định theo quy định tại Mẫu số 04 Phụ lục II của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP.	X	
	5.3.2. Nhiệm vụ thiết kế đã được phê duyệt.	X	
	5.3.3. Thuyết minh Báo cáo kinh tế kỹ thuật.	X	
	5.3.4. Báo cáo kết quả thẩm tra (nếu có).	X	
	5.3.5. Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công).	X	
	5.3.6. Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có).		X
	5.3.7. Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư.	X	
	5.3.8. Các văn bản khác có liên quan.		X

	5.3.9. Hồ sơ khảo sát xây dựng	X		
	5.3.10. Hồ sơ thiết kế thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ	X		
	5.3.11. Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách.	X		
	5.3.12. Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình.		X	
	5.3.13. Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có).		X	
	5.3.14. Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế (bản sao có chứng thực).		X	
	5.3.15. Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có).		X	
5.4	Số lượng hồ sơ: 08 bộ; trong đó có 01 bộ gốc.			
5.5	Thời gian xử lý: Không quá 20 ngày (160 giờ) kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			
5.6	Nơi tiếp nhận và trả kết quả : Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện.			
5.7	Lệ phí: Thu lệ phí theo hướng dẫn tại Thông tư số 209/2016/TT-BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính.			
5.8	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả

Bước 1	<ul style="list-style-type: none"> - Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại bộ phận một cửa của huyện. - Chuyển hồ sơ về Phòng chuyên môn. 	Chuyên viên tại bộ phận một cửa của huyện	04 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Viết phiếu biên nhận và hẹn trả kết quả. - Chuyển hồ sơ.
Bước 2	Duyệt hồ sơ, chuyển cho CV xử lý	Lãnh đạo phòng chuyên môn	08 giờ
	<ul style="list-style-type: none"> - Xử lý, thẩm định hồ sơ. - Xác minh (nếu có). - Niêm yết, công khai (nếu có). - Lấy ý kiến các cơ quan, đơn vị (nếu có). - Trình lãnh đạo phê duyệt. 	Chuyên viên phòng chuyên môn	52 giờ
Bước 3	Lấy ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan	Sở, ban, ngành tỉnh	80 giờ
Bước 4	Lãnh đạo phòng xem xét hồ sơ trước khi chuyển lãnh đạo huyện phê duyệt.	Chủ tịch (hoặc Phó chủ tịch phụ trách)	08 giờ
Bước 5	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng - Chuyển kết quả cho TTPV HHC 	Văn thư Văn phòng huyện	04 giờ
Bước 6	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	Chuyên viên tại TTPV HHC	04 giờ

6. BIỂU MẪU

TT	Mã hiệu	Tên biểu mẫu
1	Mẫu số 04	Tờ trình thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ - thuật/Báo cáo kinh tế kỹ - thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế - Kỹ thuật quy định tại mẫu số 04 Phụ lục

		II ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP.
2	Mẫu số 05	Văn bản thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế kỹ - thuật/Báo cáo kinh tế kỹ - thuật điều chỉnh; thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng/thiết kế bản vẽ thi công, dự toán xây dựng điều chỉnh của Báo cáo kinh tế - Kỹ thuật quy định tại mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 59/2015/NĐ-CP.
3	Mẫu số 03	Mẫu Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng của Báo cáo kinh tế kỹ - thuật/Báo cáo kinh tế kỹ - thuật điều chỉnh quy định tại mẫu số 03 phụ lục I của Thông tư số 18/TT-BXD ngày 30/06/2016.

7. HỒ SƠ LƯU

Hồ sơ lưu bao gồm các tài liệu sau:

TT	Tài liệu trong hồ sơ
1	Văn bản thẩm định của Phòng Kinh tế hạ tầng huyện.
2	Thành phần hồ sơ theo mục 5.3.

Hồ sơ được lưu tại phòng 12 tháng, thời gian lưu 20 năm. Sau đó, chuyển hồ sơ cho phòng Hành chính tổng hợp lưu trữ theo quy định hiện hành.

Mẫu số 04

(Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ)

TÊN TỔ CHỨC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.....tháng.....năm

TỜ TRÌNH

Thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

Kính gửi: Sở Xây dựng An Giang

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Các căn cứ pháp lý khác có liên quan.

(Tên chủ đầu tư) trình Sở Xây dựng thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình

I. THÔNG TIN CHUNG CÔNG TRÌNH

1. Tên công trình:
2. Loại, cấp, quy mô công trình:
3. Tên chủ đầu tư và các thông tin để liên lạc (điện thoại, địa chỉ, ...):
4. Địa điểm xây dựng:
5. Giá trị dự toán xây dựng công trình: triệu đồng. Trong đó:

VD:

ĐVT: triệu đồng

STT	Khoản mục chi phí	Thành tiền
1	Chi phí bồi thường - GPMB	
2	Chi phí xây dựng	
3	Chi phí thiết bị	

4	Chi phí quản lý dự án	
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	
6	Chi phí khác	
7	Chi phí dự phòng	
8	

6. Nguồn vốn đầu tư: *(nêu giá trị của các loại nguồn vốn được sử dụng)*

7. Nhà thầu lập thiết kế và dự toán xây dựng: *(phải có chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng)*

8. Thời gian thực hiện:

9. Tiêu chuẩn, quy chuẩn áp dụng: *(chỉ nêu tiêu chuẩn, quy chuẩn chính áp dụng trong thiết kế công trình)*

10. Các thông tin khác có liên quan:

II. DANH MỤC HỒ SƠ GỬI KÈM BAO GỒM

1. Văn bản pháp lý:

- Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình (đối với dự án sử dụng vốn đầu tư công);

- Văn bản phê duyệt danh mục tiêu chuẩn nước ngoài (nếu có);

- Văn bản thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy, báo cáo đánh giá tác động môi trường của cơ quan có thẩm quyền (nếu có);

- Báo cáo tổng hợp của chủ đầu tư.

- Và các văn bản khác có liên quan.

2. Tài liệu khảo sát xây dựng, thiết kế, dự toán:

- Hồ sơ khảo sát xây dựng;

- Hồ sơ thiết kế thiết kế bản vẽ thi công bao gồm thuyết minh và bản vẽ;

- Dự toán xây dựng công trình đối với công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước.

3. Hồ sơ năng lực của các nhà thầu:

- Thông tin năng lực của nhà thầu khảo sát, nhà thầu thiết kế xây dựng công trình;

- Giấy phép nhà thầu nước ngoài (nếu có);

- Chứng chỉ hành nghề của các chức danh chủ nhiệm khảo sát, chủ nhiệm đồ án thiết kế, chủ trì thiết kế của nhà thầu thiết kế (bản sao có chứng thực);

(Tên tổ chức) trình (Cơ quan thẩm định) thẩm định thiết kế và dự toán xây dựng công trình.... với các nội dung nêu trên./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

(Ký tên, đóng dấu)

Tên người đại diện

Mẫu số 05

(Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ)

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày tháng năm

V/v thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng

Kính gửi:

(Cơ quan thẩm định) đã nhận Tờ trình số ngày của đề nghị thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng.

Căn cứ hồ sơ trình thẩm định gửi kèm tờ trình thẩm định;

Căn cứ Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình số ngày ... của

Căn cứ Kết quả thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng (nếu có) của tổ chức tư vấn, cá nhân được (cơ quan thẩm định) giao (nếu có);

Các căn cứ khác có liên quan

Sau khi xem xét, (cơ quan thẩm định) thông báo kết quả thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

- Tên công trình Loại, cấp công trình

- Chủ đầu tư:

- Giá trị dự toán xây dựng công trình:

- Nguồn vốn:

- Địa điểm xây dựng:

- Nhà thầu thiết kế xây dựng công trình, lập dự toán xây dựng

- Nhà thầu khảo sát xây dựng

II. NỘI DUNG HỒ SƠ TRÌNH THẨM ĐỊNH

1. Danh mục hồ sơ trình thẩm định.

2. Các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng.
3. Giải pháp thiết kế chủ yếu về: Kiến trúc, nền, móng, kết cấu, hệ thống kỹ thuật công trình, phòng chống cháy, nổ và các nội dung khác (nếu có).
4. Phương pháp lập dự toán được lựa chọn và các cơ sở để xác định các khoản mục chi phí trong dự toán xây dựng trình thẩm định (nếu có).

III. KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO KINH TẾ - KỸ THUẬT ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

1. Sự phù hợp với quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng công trình.
2. Điều kiện năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện khảo sát, thiết kế; lập dự toán xây dựng (nếu có). Năng lực cá nhân thực hiện thẩm tra thiết kế và thẩm tra dự toán xây dựng (nếu có).
3. Sự hợp lý của các giải pháp thiết kế xây dựng công trình.
4. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật, quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình.
5. Sự phù hợp của các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và đảm bảo an toàn của công trình lân cận.
6. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ (nếu có).
7. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ.
8. Yêu cầu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện thiết kế (nếu có)

(Đối với dự án sử dụng vốn khác ngoài các nội dung thẩm định nêu trên thì còn phải thẩm định thêm các nội dung được quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 4 Điều 57 Luật Xây dựng năm 2014)

Kết quả thẩm định dự toán (nếu có yêu cầu)

9. Sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế.
10. Tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng định mức, đơn giá xây dựng công trình.
11. Giá trị dự toán xây dựng: (giá trị dự toán ghi bằng chữ), trong đó:
 - Chi phí xây dựng:
 - Chi phí thiết bị (nếu có):
 - Chi phí quản lý dự án:
 - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:
 - Chi phí khác:
 - Chi phí dự phòng:
12. Nội dung khác (nếu có)

IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

- Đủ điều kiện hay chưa đủ điều kiện để trình phê duyệt.
- Yêu cầu, kiến nghị đối với chủ đầu tư (nếu có)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

CƠ QUAN THẨM ĐỊNH
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Mẫu số 03

Báo cáo kết quả thẩm tra thiết kế và dự toán xây dựng công trình

(Ban hành kèm theo Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ Xây dựng)

ĐƠN VỊ THẨM TRA

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày ... tháng ... năm.....

V/v báo cáo kết quả thẩm tra thiết
kế, dự toán xây dựng công trình

**KẾT QUẢ THẨM TRA
THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH**

Công trình:

Kính gửi: (Tên chủ đầu tư)

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư;

Căn cứ Thông tư số 18/2016/TT-BXD ngày 30/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định chi Tiết và hướng dẫn một số nội dung về thẩm định, phê duyệt dự án và thiết kế, dự toán xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định, Thông tư khác có liên quan;

Căn cứ Văn bản số... ngày... của (Đơn vị đề nghị thẩm tra) ...về việc ...;

Các căn cứ khác có liên quan.

Thực hiện theo Hợp đồng tư vấn thẩm tra (số hiệu hợp đồng) giữa (Tên chủ đầu tư) và (Tên đơn vị thẩm tra) về việc thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình (Tên công trình). Sau khi xem xét, (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CÔNG TRÌNH

- Tên công trình: ... Loại, cấp công trình: ...
- Thuộc dự án đầu tư: ...
- Chủ đầu tư: ...
- Giá trị dự toán xây dựng công trình: ...
- Nguồn vốn:...
- Địa Điểm xây dựng:...
- Đơn vị khảo sát xây dựng: ...
- Đơn vị thiết kế, lập dự toán xây dựng: ...

II. DANH MỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

1. Văn bản pháp lý:
(Liệt kê các văn bản pháp lý của dự án)
2. Danh Mục hồ sơ đề nghị thẩm tra:
3. Các tài liệu sử dụng trong thẩm tra (nếu có)

III. NỘI DUNG CHỦ YẾU THIẾT KẾ, DỰ TOÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH

1. Quy chuẩn, tiêu chuẩn chủ yếu áp dụng.
2. Giải pháp thiết kế chủ yếu của công trình.
(Mô tả giải pháp thiết kế chủ yếu của các hạng Mục công trình)
3. Cơ sở xác định dự toán xây dựng công trình

IV. NHẬN XÉT VỀ CHẤT LƯỢNG HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ THẨM TRA

(Nhận xét và có đánh giá chi Tiết những nội dung dưới đây theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư)

Sau khi nhận được hồ sơ của (Tên chủ đầu tư), qua xem xét (Tên đơn vị thẩm tra) báo cáo về chất lượng hồ sơ đề nghị thẩm tra như sau:

1. Quy cách và danh Mục hồ sơ thực hiện thẩm tra (nhận xét về quy cách, tính hợp lệ của hồ sơ theo quy định).
2. Nhận xét, đánh giá về các nội dung thiết kế xây dựng theo quy định tại Điều 80 Luật Xây dựng 2014.
3. Nhận xét, đánh giá về dự toán xây dựng, cụ thể:
 - a) Phương pháp lập dự toán được lựa chọn so với quy định hiện hành;
 - b) Các cơ sở để xác định các Khoản Mục chi phí;
 - c) Về đơn giá áp dụng cho công trình;
 - d) Chi phí xây dựng hợp lý (Giải pháp thiết kế và sử dụng vật liệu, trang thiết bị phù hợp với công năng sử dụng của công trình bảo đảm Tiết kiệm chi phí đầu tư xây dựng công trình).
4. Kết luận của đơn vị thẩm tra về việc đủ Điều kiện hay chưa đủ Điều kiện để thực hiện thẩm tra.

V. KẾT QUẢ THẨM TRA THIẾT KẾ

(Một số hoặc toàn bộ nội dung dưới đây tùy theo yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và cơ quan chuyên môn về xây dựng)

1. Sự phù hợp của thiết kế xây dựng bước sau so với thiết kế xây dựng bước trước:

- a) Thiết kế kỹ thuật (thiết kế bản vẽ thi công) so với thiết kế cơ sở;
- b) Thiết kế bản vẽ thi công so với nhiệm vụ thiết kế trong trường hợp thiết kế một bước.

2. Sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật; quy định của pháp luật về sử dụng vật liệu xây dựng cho công trình:

- Về sự tuân thủ các tiêu chuẩn áp dụng, quy chuẩn kỹ thuật:
- Về sử dụng vật liệu cho công trình theo quy định của pháp luật:

3. Đánh giá sự phù hợp các giải pháp thiết kế công trình với công năng sử dụng của công trình, mức độ an toàn công trình và bảo đảm an toàn của công trình lân cận:

- Đánh giá sự phù hợp của từng giải pháp thiết kế với công năng sử dụng công trình.
- Đánh giá, kết luận khả năng chịu lực của kết cấu công trình, giải pháp thiết kế đảm bảo an toàn cho công trình lân cận.

5. Sự hợp lý của việc lựa chọn dây chuyền và thiết bị công nghệ đối với thiết kế công trình có yêu cầu về công nghệ (nếu có).

6. Sự tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường, phòng, chống cháy, nổ.

7. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VI. KẾT QUẢ THẨM TRA DỰ TOÁN

1. Nguyên tắc thẩm tra:

- a) Về sự phù hợp giữa khối lượng chủ yếu của dự toán với khối lượng thiết kế;
- b) Về tính đúng đắn, hợp lý của việc áp dụng, vận dụng đơn giá xây dựng công trình, định mức chi phí tỷ lệ, dự toán chi phí tư vấn và dự toán các Khoản Mục chi phí khác trong dự toán công trình;
- c) Về giá trị dự toán công trình.

2. Giá trị dự toán xây dựng sau thẩm tra

Dựa vào các căn cứ và nguyên tắc nêu trên thì giá trị dự toán sau thẩm tra như sau:

STT	Nội dung chi phí	Giá trị đề nghị thẩm tra	Giá trị sau thẩm tra	Tăng, giảm (+;-)
1	Chi phí xây dựng			
2	Chi phí thiết bị (nếu có)			
3	Chi phí quản lý dự án			
4	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng			
5	Chi phí khác			

6	Chi phí dự phòng			
	Tổng cộng			

(có phụ lục chi Tiết kèm theo)

Nguyên nhân tăng, giảm: (nêu rõ lý do tăng, giảm).

3. Yêu cầu hoàn thiện hồ sơ (nếu có).

VII. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Hồ sơ thiết kế kỹ thuật/thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng đủ Điều kiện để triển khai các bước tiếp theo.

Một số kiến nghị khác (nếu có).

CHỦ NHIỆM, CHỦ TRÌ THẨM TRA CỦA TỪNG BỘ MÔN

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

-

- (Ký, ghi rõ họ tên, chứng chỉ hành nghề số....)

(Kết quả thẩm tra được bổ sung thêm một số nội dung khác nhằm đáp ứng yêu cầu thẩm tra của chủ đầu tư và nhà thầu tư vấn thẩm tra)

ĐƠN VỊ THẨM TRA

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;

- Lưu.